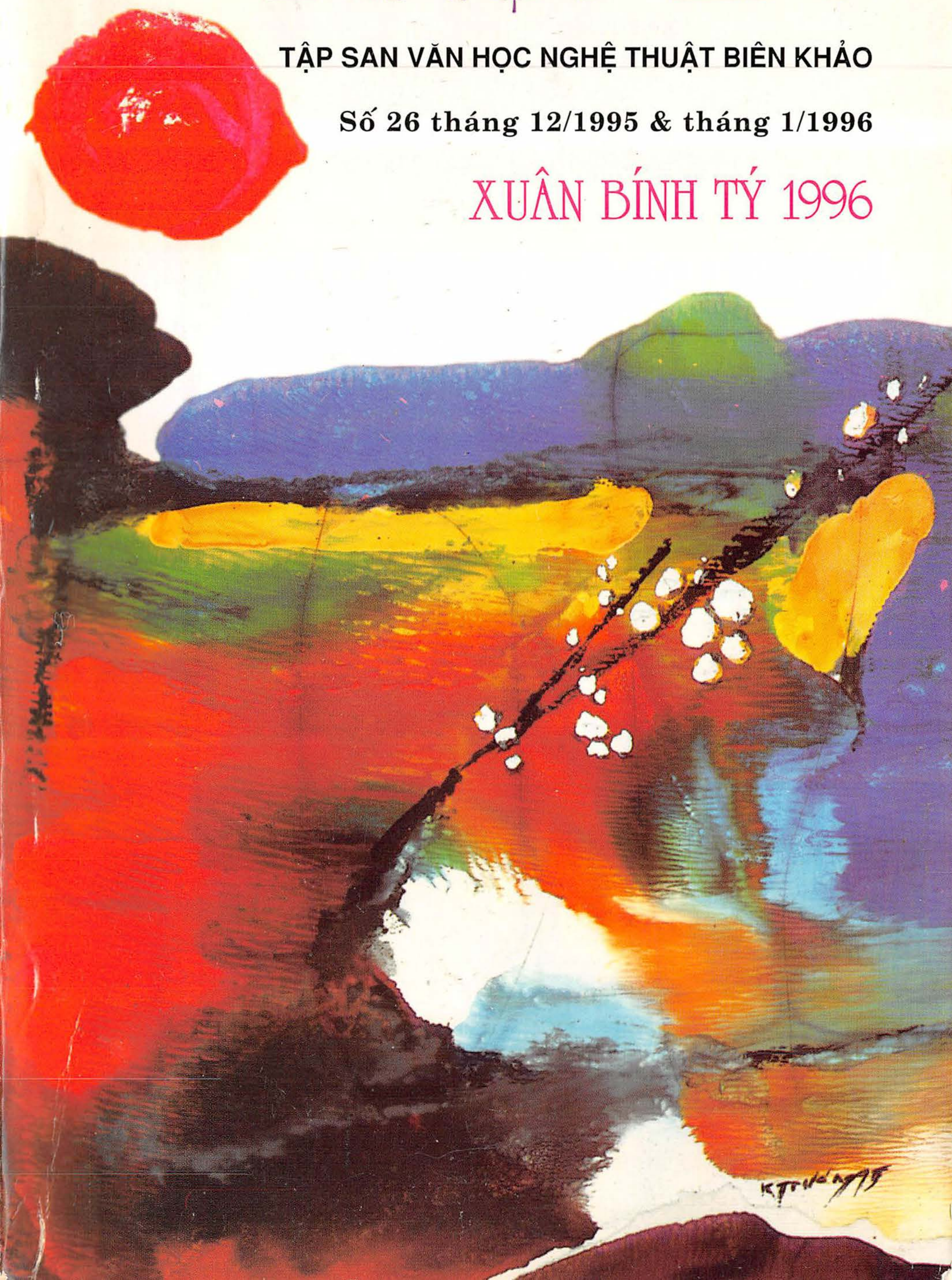
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 26 tháng 12/1995 & tháng 1/1996

XUÂN BÍNH TÝ 1996



HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

Tel: (714)-775-7242

Phát hành hai tháng một kỳ • số 26 tháng 12/95 & 1/96

Đại diện Florida

Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419

Đại diện tại San Jose

Trần Thị Hồng Vân / Tel: (408)223-8490

Đại diện tại Âu Châu

Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, Paris, France / Tel: 45.83.19.12

Đại diện tại Na Uy

Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway

Đại diện tại Canada

Trần Sa / Tel: (416)762-4659 và (416)652-1384 • Hồ Đình Nghiêm / Tél: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh. / Tél: (604)873-1697

Đại diện tại Australia

Thường Quán / 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149 / Tél: 61.[illegible]8071-797

Đại diện tại Đông Âu

Trần Ngọc Tuấn

Sokolovska 33/240 - 18600, Praha 8 - Czech Repunlic / Fax (422)235 [illegible] 83

•

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



Rước Dâu (Mộc bản dân gian Việt Nam)

Xuân Bính Tý

Số 26 tháng 12, 1995 và tháng 1, 1996



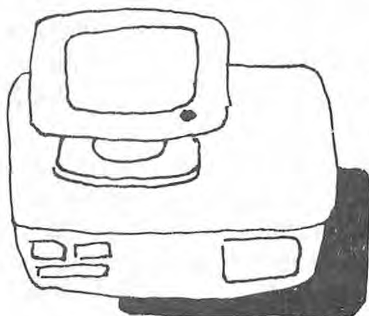
MỤC LỤC

Lời tòa soạn 3 / **Thụy Khuê:** Thơ hiện đại... 5 ? **Bùi Vĩnh Phúc:** Tro, lửa, và nỗi hoài nhớ... 13 / **Huỳnh Sanh Thông:** Thực hay mộng?... 22 / **Nguyễn Huy Thiệp:** Mưa Nhã Nam *(tr. ngắn)* 31 / **Du Tử Lê:** Khỏa thân, mềm... *(thơ)* 40 / **Trần Doãn Nho:** Một người lạ *(tr. ngắn)* 42 / **Đặng Hiền:** Dòng sông mây *(thơ)* 46 / **Tô Thùy Yên:** Giấc hoàng môn *(thơ)* 47 / **Võ Thị Xuân Hà:** Đàn sẻ ri *(tr. ngắn)* 50 / **Hoàng Phủ Cương:** Mưa *(thơ)* 58 / **Phố Thị Ngọc Ni:** Nguyệt phai *(thơ)* 59 / **Luân Hoán:** Thơ làm lúc buồn ngủ *(thơ)* 60 / **Sundra Cisneros (T. Linh** chuyển ngữ): Đêm Thánh *(tr. ngắn)* 61 / **Thận Nhiên:** Ngỏ cuối... *(thơ)* 67 / **Huỳnh Liễu Ngạn:** Huế, ngày nào *(thơ)* 68 / **Nguyễn Quang Tấn:** Dạo khúc tám *(thơ)* 69 / **Nguyễn Quang Lập:** Đợi đến mùa hoa phượng *(tr. ngắn)* 70 / **Nguyên Lương:** Bên bờ sông... *(thơ)* 76 / **Thi Êm:** Thơ ngày xưa *(tr. ngắn)* 80 / **Phan Nhiên Hạo:** Rạng đông của đêm *(thơ)* 104 / **Dương Lý:** Vô đề... *(thơ)* 105 / **Trang Châu:** Của mưa gửi nắng *(thơ)* 106 / **Trần Vũ:** Ngọn núi khuất hình (tr. ngắn) 108 / **Trần Sa:** Tôi già bằng vũ trụ *(thơ)* 115 / **Đỗ Quang Nghĩa:** Xin bố tha lỗi... *(thơ)* 116 / **Trần Hoài Thư:** Ngày thanh niên *(tr. ngắn)* 118 / **Đỗ Quyên:** Những nơi, những người... *(thơ)* 124 / **Võ Đình:** Bức tranh không bao giờ vẽ rồi *(hội họa)* 127 / **Hoàng Ngọc Biên:** Marc Chagall *(hội họa)* 133 / **Lê Thị Thấm Vân:** Việt Nam, ngày tôi về *(thơ)* 138 / **Wayne Karlin:** "Phía Bên Kia Thiên Đường" *(đọc sách)* 140 / **Trần Mạnh Hảo / Xuân Vũ (Nguyễn Kim Anh):** Chung quanh "Bóng Chữ" *(đọc sách)* 145 / **Trần Ngọc Tuấn:** Mãi một mùa đông *(thơ)* 167 / **Hoàng Lộc:** Mùa Xuân... *(thơ)* 168 / **Đặng Tiến:** Xích Lô... *(điểm phim)* 169 / **Ngô Tịnh Yên:** Phút nhận ra mình *(thơ)* 172 / **Lâm Chương:** Em xuân *(thơ)* 173 / **Nguyễn Mạnh Trinh:** Nói chuyện với Khánh Trường *(phỏng vấn)* 174 / **Phan Tấn Hải / Phạm Việt Cường:** Sinh hoạt văn học nghệ thuật 199 / **Kim Thi:** Ngày... Tháng... 214 / **Nguyễn Thị Giáng Châu:** Giới thiệu sách mới 230 / Với văn hữu và bạn đọc 239.





thư tòa soạn



Năm thứ năm sinh nhật *Hợp Lưu.* Cũng có nghĩa lần thứ năm chúng tôi nhắc đến chữ "Xuân", cho các số báo phát hành vào thời điểm này, của chu kỳ mười hai tháng.

Đã trở thành sáo ngữ những câu văn đại loại: mùa Xuân, mùa của đất trời chuyển đổi, của cỏ cây bừng thức, của chồi non bung nở, và của rũ bỏ những cái cũ, đã cằn cỗi, để đón nhận những mầm xanh mới, đang tinh khôi...

Tuy nhiên, làmcách nào tránh né nhóm chữ quá đỗi quen thuộc kia, khi mà sự thay đổi ấy, của thiên nhiên trong vận hành vũ trụ, của con người trong nếp nghĩ, đã trở thành định luật, quán tính? Nhất là đối với các dân tộc phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng, vốn vẫn quan niệm sự tương quan giữa tạo vật và nhân giới là một tương quan bất khả cách ly.

Vậy, trong tinh thần "trẻ hóa" này, *Hợp Lưu* gửi đến các văn hữu, độc giả một lời chúc đẹp, cho mọi vấn đề, sẽ đến, trong năm mới.

*

Năm năm hiện diện của *Hợp Lưu,* nhiều biến cố đã xảy ra trên diễn đàn văn học trong cũng như ngoài. Từ câu hỏi nhuốm màu trịch thượng của cả hai bên: đâu là tà ngụy, đâu là chính thống, xứng đáng đại biểu cho dòng văn học mang tên Việt Nam. Đến những bước đầu thận trọng tìm tới nhau, qua *Hợp Lưu*, qua nhiều tác phẩm của các nhà văn hiện sống trong nước được in ở hải ngoại, hoặc ngược lại. Và mới đây nhất, qua tuyển tập *"The Other Side of Heaven"* qui tụ những cây viết tiêu biểu trong lẫn ngoài nước, kết hợp với một số nhà văn Hoa Kỳ. Hẳn quí văn hữu, độc giả cũng đồng ý rằng hướng đi *Hợp Lưu* vạch ra từ số đầu, và tiếp tục duy trì, triển khai đến hôm nay, chắc chắn là một hướng đi đúng: mọi dòng chảy, cuối cùng đều phải đồng qui vào lưu đạo lớn, nếu muốn hòa nhập cùng cái mênh mông của biển cả. Văn học Việt Nam chỉ có thể lớn mạnh, bề thế và được thế giới trân trọng khi nào tự

thân là một tổng thể hợp nhất.

Dĩ nhiên tiến trình hợp lưu này không phải sẽ xảy ra một sớm một chiều. Với tuổi thọ của con người, năm năm, mười năm, là khoảng thời gian đáng kể, nhưng nếu đặt chuỗi sống ấy vào dòng chảy của lịch sử, thật ngắn ngủi biết bao! Hãy nhìn lại cuộc nội chiến vừa qua. Chập chùng biến cố, tràn ắp tang thương, ngập ngụa máu, nước mắt trải dài trên dưới một phần ba thế kỷ. Thế nhưng so với một nghìn năm Bắc thuộc, rồi một trăm năm Pháp thuộc, lại thấy bi kịch 30 năm ấy chỉ thoáng chốc. Vậy thì hai mươi năm chia cắt, hằn thù giữa trong và ngoài, có lẽ chưa đủ dài, ít nhất, với một hai thế hệ từng trực tiếp tham dự cuộc nội chiến vừa qua. Cũng có nghĩa, mục đích *Hợp Lưu* muốn đạt đến vẫn còn xa. Ý thức được điều đó, không phải để nãn chí rồi bỏ cuộc, mà để định rõ hơn hướng đi, chỉnh đốn lại hành trang, và kiên nhẫn, dẻo dai hơn trong từng bước chân.

Trên tinh thần ấy, *Hợp Lưu* muốn trình bày một điều lẽ ra đã phải trình bày từ lâu: Như văn hữu và độc giả đã biết, trong năm vừa qua, do nhiều nguyên nhân, *Hợp Lưu* phải chịu đựng một thua thiệt lớn, về vật chất, do giá giấy tăng 300%, bưu phí tăng gần 30%, kéo theo những phí khoản liên hệ khác, cũng tăng theo tốc độ gia tốc. Với giá bán hiện nay, mỗi số, tiền thu về chỉ đủ chi phí cho 2/3 phí khoản phải chi. Do đó, rất mong độc giả tiếp tay với *Hợp Lưu*, bằng cách, bước qua năm mới, vui lòng bỏ thêm một đồng nữa, cho mỗi số báo. Nghĩa là giá bán sẽ là 8 đồng, thay vì 7 đồng như trước.

Ưu tiên, đối với các độc giả mua dài hạn (kể cả tái hạn), chúng tôi vẫn duy trì giá biểu cũ thêm một năm nữa, đến số Xuân năm 1997. Sau đó, sẽ có giá biểu mới. Vậy, những độc giả nào từ trước đến nay thường mua báo tại các nhà sách, nếu chuyển qua mua dài hạn, sẽ được hưởng giá biểu cũ.

Chúng tôi vẫn tin: đã mua, đọc, cộng tác với *Hợp Lưu*, cũng có nghĩa đã là anh chị em một nhà. Bởi khi quí vị đến với *Hợp Lưu*, không những chỉ đến với văn chương Việt Nam, mà còn đến với những người cùng có chung với mình một hướng nhìn, cùng chia xẻ với mình một ước mơ, cùng hoài mong với mình một mục đích. Do đó, nếu có cùng chia nhau duy trì tiếng nói chung ấy, cũng là chuyện đương nhiên.

Cuối cùng, mời độc giả, văn hữu đi vào nội dung *Hợp Lưu* Xuân Bính Tý, gồm rất nhiều sáng tác ưng ý của các tác giả trong, ngoài.

HỢP LƯU

CÁO LỖI

Vì số trang có hạn, *Hợp Lưu* không thể giải quyết hết lượng bài văn hữu, độc giả gửi cho số Xuân. Chúng tôi buộc phải chuyển vào số Tân Niên. Rất mong được cảm thông

HỢP LƯU



THỤY KHUÊ

thơ hiện đại

(Tiếp theo kỳ trước)



KHUYNH HƯỚNG MỞ ĐẦU NGUYỄN XUÂN SANH NGUYỄN ĐÌNH THI

Thoạt trông thì những bài thơ: Tống biệt (1917), Cảm thu, Tiễn thu (1920) của Tản Đà có vẻ là những bài thơ "tự do" đầu tiên của thế kỷ này. Nhưng thực ra, Tống biệt là một *từ khúc* theo điệu Hoa phong lạc rút từ vở chèo Thiên Thai của Tản Đà, nhịp điệu hao hao giống thơ tự do, nhưng niêm luật rất chặt chẽ.

Lá đào rơi rắc lối thiên thai
Suối tiễn oanh đưa những ngậm ngùi
Nửa năm tiên cảnh
Một phút trần ai
Ước cũ duyên thừa có thế thôi.
Đá mòn, rêu nhạt
Nước chẩy, huê trôi
Cái hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ đây xa cách mãi
Cửa động,
Đầu non
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi.

Phan Khôi, nhà nho đầu tiên muốn đổi mới thi ca. Năm 1928, trên Đông

Pháp Thời Báo, Phan Khôi trách thể thơ thất ngôn *bó buộc quá mà mất cả sanh thú*. Ông kết án thơ cũ là *"thơ cốt chơn. Thơ cũ bị câu thúc quá nên mất chơn"*. Ông trình bầy một lối thơ *"đem ý thật có trong tâm khảm mình tả ra bằng những câu có vần mà không bó buộc bởi niêm luật gì hết và tạm mệnh danh là thơ mới"*.(1)

Vai trò khai phá thơ mới của Phan Khôi được Vũ Ngọc Phan ghi lại trong Nhà Văn Hiện Đại:

" [....] Còn về thơ mới lại chính ông là người khởi xướng trước nhất.

Bài thơ mới Tình già của ông đăng đầu tiên trong Phụ Nữ Tân Văn (số 122, ra ngày 10 Mars 1932), báo Phong Hóa số tết năm Quý Dậu (24 janvier 1933) có trích đăng bài ấy như sau này:

Tình gia

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh
kề nhau than
thở:
- "Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
mà lấy nhau hẳn là không đặng
"Để đến nỗi tình trước phụ sau,
chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau!"
- "Hay! Nói mới bạc bẽo làm sao chớ!
Buông nhau làm sao cho nỡ?
...

Bài này sở dĩ được truyền tụng trong đám thanh niên trí thức mà gây nên phong trào thơ mới là vì ý, không phải vì âm điệu. Người ta thấy một khi thơ thoát được những luật bó buộc và cân đối thì có thể diễn được nhiều ý hơn. Điều đặc biệt trong bài thơ trên này là tính tình ăn theo với màu sắc rồi tính tình và màu sắc đều chung đúc cả trong một cảnh thiết tha và ảm đạm."

(Nhà Văn Hiện Đại, quyển II, trang 269-270)

Ngoài ra, trong năm 1928, còn có tập thơ buông cuả Lê Khánh Đồng và Nguyễn Văn Vĩnh khi dịch thơ ngụ ngôn của La Fontaine, đã dùng những câu thơ không niêm luật, không hạn chữ:

Con ve sầu kêu ve ve

Suốt mùa hè
Đến kỳ gió bấc thổi,
Ngồn cơn thật bối rối (...)

(1) Hoài Thanh, Hoài Chân, trong Thi Nhân Việt Nam trích trong Chương Dân Thi Thoại của Phan Khôi in năm 1936 tại Huế.

Tóm lại, Tống biệt của Tản Đà thuộc thể từ, cổ điển. Tình già của Phan Khôi đã phá luật nhưng vẫn còn gần văn biền ngẫu. Thơ Nguyễn Văn Vĩnh tuy câu chữ dài ngắn khác nhau nhưng vẫn liên kết chặt chẽ với vần. Mặc nhiên Phan Khôi và Nguyễn Văn Vĩnh là những người mở đường cho *thơ mới*. Cả hai cho chúng ta một ý niệm sơ khởi về hình thức thơ văn xuôi và thơ cách luật, nền tảng của *thơ mới* sau này mà những nhà *thơ hiện đại* như Thanh Tâm Tuyền, Đặng Đình Hưng muốn đoạn tuyệt. Họ triệt hạ hẳn tính cách vần ngầm, luật dấu để bước vào địa hạt thơ không vần, không luật.

*

Tại Việt Nam, khuynh hướng phá vỡ hàng rào cổ điển và lãng mạn để nhập vào dòng hiện đại bắt nguồn rất sớm, gần như song song với sự phát triển *thơ mới*, từ những năm 40.

Trong khoảng 1938 đến 1942, một nhóm nghệ sĩ avant-garde: Nguyễn Đỗ Cung, Phạm Văn Hạnh, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Xuân Sanh, Đoàn Phú Tứ, hội họp nhau và hình thành một tuyên ngôn nghệ thuật lấy tên là Xuân Thu Nhã Tập, bao gồm phần lý thuyết và phần thực hành trên ba lãnh vực: Thơ, nhạc và họa.

Trong phần lý thuyết, Xuân Thu Nhã Tập liên kết mối tương quan giữa các ngành nghệ thuật như thơ, nhạc, họa, kiến trúc và điêu khắc bằng khái niệm phổ quát về cái Đẹp và đưa ra những luận điểm xác đáng và hàm súc về bản chất thi ca:

Thơ *khêu gợi những rung động siêu việt của bản nhạc vô cùn ... có rung động là có thơ*. Do đó văn và thơ khác nhau: Văn thuộc địa phận *giãi bày, thuộc lý trí, vụ ích lợi*. Thơ thuộc địa phận *tiềm thức, hàm súc và thuần túy. Thơ là kết tinh của sự thật, Thơ trở về cái ta, Thơ là Đạo, là cái lẽ cuối cùng, là cõi vô cùng...*

Về phần thực hành, Xuân Thu Nhã Tập là những người đầu tiên đã dẫn dòng mạch siêu thực của thế kỷ XX vào thơ Việt. Bỏ rơi vai trò của lý trí, đưa tiềm thức và vô thức vào địa vị chủ chốt trong kỹ thuật tạo hình. Bài **Buồn Xưa** của Nguyễn Xuân Sanh tiêu biểu dòng tư tưởng Xuân Thu Nhã Tập.

Buồn Xưa

Quỳnh hoa chiều đọng nhạc trầm mi
Hồn xanh ngát chở dấu xiêm y
Rượu hát bầu vàng cung ướp hương
Ngón hường say tóc nhạc trầm mi
Lãng xuân
            Bờ giữ trái xuân sa

Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà
Nhài đàn rót nguyệt vú đôi thơm
Tỳ bà sương cũ đựng rừng xa
....

Xuất hiện cùng thời với thơ mới, nhưng bài **Buồn Xưa** đã tách rời thơ mới một bước khá xa, cả về hình thức lẫn nội dung. Về phần hình thức, tuy vẫn giữ số chữ nhất định trong câu (7 chữ, 4 câu), nhưng thơ Nguyễn Xuân Sanh mang nhạc điệu lạ, khác hẳn với cung bậc trầm bổng cố định dựa theo luật bằng trắc cổ điển. Nhịp điệu này dựa vào sự sắp xếp những hình ảnh tân kỳ, liên tiếp cạnh nhau, theo ý thích của trí tưởng tượng. (Sau này Thanh Tâm Tuyền gọi đó là "nhịp điệu của hình ảnh"). Câu thơ *Quỳnh hoa chiều đọng nhạc trầm mi* có thể tổng hợp 3 hình (figure) quỳnh hoa - chiều đọng - nhạc trầm mi, mà cũng có thể chia làm 6 hình: quỳnh - hoa - chiều - đọng - nhạc - trầm - mi. Nguyễn Xuân Sanh vừa phân tích vừa tổng hợp ảnh, đồng thời độc lập hóa mỗi chữ trong câu thơ.

Vì thế, đọc thơ Nguyễn Xuân Sanh, Lê Huy Vân thoạt tiên có cảm tưởng: *"Không có một cái chấm câu và toàn vần bằng cả. Người ta có cái cảm giác rằng tác giả đã viết rất nhiều "chữ một" vào những mảnh giấy, gập lại để vào trong một cái mũ trắng rồi rút ra từng tờ, biến những chữ tìm thấy chữ nọ bên cạnh chữ kia, đủ bảy chữ lại xuống dòng"*. (Xuân Thu Nhã Tập, trang 81, NXB Văn Học 1991).

"Cảm giác" ấy có thể Lê Huy Vân rút ra từ việc Breton cắt những chữ bất kỳ trong báo, xếp lại thành thơ. Dĩ nhiên "cắt dán" hay rút thăm "chữ một" chỉ là một cách nói, gợi ba khía cạnh độc đáo của thơ hiện đại:

- Tính cách gián đoạn trong dòng mạch hiện đại - đối lập với tính cách liên tục trong dòng cổ điển.
- Tính cách bất kỳ hay tự do tuyệt đối- trong việc ghép chữ tạo hình.
- Tính cách độc lập hình vị mà Nguyễn Xuân Sanh sử dụng trong bài **Buồn Xưa.**

Về cách dùng chữ, tuy **Buồn Xưa** vẫn dùng những chữ cổ như Quỳnh hoa, xiêm y, ... nhưng tác giả đã tạo nhiều hình mới lạ vì lắp những yếu tố rất xa nhau với nhau: *Chiều đọng, nhạc trầm mi, hồn xanh ngát, rượu hát, cung ướp hương, ngón hường, lẵng xuân, trái xuân sa, mùa đi, nhịp hải hà, rót nguyệt, ...* Loại hình này khác với loại hình (cũng rất mới, rất đẹp, rất lạ) của Xuân Diệu, nhưng ghép những yếu tố tương đối gần cận, ít gây ngạc nhiên hơn như *đêm thủy tinh, biển pha lê, chiều lỡ thì,...* vì Xuân Diệu còn dựa trên thực tại lô gích.

Khi người đọc, trong nhiều thế kỷ, đã quen với những công thức thân thuộc như: *chiều xuân, nhạc vàng, hồn thơ, rượu nồng, nguyệt hoa, hoa nguyệt ...,* thì sự xuất hiện của những *rượu hát, nhạc trầm mi* ... hẳn là trái khoáy, nghịch nhĩ, bí hiểm, và không lô gích.

Nhưng chính cái "không lô gích" ấy là một trong những yếu tố nền tảng

của thơ hiện đại. Chính cái "không thể" ấy mở ra một chân trời khác: Biến đổi những thực thể bị kết tội chung thân bất động như: *rượu, chiều, mùa* ... có thể xoay vần, chuyển động: *rượu hát, mùa đi, chiều đọng* ... và làm cho ta biết được những ý niệm siêu hình như "hồn" cũng có lúc xanh, lúc ngát ... Đó là bộ mặt "nổi loạn" thần sầu của tiềm thức và vô thức mà chỉ khi nào con người đập vỡ phần ý thức bề mặt mới có thể tiếp cận được.

Xuân Thu Nhã Tập không được số đông công chúng văn nghệ hưởng ứng vì quá mới với thời đại, bị cách mạng liệt vào loại bí hiểm, điên loạn, cần phải loại trừ. Phải chăng đó là lý do khiến sau này Nguyễn Xuân sanh trở về với **thơ mới?**

Tác phẩm Xuân Thu Nhã Tập đã phải trầm mình 50 năm. Khi nhà xuất bản Văn Học được phép in lại cuối năm 1991, bìa sau có ghi niên đại 1942-1992: như một dấu ấn những phũ phàng của lịch sử.

*

Tuy nhiên, sau Cách mạng tháng 8, vẫn có những nhà thơ muốn thoát khỏi khuôn khổ thơ mới, tìm kiếm con đường thơ hiện đại rải rác trong tác phẩm của họ như Văn Cao, Hoàng Cầm, Quang Dũng ... mà Nguyễn Đình Thi là một trường hợp tiêu biểu.

Năm 48, Nguyễn Đình Thi làm bài **Đất Nước** và năm 49 ông viết bài tiểu luận **Mấy ý nghĩ về thơ**, phân tích bản chất thi ca, khai triển động lực sáng tác và bàn về sự thể hiện một tác phẩm nghệ thuật.

Về mặt hình thức, Nguyễn Đình Thi cho rằng: *"Không có vấn đề thơ thơ tự do và thơ không tự do, thơ có vần và thơ không có vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ ... [...] Thơ của một thời mới [...] chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức của nó [...]. Những hình thức ấy gồm những phát minh mới, cùng với những hình thức cũ, nhưng bao giờ cũng dễ tái tạo và nâng cao lên đến một độ khác hẳn xưa. [...]. Những hình ảnh của thơ đã bao hàm một nhận thức, một thái độ tình cảm hoặc suy nghĩ [...]. Những hình ảnh mới lạ ấy đều ở trong đời thực, chúng ta đều thấy!"*

Đứng trên quan điểm triết học duy tâm, Nguyễn Đình Thi đặt câu hỏi: Đầu mối của thơ có lẽ ta tìm bên trong tâm hồn con người chăng? Và trả lời:

- Thơ là tiếng nói bên trong, tiếng nói của tâm hồn với chính nó.
- Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống.
- Làm thơ là đang sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt.
- Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ, khi nó không còn chuồi theo thói quen như một dây da trong bộ máy.

- Hiểu thơ kỳ thực là vấn đề của cả tâm hồn.
- Những "lửa căm hờn", "làn sóng cách mạng" là những cái sáo mới của thơ hiện thời.

và Nguyễn Đình Thi đã vẽ cho thơ một chân dung lạ và đẹp:

Đụng chạm với hành động hàng ngày, tâm hồn tự nẩy lên bao nhiêu hình ảnh như những tia lửa lóe lên khi búa đập vào sắt trên đe. Người làm thơ lượm những tia lửa ấy, kết nên một bó sáng, nó là hình ảnh thơ. (Mấy ý nghĩ về thơ, Nguyễn Đình Thi, 12-9-1949)

Giữa không khí "hừng hực lửa cách mạng" và trước "ánh sáng chói lòa" của duy vật biện chứng, quan niệm duy tâm về thơ của ông và lối cách tân trong thơ ông đã bị chỉ trích nặng nề.

Bài thơ **Đất Nước** của Nguyễn Đình Thi có thể xem là một trong những bài thơ đầu tiên thoát ly khuôn mẫu của thơ cổ điển và thơ mới, từ hình thức đến nội dung, đã gây tiếng vang trong dư luận văn học, ảnh hưởng tới những người đồng thời và giữ địa vị khai phá trong thơ hiện đại.

Đất Nước

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em.
Gió thổi mùa thu vào Hà Nội
Phố dài xao xác heo may
Nắng soi ngõ vắng
thềm cũ lối ra đi lá rụng đầy
Ôi nắng dội chan hòa
nao nao trời biếc
Nắng nhuộm hương đồng ruộng hương rừng chiến khu
Tháp Rùa lim dim nhìn nắng
mấy cánh chim non trông vời nghìn nẻo
Mây trắng nổi tơi bời
Mấy đứa giết người hung hăng một buổi
Tháng Tám về rồi đây
hôm nay nghìn năm gió thổi
Đàn con hè phố môi hồng hớn hở
ngày hẹn đến rồi
Hôm nay nghìn năm trời muôn xưa
Các anh ngậm cười bãi núi ven sông.
Hà Nội ơi núi rừng.

-Nguyễn Đình Thi (1948), theo bản chép tay của Phạm Duy-

Sau này bài Đất Nước được in trong tập **Tia Nắng** (NXB Văn Học, 1983), dài hơn, thêm những hình ảnh vô cùng, đớn đau:

Ôi cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

Nhưng toàn thể "khuôn khổ" hơn, và rất tiếc là đã loại bỏ hẳn những hình ảnh vào loại đẹp nhất trong buổi bình minh của thơ hiện đại như: *Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em, Tháp Rùa lim dim nhìn nắng....*

Thơ Nguyễn Đình Thi khác thơ Xuân Thu Nhã Tập. Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Văn Hạnh, Đoàn Phú Tứ, tuy làm "cách mạng thơ" nhưng vẫn hoài cổ: Trừ một vài ngoại lệ, vẫn giữ *số chữ nhất định trong câu*; dùng nhiều từ Hán Việt: quỳnh hoa, xiêm y, tỳ bà, ngọc quế, dung nhan, nghê thường, tần phi, quân vương ...

Nguyễn Đình Thi biến đổi cả *nhịp điệu* lẫn *số chữ* trong thơ, *hầu như chỉ dùng tiếng thuần Việt,* và lời thơ của ông là lời nói đơn sơ, không trau chuốt nhưng dội sâu vào tâm hồn, vì dường như nó thốt ra tự đáy của- tâm hồn.

Những lời giản dị như: *"Sáng mát trong như sáng năm xưa, nắng soi ngõ vắng, thềm cũ lối ra đi lá rụng đầy ..."* vừa nhận diện một thực tại, vừa như mình nói với chính mình, vừa như mình chưa từng nói với mình như thế bao giờ. Những hình ảnh trong suốt, trực tiếp, chưa được thanh lọc qua những phép tu từ, chưa bị bàn tay của lý trí vày vò, sửa sai, cho nên nó thật, sâu, đậm và tự nhiên như *Tháp Rùa lim dim nhìn nắng,* như *gió thổi mùa thu*, hoặc nhẹ nhàng trong sáng như *"em mát trong toa đầy nắng ấm"*, đôi khi âu yếm như một thì thầm: *"em có anh rồi em có anh"*, hoặc dịu dàng như một *"dòng sông hiền hậu trôi không nói"*, cũng có lúc ngậm ngùi như *"Tháp Rùa rơi lệ cười trong mưa"*, hoặc trầm u bát ngát như

Đám mây trắng ngần
ôm lấy nỗi buồn của núi

hoặc lung linh âm thầm như: *"đêm đêm thầm lặng ánh sao trời"*. Chúng ta sẽ tìm thấy loại hình trực tiếp này trong thơ Thanh Tâm Tuyền, nhưng ở một phong độ khác hẳn Nguyễn Đình Thi. Những lời nói đơn sơ và thuần khiết như thế, trong sáng và dịu dàng như thế, chưa mấy khi xuất hiện trong thơ Việt.

Thơ Nguyễn Đình Thi là những lời nói thật bình dị, nhưng tự nó có chất sống, tự nó là cuộc đời, thầm lặng vô cùng sinh động, say đắm, thiết tha. Sau này, thơ ông trí tuệ hơn, chín hơn và đau hơn, vẫn trong phong thái ấy, lời ông gay gắt và hiện thực hơn xưa.

Một khoảng trời xanh kia

Một khoảng trời xanh kia

Không phải là chuyện đùa
Bão điên cuồng muốn dập tắt mọi ánh đèn trong ta.
Lớp lớp mây đen đùn lên đe dọa.
Những cơn lốc cuốn bụi rác bay mù
Hắt vào chúng ta
Một khoảng trời xanh kia
Đâu phải chuyện đùa

Trong ngõ tối

Thêm một lời phóng đi
như mũi dao găm tẩm độc
Thêm một hòn đá từ trong bụi rậm
ném vào gáy người qua đường kia
Chiều nhập nhoạng dơi bay
Hắn rẽ vào ngõ tối cười gằn
Nhìn những móng tay hắn mọc vuốt dài.

Sau nhiều thăng trầm, cay đắng, Nguyễn Đình Thi vẫn nói với chính mình như Zarathoustra của Nietzsche nói chuyện với tim mình: *"Một khoảng trời xanh kia, đâu phải là chuyện đùa"* và bằng những hình ảnh bạo liệt hơn xưa: *"bão điên cuồng muốn dập tắt mọi ánh đèn trong ta", "lớp lớp mây đen đùn lên đe dọa", "một lời phóng đi như mũi dao găm tẩm độc"*, v.v...

Thơ Nguyễn Đình Thi phản ảnh phần sâu lắng của nội tâm - một nội tâm sóng gió trầm u trong bão loạn của thế sự mà ông vừa là nạn nhân vừa là người nhập cuộc.

Không chủ trương lật đổ quá khứ, có khuynh hướng bắc cầu giao lưu nhưng rất khác thơ mới của những người cùng thời, thơ Nguyễn Đình Thi ban đầu là những thôi thúc lãng mạn, chênh vênh giữa tình yêu đôi lứa và tình yêu đất nước, chuyển sang tình yêu đất nước. Ở mặt trái, sau này, là hiện thực bất trắc, hiểm họa, với những hệ lụy trong cuộc sống mà ông đã trải qua.

Những Hình ảnh trong thơ Nguyễn Đình Thi là những hình ảnh đơn, đối lập với loại hình kép trong thơ Lê Đạt sau này; luôn luôn dựa vào thực tại, trái ngược với quan niệm siêu thực; đưa lời nói trực tiếp vào thơ, không qua trung gian những biện pháp tu từ hay những thuật ngữ khác và là một tác phong độc đáo trong thơ Việt hiện đại.

THỤY KHUÊ
(Kỳ sau: Sáng tạo)



BÙI VĨNH PHÚC

tro, lửa, và nỗi hoài nhớ trong tùy bút của nguyễn xuân hoàng



Nguyễn Xuân Hoàng là một nhà văn của tùy bút, của lòng hoài niệm không nguôi về những nơi chốn cũ, về những giấc mộng xa vắng thiết tha làm dậy men trong lòng người. Tôi vẫn nghĩ như thế từ lâu khi đọc văn ông.

Nói như vậy không có nghĩa là Nguyễn Xuân Hoàng đã không có những đóng góp đáng kể trong những thể loại khác, như truyện ngắn và truyện dài. Dù sao, truyện ngắn của Nguyễn Xuân Hoàng, nhìn ở một góc cạnh, cũng chia sẻ rất nhiều yếu tố cấu thành của nó với những tùy bút của ông. Ngoài những tập truyện ngắn, truyện dài đã được xuất bản trong nước trước 1975, ông đã có những tập truyện dài xuất bản ở ngoài nước như *Người Đi Trên Mây* (1987), *Sa Mạc* (1989), và *Bụi Và Rác* (1992). Những truyện dài vừa kể đã cho người đọc thấy một Nguyễn Xuân Hoàng mới hơn, so với những ngày Sàigòn, về kỹ thuật truyện, về giọng văn, câu văn, cũng như về cả mắt nhìn vào đời sống. Dù sao, bài nhận định này không phải là chỗ để tôi trình bày những suy nghĩ của mình về kỹ thuật truyện của Nguyễn Xuân Hoàng, qua đó ông đã tự định hình con người mình trong văn chương. Ở đây, tôi chỉ muốn nói về tùy bút của ông. Những tùy bút (và cả một truyện ngắn mấp mé ở dạng tùy bút) trong tập *Căn Nhà Ngói Đỏ*. Đó là tập sách đã để lại nhiều ấn tượng trong tôi về văn chương của Nguyễn Xuân Hoàng.

Căn Nhà Ngói Đỏ được gọi là một tập truyện ngay trên bìa sách khi nó được xuất bản vào năm 1989. Sau đó, trong phần liệt kê những sách đã xuất bản của mình (trong tập truyện dài Bụi Và Rác) vào năm 1992, tác giả gọi nó là một tập tạp văn. Thật sự, trong cái nhìn của tôi, đó là một tập tùy bút, thể văn thành công nhất của Nguyễn Xuân Hoàng. Trong tập sách này, chỉ có truyện đầu tiên, Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự, là có dáng dấp của một truyện ngắn, mặc dù nó cũng chia sẻ phần nào cái vóc dáng tinh thần của nó với những tùy bút của ông.

Tập sách *Căn Nhà Ngói Đỏ*, đúng với tên gọi của nó, có mô-típ là những căn nhà—những căn nhà, những ngôi nhà thật sự, hay là những căn nhà của tuổi thơ, của kỷ niệm, những biểu tượng về những nơi chốn, những hình ảnh đã nuôi dưỡng đời sống tác giả suốt những ngày khôn lớn. Cái mô-típ đó được nhìn thấy tràn khắp trong những hình ảnh nói về đời sống, nói về kỷ niệm của Nguyễn Xuân Hoàng.

Trong Barbara, hình ảnh căn nhà đươcỳ thể hiện qua hình ảnh căn phòng của người yêu:

Barbara, em có biết là cả thành phố đã bị sụp xuống trong lừa dối và sự ra đi của em đã nhận chìm anh trong đống tro tàn của những trối trăn? Anh đã ngồi trong căn phòng em rất lâu, thật lâu. Anh đã nằm trên chiếc giường đầy hơi hướm em và tưởng chừng như đang đắp lên người tấm thân nồng ấm của em, đã đốt những điếu Pall Mall dư thừa trong túi áo....
(Barbara, trang 39)

Căn phòng ấy, sau khi người yêu đã ra đi, trở thành nơi định cư cho những kỷ niệm cứ còn ngun ngún cháy lên những khoảng trời xanh cũ trong lòng tác giả. Nó giữ lại trong nó cái hơi hướm và những cảm giác nồng ấm của một chất da thịt thơm tho của kỷ niệm.

Mà không phải chỉ có căn phòng là một nơi chốn cư trú cho những kỷ niệm. Em, chính em cũng đã là nơi chốn trú ngụ cuối cùng của ta:

Barbara, nơi trú ngụ sau cùng của anh là em, nhưng sau khi anh bay qua đại lộ kinh hoàng của một cuộc chiến tàn bạo, con thuyền trú ngụ ấy đã nhổ neo.
(Barbara, trang 42)

Nhưng nhà không chỉ là nơi cư trú tinh thần. Trong đời thường, nó chính là nơi mà ở đó ta đã được sinh ra và lớn lên:

... Chính tại ngôi nhà đó, ngôi nhà với những mái dột cột xiêu, nền đất đã lún, giếng nước đã cạn, cây dừa xiêm đã nâng trái... Phải, chính tại ngôi nhà đó tôi đã ra đời, đã sống những ngày tuổi nhỏ trong một thứ hạnh phúc buồn thảm... (Căn Nhà Ngói Đỏ, trang 47)

Nói chung, gia đình tôi đông, nhưng buồn và lạnh. Chúng tôi cứ động ăn uống, đi lại, học hành, trò chuyện như những người khách trọ trong một căn nhà nấu cơmtháng.

(Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự, trang 12)

Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự để lại trong lòng ta hình ảnh một ngôi nhà tan tác. Đó là ngôi nhà riêng của người kể chuyện; nhưng là ngôi nhà chung, ngôi nhà bốc lửa kêu gào của quê hương.

Căn nhà là nơi giữ lại trong lòng ta những kỷ niệm thơ ấu, những ấn tượng đầu đời. Những nỗi vui và những niềm sầu thảm. Nhưng chúng, những căn nhà trong đời sống này, cũng là nơi đã mở ra cho ta những rung động thiết tha khi trái tim của chúng ta cháy đỏ bên nhau:

Hãy tưởng tượng giữa tiếng nhã nhạc đó, giữa cái hôn nồng cháy mà chúng ta đang trao nhau, giữa thành phố miền cao nguyên mùa đông (...), căn nhà trên ngọn đồi của chúng ta đột sáng bùng lên, đỏ những viên ngói, xám những cánh cửa, trắng những hoa sứ ngoài sân và xanh tất cả những lá cây, anh sẽ được nhìn thấy đầu tiên màu nâu kỳ lạ tuyệt vời trong đôi mắt long lanh tình ái em và cái màu trắng xanh còn lại phản chiếu những lá cây trong vườn hy vọng của chúng ta.

(Giáng Sinh, Hãy Chờ, trang 66)

Căn nhà cháy lên những màu sắc rạng rỡ trong ngòi bút hồi tưởng của Nguyễn Xuân Hoàng. Câu văn rất mới với những tính từ đỏ, xám, trắng, xanh như muốn cựa động để biến trở thành những động từ. Những động từ hân hoan lấp lánh cái ánh sáng của tình yêu. (Dù sao, tôi nghĩ là tôi sẽ thích hơn nếu tác giả cắt bỏ chữ "tình ái" ra khỏi đoạn văn. Tình ái vừa có tính cách *cliché,* lại không cần thiết (nếu không nói là thừa) cho cảm xúc chung mà đoạn văn gợi lên, vừa làm cho cái ánh long lanh của đôi mắt bị khuếch tán, làm cho nhịp câu mất đi cái nét đặc biệt của ba âm bằng chảy mướt thiết tha: Đôi mắt *long lanh em.*)

Nhưng căn nhà, trên hết, là những hình ảnh của quê hương trong lòng mỗi một chúng ta. Ai là người không có một quê hương. Quê hương vật lý và quê hương tinh thần. Quê hương đã đốt cháy mãi trong lòng chúng ta những đốm lửa hồng xa vắng và thả bay lả tả trong lòng ta những tàn tro âm ỉ một đời. *Quê hương* cũng là *quê nhà*. Cái quê nhà ấy nằm phục sẵn trong trái tim ta. Để bất cứ khi một âm thanh hay một hình ảnh nào hiện đến với ta trong những ngày lữ thứ, nó cũng trở thành một nhắc nhở thiết tha, một réo gọi đằm thắm về nơi chốn cũ, một nơi chốn ấm êm của cuộc đời.

Khi tiếng réo của vòi ấm vang lên tôi chợt liên tưởng đến ngày khai trường ở quê nhà. (...) Con đường làng, bờ ruộng. Chiếc cầu khỉ. Tiếng ơi ới gọi nhau đi học băng qua vườn sau đầy những cây cam, cây bưởi, cây chuối của một bạn

học năm ngoái còn chung lớp chung thầy... vẫn đằm ấm hơn tiếng chào nhau bên những chiếc xe bóng lộn đỗ xịch trước một cổng trường vôi mới quét. Và tiếng trống trường sẽ vang lên ở một chái hiên bay qua những hàng cau những thửa ruộng... bay qua cái bầu trời xanh lơ trong trẻo của một thời tiết mới mẻ, gột rửa sạch cái nóng tàn nhẫn của mùa hè quái ác.
(Tiếng Trộng Mùa Tựu Trường, trang 115)

Căn nhà trong tâm tưởng của Nguyễn Xuân Hoàng cũng còn là một vùng quê miền Trung, nằm dưới chân một ngọn núi lớn, dựa lưng vào một vách đá cao. Những cánh đồng khô rạ cháy. *"Rừng cây rậm rạp là mái nhà lớn che những khi nắng cháy mưa dầm, ruộng đồng là những rang giấy trắng để chúng tôi tha hồ viết lên đó những dấu chân (...) Và bảng đen là bầu trời của những đêm ba mươi, được vẽ lên đó những đường vòng cung toán học bằng những chú "mòng" trâu được đốt bằng đuôi, sau khi thả ra từ chiếc túi, bị buộc chặt..."*(Mùa Hè Đã Hết, tr. 110)

Ngôi nhà của Nguyễn xuân Hoàng còn là thành phố Nha Trang.

Trong thành phố đó, tôi đã nhìn mình mòn chết
Mất tích, sủi tăm, tan biến như một hột muối trong biển
(...)
Hãy tưởng tượng một đứa bé chưa kịp lớn trong ngôi nhà đó
lúc nào cũng thấp thỏm lủi chạy như con cút đất
(...)
Nha Trang
đó là cuốn vở nháp bị bỏ quên của trí nhớ (...)
Nha Trang
một giọt nước mắt của Việt Nam tôi (...)
(Nha Trang , Những Hang động Tuổi Thơ, trang 185-191)

Mà không phải chỉ có Nha Trang, tất cả quê hương là một nơi chốn để nhớ về. Quê hương là một căn nhà lớn. Nó cất giữ cho ta bao nhiêu hạnh phúc và đắng cay và ngọt ngào và nước mắt. Tất cả chúng ta đều chia sẻ với nhau một quê hương chung; nhưng mỗi người, trong đời sống và trong kinh nghiệm riêng, lại có cho trái tim mình những kỷ niệm mà nhiều khi chỉ có riêng mình hay biết. Bây giờ, tôi muốn thắp lên một ngọn nến đỏ giữa trái tim mình để soi kiếm, lục lọi lại một chút vàng son cũ. Quê hương. Đối với tôi, nó là tiếng cười ta thuở chân sáo vào đời, là nỗi rộn ràng ta lần đầu nhìn em áo ngoan hài tím tóc thả gió thu, là mộng mơ ta bên em nhìn dòng sông mà mầu chiều bơ vơ đổ bóng. Nó là nụ hôn trong vườn đêm thơm mùi ngọc lan thao thiết, bờ môi em dịu dàng hé mở như một cánh hoa. Là chất sữa của nhung trên da thịt em dịu dàng trinh trắng. Là em run rẩy trong tay ta như

một ánh trăng xanh chỉ chờ rạn vỡ. Quê hương là những ngày mà gió nắng vẽ trên vầng trán ta biết bao điều lý tưởng, là trái tim ta cháy lên bao tha thiết cuồng say. Và quê hương cũng là những ngày loạn lạc, khói lửa mịt mù, là đắng cay của những người vợ trẻ, là xót xa của những người mẹ già tóc trắng như sương. Quê hương là gió bão, là lời chúc dữ, và là giọt nước mắt ta chảy ra một đêm tối khi chân bước xuống thuyền, là nỗi quặn đau ta mỗi khi nhìn lại, nỗi quặn đau mà ta hằng chắt chiu chẳng nỡ rời bỏ, chối từ. Quê hương. Giọt nước mắt ta chảy ra hóa thành một đêm tối bơ vơ.

Với Nguyễn Xuân Hoàng, quê hương không chỉ là Nha Trang. Nó còn là Huế, Đà Lạt, U minh, Tuy Hòa..., để mỗi khi nhớ về, trái tim ông còn se thắt. Cái ngọn lửa của quê hương kia không phải chỉ đốt lên những điều tươi vui, hạnh phúc. *Nostalgie de la boue*. Nỗi nhớ bùn đen. Nhiều khi ta nhớ về quê nhà chỉ là để thấy thấp thoáng trong trái tim mình một *"con đường đất đỏ cũng nhờ nhờ trong sương như một vết thương vừa kéo mủ"* (Đà Lạt khi tôi vừa mới lớn, tr. 179), một thành phố *"tối tăm trong những bong bóng mưa vỡ tung khi chạm thành cửa kính, mũi xe, mặt đường (...) Cửa kính sỉn mờ, hành lang u ám, và tiếng trống vào lớp buồn xưa. (...) Mưa rơi trên sân trường, mực đầy trang giấy trắng. Và niềm im lặng cổ kính (...) làm ướt đẫm linh hồn ta."* (Những Cửa Sổ Của Huế, tr. 164, 167). Quê hương nằm trong những hình ảnh mờ mịt, đau xé và xót xa như thế. *"Đó là nơi mà có những ngày mưa liên tu hồ tận, tôi đã nằm co quắp như một con rùa chui trong chiếc mai vốn không mấy an toàn của nó. Những trận mưa bão phũ phàng thổi tung cuộc sống riêng tư của con người, lột trần truồng mỗi cá nhân chúng ta phơi trước những ngọn đèn hàng ngàn nến của một chế độ đầy hà khắc"* (Mưa Trên Đường Hy Vọng Mới, tr. 80). Đối với Nguyễn Xuân Hoàng, những hình ảnh của quê hương cứ như *"một thứ lửa than nằm dưới đám tro hồng chỉ chờ đợi một chút hơi diêm sinh là phựt bừng lên."*

Khi trái tim con người ta chỉ là một bếp tro âm ỉ nóng những hình ảnh quê nhà, thì bất cứ một gặp gỡ nào trong đời cũng chỉ là dịp để thổi bừng lên ngọn lửa thương yêu cũ. Ở Mỹ, ông cám ơn con người và đất nước này đã mở cho ông cánh cửa của một vùng trời mơ ước; nhưng ông vẫn luôn tự hỏi, *"Liệu có vùng trời nào thay thế được quê hương tôi?"*. Nhìn Paris với dòng sông Seine lờ lững, dòng sông của những mộng tưởng tuyệt vời một thời tuổi trẻ, những khát khao ngọt ngào của một thuở sinh viên, bây giờ, ông chỉ thấy rõ rằng cái dòng sông Seine ấy *"chắc chắn đã làm mạnh thêm tình yêu của tôi đối với những dòng sông nhỏ chảy chậm lờ (...) của quê hương"*. Ông hiểu rằng những dòng sông, những chiếc cầu của quê hương mình tuy không lừng lẫy, và cũng chẳng có tiếng tăm chi, thế nhưng lúc nào chúng cũng *"thân mật gần gũi, thô sơ nhưng tràn đầy tin cậy"* (Paris Trong Trí Tưởng, tr. 120).

Như thế, mô-típ căn nhà hiện đầy trong tùy bút của Nguyễn Xuân Hoàng. Nó là một mô-típ được xây dựng trên những hình ảnh và những rung động có thật. Ai trong chúng ta cũng đều giữ gìn được trong lòng mình những hình

ảnh đậm đà và tha thiết như thế của quê nhà. Nhưng gìn giữ, chắt chiu chúng, rồi đưa chúng vào một chỉnh thể mỹ học có tính cách văn chương , chính là vai trò của một nhà văn. Công việc ấy cũng là một loại thuốc thử để xác định một người cầm bút có phải là một nhà văn hay không.

Nguyễn Xuân Hoàng là một nhà văn.

Hơn nữa, ông không phải là một nhà văn dễ dãi với chữ nghĩa và cách diễn đạt của mình. Câu văn của ông gọn, đẹp, sắc, và thông minh. Điều đáng quý nữa là ông ít, rất ít, khi để cho câu văn của mình rơi vào những tình cảm sướt mướt có tính cách đồng bộ. Ông cố giữ cho câu văn của mình đẹp, không thường, nhưng cũng không trở nên màu mè, sặc sỡ.

Hãy xem xét thử một số câu văn của Nguyễn Xuân Hoàng để thấy được sự đáng quý ấy:

"*Khi chiếc xe màu xanh vừa phóng qua mặt đường làm bắn tung nước lên áo anh cùng với tiếng cười nhọn và khô, anh chợt có cảm tưởng hạnh phúc của chính mình cũng đã bị ướt ngoi như một người đi dưới cơn mưa tầm tã." (...)*

"Ly cà-phê thì loãng tràn những giọt nước mưa từ tấm "bạt" nhà binh đổ xuống, *nhưng ý nghĩ anh sao lúc nào cũng đậm đặc hình ảnh em."* (Barbara, tr. 31, 36)

Những hình ảnh ẩn dụ, đối nghịch một cách cân phương và hết sức mới, đã làm cho những câu văn của Nguyễn Xuân Hoàng bỏ neo được vào ấn tượng người đọc.

Đoạn văn dưới đây tiếp tục cho thấy Nguyễn Xuân Hoàng đã nuôi dưỡng được trong lòng mình những hạt giống ẩn dụ tốt. Và đến ngày mùa, chúng nở thành những đóa hoa thật đẹp:

"Bầu trời ẩm đục, thấp và nóng. Cali đang mùa hè. Cơn mưa tuy không đủ sức làm dịu những cục than hồng, nhưng có thừa cái sắc bén của con dao cau rạch trong tôi những vết thương hoài niệm.

Mưa gõ đi từ góc ngã tư đường Harbor-Westminster là những mũi kim soi đằm trí nhớ (...)

Ôi mưa Cali!
Hãy xối xuống nữa đi những giọt nước dĩ vãng.
Hãy trải xuống nữa đi những tấm thảm Ba Tư của ký ức!
Hãy dầm dùm nữa đi trong ngăn kéo trí nhớ mỏi mòn tôi những kỷ niệm tưởng đã úa vàng!

(Mưa Cali Nhớ Phạm Ngũ Lão, tr. 82)

Nhưng, có thể nói, Nguyễn Xuân Hoàng đã thành công nhất, trong tùy bút, thể văn sở trường của ông, trong bài viết về Huế. *Huế Mà Ta Sẽ Trở Lại.* Bài tùy bút này gồm có ba phần: phần đầu, mang cùng tựa đề của toàn bài;

phần hai, *Những Cửa Sổ Của Huế*; và phần ba, *Huế Chào Buồn*. Đây là một trong vài bài tùy bút đặc sắc nhất mà tôi đã được đọc về Huế. Bài viết chan chứa những kỷ niệm đẹp, những hình ảnh thơ mộng xót xa, những ẩn dụ hoán dụ so sánh đặc sắc. Hãy đọc thử một đoạn:

Thành Nội là vầng trán của Huế, trên đó người ta có thể nhìn thấy những nếp nhăn cổ tích, con đường hẹp ngập đầy bóng mát và lá úa của những tàn cây lớn đứng tuổi trước những thành quách rêu phong là dấu vết của một thứ quá khứ vàng son không bao giờ long lanh lại nữa.

Óc não Huế là khu Đại học trẻ trung chẻ ra bằng những con đường đá xanh, rợp bóng cây của những cuộc dạo chơi tình cảm, đứa con muộn màng của mối tình kỳ cựu nhất là chàng trai tơ Quốc học và nàng kiều nữ Đồng Khánh.

Ruột gan Huế là chợ Đông Ba ngổn ngang xô bồ bên ngoài ngôi nhà tối tân không được tận tình sử dụng.

Và Vĩ Dạ bên kia Đập Đá chính là Tình Ái Huế.

Nhưng đoạn đẹp nhất, thơ mộng, đáng yêu và tình tứ nhất là những câu văn, những kỷ niệm trong *Huế Chào Buồn*. Đoạn này khá dài, và cả đoạn là một trái tim tha thiết để lại cho Huế, một câu hò mà âm vang của nó còn để rớt lại cái dư âm ngọt ngào trong trí tưởng ta. Với vài chục lời chào cho Huế, Nguyễn Xuân Hoàng đã vẽ lại được bao nhiêu nét tình tứ, thơ mộng của cái thành phố cổ kính ấy. Ông còn vẽ được cái phong cách cũng như tinh thần cách mạng của Huế. Và cái nét lờ lững của một dòng sông. Và những mùi thơm dịu ngọt trong vườn đêm Huế. Những câu văn mềm mại—như một bàn tay vẫy gọi trong vườn trăng—nhưng vẫn đầy chất sống mà không bị rơi xuống sự sướt mướt. Tôi muốn để người đọc tự khám phá lấy chất văn của Nguyễn Xuân Hoàng trong đó.

Là một người chịu ảnh hưởng văn chương Pháp khá nặng (và những ảnh hưởng này được nhìn thấy một cách tích cực nhiều hơn là tiêu cực trong văn chương ông), Nguyễn Xuân Hoàng không khỏi nhiều lúc để lộ ra trước mắt độc giả những nét ảnh hưởng này. Có khi, người đọc còn có thể có cảm tưởng là ông cố tình để lộ chúng ra trong văn chương của mình. Chúng ta hãy thử cùng đọc một số những câu văn sau đây:

"... anh (...) đã ngã xuống cái ngã êm ái khi bị viên đạn đầu tiên của mắt em bắn cái nhìn xuyên tâm anh." (Barbara, tr. 37)

"Barbara, kể từ giờ phút ấy đến lúc gặp lại em là mười năm. Thời gian ấy ngắn *hay dài của một đời người? Nó đã uống cạn chưa trong anh cốc rượu nồng nàn của một người đàn ông tràn đầy sinh lực? Nó đã làm phai tàn chưa trong em tình yêu cuồng tín của một thiếu nữ vừa mới lớn?* (...) (Barbara, tr. 39)

"Chiến tranh mà anh chờ đợi ngày chấm dứt của nó, giờ đây như đã tàn,

nhưng hòa bình thì hình như vẫn chưa thấy đến." (Giáng Sinh, Hãy Chờ, tr. 72)

"Chính là dưới những tàn cây bã đậu đầy gai (...) tôi đã yêu một người đàn bà như thế" (Pasternak Dưới Tàn Cây Bã Đậu, tr. 90)

Đọc những câu văn này, trước tiên, người ta sẽ yêu cái âm điệu của nó, những âm điệu thiết tha, ôm ấp, bồng bế ngay trong cách cấu âm của chúng và trong cách chúng được đặt để bên nhau. Sau đó là những hình ảnh. Những hình ảnh đẹp. Và không mòn. Nhưng người ta cũng sẽ thấy là câu văn được đặt theo một ngữ pháp rất ...Tây. Đây là một đặc điểm của văn chương Nguyễn Xuân Hoàng. Một đặc điểm khiến cho câu văn của ông rất mới. Oạng dùng nhiều lối nói, lối viết đặc biệt của Pháp (gallicisme). Rõ ràng và trong sáng.

Tuy nhiên, một đôi khi, cũng với một thứ ngữ pháp như thế, cũng với những hình ảnh độc đáo và bất ngờ, nhưng với sự tham lam trong ẩn dụ, Nguyễn Xuân Hoàng đã đem lại cho người đọc một vài câu văn với những hình ảnh đặc biệt nhưng khá tối nghĩa, như:

"Em là khu rừng của những cây cao-su mâu thuẫn." (Barbara, tr. 40)

"Lúc ấy ta có thể mường tượng thấy gian phòng tròn của viện bảo tàng Louvre, ở đó có tấm thân nõn nà của Thần vệ nữ Milo, tưởng như được đúc bằng một thứ ngọc trai mờ tối mà những giọt lệ bướng bỉnh chẳng cần một cớ gì hết cũng vẫn hiện ra trên mắt mọi người." (Paris Trong Trí Tưởng, tr. 119)

"...Xa em một nửa vòng trái đất, sống như rong rêu ở quê nhà, em vẫn hiện diện trong từng nỗi nhớ của anh, nhưng sao giờ đây, ngồi giữa một đất nước tự do, sợi dây thừng của lòng hoài nghi đã được cởi bỏ, mà vẫn biệt tích mù tăm?" (Giáng Sinh, Hãy Chờ, tr. 75)

Câu đầu, sự tham lam trong việc dồn nén những biện pháp tu từ (hai ẩn dụ, một nhân hóa) trong một câu quá ngắn đã khiến việc sắp đặt "chỗ ngồi" cho chúng trở thành bất khả. Tất cả đều là khách danh dự! Và kết quả là có sự giận dỗi giữa những vị khách quý kia. Độc giả, dù muốn, cũng không biết làm thế nào để thực hiện công việc hòa giải!

Câu sau, cụm từ *"những giọt lệ bướng bỉnh chẳng cần một cớ gì hết cũng hiện ra trên mắt mọi người"* được gắn vào liên từ mà, mà tiền tố (antecedent) của liên từ này là "một thứ ngọc trai mờ tối". Tất cả những điều ấy không thể gắn bó vào nhau theo một trật tự ngữ nghĩa nào, mặc dù là người đọc văn một cách nhanh nhậy, bằng một thứ tập quán (tâm lý) Gestalt nào đó, vẫn có thể tự suy nghĩ để hiểu ra điều tác giả muốn nói.

Câu cuối, chủ từ của *"xa em"* và *"sống"* chắc chắn phải là *"anh"*, nhưng cách viết của tác giả làm cho người ta thấy *"em"* là chủ từ của động từ hiện diện (to exist), đồng thời cũng là chủ từ của hai động từ vừa nói. Ngoài ra,

người đọc không thể tìm ra chủ từ của động từ *"biệt tích mù tăm"* là ai xét trên mặt ngữ pháp của câu, mặc dù sau khi suy nghĩ, họ cũng có thể đoán ra. Hình ảnh ẩn dụ *"sợi dây thừng của lòng hoài nghi"* khá đặc biệt. Nó mới. Có thể vì quá chú tâm vào việc sử dụng ẩn dụ này mà tác giả đã sơ ý trong những kết cấu vừa nói chăng?

Nhưng cho dù đôi khi tác giả còn bị vướng vào một vài câu văn bất ngờ như thế, trong sự nhận xét của tôi, điều ấy không ảnh hưởng gì nhiều đến những đóng góp đẹp đẽ của Nguyễn Xuân Hoàng. Nguyễn Xuân Hoàng vẫn là một nhà văn đầy chất sáng tạo. Ông có tài sử dụng chữ nghĩa và không chịu dễ dàng với câu văn của mình. Ông yêu thương, chăm bón, và bồi đắp cho chữ nghĩa mình một sức sống đẹp đẽ trong mỗi câu văn. Những câu văn của Nguyễn Xuân Hoàng có thể ngắn, gọn, sắc và lạnh, chứa đầy chất sống như trong *Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự*. Nó cũng có thể dịu dàng, tha thiết như trong *Barbara*. Nó cũng có thể có giọng ề à kể chuyện trong *Căn Nhà Ngói Đỏ*. Và nó lại cũng có thể hết sức tình tứ, thiết tha và sáng tạo như trong *Huế Mà Ta Sẽ Trở Lại (Những Cửa Sổ Của Huế*, và *Huế Chào Buồn)*. Những tùy bút /đoản văn trong *Căn Nhà Ngói Đỏ* mang chứa trong nó rất nhiều màu sắc thiên nhiên, khiến cho những bài văn, tuy tha thiết ngọt ngào, nhiều đoạn tình tứ nữa, luôn ngồn ngộn sức sống và chan chứa mầm xanh.

Một cách hữu thức hay vô thức, dùng mô-típ *căn nhà* để nói lên những tro than, những ngọn lửa còn ngún đỏ trong lòng mình, để nói về nỗi hoài nhớ của mình, Nguyễn Xuân Hoàng đã thành công trong việc gửi đến người đọc những thiết tha của ông đối với quê hương, đối với con người, và đối với những giá trị nhân bản trong đời.

Trái tim, hãy tiếp tục cháy lên và thổi đỏ trong lòng ta những mảnh than hồng ngày cũ. Và hãy cứ phất phới tung bay lên đi những tro than chưa từng một lúc nguội lạnh kia. Con phượng hoàng của kỷ niệm ta sẽ trở mình và bay vút lên từ những tro than đó!

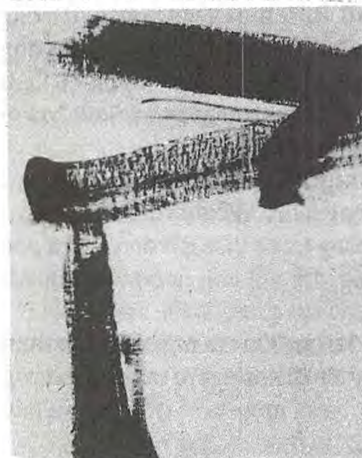
BÙI VĨNH PHÚC
VI, 1995
Irvine, California



HUỲNH SANH THÔNG

thực hay mộng?

NGUỒN GỐC LỜI NÓI VÀ LỐI SỐNG LOÀI NGƯỜI



LTS: *Năm 1971, học giả Huỳnh Sanh Thông khởi dịch* Đoạn Trường Tân Thanh *của Nguyễn Du sang tiếng Anh,* The Tale of Kiều. *Cần viết những câu thơ ngắn gọn, ông so sánh nhiều đơn âm Việt, Anh, và để ý thấy có những điểm tương đồng. Tìm hiểu thêm một số ngôn ngữ khác, từ đó nghiệm ra lý thuyết về nguồn gốc lời nói và lối sống loài người. Ở Hoa Kỳ, thuyết của ông đã được trình bày trong nhật báo* The New Haven Register *ngày 20 tháng 8 năm 1989 (bài viết nhan đề* "Battle os sexes started with words: scholar links language to mom, snakes"*), trong báo* Yale Weekly Bulletin and Calendar *số ra trong tuần 6 - 13 tháng 11, năm 1989 (bài viết nhan đề* "MacArthur fellow Huynh Sanh Thong on mothers and snakes and the genesis of language"*), và trong tạp chí* Journal of Unconventional History *ở bang California qua loạt ba bài đăng năm 1990 và 1991 (nhan đề* "Mother's tongue and slang: why and how thought, language, and culture began"*). Nhờ được giải thưởng MacArthur trợ cấp tiền đủ sống về già, ông từ chức thôi lo điều khiển chương trình Việt học ở Đại học Yale để dồn hết thì giờ, tâm trí vào việc nghiên cứu nguồn gốc nhân loại. Ông đã soạn một bản sơ thảo Anh Ngữ dài 900 trang nhấn mạnh chủ đề tín ngưỡng và tôn giáo. Đang tiếp tục soạn riêng từng bộ sách bàn chiêm bao, phép chữa bệnh, và các nghệ thuật như vũ, nhạc, thi ca, họa, điêu khắc, và kịch tuồng. Về thi ca Việt Nam, Huỳnh Sanh Thông dịch ra Anh ngữ thì* Yale University Press *(ở New Haven, bang Connecticut sẽ xuất bản vào tháng 2 năm 1996 tuyển tập mới nhất*

là AN ANTHOLOGY OF VIETNAMESE POEMS: From the Eleventh through the Twentieth Centuries. *Sách dày khoảng 450 trang, gồm 322 bài thơ ngắn, dài (dài nhất là bản dịch truyện* Trinh Thử). *Tác phẩm của các nhà thơ như Nguyễn Du và Nguyễn Duy, Hồ Xuân Hương và Hồ Dzếnh, Lâm Tấn Phác và Lâm thị Mỹ Dạ, Xuân Diệu và Xuân Quỳnh, cùng nhiều tác phẩm vô danh.*

HỢP LƯU

*

Nguyễn Trãi nằm mộng thấy một con rắn cái hiện hình phụ nữ đến than trách sao ông để người nhà phá ổ rắn ở góc vườn. Tỉnh giấc, ông chạy ra mong cứu ổ rắn, nhưng không kịp: rắn con đều bị giết hại còn rắn mẹ thì trốn đâu mất. Sau đó, rắn mẹ hóa Nguyễn Thị Lộ, dùng nhan sắc quyến rũ Nguyễn Trãi lấy mình làm nàng hầu để len lỏi vào cung vua thuốc chết Lê Thái Tông, vu vạ làm cho Nguyễn Trãi cùng gia đình bị tru di tam tộc. Đó là huyền thoại có chút ít căn cứ lịch sử mà dân quê kể truyền miệng. Nhưng dù là hư cấu truyện vẫn mang ý nghĩa sâu sắc đối với cuộc tiến hóa loài người. Tích rắn hóa Nguyễn thị Lộ trả thù cho con là tàn dư một ý niệm cổ xưa, nay ít khi nghe thấy trên thế giới sau bao nhiêu nghìn năm chế độ phụ quyền trọng nam khinh nữ và nguyền rủa loài rắn: thuở ban sơ, rắn tượng trưng nguyên lý mẹ nắm trọn quyền sinh tử đối với *con cái* (nghĩa là "con của mẹ"). Thật vậy, rắn vì biểu hiện *mẹ* nên đã đóng vai chính trong sự phát sinh cũng như cách tiến triển của lời nói và lối sống loài người khi chưa có hôn nhân và chưa ai nghĩ ra ý niệm *cha* hay *bố*.

La langue maternelle. Die Muttersprache. Tiếng mẹ đẻ. Những thành ngữ tương tợ đâu đâu cũng có, nói quen miệng bây giờ đã trở nên máy móc, không mấy ai suy nghiệm cái ý nghĩa thâm thúy nữa. Khi loài người còn là con thú trong rừng nguyên thủy Châu Phi, ngôn ngữ nảy ra giữa mẹ và con trong lúc mẹ bồng con cho bú. Hai môi bặm kẹp núm vú, đứa con thỉnh thoảng bập bẹ thốt ra một âm mà mẹ tưởng là lời con kêu mẹ, nên gán cho âm ấy cái nghĩa "mẹ". Đó là âm *ma*, âm nguyên thủy của lời nói loài người, cho đến ngày nay vẫn còn giữ nghĩa là "mẹ" trong hầu hết các ngôn ngữ hoàn cầu, nhất là ở châu Phi, từ tiếng Asango cho đến tiếng Yabumbum. Vì tiếng Việt có dấu giọng, chúng ta nói *mạ, má* và *mã* nữa: cũng như *Sông Cái* ở Bắc Việt, *Sông Mã* ở Trung Việt có nghĩa là "sông mẹ", chớ không phải "sông ngựa" như có người quá sùng chữ Nho lầm tưởng. (Nên để ý rằng tiếng Việt còn giữ rất nhiều dấu vết nguyên thủy, dùng phụ âm hai môi *m* ở đầu những từ ngữ chỉ người đẻ ra đứa bé hay chỉ phụ nữ nói chung như *mạ, má, me, mẹ, mệ, mợ, mụ*, hoặc những từ chỉ các bộ phận của *mạ* mà đứa con *mạ* đang bồng nhìn thấy như *má, mắt, miệng, mỏ, mõm, môi, mồm, mũi*.) Thuở xưa, dân ở xứ Cappadocia miền Đông Tiểu Á-tế-á (Asia Minor) thờ nữ thần *Ma* làm thượng

đế vì bà tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở trong vũ trụ: người Nupe ở Ni-giê-ri dùng động từ *ma* với nghĩa là "sinh đẻ". Người thổ dân Nam Mỹ xứ Pê-ru trước kia thờ cúng một loạt nữ thần gọi là *mama*, nhất là *Pachamama:* "Mẹ Đất" hay "Đất Mẹ".

Lúc ban sơ chỉ vỏn vẹn mỗi một âm *ma*, người mẹ tập nói và dạy con nói làm sao do đó mà nghĩ ra các từ mới, đồng nghĩa hoặc khác nghĩa? Cách dễ nhất là một lối "chơi chữ", có thể gọi là phương pháp "đồng âm" (homophony): dùng âm *ma* tạo ra những từ mới nói nghe giống hẳn hay hơi giống âm *ma.* Trong tiếng Việt người miền Nam ngày nay, danh từ *má* có nghĩa là "mẹ" mà cũng chỉ cái phần mềm mại trên mặt mẹ, ở dưới mắt và ở hai bên miệng. Hoặc muốn đặt ra một từ khác có nghĩa là "mẹ" thì có thể nói *ma* trại ra thành *na* trong nhiều ngôn ngữ châu Phi, châu Úc, châu Á, châu Mỹ, châu Âu. Tiếng Việt thì *nạ* cùng một nghĩa với *mạ* là "mẹ", như trong câu tục ngữ, "Quen việc nhà *nạ*, lạ việc nhà chồng." Cũng như âm ma, âm *na* thường láy thành *nana* để chỉ "mẹ" hoặc "giống cái". Người Yoruba ở miền Tây châu Phi đặt tên cho các vị nữ thần là *nana*, như bà thủy thần *Nana Burudu*. Ở nước Anh trẻ con gọi chị giữ em là *nana.* Trong bộ tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Pháp Émile Zola, *Nana* cũng là tên cô gái đóng vai nòng cốt. Hai âm *ma* và *na* thường gộp lại thành một từ nhị âm gợi ý "mẹ" hoặc "phụ nữ", nhất là biểu lộ liên hệ mật thiết "mẹ con" trong nhiều ngôn ngữ châu Phi. Nói tiếng Xoa-hi-li, thằng con cưng được mẹ kêu tên là *mana;* ngược lại, nó cung kính gọi mẹ là m*wana*, vừa nói vừa cúi "đầu" (*nama*); còn nói tiếng Zu-lu thì nó âu yếm gọi mẹ là *mana.* Thằng con "nhỏ bé, yếu đuối" (*mana*, tiếng Tonga) được mẹ "yêu dấu" (*manya*, tiếng Lomongo): nó không tự nuôi miệng nổi nên mẹ cho nó "bú sữa" (*nyama*, tiếng Umbundu), mẹ tìm cho nó "thức ăn" *(mana,* tiếng Lomongo), mẹ lại còn làm "ơn" (*mana,* tiếng Nupe) bằng nhiều cách khác nữa cho nó: mẹ là người đủ "khôn khéo, tài năng" (*mana*, tiếng Kaonde) để giúp đỡ nó trong mọi trường hợp. (Theo vũ trụ quan của người Mê-la-nê-di) và Pô-li-nê-di, *mana* là sức huyền bí của trời đất; còn theo kinh thánh Hê-brơ *manna* là món ăn thần diệu được Thượng đế ban lúc đói khổ nguy khốn. Những danh từ gồm có *ma* và *na* như thế nhắc lại rằng trước khi chế độ phụ quyền được áp đặt thì người xưa tưởng tượng đấng Tạo hóa là một bà mẹ hay *Đại-Mẫu* thống trị hoàn vũ: đó là bà *Magna Mater* ngày trước được một số dân vùng Địa trung hải thờ phụng.)

Mamma tiếng La Tinh có nghĩa là "mẹ" mà cũng có nghĩa là bộ phận mẹ nuôi con: "vú mẹ". Trong tiếng Việt, mẹ hay *bu* cho con *bú* bằng *vú:* hai từ Việt ngữ *bu* với *vú* cũng tương đương như hai từ La tinh *mamma* với *mamma*, vì theo âm vị học thì hai phụ âm *b* và *v* không khác nhau lắm. Tiếng Việt cũng có từ cổ *dạ* còn trong thành ngữ *Mộ Dạ:* tục truyền đó là nơi chôn cất mẹ hai bà Trưng. Vì *dạ* xưa có nghĩa là mẹ nên bộ phận đựng bào thai khi mẹ có mang cũng gọi là *dạ* ("bụng mang dạ chửa"): tuy không đồng âm hẳn như tiếng Việt, hiện tượng ngôn ngữ này cũng thoáng nghe ở tiếng Anh trong hai

từ *woman* ("đàn bà, phụ nữ") và *womb* ("dạ, tử cung"). Nói tới mẹ thì liên tưởng đến *má* mẹ, *vú* mẹ, *dạ* mẹ: dùng tên mẹ để chỉ những gì mà cái ý niệm "mẹ" gợi ra liên tưởng (association), nhất là những bộ phận của cơ thể mẹ, đó là phép "hoán dụ" (metonymy).

Ngoài phép hoán dụ, trí người lại còn dùng phép "ám dụ" (metaphor) hoặc "sánh ví" (comparison hay analogy) để tạo thêm nhiều từ mới. Những người lớn tuổi có oai quyền và được kính nể, được kể như một bà mẹ cầm đầu gia đình thì người Bushongo miền trung vùng Cong-gô châu Phi đều gọi là *mama*, dù nữ dù nam: đó cũng là trường hợp từ mệ ở miền Trung Việt, tuy nghĩa gốc là "mẹ" nhưng được dùng để chỉ con gái, con trai của vua trong triều đình nhà Nguyễn. Chẳng những thế, người Bushongo lại còn dùng danh từ *kuma* vừa để gọi mẹ vừa để chỉ ông tù trưởng hay thủ lãnh. Tiếng Miến Điện thì có từ *u*, dùng chỉ người đàn ông được trọng vọng trong xã hội, chắc xưa cũng có nghĩa là mẹ như *u* trong tiếng dân quê miền Bắc Việt. Dưới chế độ phụ quyền ngày nay, những ai quản lãnh thành phố hay đô thị hầu hết là đàn ông, cho nên trong tiếng Pháp danh từ *maire* có nghĩa "thị trưởng" là giống đực; nhưng tuy viết cách khác, danh từ *maire*, "thị trưởng", giống đực, đồng âm với danh từ *mère*, giống cái và nghĩa là "mẹ": dẫu đàn ông đi nữa, thị trưởng vẫn là vị đáng làm gương mẫu hay gương mẹ cho dân chúng. Nói rộng ra đến một cộng đồng to lớn thì nguyên tắc "gương mẫu" ấy vẫn được giữ trọn khi đặt tên cho vị cai trị một nước: *bua*, tiếng Việt cổ nghĩa là mẹ, lên ngôi được tôn là vua: "phân bua" là đứa con hay đứa dân đen trình bày đầu đuôi để thanh minh với mẹ hay vua. Nơi thôn xóm Việt Nam, tên một cộng đồng được người "gương mẫu" dìu dắt cũng phản ánh tính cách mẫu quyền ấy: thuở xưa, làng là nhóm dân quê cày ruộng lập ra, được một nàng săn sóc chu đáo như mẹ chăm nom con.

Kế nữa, theo phép "ẩn dụ sánh ví" thì ý niệm "mẹ" không hạn chế trong giới người với người, trái lại được áp dụng rộng rãi cho tất cả thế giới bao quanh, để đặt tên cầm thú, cây cỏ, sông núi, đất trời. *Cái*, tiếng cổ hay tiếng địa phương có nghĩa là mẹ, nói trại một tí thành *khái* là cọp dữ nhưng yêu con, thành *cáy* là cua nhỏ nước mặn dân quê miền Bắc làm mắm ăn, thành *cải* là rau nuôi sống biết bao nhiêu người: cho con ăn để cứu nó khỏi chết vẫn là mối lo âu dai dẳng của người mẹ nguyên thủy. *Cái* đẻ con trai, mẹ tròn con vuông, thì cây sinh ra trái: người thổ dân châu Úc coi cây có *bộng* như là mẹ có *bụng* để chứa đựng đứa con, nên khi con trai đi ăn ong lấy mật chui vào bộng cây thì kể như giao cấu với mẹ. Người anh nói "earth mother" hay "mother earth" một cách tự nhiên, người thổ dân Nam Mỹ ở xứ Pe-ru nói Pachamama, thì người Việt cũng nói "đất mẹ", đất yêu quí được trồng trọt rồi gặt hái hoa quả để nuôi những đứa con người: bởi thế mảnh ruộng rẫy ở đồi núi được gọi là *nương*, nghĩa là *nàng*, kể như phụ nữ, bà mẹ.

Để mở mang và tạo nhiều từ hơn cho lời nói loài người, trí mẹ không thể chỉ chăm chú vào con mà phải bị, hay nói đúng hơn, phải được thế giới xung

quanh kích thích mạnh. Nếu nhờ trí khôn và lời nói mà con người vượt xa cầm thú thì đó chẳng qua một điều ngẫu nhiên hay may mắn là con người yếu ớt, hèn kém lại được đặt vào môi trường thiên nhiên của rừng nguyên thủy châu Phi. Không có khung cảnh thiên nhiên đặc thù ấy thì có lẽ ngày nay người không hơn gì khỉ, vượn.

Châu Phi là nơi mà nhân loại tập suy nghĩ, tập nói năng để nên "người khôn biết" *(homo sapiens)*, rồi từ đó ra đi tỏa khắp hoàn cầu khoảng 200.000 năm về trước: trong các giới di truyền học nghiên cứu DNA không còn ai chối cãi điều ấy nữa. Vậy rừng rú nguyên thủy châu Phi hưởng đặc tính gì có một không hai mà tạo ra hoàn cảnh vô cùng thuận lợi cho trí khôn và lời nói phát triển? Ta hãy đọc lại phần đầu kinh Cựu Ước, tưởng tượng rừng nguyên thủy châu Phi như là vườn Ê-đen: ngoài nàng Ê-va và chàng A-đam thì chỉ có cây cối và... rắn! Tất nhiên, đó là một phác họa quá đơn sơ, nhưng tả đúng tâm trạng của tổ tiên loài người tranh đấu sống còn giữa rừng nguyên thủy châu Phi: tuy rừng có nhiều giống thú vật nguy hiểm thỉnh thoảng nên đề phòng như cọp hay voi, nhưng thật ra ngày đêm, từng giây từng phút, loài người (nghĩa là mẹ lo cho mình và lo cho con sống còn) chỉ phải đối phó với mỗi một giống ghê rợn nhất là rắn: rắn lội dưới nước, rắn bò mặt đất, rắn cuộn mình trên cây, rắn ẩn trong bụi rậm hang sâu. Bị rắn ám ảnh hầu như không rời mắt, người mẹ đâm ra nhại rắn, trước hết là bắt chước cách rắn vừa thò thè cái lưỡi chẻ đôi, vừa thở phều phào, xì xào đều đặn, hót ra những âm mà người mẹ tưởng rằng có ý nghĩa huyền bí gì đó, là những thông điệp hay hiệu lệnh nhắn đến nhân loại từ thế giới vô hình nào bên kia: Việt ngữ gọi là tiếng *lóng* nghĩa là tiếng *long* hay lối nói bí mật của rồng rắn, cũng như Anh ngữ thì gọi là *salang*, tiếng nói riêng khó hiểu của con rắn hay *Schlange* (Đức ngữ, giống cái). Khi các nhà ngôn ngữ học (*linguists*) đặt tên lời nói là *language* thì các vị đã vô tình hoặc mặc nhiên công nhận rằng lời nói người học của rắn: danh từ *language* gốc ở danh từ *langue,* Pháp ngữ giống cái, nghĩa là cái lưỡi của con *Schlange* hay rắn, Đức ngữ cũng giống cái. (Anh ngữ gọi cái lưỡi là *tongue*, mà từ này lại có hình thái cổ là *tang* chỉ cái "lưỡi nhọn" của rắn.) Người xưa tin rằng rắn dạy người biết nói, như huyền thoại vườn Ê-đen ngụ ý xác nhận: chính con rắn đã rỉ vào tai nàng Ê-va những lời nói đầu tiên của loài người, rồi nàng mới lặp lại với chàng A-đam, xui chàng cùng ăn quả cấm. Hèn chi các ông hay than trách các bà là "miệng lằn lưỡi rắn"! (Tiếng Việt *thằn lằn* nói nghe na ná giống tiếng Khơ-me *tlan*, nghĩa là "rắn".)

Cứ mải mê nhìn rắn, người quan sát từng li từng tí thân thể của rắn, mỗi cử chỉ, mỗi hoạt động của rắn để rồi trong trí nảy ra những ý niệm mới, thốt ra cửa miệng bằng những từ ngữ mới. Xin dẫn một vài thí dụ. Ý niệm dài (có nghĩa là hai đầu xa nhau trong không gian) chẳng phải từ trong trí óc phát ra mà từ thiên nhiên bên ngoài nhập vào trí óc qua con mắt, sau khi đăm đăm nhìn thân hình rắn. Nói tiếng Việt thì người cứ ngắm cái thân thể của con *dải* (hay *rắn* nước) rồi lần nghĩ ra ý niệm *dài* mà đặt ra hình dung từ *dài,* thấy cây

cỏ giống hình *dài* của rắn thì gọi là *dây* (như *dây* bầu *dây* bí), rồi lại tạo ra những vật dụng hình *dài* giống rắn, đặt tên là *dải* (như *dải* áo, *dải* yếm), là *dây* (như *dây* nhợ, *dây* đàn): nhiều dân tộc ở châu Phi và nơi khác tin rằng nằm mộng thấy *dây* (hoặc thiên tạo hoặc nhân tạo) là rắn báo điềm lành dữ gì đó. Lại nữa, thân hình con rắn dẫn tới quan niệm *cái rằn* là một *sọc dài.* (*Cái răng* là phần cứng mọc ở hàm trong miệng có thể cắn như nanh *rắn.*) Những dẫn chứng như vậy chẳng phải riêng cho tiếng Việt mà chung cho nhiều ngôn ngữ châu Phi, châu Âu. Người Nupe ở Ni-giê-ri gọi *rắn* là *ewa,* rồi dùng từ ấy để chỉ những cái gì hình thuôn dài, đặc biệt là cái ống làm bằng đất sét. Tiếng Đức cũng thế: ý niệm *lang* (hay dài) nảy ra là do nhìn con *Schlange* (hay rắn).

Tuy mẹ lo nghĩ nhiều vì con và làm lụng nhiều cho con, nhưng mối liên hệ ấy hạn chế ở giữa người với người, không đủ gây ra trong đầu óc những ý niệm rộng lớn, có tính phổ thông. Khi mẹ thôi ngắm đứa con đang bú, quay nhìn thấy rắn thì trong trí nảy ra hai ý niệm mới, tuy tương phản mà cũng bổ sung cho nhau: chết và sống. Trong rừng nguyên thủy châu Phi, do nhìn thấy rắn giết bằng nhiều cách vừa rùng rợn vừa mau chóng mà ý niệm cái chết lóe trong đầu óc. Rắn hay trăn có thể nuốt trộng nuốt trửng con rắn khác, con hươu nhỏ hay đứa bé: thời Trung Cổ ở châu Âu, họa sĩ muốn tả cảnh địa ngục thì vẽ con rồng, con rắn nhe nanh há mõm nuốt những kẻ phạm tội vào. Rắn cũng có thể dùng nanh cắn cho nọc độc thấm vào mạch máu tức khắc: người Do Thái tưởng tượng Tử thần có cầm gươm mũi nhọn như nanh rắn, trên ấy lóng lánh một giọt thuốc độc. Rắn hay trăn lại còn có thể cuộn mình quanh con mồi, rồi siết chặt cho đến khi tắt thở, vậy nên họa sĩ vẽ Tử thần cầm dây *thòng lọng:* cái *thòng lọng* miêu tả con thuồng luồng, cũng như trong tiếng Đức thì cái *Schlinge* (hay *thòng lọng*) miêu tả con *Schlange* (hay rắn).

Nhưng rắn chẳng những tiêu biểu cái chết, rắn còn tiêu biểu cái sống nữa. Tại sao? Tại vì rắn sinh sản rất nhiều, hoặc đẻ con hoặc đẻ trứng. Khi người Mường hay Việt kể huyền thoại nói bà Âu Cơ đẻ ra bọc trăm trứng thì ngụ ý bà tổ dân Mường, dân Việt là con trăn vậy: từ *âu* chữ Hán thật ra *là u*, có nghĩa tiếng Việt là mẹ, còn nghĩa tiếng Thái là rắn. Chồng Âu Cơ, Lạc Long là "rồng lạc": *lạc,* từ cổ, cũng như *nác* hay *nước*, mà *naak* tiếng Thái là rắn nước. Không nghe nói đến cha Lạc Long, nhưng mẹ là bà Thần Long ("rồng thần" hay "rắn thiêng") ở hồ Động Đình: người Việt "con rồng cháu tiên", nhưng tiên Âu Cơ cũng là rắn. Người xưa lấy rắn mẹ dưới nước làm tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở hoặc cho cả sự tạo thiên lập địa nữa, như huyền thoại nữ long *Tiamat* ("mẹ biển") của người Ba-bi-on: một phần có thể đó là vì thấy dưới nước rắn quá đông con, rắn con nhung nhúc cả bầy lội theo sau mẹ: dân quê nói "ròng ròng the nạ" (*Nạ* từ cổ, vừa có nghĩa là "mẹ" vừa có nghĩa là "rắn mẹ": "mặt nạ" bày ra trông giống rắn, trước hết là để đeo trong những cuộc lễ tế nữ thần rắn.)

Nhưng rắn được dùng tượng trưng cho cái sống, nguyên do chính là sự sinh đẻ của loài người, hay nói cách khác cơ thể và sinh lý phụ nữ trong sự chửa đẻ được đem ví với rắn. Nhiều dân tộc ở châu Phi, châu Úc và nơi khác tưởng tượng cái thai cùng dây rốn nằm trong bụng mẹ là con rắn lội múa trong ao, hồ hay bể, chờ ngày bọc nước vỡ thì con rắn ấy luồn ra: nói theo tiếng Việt thì trong bụng mẹ hay *mái* có con rắn hay *mai* ("Muốn ăn trứng nhạn phải lòn hang *mai*"), thỉnh thoảng cử động hay máy: lối múa xưa nhất của người Nhật thì gọi là *mei*. Nhảy múa là nghệ thuật sở trường của người da đen: đối với nhiều dân miền Tây châu Phi cái gì cử động nhịp nhàng thì họ gọi là *đa*, tượng trưng cho sinh lực hay sức sống, mà *Đa* cũng là tên con rắn nước được họ tôn xưng thờ phụng làm đấng tạo hóa. Thuở nguyên thủy, chỉ sự người đàn bà đẻ ra con là đủ cho giới nữ được kể là đóng vai tuồng tạo hóa rồi (còn vai tuồng giới nam trong sự thụ thai thì rất lâu đời ai cũng còn mù tịt). Chẳng những thế, người sản phụ lại được gắn liền trong trí tưởng tượng với con thú thiêng liêng nhất: cái bộ sinh dục hình tam giác của phụ nữ được so sánh với cái đầu tam giác của rắn, còn hai chân sản phụ giang ra để cho đứa con ló đầu chào đời thì cũng được so sánh với cái lưỡi hình chạc của rắn.

Khi những ánh suy tư mới chậm chạp lóe lên thì trong óc người mẹ ở rừng nguyên thủy châu Phi chắc cái chết lấn át cái sống lúc ban đầu. Từng giây phút đều lo nghĩ về rắn, đến đổi thành ra cái ám ảnh thường xuyên, lúc tỉnh thấy rắn mà lúc ngủ cũng thấy rắn: đó là giấc chiêm bao nguyên thủy, một ác mộng không nguôi. Người Việt nói *bóng đè,* còn người Pháp nói *cauchemar*, trong đó *mar* có nghĩa là quỉ, đặc biệt là quỉ cái, và *cauche* là động từ *caucher*, "đè trĩu làm nghẹt thở": không phải ngẫu nhiên mà trong tiếng Ba Tư danh từ *mar* chỉ con rắn, loài bò sát biết thắt chặt cho tắt thở. Nghĩa *cauchemar* là quỉ cái đến đè làm cho người ngủ nghẹt thở tiếng Anh vẫn giữ trong danh từ *nightmare*, nếu không hiểu lầm *mare* là "ngựa cái" mà là "quỉ cái", ban đêm đến phá khuấy. Khi nhà văn Mỹ Washington Irving viết "the nightmare and her ninefold" thì *ninefold* ngụ ý nói con rắn cái uốn mình thành chín vòng cuộn: số chín là số thiêng liêng của phụ nữ vì con nằm trong bụng mẹ chín tháng, nghĩa là chín lần trăng khuyết, trăng tròn. Huyền thoại Trung Hoa mô tả ả Hằng đẹp như tiên thì tiếng Việt chỉ rõ trăng là con trăn màu trắng trên trời, trăn trở thâu đêm: nhiều người châu Phi tin rằng thuở xưa kia trăng là một con rắn to lớn ở dưới trần thế. Theo Artemidorus, nhà đoán mộng Hy Lạp (kỷ hai công nguyên) thì trăng tượng trưng cho mẹ, nên khi người đàn ông ngủ thấy mình giao cấu với trăng thì đó là mơ ước trở vào bụng mẹ, một điềm không hẳn là xấu: chắc các nhà phân tâm học môn đệ của Sigmund Freud hay Carl Jung cũng đồng ý.

Người nguyên thủy nằm ngủ thấy rắn, thức dậy thì loạn ảo cũng thấy rắn, rất khó biết đâu là mộng, đâu là thực. Trang Châu chiêm bao tưởng mình hóa bướm, mà con bướm là hóa thân của một loại rắn, con sâu: truyện này

thi vị hóa và triết lý hóa lối sống hãi hùng của người xưa ở trong rừng nguyên thủy châu Phi, luôn luôn khiếp sợ vì bị rắn bao vây, hầu như không phân biệt lúc nào tỉnh, lúc nào mê. Các bộ lạc thổ dân châu Úc còn giữ dấu vết tâm trạng ấy, vì họ coi tất cả vũ trụ như giấc mộng dài (Người Aranda ở miền trung gọi là *Alcheringa*), dĩ vãng, hiện tại, tương lai chỉ là một: trường sinh vĩnh cửu là một nữ thần rắn mẹ cao cả (tùy nơi gọi nhiều tên khác nhau, *Bolung, Kunapipi, Ngalyod, Ungud*, vân vân) và nhiều hồn rắn con, nhập vào đàn bà, phụ nữ khi họ nằm mộng, và được đẻ ra thành người, rồi khi người chết thì hồn rắn lìa xác người trở xuống ở các ao, các hồ đợi đầu thai kiếp sau. Quan niệm của thổ dân châu Úc chẳng khác gì thuyết luân hồi đạo Phật, mà cả hai đều bởi sự người xưa tin tưởng là rắn khác người -khác người nam- ở chỗ rắn lột da sống đời, cũng như người nữ cứ đẻ ra người nữ mà tiếp tục sống mãi mãi vậy (tiếng Pháp gọi là *l'éternel féminin*). Cũng do đó nảy ra huyền thoại con rắn tự cắn đuôi thành một cái vòng vô tận (tiếng Hy Lạp gọi là *uroboros*), biểu hiện mộng trường sinh bất tử của loài người, đặc biệt là của giới nam nhi: đàn bà châu Phi ở vùng Dahomey vẫn còn đeo vòng tay hay xuyến hình rắn ngậm đuôi, tượng trưng cho sự trường sinh bất tử của giới nữ.

Vì cữ tên rắn, Phật thoại nói trớ nói trệch là Đức Thích Ca hóa thành con bạch tượng chui vào bụng mẹ, hoàng hậu *Maya* (hay "Mẹ"), lúc bà nằm mộng: trong tiếng Phạn, *naga* vừa chỉ voi vừa chỉ rắn (cặp ngà cũng như hai nanh), còn *nagar* thì có nghĩa là mẹ. Người theo đạo Phật mong lên cõi Niết Bàn nghĩa là siêu thoát khỏi Ảo thế hay *Maya*: từ *maya* đúng nghĩa cụ thể là "mẹ", mà mẹ hay giới nữ biểu hiện cho xác thịt, cho vật chất (cũng như *matter* tiếng Anh có nghĩa "vật chất" là gốc ở *mater* tiếng La Tinh có nghĩa "mẹ".) Vậy đạo Phật xuất phát từ mơ ước của tu mi nam tử muốn chối bỏ, rời bỏ xác thịt, vật chất để vươn đến cuộc sống hoàn toàn tinh thần, không còn bị mẹ ràng buộc nữa, không còn lụy giới nữ nữa. Đạo Phật được lập ra cũng là đánh dấu giai đoạn trong tiến trình xã hội loài người lúc chuyển từ mẫu quyền sang phụ quyền, khi con trai khôn lớn đòi cướp quyền mẹ. Trong huyền thoại nhiều dân tộc, trang "anh hùng văn hóa" (*culture hero*) bao giờ cũng là chàng trẻ tuổi đi chinh phục một con quái vật nào, thường là rắn hay rồng. Tích chàng Gioóc hạ con rồng (sau được tôn là thánh bảo hộ nước Anh) là truyện ngụ ngôn ca tụng đạo Cơ Đốc thắng các "tà giáo" xưa của xã hội mẫu quyền hay mẫu hệ. Cũng dụng ý đó đặt ra truyện thánh Pa-trích đuổi rắn rết khỏi xứ Ai-len. Thạch Sanh chém chằn thì con yêu tinh ấy hiện nguyên hình là trăn, trăn trở quằn quại dưới đất.

Trong rừng nguyên thủy châu Phi, bị rắn đe dọa mãi mà người lại là con thú yếu thế nhất, dễ bị tiêu diệt nhất: không nhanh chân chạy, không cánh bay, không nanh vút chống trả tự vệ. Chính vì vậy, bù lại người lấy trí làm sức mạnh để sống còn, lần lần trở nên khôn, tạo ra lời nói và lập ra lối sống riêng biệt, hơn khỉ hơn vượn. Bị hình ảnh rắn loay hoay mãi trong trí óc, con người lần lần biết chú ý, biết tập trung tư tưởng, nhờ đó hệ thần kinh được mở mang

hơn tất cả các thú vật kia trong rừng. Lại nữa, vì cứ coi chừng rắn như thể bị rắn mà mắt mê hoặc, con người đâm ra nhại rắn, bắt chước rắn, học trò rắn để suy ra ý này ý nọ, để đặt ra những từ mới cho lời nói, để chế ra đủ thứ dụng cụ cũng như để bày ra mọi lối sống vật chất hay tinh thần, mọi cách tổ chức cộng đồng và xã hội.

Đâu là nguồn gốc các bộ môn nghệ thuật ? Đã có nhiều lý thuyết gia bàn đến đề tài ấy. Người viết bài này xin đóng góp cách hiểu của riêng mình. Ta thường nghe nói: "Nghệ thuật bắt chước thiên nhiên" (*Art imitates nature*). Phải nói rõ hơn, đúng hơn là "nghệ tuhật bắt chước rắn", vì người nguyên thủy không nghĩ cách trừu tượng như các nhà phê bình bây giờ mà chỉ thấy những hình ảnh cụ thể: trong đầu óc họ tưởng tượng thấy "thiên nhiên" là một nữ thần rắn. Tiếng Anh ngày nay còn nói *Mother Nature,* nghĩa là "mẹ thiên nhiên". Nếu chuyển âm thành ngữ ấy sang tiếng Xen-tích (ngôn ngữ của một số người Ê-cốt hay Ailen) thì có thể nói *Mathar Nathar*, mà trong ấy *mathar* có nghĩa là mẹ, còn *nathar* có nghĩa là rắn: "mẹ rắn". Vậy tất cả nghệ thuật ban sơ đều chỉ là những lối mô phỏng loài rắn, mỗi lối mỗi khác nhưng cùng đi chung tới một mục đích là thờ phụng nữ thần rắn cho bà ban phúc, không giá họa. Vũ hay múa thì bắt chước cách rắn cử động nhịp nhàng. Nhạc thì bắt chước tiếng rắn hót hay khua động những cái lục lạc sừng ở đuôi: thi ca khởi đầu là những câu chú không có nghĩa gì người hiểu nổi (thí dụ, âm hề trong thơ cổ nước Sở), nhưng nghe xì xào như rắn hót, phù thủy hay bà đồng thầy pháp ngâm lên để thấu tai nữ thần rắn trong thế giới bên kia. Họa thì vẽ hoặc xăm hình rắn lên da người, rồi trên vỏ cây, đá, vải, bố, giấy. Kịch tuồng thì là cả một cuộc nghi lễ đa diện gồm vũ, nhạc, họa, điêu khắc, thuật trang hoàng, vân vân, để hy sinh cúng tế cho Thần Mẹ (như Cửu Thiên Huyền Nữ trong tín ngưỡng dân gian). Đối với người xưa Thần Mẹ là rắn cái, tượng trưng cho sinh tử trong trời đất, biết đẻ nhiều mà cũng biết giết nhiều: vừa là đấng Tạo Hóa vừa là đấng Hủy Diệt. Cái thế giới Thần Mẹ thống trị người thổ dân châu Úc tưởng tượng là một giấc mộng triền miên: họ gọi bà tên này tên khác, nhưng luôn luôn thấy bóng bà thấp thoáng trong con rắn da long lanh ngũ sắc cầu vồng.

HUỲNH SANH THÔNG



NGUYỄN HUY THIỆP

mưa nhã nam



Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Tôi sẽ kể chuyện này cho anh, vì anh, anh bạn ạ, bởi đến năm nươi tuổi anh sẽ thành ông lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho chị, vì chị, chị bạn ạ, bởi đến 40 tuổi chị sẽ trở thành bà lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cậu, cậu câm miệng đi, cậu còn trẻ quá, cậu là thằng ngốc.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cô, vì cô sẽ đi lấy chồng. Lúc ấy chỉ toàn những chuyện nhọc nhằn thôi, không ai kể chuyện cho cô nghe cả.

Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Chuyện thế này... Một câu chuyện nhỏ về Hoàng Hoa Thám, tức Đề Thám, Tức Hùm Xám Yên Thế trong lịch sử có giống ông Đề Thám mà tôi kể không? Còn ông Đề Thám như tôi biết (tôi rõ ông ta): ông ta là một anh hùng, cũng là một người nhu nhược.

Đấy là khoảng năm..., thời kỳ người Pháp giảng hòa với Đề Thám. Vốn hay đùa nhả trong chính trị, người Pháp thỉnh thoảng có mời Đề Thám về Hà Nội hoặc Bắc Giang chơi. Lần ấy, thống sứ Bắc kỳ là ông Mô-ren thông qua công sứ Bắc Giang có mời Đề Thám đến Bắc Giang dự một buổi tiếp tân.

Cả Dinh dẫn người đưa thư đến gặp Đề Thám.

- Có nên đi không? - Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình.

- Đi chứ! - Những người già quả quyết.

Thế đấy, những người già! Với họ chẳng có việc gì là đáng kể. Trước mắt họ là cái chết. Những cơ hội tốt nhất trong đời họ đã bỏ lỡ cả rồi.

- Đi làm gì! - Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh cau có trả lời.

Thế đấy, các bác Cả! Các bác Cả thường rất khoảnh. Chúng ta thông cảm với họ, nếu chúng ta tự mình như họ, trần lực như họ, không có ai đáng bàn bạc, họ phải tự gánh lấy trách nhiệm của họ, nghĩa vụ của họ, giá trị của họ.

- Thế còn bà? - Đề Thám hỏi bà Ba Cẩn. Bà Ba là người phụ nữ đáng kể nhất trong cuộc đời Đề Thám. Bà là người phụ nữ duy nhất có mặt nơi này, giữa những tên tuổi hào kiệt lừng danh của phong trào nông dân Yên Thế.

- Ông nên làm điều có nghĩa, - Bà Ba trả lời rồi thở dài. Bà có tật như thế khi phải băn khoăn, lưỡng lự điều gì.

Đề Thám bảo mọi người lui ra để ông ngồi lại một mình. Ông nghĩ. Những ý nghĩ của ông bắt đầu phiêu lãng. Thường ý nghĩ của ông bắt đầu từ một vật gì đó cụ thể, tức thời đập vào mắt ông. Thí dụ từ bông hoa hồng.

Này bông hoa hồng
Giá trị của mày là khoảnh khắc
Ai biết mày khi đang kết nụ?
Ai để ý mày khi mày úa tàn?
Ôi hoa hồng, hoa hồng
Phút giây này thật tuyệt vời
May cho kẻ tình nhân gặp mày lúc này
Môi hồng của thiếu nữ cũng thua mày
Hương trầm kia sánh sao được vị thơm nơi nhụy hoa?
Và những cánh mỏng mịn mà kia,
khiến tất cả vật khác thành phàm tục
Hoa hồng, ôi hoa hồng
Ta tiếc cho kẻ vô tình quên bẵng mày
Và giật mình ghen tị với kẻ vô danh nhanh tay
Không biết ai hái mày hôm qua
Kẻ ấy cư xử ra sao với mày?
Hắn có chôn mày trong tim không?
Trái tim ấy có rộng lượng không,
có đủ chỗ cho mày ngụ không?
Trái tim ấy có đủ máu không?
Ước không có giông bão lọt vào đấy
Rồi mày cũng nát tan thôi, em ạ, cô em ạ,
hắn không đáng kể gì, hắn không biết cách
"Chơi hoa nào đã mấy người biết hoa"...

Đề Thám *không* nghĩ như thế, dĩ nhiên rồi. Có điều, hôm ấy trong đồn Phồn Xương ông đã cầm lên tay một bông hoa hồng. Ông nghĩ về điều khác.

Ông đặt mình vào vị trí của Mô-ren, vào vị trí của những người Pháp. Ông cho rằng buổi tiếp tân chẳng quan trọng gì và sự có mặt hay không có mặt của ông đều chứa hiểm họa. Ông sẽ mang tiếng hèn nhát nếu không từ chối. Ông sẽ thành lố bịch nếu ông có mặt.

- Thế lố bịch hơn hay hèn nhát hơn? - Đề Thám tự hỏi. - Thôi thì lố bịch còn hơn hèn nhát!

- Tôi sẽ đi, đi một mình, đi ngựa... Sẽ ăn mặc như một chàng rể... - Đề Thám vừa nói với bà Ba Cẩn vừa đội lên đầu chiếc khăn xếp trứ danh thửa mãi tận phố Hàng Lọng Hà Nội, chiếc khăn quái đản: không thể dùng làm mũ, cũng không thể dùng để lau mặt được.

- Ông muốn đi ngựa thì đi... nhưng đến Bắc Giang tôi sẽ cho phu kiệu đón. - Bà Ba nói vậy rồi lại thở dài.

Đề Thám bực mình: ông không thích người ta quan tâm nhiều quá đến mình. Ông bảo:

- Đừng làm phiền tôi.

- Nhưng ông làm phiền mọi người. - Bà Ba bẻ lại.

Sự đời là thế. Bà Ba có lý của bà Ba, cũng như bà Cả có lý của bà Cả vậy.

Đề Thám giật cương, thúc con ngựa ô ra khỏi cổng đồn Phồn Xương. Ông cho ngựa đi bước một, lang thang trong rừng. Ông thích như thế.

Đây là thiên nhiên: cành cây xòa trước mặt, tiếng chim hót, những giọt nước mưa đọng lại trên cây, mùi lá mục ẩm ướt, những con chim xanh, con chim đỏ, con chim vàng, những cánh mối ướt rụi, những con bọ nhảy, tiếng vượn kêu não nùng, bông hoa bé xíu... Tất cả hương vị, màu sắc của thiên nhiên đều chân thực, thanh khiết, đều khiến ta cảm động đến tận đáy sâu tâm hồn.

Đề Thám đi miết. Có thể ông nghĩ gì đấy về tuổi ấu thơ đắng cay tủi nhục, những ngày ông phải đi ở tận mãi Tiên Lữ, Hưng Yên. Có thể ông nghĩ về Đề Nắm (Lương Văn Nắm), người đã trao quyền cho ông ở vùng Yên Thế, Nhã Nam này. Có thể ông nghĩ về cái mà ta vẫn gọi là "trường tranh đấu", sự sống hoặc cái chết.

Đề Thám đi xuyên qua rừng mỡ, rừng dẻ, rừng lim và rừng nhội gai. Ông trông thấy một con phượng hoàng bay qua trước mặt. Ông nói:

- Nếu ta nhìn thấy mày hai mươi năm trước thì ta thích.

Đến giữa trưa thì Đề Thám rẽ vào nhà một người quen ở gần Kế. Đây là nhà ông đồ Hoạt. Ông đồ Hoạt có nhà. Các ông đồ thường chẳng đi đâu cả: các ông ở trong *bổn phận* mình, trong *kiến thức* của mình (thực ra là của những con thú to hơn), trong *thành kiến* của mình, trong *giá trị* của mình.

Ông đồ Hoạt là người hay chữ, hay thơ. Và như thế, nghĩa là ông chẳng giàu có gì.

Ở nhà ông đồ, Đề Thám được đón tiếp như người nhà. Thoắt cái, đã thấy bà đồ Hoạt bưng lên một mâm lòng lợn, có cả một đĩa phèo nõn nà. Mùi mắm tôm chanh, mùi rau húng thơm lừng. Bà đồ Hoạt cười bảo Đề Thám:

- Chị vẫn biết chú thích món này!

Ông đồ Hoạt nói:

- Bà gọi ông Lũy với thằng Hoạt ra đây cùng ngồi.

Ông Lũy là ông hàng xóm, người nổi tiếng về tài ăn trộm trâu bò của bọn hào lý trong vùng. Hoạt là con trai duy nhất của ông bà đồ, bị khoèo tay, tính tình e thẹn.

Bữa rượu vui vẻ, thân mật. Mọi người đều ca thán về nạn sưu thuế, thói nhũng lạm, thái độ mất dạy của bọn quan liêu.

- Thời đại chó má!

Mọi người đều thấy đúng là thời đại chó má. Họ dốc vào họng thứ rượu nấu bằng sắn, thứ rượu mạnh đến nỗi có thể châm lửa đốt cháy được, để hòng làm dịu đi nỗi phiền muộn.

Đề Thám kể cho mọi người nghe chuyện bắt sống chủ bút tờ báo *"L'-Avenir du Ton Kin"* (*) mấy năm trước, chuyện trung tá Péroz đến đồn Phồn Xương thương lượng để ký khế ước ngừng chiến.

Đang câu chuyện, Đề Thám hỏi ông Lũy:

- Ông có đủ thịt ăn không?

- Nhờ giời, - tay trộm trả lời, - không phải lúc nào cũng ăn thịt bò, nhưng thịt gà thịt vịt cũng ngon.

Đề Thám nói:

- Nếu ông ở chỗ tôi, tay Ba Biều sẽ nện cho ông một trận rồi tống ông vào trại. Tôi không thích trộm cắp vặt vãnh.

Ông Lũy bảo:

- Tôi không đến chỗ ông vì thế, tôi biết tôi chẳng ra gì vì vướng nợ đời. Tôi giành công bằng theo lối trâu bò gà vịt chứ không phải theo lối con người. Chỉ xin ông đừng khinh tôi.

- Tôi không khinh ông, - Đề Thám nói, - nhưng cũng chẳng trọng.

- Đa tạ ông. - Ông Lũy đứng dậy chắp tay vái. - Ông và bác đồ cho tôi lỗi phép.

Ông Lũy đi ra. Mâm rượu còn lại ba người. Ông đồ Hoạt nói:

- Anh Đề ạ, cái đầu anh thật kiêu hãnh, thật đáng giá. Toàn quyền Đông Dương (**) thật hà tiện khi đặt giá đầu anh 30 ngàn quan.

Đề Thám cười:

- Bác vẫn làm thơ đấy chứ?

- Vẫn làm... thế mới đê tiện. - Ông đồ Hoạt đỏ mặt. - Còn anh, anh cũng làm thơ theo lối của anh phải không?

Đề Thám nói:

- Không... Tôi không biết chữ.

Ông đồ Hoạt lắc đầu:

- Mặc xác anh! Anh vẫn là một nhà thơ đáng kể nhất! Ai bảo anh sống thế? Anh là một tên thi sĩ ma vương! Anh làm sao tránh được danh hiệu đáng sợ ấy! Anh đã làm những điều mà bọn văn chương suốt đời thèm muốn.

Chúng không làm sao biến được ngọn bút của chúng thành ngọn giáo hay cái câu liêm!

- Giáo hay câu liêm, thì tôi có thừa, - Đề Thám nói, - nhưng tôi khát khao điều ấy...

Điều ấy, nào, bác Cả, bác biết là điều gì không?
Đâu là giá trị tinh thần, vật chất nơi bác?
Chúng ta chỉ vẻn vẹn có mạng sống này thôi
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê
Những con đường chúng ta đi qua
Tất cả đều xám xịt, lầm bụi
Mỗi cung đường, mỗi vận hạn đều xám xịt, lầm bụi
Mà vầng trăng kia xa lắc
Vầng trăng kia lơ lửng trên đầu
Có đôi mắt nào mở to trong tim ta
Và mỗi cái chớp mắt đều khiến ta nhói lòng
Sẽ phải khởi nghĩa thôi, phải tranh đấu cùng số phận
Trăm năm trước cũng thế, trăm năm sau cũng vậy
Ta phải dấn thân, phải đốt lửa
Ngọn cờ ta phất lên là giá trị cuộc đời
Bác Cả, cuộc chiến này thật khốn nạn
Bác có chối cũng chẳng được
Làm người chỉ có một lần, làm người thật khó...

Đề Thám hỏi:

- Thằng Hoạt bao giờ lấy vợ?

- Chắc nó ở vậy. - Ông đồ thở dài. - Không hiểu sao đàn bà chỉ thích những tên đàn ông nhăng nhít, dê cụ, khả ố, đểu cáng... Thằng Hoạt nhà tôi lại đứng đắn quá.

Đề Thám cười:

- Tôi nhớ tôi đã ăn lễ dạm hỏi ở nhà này rồi. Thằng Hoạt sẽ làm rể Chánh Trương cơ mà?

- Đúng vậy. - Ông đồ gật đầu. - Tôi đã hỏi con bé Xoan cho nó. Trầu cau đưa rồi, cuối năm nay cưới nhưng Chánh Trương lại muốn chạy làng, định gả con Xoan cho lão nghị Trường. Lão ấy góa vợ, nhà giàu nứt đố đổ vách.

- Tôi biết nghị Trường, - Đề Thám nói. - Thằng già ấy lẩm cẩm lẫn lộn, khôn như cáo, nói chuyện với ai cũng chỉ gật đầu.

- Anh Đề! Anh hãy giúp đỡ chúng tôi. - Ông đồ năn nỉ. - Anh vốn hào hiệp... Anh đừng để con trai tôi xổng con bé ấy.

Đề Thám nhìn Hoạt. Cậu thanh niên e thẹn thở dài. Ngoài cổng xôn xao, trông ra đã thấy Thống Luận, Bang Kinh và mấy phu kiệu thập thò đứng đón. Bà Ba Cẩn không quên lời hứa. Đề Thám biết rằng bà Ba đã đúng trong

trường hợp này: ông không thể vào dinh công sứ Bắc Giang như một *phần tử cực đoan lãng mạn*, ông buộc phải tiền hô hậu ủng như một *đại diện cho nhiều người.*

Đề Thám lên kiệu. Ông bảo ông đồ:

- Tôi sẽ gắng làm hết sức.

Hoạt chào Đề Thám, đôi mắt chứa chan hy vọng.

Đề Thám nói với Bang Kinh:

- Mang con ngựa ô đi theo. Khi về tôi về bằng ngựa.

Bảy giờ tối, Đề Thám đến dinh công sứ Bắc Giang. Các quan chức và sĩ quan Pháp đi ra đón ông. Họ ngạc nhiên trước người anh hùng nổi tiếng, người được coi là "đại diện cho tâm hồn An Nam" (***) trông y hệt một tay địa chủ nông thôn họ vẫn thường gặp: cũng khăn xếp áo đen, áo lương, quần trắng, đi giày Gia Định. Đề Thám khác người là ở thần thái, ở tinh thần tự chủ cao, nhãn quan bao quát rộng, nếu có kể thêm thì đấy là sự buồn nản thất vọng về phẩm cách con người nói chung thỉnh thoảng lộ ra ở khóe nhìn vô hồn nơi ông.

Đề Thám trông thấy đám quan chức người Việt đứng túm lại thật hèn hạ. Ông nhận ra nghị Trường, Chánh Trương và cả Xoan, con gái lão, người đã đính hôn với con trai ông đồ Hoạt.

Tôi sẽ không kể gì về buổi tiếp tân này. Theo sử sách ghi chép thì người Pháp ở giới thượng lưu thời ấy đều nhẹ dạ, ngông cuồng, xa hoa; đa phần người Pháp "thực dân" còn lại trong các guồng máy cai trị cồng kềnh, lại vừa ngu vừa ác. Bầu không khí tinh thần của thời "thuộc địa nửa phong kiến" ấy đại để như sau: thói ham tiền hám của trộn lẫn với lòng thèm khát khoái lạc vui chơi, chế độ nô lệ tàn bạo bày ra trắng trợn ở các hầm mỏ, đồn điền; đám nha lại người Việt coi thuế là nguồn thu chủ yếu để xây lợp mái nhà Tổ quốc, có chỗ xây lợp bằng đá thật, có chỗ xây lợp bằng các tờ báo lá cải và chứng từ kế toán giả mạo, "con rồng tre An Nam" tìm cách nhảy chồm lên trong tiếng tom chát ở các ổ chứa và tiếng vỗ tay trong các hội đoàn, thỉnh thoảng lại giật mình co lại bởi tiếng súng kíp hoặc súng hỏa mai tự chế ngoài biên giới... Việt Nam đầu thế kỷ XX là một đất nước nghèo nàn, gần như mọi rợ...

Buổi tiếp tân không làm Đề Thám thú vị chút nào. Lựa dịp thuận tiện, Đề Thám nói với Chánh Trương:

- Tôi muốn nói chuyện với con gái ông.

Tôi không biết Đề Thám đã nói với Xoan những gì hôm ấy, chỉ biết rằng cô rất bối rối xúc động.

Cô gái, lời nói nào làm cô bối rối xúc động?
Những lưỡi dao cứa vào sĩ diện cô ư?
- Không phải!
Những lời tán tỉnh rườm rà hoa mĩ ư?
- Cũng không phải nốt!

Ngôn ngữ trở nên ghê tởm,
nhớp nhúa như trên miệng bọn tiểu nhân
Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất
Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng
Tựa như tiếng tù và
Như tiếng kèn đồng
Như tiếng chuông vọng...
Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người
Buộc họ soi vào lòng mình như soi mặt xuống lòng hồ
Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng, của người chính trực
Nó làm ta bối rối xúc động
Ta không trốn được
Thứ ngôn ngữ không hề phù phiếm, cũng chẳng tân kỳ
Thứ ngôn ngữ của giống nòi truyền lại
Thứ ngôn ngữ của lương tri không bao giờ mất...

Đề Thám ra về trước khi buổi tiệc kết thúc. Không có bất trắc gì xảy ra cho ông và các thủ hạ đi theo. Đề Thám chia tay với mọi người ở triền đê sông Thương, ông lên con ngựa ô rồi theo con đường mòn rẽ vào rừng, ở đấy có lối đi tắt về Nhã Nam.

Đề Thám đến cửa rừng thì thấy Xoan đứng đó. Sự biến động trong tinh thần khiến khuôn mặt vốn trắng hồng của cô gái tái nhợt hẳn đi.

Xoan nói:

- Em van ông... ông hãy cho em đi theo. Đi đâu cũng được...

- Cô phải về đi, - Đề Thám nói. - Cô phải chọn Hoạt.

- Không... - Xoan nức nở.

Đề Thám đón Xoan lên con ngựa ô rồi thúc con ngựa vào rừng. Đêm trong rừng mênh mông và hư ảo lắm. Tiếng côn trùng rỉ rắc. Mùi hương rừng nồng nàn. Bóng tối sẫm đen trên các tán lá cây, sẫm đen nơi hốc đá, sẫm đen cả trên mặt đất. Rừng vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Rừng muôn đời là thế. Thiên nhiên muôn đời là thế: vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Tất cả đều đẩy con người về nơi tận cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thúc thủ trong phần sinh linh bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực; nó chớp đôi mắt phấp phỏng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình: là ai? đi đâu? thế nào? làm gì? tiến đến đâu? bao giờ thành tựu? Bao giờ kết thúc?

Đề Thám và Xoan đến chỗ có hai ngả rẽ một vào căn cứ Hố Chuối và một về Kế thì mưa. Mưa tháng Tư là thứ mưa đầu mùa ở vùng nhiệt đới. Nhoằng một ánh chớp, một làn gió thoảng qua là mưa liền, không sao lường được. Bắt đầu tưởng là cơn mưa bóng mây không phải ngại gì, bỗng thoắt là mưa đá, sấm rền, sét nổ. Mưa như roi quất, tàn bạo, hung hãn. Mây đen cuồn cuộn, gió giật liên hồi rồi mưa như những thác nước trên cao đổ xuống ào ào.

Con ngựa không thể đi được vào trong hẻm núi. Đề Thám gầm lên một tiếng như lời chửi rủa, cũng gần như lời than thở rồi thúc đầu gối vào *ức phải* con ngựa cho nó chạy xuống cánh đồng, ngả rẽ về Kế. Một lúc sau, hai người đã ở trong nhà ông đồ Hoạt.

- Ta đã biết mà. - Ông đồ bảo Xoan.- Ta biết con sẽ là một người con dâu thảo hiền, tín nghĩa...

Bà đồ cuống cuồng giục Xoan đi thay áo quần kẻo lạnh. Hoạt vung vẩy cánh tay khoèo, khuôn mặt tràn trề hạnh phúc.

- Anh Đề! - Ông đồ nắm lấy vạt áo Đề Thám,- Anh hãy ở lại đến mai hãy về...

- Không! - Đề Thám lắc đầu. Những giọt nước mưa mặn chát ướt đầm trên khuôn mặt ông. Ông nhảy lên ngựa rồi phóng thẳng vào trong màn mưa dày đặc.

Mưa như thế, bắt đầu từ lâu rồi
Trên mặt đất, những con bọ cứ bò lổm ngổm
Tôi không biết con người khát khao điều gì trong cõi sống này?
Hình như điều thiện bắt đầu từ tình yêu phải không?
Điều thiện buồn tẻ vì nó nhạt nhẽo
Điều thiện tầm thường vì nó an toàn
Điều thiện tệ hại vì nó giết đi đam mê
Anh có sợ điều thiện không?
Chị có sợ điều thiện không?
Và em nữa?
Em có bao giờ ghê tởm điều thiện bằng như điều ác?
Rồi mưa cùng với thời gian sẽ xóa đi thôi, xóa hết
Xóa tất cả, rửa đi tất cả
Người ta sẽ rửa chúng ta đi như rửa xương khi bốc mộ
Trong đêm không có ánh mặt trời
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ
Tất cả xương người đều như thế:
Tất cả đều rời rạc, đen đúa, khô khan
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ
Có cơn mưa nào?
Có đôi mắt nào nhòa ướt cho anh?

Đề Thám phóng ngựa vào rừng. Mưa quất vào mặt ông bỏng rát. Ông bỗng òa khóc. Ông òa khóc cho mình, cho người, cho tất cả những hữu hạn của chính mình, của mỗi người. Đề Thám sụt sùi như một người thường; một anh bán bánh đa mật ở chợ Kế, một viên công chức quèn, một chàng thợ bạc vụng về, một ông giáo nghèo... Ông khóc như một người nhu nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bổn

phận, nghĩa vụ, cương tỏa. Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa.

Đề Thám đi suốt đêm mưa trong rừng. Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu một toán quân đánh đồn binh Pháp ở Kép, tất cả binh sĩ trong đồn đều bị giết sạch. Từ đấy chấm dứt thời kỳ hòa hoãn giữa ông và người Pháp.

Mấy năm trước tôi gặp bà cụ Xoan ở huyện lỵ Yên Thế gần đồn Phồn Xương, nơi bây giờ trở thành một phố chợ sầm uất. Bà cụ già 84 tuổi, tóc bạc trắng, trông rất hiền lành. Tôi hỏi bà cụ về cuộc đời bà cụ trải qua, bà cụ kể lể không biết bao nhiêu những điều cơ cực nhọc nhằn xảy ra trong cuộc đời mình: nào người chồng tính nết dở hơi thô bạo, nào đói kém, nào con, nào cháu, nào tật bệnh, nào chiến tranh... Tôi đứng trên quả đồi khô cằn toàn sỏi nơi bà cụ phát hoang để xây dựng cơ nghiệp cho gia đình mình, trong lòng vô cùng cảm động thương xót. Tôi hỏi điều gì đã làm bà cụ vượt qua được hết nhọc nhằn gian khó trong bao nhiêu năm tháng ấy, bà cụ cười móm mém để lộ hai hàm lợi không còn một cái răng nào rồi vạch áo cho tôi xem tấm ngực trần hom hem với đôi vú teo tóp răn reo. Bà cụ nói:

- Ông ấy muốn thế... Tôi không phụ lời tôi hứa... Ông ấy là nguồn an ủi suốt cuộc đời tôi...

- Ông ấy là ai hả cụ?

- Ông ấy kia kìa... Bà cụ chỉ về bức tượng xi măng cốt thép đứng trên đỉnh đồi ở gần di tích Phồn Xương. Ông ấy chẳng hề nói năng gì cả...

Tôi biết Đề Thám đã không hề nói năng gì cả từ năm 1913, hơn 80 năm rồi...

Hôm tôi ở Nhã Nam trời cũng mưa, nhưng là cơn mưa bóng mây, một thứ mưa xoàng.

Tôi kể chuyện này đến đây là hết.

NGUYỄN HUY THIỆP

(*) Tương lai xứ Bắc Kỳ.

(**) Pôn Đu-me (Paul Doumer)

(***) Lời của nghị sĩ Mỹ Met-si-my ở nghị viện Pháp ngày 18-11-1909.



DU TỬ LÊ

khỏa thân, mềm

phố thu bóng nghe hàng cây nói mớ
đêm /nghiêng mình/ xếp lại những đường cong
gai trí nhớ lể nỗi buồn khép miệng
lửa hân hoan /tâm trí/ khỏa thân, mềm.

phác họa 95/2

em đừng quên những chiếc lá
đêm đêm chẳng cần gặp ai /vì ai/ cho ai/
vẫn khóc
nó cảm động chính nó
em hãy cảm động với nhan sắc (dù cho đẹp đẽ hay xấu xí) của mình
không nhất thiết phải có anh
để khóc

em đừng quên những vì sao
đôi khi chỉ vì tuyệt vọng chính mình
chẳng cần phải gặp ai /vì ai /cho ai/
rớt xuống
em hãy rớt xuống lòng mình
không nhất thiết phải có anh
để ngã

em đừng quên những bông hoa cosmos nở mỗi mùa
(như /tiếng hót những con chim/
cọng sung đầy mủ/)
đâu cần gì phải gặp ai /vì ai/ cho ai/
hoa vẫn nở

chim vẫn hót
sung vẫn đầy mủ
nở ra/ hát ca/ sinh sôi/
rồi chết

tại sao cứ phải vì ai /cho ai /
khi vạn vật vốn một
khi chúng cũng có thể /nhìn /nói/ về ta
hệt như
ta nói hoài hủy (mấy nghìn năm)
về cỏ cây /thiên nhiên /đồng loại
nhưng chúng im lặng
(bởi im lặng nào cũng lớn lao một triệu lần hơn
đặt điều /lớn lối)
và, em thật lớn lao
bởi em ở bên kia
mọi đặt điều /lớn lối.

phác họa 95/3

mở cửa chiều thứ tư
ta nói chuyện với bà con /anh em / chú dì /cha mẹ
những người chết lâu
hay mới chết

mở cửa chiều thứ tư
ta nói chuyện với em
câu chuyện bình thường giữa hai người
yêu nhau
dù cho một trong (hay cả) hai ta
đã chết

mở cửa chiều thứ tư
chiếc hành lang
nối liền những ngôi mộ cổ

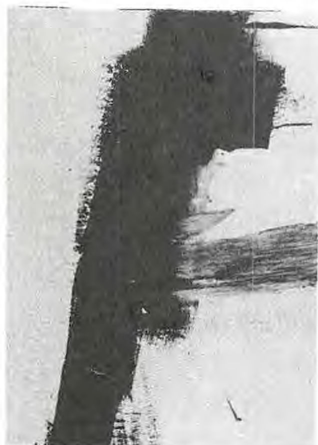
mở cửa chiều thứ tư
công việc của thơ đấy.

DU TỬ LÊ



TRẦN DOÃN NHO

một người lạ mới đến



Đợi cho đám khách mới vào ổn định chỗ ngồi và bắt đầu gọi thức ăn, Đực mới rút túi ra mấy miếng giấy cắt tròn bằng đồng xu đến các bàn đặt xuống, mỗi bàn một cái. Mấy người khách mới vào tò mò nhìn Đực, không hiểu Đực đang làm gì, nhưng chẳng hỏi. Một người đàn ông, hẳn là quen thuộc lối làm ăn của Đực, nói lớn:

- Những đóm mắt hỏa châu ơi!

Đực nhìn quanh cười cầu tài, một tay cầm cặp muỗng gõ vào tay kia làm nhịp, rồi bắt đầu hát. Hát đâu độ hai ba câu "những đóm mắt hỏa châu", Đực lại chuyển qua "Xuân này con không về". Tiếng hát trông bộ cũng mùi mẫn, thỉnh thoảng kèm theo vài cái nấc, cái láy kiểu Chế Linh. Khách khứa vừa ăn vừa liếc nhìn. Người ta nghe tiếng hát thì ít mà nhìn bộ điệu của Đực thì nhiều. Đực có thể làm cử động theo nhịp hai cái dái tai, lỗ mũi và cả cục thịt thừa nơi cái chân cà vẹt của Đực.

Hát chừng hai bản, Đực lại nhảy cò cò, trồng cây chuối. Xong, Đực đút muỗng vào túi quần, lấy cái mũ trên đầu xuống lật ngửa, đi từng bàn. Bàn nào có cho ít đồng thì Đực lấy tấm giấy trên đi, bàn nào không cho, Đực cứ để đó, không than phiền, năn nỉ. Đực không muốn làm phiền lòng khách, vì Đực nghĩ, biết đâu lần này, chỗ này, người ta không cho, mà ở chỗ khác, lần khác, người ta lại cho. Nếu có tức quá, Đực đợi ra đường, nhìn theo khách chuởi đổng, rồi thôi.

Đến bàn có đám khách mới, không đợi Đực ngã mũ, một người đã bỏ một nhúm tiền vào tay. Đực nhét vào túi quần, không đi bàn khác, cứ đứng xẩn

vẩn, mắt nhìn chằm chằm vào những thức ăn thừa còn la liệt trên bàn. Khách vừa đứng dậy, Đực bưng tô bún còn hai phần và mấy cục mỡ to tướng húp lấy húp để. Tay kia bốc các đồ ăn khác bỏ vào bịch ni lông. Chị bồi bàn nóng mặt tới giựt ra, khiến mấy miếng thịt nạc, chả rơi tung tóe xuống nền nhà. Một con chó chồm tới, đớp hai ba miếng. Thằng bé con lấp ló ở cửa nãy giờ cũng chạy vào lùa ít miếng vào chiếc ca nhựa cáu bẩn. Riêng Đực, Đực lấy bao ny lông khác, tiếp tục lùa đồ ăn. Lần này, Đực cẩn thận không để cho bị giựt. Xem bộ đã thỏa mãn, Đực nhe răng cười, hớn hở đi ra khỏi quán.

Trời tối hẳn. Đực đến rạp chiếu bóng đầu ngã tư, tìm một góc khuất, soạn, bao, bì, bịch ra. Đồ ăn dồn vào một bịch. Tiền đút túi. Còn vài ba thứ lỉnh kỉnh chôm được thì bỏ vào một bì khác, đợi mai bán lại cho ông già vá giày kiếm thêm ít đồng.

Đực lững thững về nhà.

Nhà, đó là khoảng đất trống dưới chân chiếc cầu, nằm phía bên này sông so với khu chợ. Gầm cầu bên kia gần nước quá, vả lại, thường hay bị mấy ông bảo vệ chợ quấy rầy, nên hầu hết đám người lang thang như Đực qui tụ về đây. Nhà chỉ là nhà trong mùa nắng. Mùa mưa, mùa đông, chúng tản mác về các nơi, trong chợ, dưới mái hiên nhà người ta, ở bậc thềm rạp hát. Đực có nhà mùa mưa rét ở một góc hẹp của phòng Văn Hóa Thông Tin.

Tránh người công an đứng gác ở đầu cầu, Đực leo xuống tầng cấp bến giặt, đi dọc theo mé nước đầy cỏ dại để về nhà. Đực nhìn quanh. Mọi người đầy đủ. Đêm nay như thế là Đực về muộn. Cặp vợ chồng, kè mù người què, cũng đã mò về. Bốn năm đứa con bò quanh lổm ngổm. Đám con nít chôm chỉa ở bến xe đang gấu ó nhau vì chia tiền không đều. Mụ méo đang xổ một một bịch ny lông xương, phủi đất bỏ vào miệng, cái mút, cái nhai. Đực sà tới nhìn:

- Xương không à?

Mụ Méo gục gặc đầu. Đực bốc một miếng mỡ trong bịch đồ ăn ném xuống đất:

- Cho một cục đó.

Mụ Méo vồ lấy. Chợt mụ la oai oái:

- Nước!

Mụ bò đi. Nước từ trên cầu chảy xuống đầu mụ, bắn cả vào người Đực. Đực chuởi:

- Đụ mẹ, thằng nào đái trên cầu.

Đực quệt nước trên mặt, bỏ đi. Người nằm lúc nhúc, dọc từ chân cầu đến bờ nước. Trời nóng, mọi người đều ở trần, có kẻ ở lỗ. Nhất là mấy chú choai choai, cả ngày bươn chải ngoài chợ, la cà trong các quán ăn, rình mò, chụp giựt, tối đến đói no không biết, mệt đừ, nhảy xuống sông ỉa, đái, lặn hụp một hồi rồi vào lăn ra giữa đất, ngủ. Đực bước ngang qua đám người, về chỗ của mình. Thấy thằng bé con bò ngang bò lại ngay trước chỗ ở, Đực tống một đạp ngay lưng. Thằng bé văng ra, đụng ngay vào một đứa nào đang ngủ, lại bị tống thêm một đạp nữa. Thế mà thằng bé không khóc la gì. Người cha què

nhìn con mình, dửng dưng.

Chỗ của Đực tương đối tiện nghi nhất ở đây, nằm ngay dưới trụ cầu, có một khoảng bê tông nhỏ vừa đủ đặt cái lưng. Hai bên có mấy thanh thép chìa ra, khiến Đực có thể lấy chiếu rách che chắn lại, tránh mưa gió. Điều bất tiện là chỗ này gần khu đất trống kế chân cầu, nơi mà đủ loại người đến ỉa, đái và vứt đồ bẩn. Thực ra, Đực chẳng quan tâm lắm. Chỉ khi có ai mới đến ỉa, gió thổi vào cái mùi hăng hăng, Đực hơi khó chịu. Còn thì tất cả đều thân quen với Đực. Nói đúng ra, trong cái thế giới hạ đẳng này, mùi xú uế là mùi thơm. Như đám bọ hung lúc nhúc trong đống phân khô, như con chó vện lao tới lủm cục cứt thằng bé vừa rơi ra khỏi đít... Đực nghe mùi xà phòng thì buồn mửa, nghe mùi chiên xào thì bịt mũi, thấy chỗ nào sạch thì sợ hãi. Mùa đông, đến trú ẩn ở cái góc Thông Tin Văn Hóa, Đực nhớ da diết cái mùi vị của gầm cầu, cái thú được đái, ỉa ngay tại chỗ và khát thì vốc nước ở đó uống luôn.

Nhét bịch đồ chôm chỉa vào trong góc cao, Đực lấy túi đồ ăn ra, bốc từng miếng nhai, nhìn vơ vẩn khu chợ. Đèn đêm lập lòe. Người đã vắng hẳn. Mấy ông bảo vệ đi qua đi về, thỉnh thoảng lôi một đứa đẩy ra đường. Đôi khi, bên đó bí chỗ, một đôi đứa cũng mò qua đây, nhưng bọn Đực đuổi đi dứt khoát, vì chứa một hai đứa thì chúng kéo thêm đông. Đực chợt nhớ hai con chị, chẳng biết giờ này ở đâu, sống hay chết. Dạo đó, hai đứa con gái ngực mới nhu nhú là có con mụ ở đâu sáp tới, cho tiền dẫn đi. Đang ăn, thấy con nhỏ lượm đồ chợ trời không ngủ, ra đứng hóng phía mé nước, Đực bỏ đồ ăn, bươn ra.

- Đợi mấy con mụ đò lên túm đi hả?

Con nhỏ tủm tỉm, dơ mấy cái răng vàng khè. Quần rách lỗ chỗ, chìa cả đít. Đực sấn tới, nhét vào miệng con bé cục chả, rồi đưa hai bàn tay sờ soạng, bóp bẹo lung tung. Con bé nhột, la eo éo. Đực nói:

- Bụ bọt, lông lá chưa có mà túi mô cũng hóng. Đợi bằng hai con chị tau cũng hai ba năm nữa. Đụ mẹ, làm con gái sướng thật. Lớn, có người tới lôi đi. Có ăn, có chơi.

Đực nói mà không nghĩ chi trong đầu cả. Như tất cả đám người ở đây. Không kỷ niệm, không tương lai, không dự tính, không đau khổ, dằn vặt. Chúng sống đơn giản. Chúng có đời sống, mà không có cuộc đời. Chẳng mấy khi chúng phải khóc. Khóc, một mặt, để vơi bớt muộn phiền, một mặt, là một dấu hiệu truyền thông gửi đến người khác để cầu xin, van vỉ.... ở đây, chúng chẳng có gì phải muộn phiền, chẳng có ai để truyền thông. Chúng sống, đơn giản như con vật.

Con bé hun Đực một cái:

- Nhột. Miếng nữa đi.

- Cục cứt!

Đực bỏ đi. Khi bước vòng theo mé nước bên kia, Đực bỗng phát hiện ra một người lạ co ro ngồi ép sát trụ cầu, khuất sau chiếc chiếu rách. Đực dấn tới, chụp đầu tóc, kéo ra. Một đứa con gái. Đực xô một cái. Đứa con gái lăn

cù. Đực dằn giọng:

- Đi. Ai cho mi tới?

Đứa con gái trông khá lớn, miệng méo, mắt ti hí. Đứa con gái lồm cồm bò dậy, ngồi tại chỗ. Đực đá. Đứa con gái lăn đi, ngồi dậy, run rẩy.

- Không có chỗ đi. Bên nớ họ đuổi qua.

- Kệ tổ mi. Đi!

Đực lại sấn tới. Đứa con gái ôm chân Đực:

- Một bữa thôi. Đói.

Đực rút cái chân, định tống thêm một đạp nữa, bỗng ngưng lại. Đực nhìn sát mặt đứa con gái:

- Ở mô?

- Ninh Hòa.

- Đi! Không thì tau đôi xuống sông.

Nói thế, nhưng Đực lại bước đi. Đực tới cục đá lớn, leo lên ngồi ỉa, lấy nước rửa đít, rồi vốc nước uống. Đã khát, Đực về chỗ nằm. Đứa con gái lần ra phía xa một chút, ngồi im. Mọi người thấy Đực êm, nên cứ nằm yên. Quyết định của Đực bao giờ cũng là chung quyết, vì Đực to, khỏe, đa tài. Có lẽ đây là tinh thần tập thể được tôn trọng duy nhất ở đây.

*

Nằm xuống là Đực ngủ ngay. Vì bụng no. Những ngày đói, bụng cồn cào, nhiều lần trong đêm, Đực phải ra vốc nước uống cho bụng căng lên, dễ ngủ. Đực mơ. Những giấc mơ thường ngắn ngủn. Quanh đi quẩn lại cũng cục cơm, miếng thịt, vài đồng bạc vụn. Có ăn thì vui. Không có ăn thì buồn. Thế thôi.

Nửa đêm, trời đổ cơn mưa lớn. Sấm sét dữ dằn. Sông nước động đậy dữ dội. Cả đám người co vào hốc cầu. Nhưng đâu có đủ chỗ. Có người bỏ chạy vào chợ. Còn thì nằm, ngồi, đứng chịu trận. Người nào, người nấy run lẩy bẩy dưới cơn mưa. Chẳng ai nói với ai một lời nào. Cũng chẳng ai rên rỉ. Mấy thằng bé con được ông bố què trùm lên cho chiếc chiếu rách, nằm cựa quậy liên hồi.

Đực êm ấm nhất, Đực chỉ cần co người thêm một chút khuất sau chiếc trụ là tránh được mưa tạt. Vả lại, Đực đã cẩn thận treo một chiếc chiếu chắn gió thường xuyên. Nhưng mưa lớn quá, Đực không ngủ lại được. Đực lơ mơ nhìn đám người đứng ngồi lúc nhúc. Bỗng Đực nhớ đến đứa con gái lạ hồi hôm. Đực nhìn quanh tìm. Không thấy. Đực nhổm dậy, khoát chiếc áo, ra khỏi chỗ nằm. Mưa tạt mạnh. Đực bước bừa xuống mé sông, thấy đứa con gái ngồi bên bờ nước, ướt sủng. Đực xốc đứa con gái dậy, kéo lết vào. Tới chỗ nằm, Đực đẩy đứa con gái vào sau chiếc trụ, nói:

- Cởi quần ra.

Đứa con gái làm theo. Đực lấy chiếc áo khô trong bịch, choàng lên thân hình đứa con gái.

- Ngủ đi.

Đực ngồi mé ngoài, túm chiếc chiếu lại, che cả hai đứa. Một lát, đứa con gái ngủ. Đực đợi mưa xởn, treo chiếc chiếu lại, rồi tìm chỗ nằm xuống. Không còn chỗ, nhưng Đực cố chét người vào. Rốt cuộc, Đực ôm đứa con gái lọt trong lòng. Đầu đứa con gái kê lên bụng Đực, đôi chân lòi ra phía ngoài. Đực thích sờ soạng tí chút, nhưng ướt át quá, nên nằm yên, ngửi cái mùi con gái, rồi thiếp dần vào giấc ngủ.

*

Sáng hôm sau, khi mọi người đã tản đi hết, thì hai đứa còn ôm nhau nằm ngủ dưới trụ cầu.

TRẦN DOÃN NHO
10.95



ĐẶNG HIỀN

dòng sông mây

Mười tám năm sau ngồi viết lại
Một bài thơ một nỗi buồn đời
Mười tám năm sau tưởng là bóng nắng
Chuyện ngày qua như nhạc không lời

Mười tám năm sau ngồi đếm lại
Từng sợi thời gian ngày nối theo ngày
Mười tám năm qua cũng là sắp tới
Cũng bắt đầu bằng một chia tay

Mười tám năm sau ít nhiều kỷ niệm
Giữ hộ nụ cười lỡ gửi cho nhau
Giữ hộ (đừng quên) tia nhìn rất vội
Bên những mùa Xuân hương sắc phai màu

Mười tám năm sau ngồi vẽ lại
Dòng sông mây bến đậu yên bình
Có áo ai bay cùng mây trắng
Có kẻ ngồi ngậm nỗi buồn câm

ĐẶNG HIỀN



TÔ THÙY YÊN

giấc hoành môn

Cùng nhau một giấc hoành môn
lau nhau ríu rít cò con cũng tình...
Nguyễn Gia Thiều

Cũng có lần anh muốn quay lưng đi
Đến với rừng xanh, núi đỏ,
Đơn độc tột cùng
Như con thú đã già
Ở lại đó,
Cố quên lấy được một đôi điều
Không biết gọi thế nào dẫu là tạm gọi.
Mùa này thác tắc cạn
Ê chề
Tuy mấy bữa rồi trời có mưa qua
Như là mưa ảo mộng.
Anh nhìn xuống lũng vực,
Thấy đá nổi lau nhau
Và những mảng nước tù như những miếng ghẻ
To nhỏ vướng máng.
Ôi những nỗi niềm nào đó không trôi đi.
Cái quán lều trống lốc ven bờ xiêu dột tựa đời già,
Lối vào cỏ trùm đến nửa.
Chủ khách hai người
Chuyện trò như từng quen nhau lâu:
Thời buổi hỗn mang...
Chẳng mấy ai còn hào hứng lên đây.
Việc đời thật khó nói.
Đất bạc phước rồi chăng?
Mưa nắng trái mùa,

Lúa ngô xơ xác,
Muông thú hiếm hoi,
Thiên hạ đảo điên mờ mịt...
Án mạng xảy ra luôn, xác bỏ trong rừng, xác trôi dưới thác.
Có lẽ nay mai rồi phải dọn đi thôi,
Tìm phương sống khác...
Anh đi giữa trảng tranh
Ràn rạt gió lùa
Hư rỗng tuềnh toang,
Bốn phía rừng xa trải mịt mịt
Nắng lóa như sương.
Tự dưng anh muốn gọi tên em
Như gọi một người đang có mặt.
Anh lên hết con đường dốc đứng,
Mỗi lúc một gần trời
Và rồi không còn muốn trở xuống.
Đạp tràn dưới chân anh,
Mênh mang trời đảo lật.
Thị trấn dưới chân anh,
Nỗi buồn bưng mặt ngất.
Gió vẫn phần phật rung điên nắng bốc giạt
Như những bàn tay sốt hực vả liên hồi
Rát lột mặt,
Cay xé mắt,
Cuốn lốc từng cây bụi khốc liệt
Chạy rạt giữa hồn anh,
Phá tán như rừng lửa,
Phá tán như đam mê.
Anh biết chẳng bao giờ em đến chi đây
Mà sao anh vẫn nhìn quanh tìm
Như một người ngờ ngẩn
Ngước đợi quá phần mình
Từ định mệnh tàn tệ.
Cũng chỉ vì anh muốn yêu em cho bằng hết tình yêu
Như một món nợ bán mình truyền đời phải trả dứt,
Dù bằng hình thức quay lưng đi,
Làm một gã mù thất thổ,
Làm một hồn oan lang thang.

Sao đôi ta không cùng quay lưng đi
Đến với rừng xanh, với núi đỏ,
Vùi trọn giấc hoành môn,
Không buồn trở dậy nữa.
Đôi khi hạnh phúc ngợp trời cũng chỉ là một cái buông tay
Nhẹ nhàng không nghĩ ngợi.
Ờ, sao chẳng là cặp tình nhân thứ nhất trên trần gian
Sẵn sàng đổi bỏ cả vĩnh cửu
Đạp vô thường đổ nát mà đi?
Ờ, sao chẳng ở lại đây luôn
Với rừng xanh, với núi đỏ,
Đơn độc tột cùng
Như con thú đã già,
Chọn lấy cho mình một cách sống,
Chọn lấy cho mình một cách chết?
Chiều nay, anh chẳng muốn quay về...

TÔ THÙY YÊN
(Trị An, mùa nắng 1993)

VÕ THỊ XUÂN HÀ

đàn sẻ ri bay ngang rừng



Tôi về làm dâu nhà Thản được một tuần thì xảy ra mâu thuẫn. Mặt Thản tai tái, cặp môi bợn trông đến ghét. Khi hôn thì dữ dội thế, khi đáng phải hoạt thì lại lắp bắp.

- Nó láo thì phải dạy.

Ông bố chồng tôi gầm lên như tên đồ tể. Tôi ngồi đung đưa cặp đùi trần trong buồng, bĩu môi thách thức.

- Thôi, bố mẹ bỏ qua - Tiếng Thản thảm hại.

Bà mẹ đần độn của Thản cắp rổ rau vào bếp, vừa đi vừa làu nhàu:

- Nó cãi lần nữa thì tao trả. Con dâu dâu trưởng thế, trông cậy vào ai?

Tôi muốn nhảy xổ ra, xỉa xói vào cái chức dâu trưởng mà khi yêu tôi không thể lựa chọn. Tuy thế, đêm chúng tôi vẫn quấn lấy nhau như cặp rắn. Căn buồng năm mét vuông đậm đặc mùi mồ hôi nồng nồng của Thản, hương tóc tôi, hơi thở của hai kẻ say tình, và thỉnh thoảng, một cơn gió nhẹ mang theo hương đêm ngai ngái của đầm sen, dòng sông lân tinh, cá, tôm và thành phố ngủ... và căn buồng chật chội. Sau cơn say, chúng tôi rời nhau nằm rả rượi bên mép giường, ngó mông lung những vì sao mờ tỏ vô tình lọt qua ô cửa sổ.

- Em đừng cãi mẹ, mẹ già rồi.

Thản nhắc nhở trong bóng tối. Tôi trần truồng đếm sao trời. Tiếng Thản rì rầm như lời ru dỗ tôi vào giấc ngủ.

"Mùa bão năm nào anh cũng phải đòn vì để mất vài con vịt trong đàn. Tháng mưa Ngâu, lũ vịt chổng mông lên trời chúc mặt xuống nước đớp lân tinh, trứng tuột ra rơi xuống đáy sông, anh phải lặn xuống mò có khi được cả rổ. Môi thâm tím, quần đùi có khi bở bục thòi ra hai cả quà..."

Tôi phì cười, tỉnh ngủ. Thản đẹp, dáng dậm, da săn chắc, vồng ngực nở rộng. Mái tóc xám nâu phủ trên vầng trán thông minh. Thản có thể quơ một lúc hàng chục thiếu nữ. Nhưng Thản lại say tôi, lúc nào cũng sợ tôi bỏ đi theo người khác. Thản ngu mới tưởng thế, chỉ vì Thản quá yêu nên mới không nhận ra tôi cũng ghen tàn bạo. Vì thế mà tôi đâm thù ghét nhà chồng. Chỉ có một người tôi không thù ghét, thậm chí luôn ước ao giá anh có mặt, chắc tôi cũng đỡ bị đòn nhà chồng, vì sẽ không làm dâu trưởng. Anh ngồi trên cao, mắt ngồi u buồn ngó mung lung ra cửa, ra vườn. Ngoài vườn chỉ có mấy cây na, mấy cây bưởi. Tôi bươi đất lên bằng những đầu ngón tay bé nhỏ, đất cào xước tay tôi, rớm máu. Dưới lòng đất lúc nhúc những giun. Tôi hoảng sợ bỏ chạy vào nhà. Anh vẫn cười cười ngó mông lung ra cửa. Tôi gọi Thản, chỉ ra vườn:

- Đất nhà mình toàn giun.

Bố chồng tôi rít sòng sọc ống điếu, phả khói mù mịt nhà rồi lẩm bẩm:

- Dâu nhà này khùng.

Chỉ có Nấm là có thể bênh vực được tôi.

*

Vào ngày nghỉ. Thản thường rủ tôi lên rừng bắn sẻ. Lũ sẻ đậu chiu chít trên những cành săng lẻ thẳng đuột chọc chĩa lên trời. Thản giương khẩu súng săn và giải thích:

- Bắn sẻ, lòng thanh thản hơn triệt những loại khác.

Khẩu súng trên tay Thản rung lên. Tôi hỏi:

- Tại sao?

Đàn sẻ táo tác dợm bay đặc trời. Một con rơi xuống bụi cây xa xa, máu loang đỏ lòm lòm trên những bông hoa gai màu trắng sữa. Thản lao tới vồ lấy chú sẻ ri nâu đang quằn quại dưới đất. Tôi túm tay áo Thản, khẽ giật:

- Tại sao?

Thản cười, nhìn vết máu đỏ tươi rói trên cỏ rồi chỉ lên trời bảo:

- Vì chúng bạt ngàn.

Tôi vơ lá khô, nhóm lửa. Lửa cháy bén rừng rực. Con sẽ ri cháy mỡ xèo xèo trên lửa, bàn tay thô nhám của Thản cầm xiên sắt lật qua lật lại con thịt. Mùi thịt chim nướng ngầy ngậy. Tôi nuốt nước miếng, thò mũi dao xẻo một phần thịt chín đút vào miệng. Thản cười cợt nhìn tôi:

- Em đúng là loài chồn cáo. Em là nàng cáo Ecmơlin (1). Chúng tôi lăn ra cỏ, miệng vẫn còn giây mỡ sẻ nướng, ôm choàng lấy nhau, ngấu nghiến. Chẳng làm thế nào mà biết được cái bên trong, trong cuối, tận cùng của nhau. Tôi thèm khát được nhìn thấy, sờ thấy từng tế bào máu li ti chảy rần rật trong từng mao mạch, tưới khắp cơ thể đàn ông đang nằm cùng tôi. Tôi thèm khát nhìn thấy tận mắt sức mạnh bí ẩn lôi cuốn người đàn ông và người đàn bà ràng buộc với nhau.

Thản bắn từng con sẻ một, nướng ăn xong, lại bắn. Trời gần ngả sang chiều, chúng tôi duỗi mình trên cỏ ngắm từng bầy chim kéo về tổ. Mặt trời ngả màu đỏ bầm, màu máu chúng tôi trộn lẫn máu sẻ.

Đôi khi chúng tôi gặp những cơn mưa rừng. Đổ xuống tời bời. Cành lá man dại rách mướp. Những giọt mưa quất vào da thịt lạnh buốt làm dịu cơn khát bừng bừng trong ruột. Tôi cởi quần áo cùng Thản hứng mưa, cười hú hét. Thân mình tôi ướt đẫm nước, trắng ngần. Da thịt được mưa tưới tắm săn lại nõn nà, làm dịu vết thương vĩnh viễn của kiếp đàn bà.

Sau cơn mưa, rừng xanh mỡ. Những đọt non bật lách khỏi vỏ cây xù xì, nhú ra tia nắng muộn. Từng đàn kiến nhẫn nại du di trên lớp lá mục. Có khi chúng cõng trên lưng một cái lá mới rụng. Thản bảo:

- Kiến phải ăn lá đáng là kiến đói.

Tôi nhớ ngày chưa lấy chồng, mẹ tôi vẫn buông những câu rất ngộ để dạy con gái. "Kiếp kiến là kiếp đói". Đáng lẽ mẹ phải dạy tôi cách thức cung kính cha mẹ chồng, cách ngồi đầu nồi xới cơm vun tay cho cả nhà, cách cúi đầu làm quần quật như loài kiến. Tôi nhìn Thản, rầu rĩ nghĩ: đã là kiến lại còn làm kiến đói!

Ở đâu đó xa xa, tiếng một con suối chảy róc rách. Tiếng nai tác, và tiếng lá rừng thở xào xạc. Những chú cá cờ đang chống đuôi sục mồi dưới những lớp sỏi xanh rêu. Chỉ có loài hổ là không bao giờ có thể nom thấy, trừ phi chúng lao thẳng vào ta.

- Về thôi, nàng Ecmơlin.

Thản gọi. Tôi luyến tiếc rời khỏi rừng.

*

Làm dâu được một năm thì tôi chửa. Đủ 9 tháng tôi sinh hạ được một bé gái, mắt mũi miệng giống đúc nhà chồng. Bà đỡ huơ kéo cắt xoẹt cuống rốn. Tôi xoạc cẳng thiếp đi trên bàn đẻ. Một người đàn ông cao to hơn Thản ngó tôi từ trên trần nhà. Hắn nhìn gương mặt võ vàng của tôi, rồi nhìn lướt xuống bụng, nơi cái cuống rau vừa bị cắt còn lòng thòng thò ra chỗ sinh nở. Tôi nghe tiếng khóc ngằn ngặt của con gái. Lúc đó người đàn ông cúi xuống hôn con bé rồi đi đến bên tôi rờ rẫm cái cuống rau đỏ lòm máu. Ánh mắt rầu rĩ nhìn tôi cười. Tôi nhận ra Nẫm. Tôi tỉnh dậy khi Thản bế tôi đặt xuống giường. Tôi nhìn Thản, tự dưng thấy Thản xa lạ. Thản mới được làm cha, ngượng nghịu cười, ngượng nghịu sắp xếp. Tiếng bố chồng tôi càu nhàu ngoài hè:

- Bao giờ cho có thằng cu.

A! Cứ đợi đấy. Tôi mệt mỏi nhắm mắt. Tôi thèm nhìn thấy người đàn ông đã sờ vào cuống rau thò ra ở chỗ sinh nở của tôi. Trong giây phút, tôi quên hết, quên Thản, quên những ngày nghỉ ở rừng. Tôi đắm đuối với hình ảnh người đàn ông kia đang mân mê cái cuống rau, như thế là anh ta đã thò vào

sờ nắm được hết mạch máu li ti chảy trong cơ thể tôi mà tình yêu của Thản chỉ chạm tới chứ không nắm được.

- Bố anh muốn có con trai thì cưới vợ cho ông ấy.

Tôi tỉnh và bắt đầu gây sự. Thản vỗ vỗ vào vai tôi, dỗ dành:

- Thôi nào, nằm yên đi cáo Ecmơlin.

- Anh thèm con trai thì đi mà lấy vợ khác. - Tôi vẫn không dịu đi.

Thản nhăn nhó:

- Anh biết trước mà, em có con là hê anh ra ngay.

Tôi nổi khùng:

- Đàn ông các anh cứ liệu hồn. Khéo không lại tiệt nọc. Cả thế giới mà toàn lũ đàn bà con gái, chỉ cần uống nước sông cũng chửa được nhỉ. - Tôi bật cười - Rồi anh xem, đàn bà chúng tôi dễ chịu hơn các anh nhiều, chỉ cãi vã nỏ mồm chứ không súng ống máu me...

Thản ngồi im, thộn mặt nghe tôi nổi khùng. Tôi dịu cơn, nắm tay Thản, thì thào:

- Em vừa nhìn thấy anh Nẫm về. Anh ấy hôn con mình và xem em cởi truồng.

Thản giật nảy:

- Cô lại nói bậy.

- Thật đấy! Anh làm như bé Mai là con của anh ấy chứ không phải con anh.

Thản nghĩ tôi nói sảng, không chấp, bảo:

- Hôm nọ anh đã hỏi được phân hiệu đơn vị anh Nẫm. Bao giờ em khỏe, có lẽ anh sẽ vào đó tìm...

*

Nẫm là anh ruột của Thản, là cả trong nhà. Anh Nẫm tình nguyện vào bộ đội năm 17 tuổi. Cả cái làng ven phố nhà chồng tôi tới đưa tiễn, ca ngợi. Về sau này, bố chồng tôi buôn lậu đủ thứ, vẫn được tha vì có con xung phong đi lính. Chẳng ai ngờ rằng chỉ vì ông bố tàn bạo mà anh Nẫm phải tìm cách đi khỏi nhà bằng được. Tôi căm tức nghĩ, may mà hồi đó có đánh nhau, chứ im ắng như bây giờ, những đứa con chán cha mẹ chỉ còn nước đi lang thang. Nghe Thản kể ngày trước anh Nẫm thường bị treo lên xà ngang, rồi bị bố quật bằng roi song, vì cái tội đi rèn cả ngày tối về lại ăn không, chả góp được xu nào. Anh Nẫm đi bộ đội được hai tháng thì đơn vị cho về phép một ngày trước khi vào chiến trường. Anh gõ cửa ồi ồi lúc nửa đêm, chó sủa váng cả làng. Ông bố tưởng cướp la toáng lên, nhét vội cục tiền vào kẽ liếp. Anh Nẫm ở hết ngày, ăn hết con gà trống thiến thì chào cả nhà đi. Thản lúc đó mới 10 tuổi, đứng mút kẹo ở góc hè. Anh Nẫm móc túi cho Thản một vỏ đạn đồng to bằng quả ớt mỡ. Móc túi dúi vào tay mẹ nắm tiền phụ cấp lính anh dành

dụm được, bà mẹ nước mắt ròng ròng ngơ ngẩn nhìn đứa con trai bước ra khỏi ngõ. Ông bố hèm giọng:

- Hừm... Bà khóc cái nỗi gì? Làm thằng đàn ông chân đạp đất đầu đội trời...

Nhưng anh Nẫm chân đạp đất mà đầu phải đội đạn. Anh đi được một năm thì có giấy báo tử. Anh chết mất xác đâu đó ở Quảng Trị. Thản lục lọi trong đống đồ chơi bẩn thỉu lôi ra cái vỏ đạn bằng đồng. Thản chùi nó thật bóng và cất vào góc kín nhất. Lúc yêu tôi, Thản đem ra khoe:

- Kỷ vật của anh Nẫm.

Tôi xăm xoi cái vỏ đạn. Bóng dáng người anh chồng lấp ló. Tình yêu của chúng tôi mới đầu đã dợm mùi thuốc súng.

*

Bé Mai được hai năm thì có một đoàn làm phim lên đường vào thành cổ Quảng Trị. Họ quay một bộ phim về chiến tranh, về câu chuyện một đôi vợ chồng phải xa nhau vì chiến tranh tàn khốc. Câu chuyện xảy ra ngay tại thành cổ, có sai lầm nhỏ nhen và cao cả. Thản chỉ là chân sửa mo rát của một tờ báo, nhưng thỉnh thoảng anh có viết báo. Những bài báo được in. Thản cẩn thận cất vào ngăn tủ riêng, khóa lại. Vì viết báo nên Thản quen nhiều. Ông chủ nhiệm đoàn làm phim là anh em kết nghĩa với Thản. Ông đạo diễn thì mới được Thản ca ngợi trong một bài báo. Họ tha thiết mời Thản đi cùng để viết bài quảng cáo cho bộ phim sắp ra đời. Thản đồng ý với điều kiện:

- Phải cho em đem Diễm theo.

Ông Vĩnh, chủ nhiệm đoàn phim gật gù cười:

- Mày với con Diễm đi đâu cũng rin rịt, khéo về già lại mặt trăng với mặt trời.

Tôi thừa biết Thản muốn tôi đi cùng chỉ vì sợ tôi ở nhà vắng chồng sinh hư. Thản đã bắt gặp ánh mắt thằng Tú - người yêu Phượng, em gái Thản - nhìn tôi hừng hực. Phượng đã 25 tuổi mà ngực xẹp lép, nước da tai tái khi không dùng son phấn. Phượng thường vụng về, luống cuống mỗi khi Tú đến. Khi pha nước mời, thế nào cũng làm đổ vung vãi ra sàn nhà. Tôi được thể chạy ra lau dọn, cúi xuống làm bầu vú chồi ra chọc vào mắt Tú. Tôi nghe tiếng nuốt nước miếng khan nơi cổ họng Tú, tiếng máu réo sôi giận dữ trong tim Phượng. Tôi nhếch miệng mỉm cười rồi lững thững bước ra cửa.

Thản giận, làm mặt lạnh. Nếu Thản không kết tội tôi có lẽ tôi đã hối. Tôi trèo lên giường, quay mặt vào tường tưởng tượng ra cảnh thằng Tú và con Phượng làm tình với nhau. Ánh mắt thằng Tú vuốt dọc thân thể tôi. Mồ hôi vã ra đầm đìa, tôi ớn lạnh khi nghĩ đến đôi mắt u buồn của anh Nẫm nhìn tôi lạnh lẽo.

*

Đoàn làm phim làm việc nhẫn nại dưới cái nắng oi ả miền trung. Từng cơn gió Lào đổ chụp xuống thành cổ, làm đặc quánh mọi vật. Diễn viên chính khoe mình sút được hai cân, nhưng mà đen rám, sợ khi về chó không nhận ra chủ. Và chị ta bật cười. Chị là diễn viên nổi tiếng, đang thất nghiệp, chán đời bỏ đi nhảy tối ngày, thì được mời đóng vai người vợ nông dân lành hiền.

Trong bối cảnh thành cổ, những người làm phim đã dựng lại cảnh chiến trận đẫm máu, những người lính ngã xuống dưới làn mưa đạn. Lẫn trong bụi đỏ có cả mùi thuốc súng khét lẹt. Tôi khiếp đảm: như thể chiến tranh đang kề bên. Ông Vĩnh hét vào tai tôi:

- Thế này mới chỉ mô tả được một phần mười sự ác liệt và tàn khốc...

Một phần mười hay một phần trăm? Tôi không cần biết. Trong đáy ví lủng củng son phấn của tôi có mẩu thư hoen ố của anh Nẫm:

"...Yên ắng quá. Chúng con thèm nghe tiếng gà gáy, tiếng trẻ con khóc..."

Tôi bần thần nghĩ: Liệu có thước phim nào mô tả được hết sự khủng khiếp của những phút giây yên ắng giữa cuộc chiến?

Anh Nẫm giờ nằm ở đâu giữa bạt ngàn lau lách quanh thành cổ?

Tôi cùng Thản lang thang khắp vùng. Nắng táp, chỉ có cỏ gianh, mần trầu và lau vươn được lên khỏi mặt đất. Lấp lóa trắng cả một vùng là thành phố của những người chết. Thỉnh thoảng tôi vấp và vịn đứng lại. Thản buồn rầu nhìn xa hút về cuối nghĩa trang:

- Vậy là vẫn không tìm thấy...

Một mụ già đi ngang qua chúng tôi, buông lửng khửng một câu:

- Không khi mô hết người tìm.

Tôi hỏi liều:

- Dạ thưa, cho con hỏi...

Mụ già quay đầu lại ngó tôi.

- Hỏi người chết thì được, chứ người sống tứ tán cả rồi.

- Dạ, còn hỏi người chết.

- Biết rồi mờ.

Mụ chỉ vào một ngôi nhà lợp mái tôn xiêu vẹo. Chúng tôi theo chân mụ bước vào. Trong nhà chỗng trơ chiếc chõng kết bằng lá dừa, chiếc bàn mộc với mấy chiếc chén mẻ. Trên kệ thờ, một người thanh niên mờ mịt nheo nheo con mắt. Mụ già rờ tay vào đáy chiếc chén xem thử có cặn không rồi nghiêng bình thủy tinh rót nước mời vợ chồng tôi.

- Uống đi! Chết năm nào?

Thản ngớ ra một lát rồi trả lời rành rọt như anh đã từng trả lời cho biết bao người có trách nhiệm mà chúng tôi tìm đến. Mụ già chăm chú nghe. Nghe xong mụ lắc đầu:

- Nghe vậy biết khó tìm cốt. Tui bày cho anh chị cách này: Kiếm cái người đàn bà đã yêu thương anh ấy, bảo chị ta khấn giùm. Con người khi chết thịt da trả cốt nhục, chỉ có tâm linh thuộc vào tiền duyên...

Tiếng mụ già đặc quánh, sền sệt.

"Con trai tui đó - mụ chỉ lên kệ thờ - Nó chết không nhặt được một mảnh xương. Trận đó nó dẫn đường cho một đại đội chủ lực. Pháo dập, lẫn lộn hết vào đất cát..."

Mụ già ho khan. Tôi và Thản chia nhau bó nhang cắm thia lia trên những bát nhang nứt nẻ.

Đêm nằm ở khách sạn, muôn vàn con đom đóm lập lòe đập cánh ngoài khung cửa kính. Tôi rón rén trở dậy mở tung cửa sổ. Những con đom đóm xanh lè chập choạng bay vào chỗ ngủ. Thản ngồi bó gối ngó sững những con đom đóm.

- Em nhớ anh Nẫm đeo một phù hiệu ở ve áo, đỏ nhờ, khuy áo vỡ hai cái, một cái sứt chỉ sắp tuột.

Tôi nhắc đến hình ảnh người đàn ông ngày tôi sinh nở. Thản thẫn thờ:

- Anh Nẫm khi đi mới 17, chưa kịp có bạn...

Tìm không ra anh Nẫm, Thản ngồi lì trong khách sạn viết báo. Tôi nhận đóng một vai phụ thay cho một cô diễn viên có mẹ bị ốm phải trở về. Một vai không phải nói một lời nào, chỉ việc đứng nhìn theo một bầy chim bay ngang qua thành cổ, và gió tơi bời.

Nghe nói đến chim, Thản buông bút, xách súng sục lên đồi lau. Trên đồi lau bạc má, một đàn chim sẻ đậu chi chít. Thản thầm thì với đạo diễn:

- Xong cảnh là phải cho tôi bắn đấy nhé.

Tôi rón rén bò đến vị trí đạo diễn chỉ. Rồi vụt đứng dậy. đàn chim thấy động vù bay rợp trời. Tôi ngửa mặt nhìn xa hút. Thoảng trong gió lời Thản. "Vì chúng bạt ngàn". Tiếng máy quay xè xè. Rồi xoạch. Tiếng đóng máy. Thản giương súng lên trời. Khẩu súng rung nhẹ. Một con chấp chới chúi xuống. Tôi ngửi thấy mùi thịt nướng, mùi mồ hồ Thản, bỗng dưng buồn nôn đến quặn ruột.

Hai chúng tôi nằm trên đồi lau ăn thịt chim nướng. Thản chờ tôi chùi miệng xong thì bảo:

- Phải em yêu anh Nẫm không?

Tôi bàng hoàng:

- Anh khùng rồi. Đến nắm xương anh ấy còn chưa tìm được.

Thản dẫn tôi xuống cỏ. Tôi cong mình chống trả.

- Tôi căm thù cả nhà anh. - Tôi la lớn.

- Vậy nhờ ai mà em thành đàn bà? Nhờ ai mà em có con?

- Chúng tôi sẽ uống nước sông để chửa.

Thản buông tôi, quay mặt đi. Tôi chợt nhận ra nước mắt anh nhỏ giọt xuống đồi lau.

- Anh đâu có ghen với người chết. Em khấn đi, khấn cho anh Nẫm về.

Tôi khóc. Và khấn. Anh Nẫm ơi, anh sống khôn chết thiêng hãy báo mộng cho em. Em là vợ Thản, là người yêu suốt đời của Thản. Hai cõi âm dương cách biệt. Em muốn làm bạn cùng anh. Em sẽ chịu đựng, chăm sóc gia đình anh. Anh hãy cùng chúng em trở về...

Nhưng dòng Thạch Hãn vẫn lầm lũi chảy. Phù sa đỏ bầm. Có phải xương cốt của bao chàng trai ngã xuống trong cuộc chiến đã hóa thành phù sa? Trong bao la trời đất, hạt cát nào chói sáng hài cốt Nẫm?

- Ecmơlin của anh! - Thản thầm thì gọi.

Nẫm vẫn bặt vô âm tín, mặc tôi phụ Thản.

Ra về tay không được hai năm thì tôi có thai. Lần sinh nở này đối với tôi và Thản trọng đại gấp đôi bởi lẽ tôi cũng như Thản, không ai nói ra nhưng thầm hy vọng anh Nẫm sẽ lại về thăm.

Tôi đau quằn quại và lần lượt cho ra đời hai thằng cu kháu khỉnh. Chao ơi, hai đứa con trai, hai cuống rốn lòng thòng. Hai ông bà già phen này tha hồ dọn cứt nhé. Tôi thiếp đi trong ý nghĩ chờ đợi một bóng hình...

Tôi nằm, rã rượi. Thản đứng cạnh, gương mặt phong sương hằn những vết nhăn.

Có lẽ anh Nẫm linh hơn chúng tôi tưởng. Anh vẫn ngồi yên trên cao ngó ra vườn cười cười. Gặp lúc Phượng láo tôi trỏ tay lên bàn thờ:

- Liệu hồn, tao mách anh Nẫm.

Nó im re.

Mỗi khi lũ trẻ hỏi về bác Nẫm, Thản trả lời:

- Bác hóa thành sao tít trên trời kia kìa.

Lũ trẻ thành kính nhìn lên bầu trời đêm chi chít sao. tôi nhớ đến những đêm ở thành cổ Quảng Trị, bầy đom đóm cũng dày chi chít, những vì sao trên trời không xanh mà đỏ bầm.

Thỉnh thoảng, Thản dắt mẹ con lên rừng, đợi đàn sẻ ri đậu xuống cành cây thấp và bắn. Thản không bắn phát một như xưa, anh bóp cò liên tiếp bốn năm phát. Những con sẻ phải đạn rụng xuống. Hai đứa con trai nhảy tưng theo bố nhặt xác sẻ.

Chỉ có bé Mai là lặng lẽ đứng một góc. Nó để mặc tôi quơ lá nhóm lửa. Nó che mắt nhìn lên bầu trời xanh ngắm từng đàn sẻ ri bay ngang rừng, bay lên cao, cao mãi.

Và nó cười.

VÕ THỊ XUÂN HÀ

---

(1): Cáo Ecmơlin: trong truyện cổ Pháp: "Những cuộc phiêu lưu kỳ thú của cáo Rơna).



HOÀNG PHỦ CƯƠNG

mưa

tặng Q.A.

ngã ngoài xa
ngã trong ta
ai đến bậc thang chờ gõ
cửa   âm thanh không thét

ngưng lại   tựa vào
hạnh thị phi   thở, ừ
quỳnh khua khung bắng
*   nhẳng*
nay rừng hát
mai rừng chưa hát   tạnh

*   mưa*

ngồi đợi ngã ba đường

không   nói gì
đâu
không   nhớ gì
đâu
nắng buổi trưa làm tối buổi chiều
thành xưa nhớ gạch
*   thành hương*

đẩy nửa chừng   đưa
xuân   rồi sương
cũng

HOÀNG PHỦ CƯƠNG



PHỐ THỊ NGỌC NI

nguyệt phai

nhiều khi em bây giờ
thèm trốn vào trong nhớ
hỏi thăm đôi hàng thơ
về người xưa ở núi

nhiều khi em ngậm ngùi
nỉ non vài khúc hát
nỗi nhớ người không phai
kéo lòng em trĩu xuống

anh là hạt gió sương
đọng trên nhành lá biếc
rồi theo dòng sinh diệt
nở ra thành người yêu

em từ đường trăng chiếu
bước ra như là mơ
tay cầm câu ước hẹn
tay cầm một hồn thơ

Cầm trong tay nức nở
giấc mong manh đời ai
cầm trong tim bé nhỏ
trở trăn khối tình hoài

cầm con sông đứng lại
đò ơi sẽ ngừng trôi
cầm oan khiên đứng lại
anh đã chưa qua đời

đã không là cát bụi
cuốn qua đoạn trường này
đã không cùng bạc mạng
ngoài chiến trường phơi thây

bây giờ anh hư vô
máu không hồi tâm nữa
lệ em rồi cũng khô
hao mòn trên nỗi sống

bây giờ anh hư không
đứng cả ngoài mưa nắng
từ anh là viên đạn
lòng em là cuộn băng

cuộn lại một vầng trăng
không cho nguyệt phai nữa
cuộn lại một ngọn lửa
soi cho ấm tâm đầu

đời là miếng bể dâu
nhai hoài không thấy đứt
nỗi sầu xanh biếc ngực
nặng tay người chia phôi

nhiều khi lòng bồi hồi
nghe mưa giăng nhè nhẹ
nghe chiều trôi khe khẽ
nghe bóng em tà dương

người nghe đã vô thường
chiếc hồn bay vàng võ
anh ơi một ngọn gió
tóc em rơi hồ như...

nhiều khi em bây giờ
lòng như miếng sầu úa

PHỐ THỊ NGỌC NI
(9/95)



LUÂN HOÁN

thơ làm lúc buồn ngủ

1
bụi dán ta vào năm tháng khô
ngẫm ra thân thế thật mơ hồ
trái tim bèo bọt rơi thăm thẳm
nay, nở trong em những tế bào

là sống nghìn năm tinh khí kia
quay cùng vũ trụ tiếp tục chia
cái hồn cái xác ta tồn tại
từ lúc hoan ca vỡ đầm đìa

2.
buổi sáng soi gương quả thấy mình
cả ngày giữ đúng bệnh làm thinh
em về, tối, chợt soi gương lại
thằng khỉ nào đâu, chẳng phải mình

coi bộ hình như hắn trẻ hơn
mắt hờm đâu đó chút bông lơn
làn môi đói khát dường như thở
làm cả căn phòng thoang thoảng thơm

3.
một phút trước đây khám phá ra
dung nhan mình có chút phôi pha
bây giờ ngẫm lại, coi không phải
vẫn đẹp hơn ngày mai rất xa

giây phút phù du lặng lẽ qua
chống cằm chong mắt rình làn da
lăm le bắt nhốt con vi khuẩn
tích tắt cõng ta dần mất ta

LUÂN HOÁN



SANDRA CISNEROS

đêm thánh



LTS: *Sandra Cisneros sinh ra ở bang Chicago, nước Mỹ. Cha người Mễ, mẹ người da đỏ. Bà là một trong ít những nhà văn gốc Mễ nổi tiếng ở Mỹ. Câu chuyện dưới đây Bà viết dựa vào một tin đăng báo về một gã đàn ông chuyên đi dụ dỗ các cô gái trẻ, rồi giết họ. Bà muốn dựng lên tâm lý của các cô gái nhẹ dạ đó. Bằng một lối hành văn lạ gần như không có chấm câu- bà đã diễn tả được sự suy nghĩ lung tung, đôi lúc ngây ngô, của một cô gái nạn nhân.*

HỢP LƯU

•

Hắn tự xưng là Chaq. Chaq Uxmal Paloquin. Hắn nói hắn thuộc dòng dõi vua Mayan. Đây này, hắn nói, dùng gót giầy vẽ hình một bản đồ. Đây là xứ sở của tôi. Vùng Yucatan của các thành phố cổ xưa. Đó là những lời nói của Boy Baby.

Đã hơn 18 tuần lễ kể từ khi bà Ngoại Abueliata lấy chổi đuổi hắn ra khỏi nhà, tôi chưa nói cho ai biết những điều nầy cả trừ Rachel và Lourdes, là những người mà chẳng ai giấu họ được điều gì cả. Hắn đã nói yêu tôi như yêu Cách mạng, như yêu thần thánh. Ngoại đã đốt chiếc xe đẩy hàng, rồi đày tôi đến đây, cách xa nhà hàng dặm, ở một thành phố bụi bặm, để sống với một mụ đàn bà mặt nhăn như phù thủy khi bà xoa lên bụng tôi, với tất cả 16 anh chị em bà con của tôi.

Tôi không biết có bao nhiêu cô gái hư hỏng vì bán dưa chuột. Tôi biết tôi

không phải là đứa đầu tiên. Người ta kể mẹ tôi cũng có một cuộc đời gian truân, và chắc là bà Ngoại cũng có nổi niềm riêng của bà, nhưng tôi không dám hỏi.

Bà Ngoại Abuelita đổ lỗi cho cậu Lalo vì ông là chủ gia đình, Bà nói nếu Cậu đã về nhà đúng giờ và sửa xe đẩy cho tôi như Bà đã dặn thì Cậu đã có thể trông chừng tôi, đứa con gái quá ngu đần không thể tự lo thân, thì đã chẳng có sự cố gì, và tôi đã chẳng phải bị đuổi trở về Mễ Tây Cơ. Nhưng Cậu Lalo lại nói là nếu ông không bỏ xứ Mễ mà đi thì con gái ông-là-tôi-đã không làm cuyện dại dột đó.

Tôi không nói là tôi tốt. Tôi không nói là tôi ngoại lệ. Nhưng tôi không giống lũ con gái ở đường Allport, mấy đứa con gái chuyên đứng ngóng ở cửa ngõ, rồi biến vào các ngõ hẻm với đám đàn ông.

Tôi chỉ biết là tôi đã không hề muốn nó xảy ra như thế. Lăn lóc trên gạch đá hay ngồi chồm hổm trong xe ai đó. Tôi mơ ước nó đến như tơ trời, trong một túp lều đầy chim chóc. Đó là điều đáng lý phải xảy ra, đó là điều tôi tưởng sẽ xảy ra khi tôi gặp Boy Baby.

Các bạn phải biết lúc đó tôi cũng không còn là trẻ nít nữa. Boy Baby cũng chẳng là trai tơ. Chaq Uxmal Paloquin. Boy Baby đã là đàn ông. Khi tôi hỏi tuổi, hắn bảo không biết. Quá khứ và tương lai có khác gì. Hắn vừa mang nét trai tơi, vừa như đứa bé, vừa như đàn ông cùng một lúc, và cách hắn nhìn tôi, làm sao tôi giải thích được cái cảm giác đó.

Mỗi thứ bảy tôi đẩy xe hàng đến trước cửa tiệm bán đồ ăn Jewel. Lần đầu tiên hắn mua một trái xoài ghim cây. Trả bằng tờ hai chục mới tinh. Thứ bảy sau hắn lại đến. Hai trái xoài, vắt chanh, rắc ớt, và giữ lại tiền thối. thứ bảy kế, hắn hỏi mua một trái dưa chuột, và ăn nhâm nhi. Tôi không gặp lại hắn cho đến lần hắn mang đến cho tôi một ly Kool-Aid đựng trong một cái ly giấy. lúc đó tôi biết là tôi đã bị chinh phục.

Có thể bạn không ưa hắn. Có thể đối với bạn hắn chỉ là một gã đầu đường xó chợ. Có lẽ hắn cũng đúng như thế thật. Hai ngón tay cái gãy. Mấy ngón tay còn lại cháy xém. Móng tay hắn không cắt đầy cáu bẩn, nhớp nhúa. Tóc rối bù. Nhưng bắp thịt hắn rắn chắc như một gã đàn ông. tôi chờ đợi hắn mỗi tuần trong chiếc áo màu xanh thường lệ của mình. Tôi đã bán hết cả xoài và dưa khi Boy Baby cuối cùng xuất hiện.

Những gì tôi biết về Chaq là do hắn kể lại. Ngoài ra không ai biết gì về lai lịch của hắn. Điều khác lạ duy nhất là hắn có thể nói một thứ ngôn ngữ lạ lùng gì đó mà không ai hiểu nổi cả. Hắn nói tên hắn có nghĩa là con Trai hay Trai Trẻ, vì thế dân bụi đã đặt tên hắn là Boy Baby.

Tôi chưa bao giờ hỏi về quá khứ hắn. Hắn nói gì cũng vậy, không thành vấn đề, quá khứ hay tương lai đối với dân tộc hắn đều là một. Nhưng sự thật có cách riêng để bám sát theo ta, làm cho ta nghe rõ ra điều nó muốn tiết lộ.

Về đêm, Boy Baby luồn tay trong tóc tôi và nói với tôi bằng thứ ngôn ngữ lạ lùng khó hiểu của hắn, vì tôi thích nghe nó. Tôi thích nghe hắn giải thích

Chaq nghĩa là gì. Chaq của dân tộc xứ mặt trời... Chaq của những đêm dài thẳm, giọng hắn lúc nghe như tiếng đất rung chuyển, lúc lại như tiếng của những cành cây khô gãy, hay như tiếng sột soạt của những bộ lông chim lâu đời sắp rã thành bụi.

Hắn ở phía sau Garage sửa ô-tô Esparza trong một căn phòng nhỏ hồi xưa là nơi chứa quần áo - mấy tấm màn plastic hồng treo trên khung cửa sổ hẹp, một chiếc ghế bố dơ bẩn vương vãi những tờ báo và một hộp giấy carton đựng vớ và mấy thứ đồ han rỉ. Chính ở nơi đó, dưới ánh sáng của ngọn đèn độc nhất trong căn phòng phía sau Garage Esparza, trong căn phòng đơn với màn treo màu hồng, hắn đã cho tôi xem những khẩu súng - 24 khẩu tất cả. Súng dài, súng ngắn, súng trường, súng máy, cộng với một ít vũ khí nhỏ có cẩn hột bẹt ở cán trông như mấy món đồ chơi nhỏ. Để cho cô biết tôi là ai, hắn nói, bày các thứ nầy trên cái giường đầy giấy báo. Để cho cô biết. Nhưng tôi đâu muốn biết.

Các vị sao đã dự báo cả rồi, hắn nói. Sự chào đời của tôi. Của con trai tôi. Đứa con trai sẽ mang trả lại niềm tự hào cho một dân tộc đã từng bẻ gãy những cánh cung, đã từng xô ngã những núi đá cản bước chân của họ.

Rồi hắn kể về việc hắn đã cầu nguyện như thế nào trong Đền Phù Thủy nhiều năm trước khi hắn còn là một đứa trẻ, cha hắn đã bắt hắn thề rằng hắn phải phục hồi nền xưa nếp cũ. Boy Baby đã khóc trong bóng tối của ngôi đền nơi ngự trị của loài dơi. Boy Baby người vừa như đứa trẻ, vừa như đàn ông gục xuống đống vũ khí trên giường và khóc. Khi tôi nâng hắn dậy, hắn nhìn tôi với đôi mắt của loài đá buồn.

Cô không được nói với bất cứ ai về việc làm của tôi nghe không, hắn dặn dò. Sau đó tôi không còn nhớ đến gì nữa cả ngoài ánh trăng, ánh trăng lạnh lẽo với con mắt vành của thần Tukal, Tulum và Chichen, nhìn chòng chọc qua lớp màn plastic hồng. Rồi như có một cái gì trong tôi đau nhói, tôi kêu lên đau đớn như thể cái tôi sắp đánh mất, không còn là tôi nữa, vừa trào ra khỏi thân xác tôi.

Tôi được tế thần như thế dưới bầu trời cổ kính bởi một kẻ kế thừa vĩ đại, đầy quyền lực - Chaq Uxmal Paloquin, và tôi, Ixchel, hoàng hậu của hắn.

Cũng chẳng có gì quan trọng lắm. Hoàn toàn không có gì quan trọng. Tôi nhét chiếc quần lót đẫm máu vào dưới áo rồi ôm mình băng chạy về. Trên đường về tôi đã nghĩ đến hàng trăm thứ chuyện. Tôi nghĩ đến cả thế giới rồi chợt nhận ra rằng tôi đã là một phần của lịch sử. Tôi bâng khuâng tự hỏi nếu như mọi người đang đi trên đường phố lúc đó, bà lão thợ may, mấy bà bán bánh mì, và người đàn bà đang ngồi chờ xe buýt với hai đứa trẻ, nếu như tất cả họ biết thì sao? Không biết tôi trông có khác gì không? Họ có đoán được không? Hình như tất cả chúng ta đều giống nhau, đều cười che miệng, đều chờ đợi như nhau, vậy mà khi họ khám phá ra sự thật, họ - thế giới và cả triệu năm - đều làm như đó là một chuyện ghê gớm lắm.

Tôi biết đáng lý ra tôi phải biết tự xấu hổ. Tôi muốn đứng trên nóc của

một tòa nhà cao ngất, tuốt chót vót và hét lên cho mọi người nghe: Tôi đã làm chuyện đó.

Giờ tôi hiểu tại sao bà Ngoại đã không để tôi ngủ lại ngôi nhà toàn đàn ông của Lourdes, và tại sao cô gái La Mã trong phim hát đã chạy trốn các tên lính, tôi biết chuyện gì xảy ra trong các xen yêu đương bị cắt xén, và tại sao các cô dâu đều đỏ mặt, và giới tính không chỉ là cái khung trong đó ta đánh dấu chữ M (Nam) hay F (Nữ) trong các bài tập ở trường.

Tôi thấy mình dạn dày ra. Các cô gái ở góc đường vẫn còn chơi trò cò cò ngớ ngẩn. Tôi cười thầm chúng khi tôi trèo hai bậc một lên những nấc thang gỗ trên lầu hai nơi tôi, Ngoại Abuelita và Cậu Lalo sống. Tôi vẫn còn cười khi mở cười vào nhà và Bà hỏi, Ủa, xe đẩy hàng đâu?

Lúc đó tôi không biết phải làm gì.

Cũng may chúng tôi sống trong một xóm lao động tồi tàn. Lúc nào cũng đầy rẫy các thứ đầu trâu mặt ngựa để tôi có thể đổ lỗi cho chúng. Thành thử ai mà không tin câu chuyện bịa đặt của tôi. Chúng tôi đi tìm, đi tìm khắp nơi mấy đứa trẻ mất dạy đã đánh cắp xe đẩy hàng của tôi. Câu chuyện bịa đặt không được trơn tru lắm, nhưng biết làm sao khi tôi phải nhanh trí bịa ra dưới đôi mắt nhìn như xuyên thấu tâm can của Bà. Nghĩ lại nó cũng không tồi lắm.

Tôi phải trốn biệt trong nhà cả hai tuần. Ngoại Abuelita sợ rằng mấy đứa trẻ ăn cắp lại kiếm chuyện với tôi nữa. Lúc đó tôi nghĩ chắc phải đến Garage Esparza để đẩy cái xe hàng ra giấu ở một ngõ hẻm nào đó cho cảnh sát tìm ra, nhưng tôi không được đi đâu một mình nữa. Sự thật rồi cũng dần dần tỏa ra như một tuh bom độc.

Đầu tiên mụ đàn bà nhiều chuyện ở tiệm giặt nói với Ngoại rằng câu chuyện tôi kể đáng ngờ lắm. Bà ta mách rằng chiều thứ bảy nào cũng thấy tôi đẩy xe hàng vào Garage Esparza lúc chạng vạng cùng với một gã thổ dân đen đủi. Gã đàn ông chẳng bao giờ tiếp chuyện với ai, vẫn đi với tôi khi mặt trời lặn vừa đẩy xe hàng vào Garage, chính là chiếc xe đó đó, lúc chúng tôi đến nơi, đã có mụ mập Concha tóc nhuộm đen nhánh, chỉ trỏ bằng những ngón tay ú nụ.

Tôi đã cầu Thượng Đế cho Boy Baby đừng có mặt ở đó, may sao Người cũng nghe tôi nên Esparza xác nhận là đúng có một gã đàn ông như thế ở đây nhưng hắn đã tóm thâu đồ đạc đi rồi, chỉ để lại chiếc xe đẩy hàng ở góc nhà để trừ vào tiền nhà hắn thiếu cả tuần nay.

Chúng tôi phải trả hai chục đồng để chuộc lại chiếc xe. Ngoại bắt tôi phải khai sự thật tại sao mất xe, tôi kể tất cả trừ chuyện gì đã xảy ra đêm ấy, nhưng rồi tôi cũng phải kể nốt sau khi tôi cầu nguyện cho kinh nguyệt mình trở lại, nhưng điều đó chẳng xảy ra.

Khi Ngoại Abuelita biết là tôi đã mang bầu, Bà khóc đến nỗi hai mắt sụp xuống. Bà đổ thừa cho Cậu Lalo. Cậu Lalo đổ tại xứ Mỹ này, cuối cùng bà đổ lỗi cho tất cả đàn ông. Lúc đó bà đốt luôn chiếc xe đẩy dưa chuột, chưởi tôi

là đồ đĩ vì tôi đã không biết xấu hổ.

Lúc đó tôi cũng khóc - vì mất Boy Baby - cho đến khi đầu tôi nhức nhối, tôi ngủ thiếp đi. Khi tôi thức dậy, chiếc xe đẩy dưa chuột đã ra tro và Bà đang rẩy nước Thánh lên đầu tôi.

Nagỳ nào Bà cũng dậy thực sớm đi đến Gagare Esparza để coi có tin tức gì về gã Quỷ đó chưa, xem thử Chaq Uxmal Paloquin có thư từ gì không, mấy người thợ sửa xe cười ồ lên khi nghe cái tên đó, họ hỏi bộ chúng tôi đặt ra nó sao, chỉ có vài bức thư đề tên Boy Baby nhưng hắn đã chuồn đi vội quá chẳng kịp để lại một địa chỉ chuyển thư.

Có cả thảy ba cái thư. Lá đầu tiên gửi cho Chủ Hộ, đòi phải trả ngay lập tức số tiền điện thiếu 4 tháng nay. Lá thư hai tôi nhận ra ngay - loại bao bì thư vàng, dầy cộm với các phiếu quảng cáo bột làm bánh, và các mẫu chào hàng thuốc giặt - vì nhà tôi cũng vừa nhận được một cái như thế. Bìa thư thứ ba được viết bằng những dòng chữ Mễ ngoằn ngoèo như nhện đề tên ông C. Cruz trên một loại giấy mỏng dánh đến nỗi người ta có thể soi dưới ánh mặt trời mà đọc, không cần mở thư ra. Địa chỉ người gửi là tên một chủng viện ở Tampico.

Ngoại Abuelita lập tức gửi thư đến Tu viện yêucầu họ tìm ra gã đàn ông đã phá hoại đời tôi, Bà hỏi các bà sơ nhân từ xem họ có biết tông tích gì của Boy Baby không - Bà dọa rằng nếu họ có muốn che giấu cho hắn thì cũng uổng công thôi vì Chúa có thể nhìn xuyên thấu mọi linh hồn.

Một thời gian dài chúng tôi chẳng có tin tức gì. Bà cho tôi nghỉ học khi bộ đồng phục của tôi đã chật cứng ở vòng bụng, Bà nói thật đáng buồn khi tôi không thể hoàn tất chương trình lớp 8 như các bạn gái của tôi.

Trừ Lourdes, Rachel, Ngoại Abuelita và Cậu Lalo, không ai biết chuyện này của tôi. Tôi vẫn ngủ trong chiếc giường rộng với Bà. Tôi nghe Bà và Cậu Lalo thầm thì như đọc kinh trong nhà bếp, họ bàn tính để gửi tôi trở về Mễ, về thành phố San Dionisio de Tlaltepango nơi chị em họ tôi đang sống, nơi tôi đã được thụ thai và đáng lý được sinh ra ở nơi đấy nếu như Bà không nghĩ là tốt hơn nên gửi mẹ tôi sang Mỹ để bà con trong phố khỏi tò mò tọc mạch về cái bụng mẹ tự nhiên lớn ra.

Tôi sung sướng lắm. tôi thích được nằm ở nhà. Bà dạy tôi cách đan áo. Đúng lúc tôi bắt đầu học thuần các mũi kim đan hóc búa thì có thư từ tu viện tiết lộ thân thế của Bot Baby - nhiều điều chúng tôi chẳng muốn biết đến.

Hắn sinh ra trên một con đường không tên ở tỉnh Miseria. Cha hắn là thợ mài dao, Mẹ hắn bốc xếp trái đào mang ra chợ bán. Hắn còn mấy anh chị em. Tôi không biết gì về họ trừ Carmelite, cô em út của hắn, viết thư báo cho tôi biết những sự thật về hắn như sau:

Bob Baby 37 tuổi. Hắn tên là Chato, Có nghĩa Mặt Bự. Hắn chẳng có tí máu huyết gì với vua Myan.

Có ai hiểu được thân phận đàn bà? Có ai thấu nỗi chờ đợi suốt cả một đời? Tôi đếm từng ngày chờ đợi đứa bé ra đời, nó giống như một cầu vồng

nước ở bên trong tôi, nó cứ lớn phồng, lớn phồng cho tới ngày nó vọt ra ngoài.

Chưa chi tôi đã cảm thấy được con thú trong người tôi oằn oại vì những giấc ngủ không an bình của nó. Bà phù thủy bảo đó là kết quả của những giấc mơ quái dị của tôi. Bà bắt tôi phải ăn những mẩu bánh trắng đã được Đức Cha ban phép lành, nhưng tôi biết con quỷ trong người tôi trăn trở, trở trăn không để tôi yên.

Ngoại Abuelita nói là họ đã gửi tôi đi đúng lúc vì sau đó không lâu Boy Baby trở về kiếm tôi, Bà đã phải dùng chổi đuổi hắn ra khỏi nhà. Sau đó hắn xuất hiện trên mặt báo em hắn cắt mẩu báo gửi cho tôi- Hắn đứng như trời trồng giữa hai người lính cảnh sát... trên đường đến Las Grutas de Xtacumbilxuna... Hang của các cô gái bị bắt cóc... mười một thi thể phụ nữ... trong vòng 7 năm qua...

Tôi chẳng đọc được dòng nào, chỉ nhìn trân trân vào những chấm li ti đen trắng làm nên gương mặt tôi đã từng yêu thương.

Mấy cô em họ tôi, đứa thì làm mặt lạnh, đứa thì hỏi những câu cỡ tuổi chúng không nên hỏi. Bọn chúng muốn biết cái cảm giác với đàn ông như thế nào, vì chúng mắc cỡ chẳng dám hỏi các cô chị đã lập gia đình.

Tụi nó làm sao biết phải nằm yên như thế nào cho đến khi người tình ngủ say đi, phải nhìn làm sao trong bóng đêm, nhìn mà không thấy những nét gãy của thân thể như cổ, khủy tay, quai hàm cứng rắn, lông mày rậm, tóc xoắn xít bên hai mép tai, phải cắn lên vành tai đầy mùi thuốc lá và chiêm ngưỡng sự toàn vẹn của người đàn ông.

Tôi bảo chúng "Nói vậy thôi. Chứ tụi bây mà đụng vào đó thì khổ thân."

Tôi có 5 đứa con. Nam. Hai trai. Hai gái. và một em bé. Hai đứa gái tên là Lisette và Maritza. Con trai tên Pablo và Sandro.

Còn em bé. Em bé tên là Alegre vì cuộc đời toàn là đau khổ.

Rachel nói tình yêu giống như một chiếc đàn piano bự bị đẩy từ trên nóc nhà ba tầng và mình là người phải đứng dưới đất đón chụp.

Lourdes không đồng ý. Bảo nó giống như một cái bông vụ, tất cả các màu sắc quay tít mù đến nỗi người ta không còn thấy màu sắc gì nữa, ngoài tiếng vù vù trắng quay.

Có một gã điên sống trên tầng hai nhà trên đường South Loomis. Hắn chẳng nói năng gì, tối ngày đi lòng vòng trên đó với chiếc harmonica ngậm trong miệng. Hắn không thổi, chỉ thở khò khè vào trong đó suốt ngày, ra vô, ra vô.

Chuyện của tôi là như thế đó. Ý tôi nói là chuyện yêu đương của tôi đó mà.

T. LINH

(chuyển ngữ bản tiếng Anh One Holy Night)



THẬN NHIÊN

ngỏ cuối

Gửi Như - Thắng

Này em xưa áo vàng mơ
Cỏ tôi khuất mượt ơ thờ giữa chân
Móng son ngón nhỏ hôn gần
Guốc sơn phố dốc khua thầm trưa tôi
Theo xuôi con dốc này rồi
Thêm con dốc nữa ngày tôi cũng chiều
Bụi vương gấu vạt nắng xiêu
Cúc vàng đính gió tóc nhiều sợi bay
Mơ môi ngậm một sợi này
Chẳng ngờ bóng ngã sóng soài ngỏ trưa

gác đời trăng chiếu

Vãng lai thì ngủ lại đây
cái tôi co lại cái ngài duỗi ra
Thân cong một nét nguyệt tà
Giữa khuya ú ớ quỷ ma hững tình
Ngoài trời loáng thoáng mưa đêm
hạt rơi ướt mặt lạnh mềm tứ chi
Buồn tay gõ nhịp mái tôn
Hiện tờ căn kiếp những hồn đi hoang
Gian trong gái đĩ ho khàn
Gác đời trăng chiếu lên ngàn ngẩu kinh.

THẬN NHIÊN



HUỲNH LIỄU NGẠN

huế, ngày nào

1

Ngày đó những tiếng rao hàng đầu ngõ
xôn xao ánh nắng ngoài đường
có bầy chim đậu trên hàng dây điện
những chiếc xe qua cầu sớm mai
đâu đây tiếng hát bên kia hàng dậu đổ
bắt đầu với Huế những êm đềm cổ tích

2

ngày đó con nước ròng xuôi theo bờ cỏ dại
anh hát bài tình ca
và mặt sông in xuống chiếc nón có dải lụa màu
in hình như Huế trong đôi mắt em
những chiều tím sẫm sau dãy núi xa
tiếng chuông chùa vang lên từ ngoại ô thành phố
có ánh trăng rằm bên kia Vỹ Dạ
anh nhớ em mùa Thu về những chiếc lá rụng đầy vườn

3

những hạt mưa bắt đầu rơi
mưa buồn bã như mặt hồ sen trong Đại Nội
mưa rất khuya trong tâm tưởng mỗi người
mưa nghe tiếng lóc cóc chiếc xe phở ngang qua
rất nồng nàn của Huế
mà anh chắc em vẫn nhớ
bởi vì con đường hoa phượng nở bên sông
đã nhắc nhở dùm em
bởi vì những gánh chè khuya với ngọn đèn dầu
trong công viên sẫm tối
đã nhắc nhở dùm em
bởi vì những chiếc xe xích lô đạp
vắng khách trên đường về

đã nhắc nhở dùm em
thì thôi Huế muôn đời vẫn nơi em
nơi phiên chợ Đông Ba mỗi sáng đầu ngày
em ngồi hong chút nắng
chải mái tóc dài rối
mỉm cười soi mặt nước sông Hương

4
ngày đó tiếng guốc em vang xuống mặt đường
trong lòng em tiếng hò khoan nối nhịp
bóng mát che em về ngang con phố rẽ
chia đôi dòng lưu thủy
ngày đó...
xin giữ dùm anh
để mai về khua mái chèo lung linh
như ngàn ngọn nến

HUỲNH LIỄU NGẠN



NGUYỄN QUANG TẤN

dạo khúc tám

Mầu hoa thanh tân
Đêm xuân rơi trên đôi vú trần
Nhạc khuya mời gọi
Mê cung lạc lối
Đau bàn chân

Giai nhân khép hờ áo mỏng
Thiên nhiên phơi mở trắng ngần
Có vì sao đang tắm
Cuối dòng sông

NGUYỄN QUANG TẤN



NGUYỄN QUANG LẬP

đợi đến mùa hoa phượng



Em không thể chờ anh
Mùa hoa phượng còn xa
Xa hơn một đời người
Em không thể chờ anh
(Thơ của một nhân vật trong truyện)

Lại vẫn ông hiệu trưởng thường gõ cửa nhà chị vào lúc khuya khoắt. Trên tay cầm xị rượu sắn, ông chui qua tấm cửa liếp đứng giữa nhà ho một hồi, đoạn cười cái xoẹt:

- Còn gì khả dĩ không cô Mị?

Câu hỏi muôn thuở về thực phẩm ông cần để đổ nốt xị rượu cuối cùng vào bụng, kết thúc một ngày bình an vô sự dưới đáy một thung lũng hoang tàn.

Tất nhiên là vẫn còn, không ít thì nhiều, chị vẫn dành cho ông đĩa cá muối, khúc cá kho hay một vài miếng da trâu nướng... Dù vậy, không khi nào chị đưa ngay cho ông.

- Thầy uống ít thôi. Rượu sắn chứ bổ béo gì.

- Cuộc sống mà... - Ông cười cười - Cuộc sống thì có gì bổ béo đâu, thế mà ai cũng ham sống? Ha ha... tôi "triết lí" đấy!...

Mị cười. Đến chịu ông, khi nào cũng đùa vui nhí nhố được, kể cả khi lãnh đạo về thăm trường. Ở cái nơi khỉ ho cò gáy này, nếu không có ông chắc bốn chục nóc nhà trong thung lũng đều chết héo chứ chẳng riêng gì chị. Ông làm hiệu trưởng một trường có năm lớp, gồm năm chục học trò và bốn giáo viên nữ, ấy là trường tiểu học nhỏ nhất thế giới, như ông vẫn nói với mọi người. Ông là cán bộ xã được điều về phụ trách trường, đã ba chục năm nay không có ai thay thế. Điều đó làm cho ông cực kỳ thích thú. Mỗi khi rượu vào, ông

vẫn khua chân múa tay với mấy giáo viên nữ: "Tôi không biết dạy nhưng tôi biết làm hiệu trưởng. Và vì không một thằng đếch nào dưới xuôi ngu đến nỗi bò lên đây tranh chức hiệu trưởng của tôi, ha ha, thế là bố mày sẽ làm hiệu trưởng đến già! Bố mày không có trình độ nhưng bố mày biết "triết lí". Cấp trên mà nghe bố mày "triết lí" là cứ vỗ đùi đen đét!" Ông cười khì khì, cười ha hả, rồi xua tay: "Các cô đi dạy đi! Dạy tử tế vào. Bố mày đi ngủ đây". Hết "tôi" lại "bố mày" mà ngủ. Chiều chiều lại đi thăm phụ huynh, tức là đi uống rượu, rồi thế nào cũng xách được một xị rượu sẵn mò về nhà chị lúc khuya khoắt thế này.

Chị đưa cho ông một bát cá khô rang mỡ. Ông cười tít mắt:

- Tuyệt quá. Ở trường này không ai không thương thằng già này. Giá cấp trên cũng thương tôi như các cô thì...

- Thì vẫn thương đấy chứ. Thầy cứ nói...

- Ơ thì thương. Lãnh đạo không thương lãnh đạo thì thương ai? Thương, nhưng trả lương bằng tiền. Giá cứ trả lương cho tôi một ngày hai xị mấy lại một đĩa mồi, thế có khả dĩ hơn không?

Ông nhấm từng tí một, thỉnh thoảng lại ngó xuống xị rượu xem còn "khả dĩ" là bao nhiêu. Ông sợ hết rượu, còn chị thì sợ ông về. Ở tuổi chị không có gì sợ hơn khi một mình đối diện với cái bóng của mình. Mà cái bóng cũng chẳng còn ra cái bóng nữa. Nham nhở và dài ngoẵng. Thỉnh thoảng từ dưới đất mọc ngược lên, từ trên nóc nhà đổ ập xuống. Thỉnh thoảng bò đi bò lại trên vách như một con thằn lằn khổng lồ rồi bất chợt vo tròn rơi phịch xuống chiếu như một đống giẻ rách. Thỉnh thoảng rung lên bần bật, tay chân khua khoắn như động kinh. Thỉnh thoảng cuốn chặt lấy cột nhà, hai tay vặn vẹo những ống tròn. Làm sao chị có thể thừa nhận nó là chị? Chị vẫn thế này kia mà: bốn mươi tư tuổi. Tóc hãy còn xanh, dù đã vợi đi khá nhiều. Và bộ ngực nữa, nó khẽ rung lên trong đêm, ngọt và ấm. Đối với chị, bóng tối luôn nguy hiểm, và đểu cáng, nó tìm mọi cách dìm chết tuổi thanh xuân của chị. Trong khi chị như lửa. Đúng thế, như lửa. Nhưng không có gì, không cách gì để tỏa sáng.

Cuối cùng rượu cũng hết. Chị nửa muốn mua thêm rượu cho ông, nửa muốn ông về. Ông thì cứ chóp chép miệng hoài, nửa muốn uống thêm nửa muốn nói với chị một điều gì. Họ rầu rĩ nhìn nhau. Chú và cháu. Thầy và trò. Đã ba mươi năm nay vẫn quan hệ ấy, không gì khác hơn. Trời xui đất khiến thế nào mà đến giờ thung lũng chỉ còn họ là độc thân. Tuy thế quan hệ ấy không thể khác đi, có khi còn ấm áp hơn bao giờ hết.

- Cô Mị này, tôi cần chút rượu nữa...

- Thôi, thầy...

- Một chút khả dĩ thôi...

- Chết vì rượu không hay hớm gì đâu, thầy.

Ông hiệu trưởng trợn mắt. Rất lâu sau, ông nói, giọng run run:

- Vậy cô bảo: chết vì cái gì thì hay?

Mị cúi xuống tránh cái nhìn của ông. Chị cầm lấy chai rượu ào ra cửa. Chị sợ sẽ khóc òa trước mặt ông. Câu hỏi vô tình của ông khiến chị nhớ đến kỷ niệm ba mươi năm về trước. Vẫn là kỷ niệm thôi, là kỷ niệm thuở thiếu thời, nhưng đối với chị nó nghiêm trọng như một tấm huân chương, phía bên này lấp lánh hào quang, phía bên kia là nỗi đau không bao giờ dứt.

Ôi, thuở thiếu thời nhiều mộng tưởng điên rồ và xuẩn ngốc. Có ai như chị không, mới mười bốn tuổi đã cả gan ngồi thu lu một mình trên tảng đá hàng giờ liền chờ đợi một người đàn ông. Suối R. hồi hộp chảy qua trước mặt chị, trong vắt, có thể nhìn rõ từng viên cuội nhỏ đang lúc lắc dưới đáy. Chị nghĩ nó còn hồi hộp nhiều hơn chị, bởi vì anh ấy sẽ ngập nào nó, sẽ vùng vẫy trong nó, và nó sẽ tha hồ ve vuốt anh, còn chị chỉ được quyền duy nhất là nhìn trộm nó và anh từ phía sau tảng đá. Thật không ra làm sao khi lần đầu tiên chị nhìn thấy... Chị không còn nhớ lúc ấy chị đỏ mặt lên không, hai tai có nóng rực lên không. Ấn tượng duy nhất chị còn giữ được là sự kinh ngạc, không ngờ nó lại ghê gớm làm vậy. Nhưng chị không cần nó. Chị cần nhìn anh, cần ngắm vuốt anh mỗi ban mai anh vừa tắm vừa huýt sáo trong lòng suối. Anh đẹp như các hiệp sĩ trong các sách tập đọc, một vẻ đẹp thần thánh dưới mắt cô bé chưa lần nào bước ra khỏi thung lũng. Mối tình của hiệp sĩ hào hoa với cô bé quàng khăn đỏ đi tìm hạt dẻ, tình cờ gặp nhau yêu nhau hẹn hò nhau bên suối, một bờ suối có nắng có hoa có vượn hú chim kêu có sương rơi bướm đậu đã được vẽ ra trong trí tưởng tượng phì nhiêu của chị, khiến chị ngộp thở vì sung sướng. Chị không biết anh là ai, từ đâu đến. Một buổi sáng đi kiếm củi, chị bất ngờ nhìn thấy anh từ phía sau tảng đá. Thế thôi, giản dị như cổ tích. Ròng rã mười ngày trời chị cố gắng tìm mọi cách để anh biết được chị. Nếu anh bất ngờ nhìn thấy chị, anh sẽ làm gì? Không biết. Nhưng khi đó thật tuyệt vời, chị nghĩ thế. Chị thử ném một viên sỏi, thử bẻ một cành cây, thử ho lên mấy tiếng. Kỳ quặc, anh vẫn huýt sáo. Chị chuồi hai tay lên phía trước tảng đá, tiếng huýt sáo vẫn không ngừng. Chị nhô đầu lên, nhô thật cao, nhìn anh đăm đắm. Anh vẫn không hay biết. Chị tức tưởi khóc cười sau tảng đá cho đến khi anh rời bờ suối, mất hút vào trong rừng dẻ tía. Vậy là hết một ban mai. Lại một ban mai khác, một ban mai khác nữa... Rồi trong lòng suối không chỉ mình anh. Không chỉ mình anh huýt sáo trong lòng suối và nàng tức tưởi khóc cười sau tảng đá. Bây giờ trước mặt chị là hai người. Chú bộ đội và cô Diệp, cô giáo chủ nhiệm của chị. Chuyện cổ tích bốc cháy. Bốc cháy thảm hại trước mặt chị. Trước mặt chị họ đang ghì chặt vào nhau, họ đang ghì chặt vào nhau trước mặt chị. Trắng trắng, trăng trắng và những tiếng kêu không rõ đau đớn hay hạnh phúc đập vào ngực chị liên hồi... Mắt chị hoa lên. Chị đập đầu vào tảng đá, nằm bất động cho đến quá chiều.

Cuối cùng anh ấy cũng ra đi, còn chị phải mỗi ngày đối diện với cô Diệp. Cô vẫn vậy, vẫn tươi vui, vẫn thánh thót với bài giảng của mình. Chị không còn là chị nữa. Chị cảm thấy những gì cô Diệp nói phi lý và giả trá. Mỗi lần chị ngước lên bảng là chị thấy trắng. Màu trắng cùng với những tiếng kêu

rên. Chị bỏ học. Không ai khuyên can nổi. Cô Diệp không ngờ một cô bé thông minh và xinh xắn như chị bỗng đâm ra bướng bỉnh.

- Đừng nên thế, Mị. Nghe cô nói này...

Không dưới một trăm lần cô Diệp bắt đầu như thế, trong khi chị trùm kín chăn nằm cứng đờ. Sự kiên trì, đức hy sinh, lòng nhân ái hay những gì đại loại như thế thường vẫn được đền bù xứng đáng, cố nhiên không thoát khỏi những ngoại lệ đau đớn và nhục nhã. Buổi chiều cuối cùng cô Diệp đến nhà chị là một buổi chiều yên tĩnh. Hình như có mưa hay sa mù gì đó, mà tóc cô Diệp ướt đầm. Cô nhẹ nhàng lật tấm chăn và nhìn vào mắt chị. Một cái nhìn thật bao dung nhưng chị làm sao biết được. Chị chỉ thấy trắng, chỉ thấy trắng, vậy thôi.

- Nghe cô nói này...

- Nói cái gì?

- Kìa. Sao lại trả lời cô thế?

- Cô về đi.

- Em phải học. Mị, Cô khuyên em...

Chị chồm dậy, chụp lấy áo cô day mạnh. Chị hét lên, không, chị nghiến răng tru tréo:

- Khuyên! Khuyên! Khuyên! Đồ hủ hóa, lại còn khuyên!

Một cái tát nẩy lửa giáng xuống mặt chị. Cái tát mạnh đến nỗi ba mươi năm sau mỗi lần nhớ đến chị lại giật mình òa khóc.

*

Đêm chưa tàn, rượu vẫn còn, nhưng chị và ông đều đã say. Cuộc say không tính trước. Mà đã mấy ai tính trước những cuộc say. Ông hiệu trưởng cầm đũa gỏ bát liên hồi hát. Vẫn bài hát nhăng nhít "tự biên tự diễn" của ông. "Cuộc sống ơi, người quý giá biết bao. Nhưng tôi chẳng biết sử dụng người vào việc gì"...

- Có đúng thế không, cô Mị nhẩy?

Chị không trả lời. Chị đã uống quá nhiều. Một chén quên đi. Một chén nhớ hết. Một chén dối mình. Một chén dối người. Những chén sau để bóc trần mình và người. Cuối cùng là cảm giác muốn bay lên. Chị thấy mình nhẹ bổng và vui, không biết vui về nỗi gì nhưng rất vui. Cái gì cũng thấy buồn cười, ngay cả cái mặt nhàm chán của ông hiệu trưởng cũng thấy buồn cười chết đi được. Nó như mặt trống phải dùi cứ rung lên bần bật. Ông hiệu trưởng cũng đang vui đáo để. Ông hát rất to, tuồng như rú gào chứ không phải là hát. "Ai bảo rượu là nguy hiểm, kẻ đó không thương ta. Kẻ đó coi cuộc sống là ôtô, là tàu hỏa. Một mai tất cả chết đi, ôtô không chết, tàu hỏa cũng không. Hỏi để làm gì, bán cho ai?"...

Ôi chào thầy hiệu trưởng! Thầy hát cái gì thế? Đến chết cười. Thầy đang khóc phải không? Đang khóc chứ không phải hát, có đúng không? Thầy có

dối mình. Hết ngày này sang ngày khác thầy cứ dối mình. Chứ còn gì nữa! Chị bỗng ngửa cổ cười sằng sặc. Ông hiệu trưởng im bặt. Ông trân trố nhìn chị rồi vồ lấy chai rượu tu ừng ực. Cần phải say nữa. Mỗi ngày cần phải làm cho mình say thêm, sao cho toàn bộ ký ức ba mươi năm về trước ngập chìm trong rượu. Khổ thay, thứ gì ông cần nhấn chìm thì nó lại nổi lên, dập dềnh trong đời sống thường nhật của ông, làm cho ông không khi nào được thanh thản.

Một ông hiệu trưởng trẻ măng chưa vợ yêu một cô giáo trẻ măng chưa chồng. Thật tuyệt. Tất nhiên yêu được người đẹp nhất thung lũng không phải là chuyện dễ. Cũng phải mưu này mẹo nọ, cũng phải thơ ngắn nhạc dài, cũng phải sớm đưa chiều đón. Rồi thì ví von, rồi thì thư từ, rồi thì quà cáp. Đủ cả. Hai năm trời chứ không ít. Vậy mà xôi hỏng bỏng không, Diệp đã từ chối lời thỉnh cầu của ông theo kiểu: "Em rất... Nhưng mà..." Có đến chục thằng đã được cô trả lời: "Em rất... Nhưng mà..." chứ riêng gì ông đâu. Tuy thế ông vẫn cứ. Ông khác mấy thằng đó. Ông phải có chút "đặc quyền đặc lợi" khả dĩ đối với Diệp chứ. Ông tưởng thế, hóa ra không phải. Thế mới cay cú. Hôm người lính ấy trở về tìm Diệp, ông ngẩn người. "Công xúc tép nuôi cò..." Mấy cô giáo trẻ cười sau lưng ông. Ông đã uống rượu say. Rất say. Đấy là trận say đầu tiên của ông trong đời. Một cô giáo nào đó nhỡ mồm khen "cặp ấy" đẹp đôi. Ông khùng lên khua chân múa tay:

- Đẹp cái gì? Đang khi bom đạn đầy trời. Chỗ này đùng, chỗ kia đoàng. Hắn nếu chết thành liệt sĩ, nếu sống thì thành anh hùng. cả hai... đều không hợp với cô Diệp đâu!

- Thế yêu cái ông mất lập trường như thầy thì hợp hả?

Mấy cô giáo trẻ cười ré lên và bỏ chạy.

Diệp vẫn cặp kè với người lính, trừ những giờ lên lớp, còn thì không mấy khi họ rời nhau. Ông nghĩ ngợi suốt đêm và ba mươi lá thư tình ông đã viết rồi xé. Sáng mai ông sai học trò mang ba chục trứng vịt đến phòng cô Diệp, nói là thầy hiệu trưởng mừng cô... Một tuần sau, vừa bảnh mắt ông đã nghe tiếng vịt kêu dưới lưng mình. Ngó xuống giường: ba chục con vịt con đang phóng mỏ lên mũi ông kêu chim chíp. Điên tiết ông đá bay rổ vịt ra sân và lập tức triệu tập giáo viên họp hội đồng khẩn cấp, chỉ để ngồi nghe ông hiệu trưởng giải thích vì sao hôn nhân và gia đình không được tách rời luật pháp, và vì sao Mác đã trả lời đanh thép rằng hạnh phúc là đấu tranh". Chính ông cũng không hiểu ông nói gì, nữa là Diệp.

Chỉ đến khi cô bé học trò yêu của cô rêu rao trong toàn thung lũng chuyện "ghê tởm" của cô với người lính, và đến khi trên cổ cô nổi một đường gân xanh thì cô mới rùng mình hiểu ra tất cả. Ông đã gõ cửa phòng Diệp cũng vào lúc khuya khoắc thế này. Ông đã nói gì với Diệp nhỉ. Nói gì nhỉ. Ơ hay, vừa nãy đang nhớ, bây giờ đã quên. Mà nhớ làm gì? Hả? Nhớ làm gì! Quên đi, quên!

Choang! Chai rượu vỡ tan. Rượu màu có khác, cứ chảy ra như máu. Chị

nhìn chằm chằm vào vết rượu loang. Ở như máu thật. Như máu chảy ra từ ngực cô Diệp khi người ta cõng cô từ cao điểm 312 chạy về thung lũng. Cô Diệp đã chết, chỉ còn máu là vẫn cứ chảy ra ngoài. Ông hiệu trưởng nói với học trò cô đã hy sinh chứ không phải chết. Chị cũng nói với học trò như vậy mỗi lần kể về truyền thống nhà trường. Có điều chị không nói vì sao sau cái chết của cô chị lại cắp sách đến lớp. Ông hiệu trưởng cũng vậy, ông không nói vì sao cô Diệp có thể biết được một đoàn xe đang bị máy bay địch bao vây, cần phải có một ngọn lửa đánh lạc hướng, kéo bom đạn về phía mình cho xe an toàn ra tiền tuyến, trong cái đêm ông gõ cả phòng cô.

Dưới đáy vali của cô có một bài thơ. Bài thơ ấy đến bây giờ ông hiệu trưởng vẫn còn đang giữ.

NGUYỄN QUANG LẬP



NGUYÊN LƯƠNG

bên bờ sông la lauter

- *Thân tặng các thi hữu*
  đã giúp đỡ để hình thành tuyển tập thơ trong-ngoài nước

Ta đến Landau từ phi trường Frankfurt
Autobaln A-10 chạy suốt về Kalsruhe
Dòng sông Rhein đen thẫm màu đêm
Wissembourg ngợp bóng tối không đèn
Nước La Lauter mùa hè vẫn chảy!

Phạm Duy nay có về bên cầu biên giới
Nhìn thấy Seltz bên kia rừng Rastalt
Như nước sông Hồng đêm hè vẫn đỏ
In dáng Văn Cao chống gậy chờ trăng
Mùa chiến chinh năm nào đã vô tình
Sông Đuống, Sơn Tây chia đôi bờ Quang Dũng

Wissembourg nằm yên dưới rặng núi Bergzaber
Có tiếng chim gọi đàn buổi sáng
Trời chưa bình minh mặt trời đã rạng
Từ bên kia Pforzheim rọi về
Stutart, Heilbronn nắng chói rừng thưa
Haguenau bên này lúa mì vàng lên rực rỡ

Hoa wisteria màu xanh nở muộn nhà ai
Cành geranium đỏ bên cửa sổ của Robert Frost đây rồi!
Hoa hồng màu lạ lắm thay!
Như em hôm nào tô môi màu tím
Như Blao của Bùi Chí Vinh chưa chín
Mà Lê Uyên đã rụng xuống chân Phương
Trong vũng lầy của đồi núi chập chùng
Những đóa hoa phù dung vẫn nở
Áo lụa Hà Đông của Nguyên Sa còn bỡ ngỡ
Cho André Gide nhìn đời qua khung cửa hẹp xưa

Dòng La lauter sũng ướt đêm mưa
Nước chảy xiết qua Wissembourg chia hai dòng ôm phố nhỏ
Một dòng chảy qua nhà Jean-Luis
có cây tử đinh hương hoa màu tím
Một dòng chảy qua ghềnh có cá hồi về núi sinh con
Như Trịnh Công Sơn gọi Hồng Nhung là con Bống Bồng
trên Hồ Tây về ăn cám
Như Ngu Yên cầm chất Ngọc Phụng
trong cuốn chả giò cuộn bánh tráng
Như Đỗ Kh., Khế Iêm, Lưu Hy Lạc...
nhỏ thêm một giọt thơ ký ninh vào ly cà phê đắng
Như Du Tử Lê đã gửi đời mình vào vòng tay thánh nữ
Luân Hoán làm thơ chở quê hương qua những cây cầu đổ lệ
Hoàng Xuân Sơn mơ đi lại trên những con đường
Lưu Nguyễn bỏ không đành chốn cũ nên thương
Như La Lauter vẫn chảy về Rhein, về phương Bắc

Có ta chèo thuyền trên sông sương mù dày đặc:
"Mắt em là dòng sông Thu
Bao năm lá đổ, mây mù, sương rơi
Thuyền anh đi quét lá, mây
Chưa qua sông đã đắm ngay giữa dòng..."

Ly rượu Chateau de Guilhemanson chưa uống đã say
trong vòng tay búp bế
Con cá bống đang vui lượn giữa dòng
Em gái Dahn ngồi bên bờ sông vọc nước khỏa thân
Vớt bọt xà phòng thổi lên bong bóng
Như bọt ly bia Alcase màu nước vàng cam
Bia không thể cùng màu rượu chát

Như bên kia cầu là Đức - bên này là Pháp
Trạm canh nay không còn người đứng chặn người
Âu châu đã mở toang
Âu châu nay không còn biên giới

Mùa hè 1789 ngục Bastille vùng dậy
Mùa thu 1918 Đức chiếm Strasbourg
Những năm Nguyễn Trung Trực ngâm mình
trong lòng Nhực Tảo đợi chờ
Người dân Pháp đã tắm trên dòng sông Rhein đẫm máu

Wissembourg còn nguyên những căn nhà gỗ
La Walck có con đường lên đồi núi Kandel
Không như con đường Phan Nhật Nam về lại Cổ thành
Tôi Thùy Yên trong Ta Về một cõi xa xăm
Phạm Thị Hoài khóc trước một rừng thông chết gục

Đêm ngủ bên La Walck nghe dòng Lauter chảy xiết
Không như đêm nào bên bờ sông Hậu Giang
Bến Ninh Kiều có ai chèo trong đêm
Đã chở ta về bên cồn trăng sông Cửu
Huế đã buồn Huỳnh Văn Dụng làm thơ buồn chi nữa
Cho Võ Tá Hân thêm mấy điệu ngũ cung
Bùi Văn Tuấn với trăng văn khoa chưa tàn
Nguyễn Lương Vị đã lạ lùng áo đỏ

Bạn hữu ta ơi! trong, ngoài, đâu, đó
Hãy như dòng Lauter gặp tại sông Rhein
Khi biên giới Pháp-Đức đã không còn
Sáng bên này Landau
Chiều bên kia Bruchsal

Như ly bia Đức với đĩa cơm Pháp
Như ốc bưu Hồ Tây nướng với tỏi Phan Rang
Nước dừa Bồng Sơn ngọt môi người viễn phương
là lúc ta và em cùng về quê tắm mát
Bên rừng già lội suối nhỏ hái hoa
Có hồn Nhất Linh về đậu trên đóa lan thơ
Khái Hưng một gánh hàng (hoa) trên vai nửa chừng (xuân)
chưa muốn dứt

Đêm lái xe về Hunspach
Có con nai vàng chắn mất lối đi
Con nai vàng lạc lõng của Lưu Trọng Lư
Trời chưa mùa thu mà lá vàng đã rơi đâu đó
Lá vàng hay lá bàng tuổi nhỏ
Dòng sông thu hay dòng suối đợi chờ

La Lauter, La Rhein, La River
Ngủ bên bờ sông tây nhớ về chốn cũ
Có Nhã Ca và khăn tang trắng bịt đầu
Có Bùi Giáng lùa bò vào đồi sim chín xa xôi
Có Phan Bá Chức hát bài Mai Hòa Bình anh còn cây nạng gỗ
Sương mù lên hay Hồ Xuân Hương đang thở
Đà Lạt đâu đây trong phố nhỏ Wissembourg

Đêm nay còn bên trời
Đêm mai ta hội ngộ
Đêm khuya buồn nhìn trăng rơi
Cánh đồng Saabrucken không thung lũng hững
La Walck im nghe hơi thở dòng sông trôi
La Lauter đang ôm Wissembourg trong vòng tay nước
Của sông Hương bến cũ lững lờ
Của ta đang nằm mơ
Đừng đánh thức hồi những con chim
hót ngày đêm không ngủ...

NGUYÊN LƯƠNG
(Wissembourg 7 tháng 7. 1995)



THI ÊM

thơ ngày xưa

• Gởi "Người Ta".



Hai mươi lăm năm xa cách. Hun hút thời gian. Tít tắp không gian. Thế mà hôm nay anh lại viết cho em. Anh phải viết. Em sẽ hiểu vì sao. Suốt cả đời qua, anh chưa bao giờ nhớ em như lần này. Quằn quại. Ngày mình mới xa nhau. Thư đầu em gởi anh bảo mới một tuần em sụt hơn ba ký. Hai má lúm đồng tiền lõm sâu vào. Anh thương em đứt ruột. Nhưng cái đứt ruột của tuổi đôi mươi hình dung ngày về trước mặt không bằng cái đau lúc tuổi đã ngoài bốn mươi. Có về lại chốn xưa cũng chẳng còn ai đứng đợi.

Lây lan từ trước đến nay. Đột phát năm rồi. Lúc anh sang Mỹ làm đám cưới cho KE, đứa em trai út, hồi anh rời Việt Nam mới sáu tuổi. Em út của em nhỏ hơn nhiều. Anh vẫn nhớ tấm hình chụp em bế nó trên tay. Sau này nghĩ lại, anh cho đó là điềm báo. Có gặp lại nhau, em đã tay bế tay bồng. Quả còn hơn thế. Anh nào gặp lại được em. Mà em tay ẵm tay mang. Không như lời em khi cho anh tấm hình. Học xong phần đầu, anh về lại hè, xin cha mẹ hỏi em cho anh. Rồi mình trao nhau tất cả. Có gì em bồng con mà đợi. Lần đầu tiên anh sang Mỹ. Dù đất rộng mênh mông. Anh vẫn mong bất chợt thấy bóng em. Anh chẳng biết em ở tỉnh nào. Anh hỏi G, em gái kế của anh, hồi xưa học chung lớp với em. G không nói. Chỉ bảo là chuyện cũ rồi anh. Nhớ làm gì. Anh không hỏi tới. Sợ. Không biết anh sợ cái gì. Bụng anh như bị dao cứa ngang.

Trở về. Anh đâm giận vô cớ mấy cô em. Anh lại tức anh vì sao đã không hỏi vặn. Từ bờ biển Đông sang bờ biển Tây. Từ Bắc xuôi Nam. Dù sao cũng

đã ở Mỹ. Hơn là về lại xứ Bắc Âu. Rồi nhớ em. Bên kia đại dương. Nghĩ lại vô duyên. Anh mong thấy em là chuyện của anh. Còn em, ai biết em mong thấy gì? Coi chừng anh là ma gọi hồn quá khứ. Khuấy động làm chi chuyện đã qua phần tư thế kỷ.

Hè năm nay, KE cùng vợ mới cưới sang Pháp chào họ hàng. X và N, hai cô em gái của anh ở Mỹ, cũng dắt con theo chơi. Anh đi cùng đứa con gái út (chuyện vợ chồng con cái của anh, anh kể em nghe sau). Cả mấy anh em tụ lại nhà G ở Paris. Đêm đêm. Nhắc chuyện xưa. Lúc nhỏ thế này. Ngày đó thế kia. Nhớ không. Nhớ không. Cha hồi còn sống. Mẹ khi còn chưa bệnh. Năm trước, bận chuyện đám hỏi đám cưới, năm anh em không có dịp nhớ nhiều chuyện ngày trước. Chuyện hồi mới đẻ ở Huế. Lớn lên ở Đà Nẵng. Sau này ở Sài Gòn. Rồi lại nhắc đến em.

N nói anh KA đâu có biết (ở nhà vẫn gọi anh là KA. Tên của các em anh cũng đều để gọi trong nhà. Đọc chẳng ai biết. Chỉ có mình em. Nếu em nhớ) chứ hồi anh đi rồi chị HT lại nhà mình miết. Nói chuyện chi với mẹ mà cứ rù rì. Có lần chị trốn học, đến xin mẹ lại trường gặp giám thị. Mẹ cùng đi với chị. Mẹ về, N hỏi sao mẹ chịu chơi quá. Mẹ cười bảo không chừng mai mốt HT là dâu nhà mình. N cải mẹ biết đâu chị cúp cua đi chơi với bồ, bỏ anh KA. Mẹ nói bồ mô mà bồ, mẹ nói chuyện với nó mẹ biết. Con gái mới lớn tránh răng khỏi con trai theo. Anh KA đi học xa mấy năm trời. Hồi còn ở nhà anh cũng đi chơi chỗ này chỗ nọ. Rứa mà mẹ thấy anh có ưng ai mô ngoài HT. Mấy con là con gái mà mẹ cũng cho đi chơi. Phải xin phép cha mẹ đi chỗ mô rõ ràng . Cấm cửa ở nhà miết không chừng hư sự. Cha mẹ HT hình như cổ lổ quá. Mẹ chiều HT một chút để nó cởi mở tâm sự cho mẹ biết thêm mà dìu dắt. Cái con coi dể thương mà tính nết cũng được. Nghe xong anh làm tĩnh, hỏi trống không có ai biết chừ HT răng không?

G trả lời, hồi 73 hay 74 chi đó không nhớ. Có anh chàng học ở Mỹ về. Gia đình mai mối. HT không ưng nhưng cha mẹ ép. HT về hầu hạ gia đình chồng một thời gian. Cũng cực. Sau hai vợ chồng sang Mỹ. Không thương chồng nên chờ con lớn HT xin ly dị. Sau đó lấy chồng khác. Hai người rất thương nhau. Chuyện mấy đứa bạn nói lại, cũng lâu rồi. Ngay từ khi HT lấy chồng lần đầu, G đã mất liên lạc.

X chen vào, chuyện xưa quá rồi, X chỉ nhớ là trước khi lấy chồng chị HT đã hết thương anh. X làm người đưa thư, thay cho chị G đi du học năm 71. Mỗi lần anh gởi thư cho chị HT về nhà mình, X điện thoại cho chị lại lấy. Hồi Tết 72 thì phải, chị HT thố lộ với X. Lúc đó X có viết thư kể cho anh nghe rồi. Rốt cuộc hai người chị thấy không hợp nhau. Chị thực tế. Còn anh mơ mộng, lãng mạn. Có phần quá ủy mị. Nhưng có lẽ lúc ấy chị cũng xiêu lòng với ai đó, theo chị từ khi anh còn ở nhà. Anh nhớ không?

Tự nhiên anh hết muốn nghe. , chuyện HT bị ép lấy chồng anh biết. Còn sau đó thì anh chịu. Trước đó anh lại quên. Rồi tảng lờ nhảy sang chuyện khác. Mấy cô em nhìn nhau cười. Thì ra ông anh cả vẫn lông bông như gió

thoảng. Hỏi như chuyện bên đường. Đâu ai biết anh đau. Vết thương xưa. Chẳng bao giờ lành. Anh ra sân kiếm đứa con gái út. Bảo khuya rồi cha đưa con vào phòng đi ngủ.

Ngày sau. Cả nhà sang thăm gia đình anh. Nơi thành phố ngày xưa em biết. Mấy người em ở nhà anh hai hôm. Phòng đọc sách của anh ở lầu trên cùng. Trên tường treo mấy tấm hình ngày trước. Có tấm chụp mẹ anh bồng anh, khoe con trai. Cha anh đứng bên cạnh. Tay đặt trên vai mẹ anh. Khi ấy anh vừa thôi nôi. Đầu trọc lóc. Miệng cười không có răng. Mấy em anh nói anh KA ơi, hồi 75 chạy tàu. Nhiều thứ ở nhà không mang theo. Anh còn hình nào tụi em khi xưa còn nhỏ không? Thì lúc gia đình sang, anh có đưa cho mẹ. Mẹ đã chụp lại cho mấy anh em. Bà con ở Việt Nam gởi cho mẹ mấy tấm hình hồi trước. Mẹ cũng lại chụp ra chia đều. Mai mốt mấy em xuống miền Nam nước Pháp, thăm mộ cha mẹ, anh ở nhà kiếm lại, xem còn hình nào sót lại trong đống giấy tờ thư từ cũ.

Sáng hai ngày sau. Anh thắp ba cây hương trước hai tấm ảnh thờ. Khấn. Thưa cha mẹ, lúc này mấy em con đang lạy phần mộ cha mẹ. Con gái đầu của con đang ốm, vợ chồng con không đi cùng mấy em thăm mộ cha mẹ được. Con gởi đứa con gái út của con theo các chú dì nó lạy ông bà nội. Xin cha mẹ phù hộ cho gia đình mình. Xong ngồi nhìn mấy sợi khói bay. Cha anh mất năm 79. Ông không biết lúc ấy anh đang ở Việt Nam. Trở sang, cha anh mất đã mấy ngày. Trước đó, ông nằm liệt giường cả năm. Đủ thứ bệnh. Gia đình anh đến Grenoble hồi cuối 75. Vài năm sau G có chỗ làm mới ở Paris. Cha anh bảo cha không đi đâu cả. Ở Grenoble có núi có sông. Tháng 8 sửa soạn dọn. Cuối tháng 7 ông qua đời. Tối trước khi ngủ cười nói với vợ con. Sáng ra, người đã lạnh. Chôn ở nghĩa địa ven thành phố. Đầu quay về dãy núi Alpes. Chân duỗi về dòng sông Isère. Cha anh đi lúc 61 tuổi. Năm mẹ anh 59 tuổi. Người tự nhiên sụt hẳn. Bác sĩ khám mới biết là ung thư nặng. G đi xem số. Bà thầy bói nói cha cô lúc còn sống hay ghen. Nay qua đời rồi mà vẫn cứ theo một bên mẹ cô. Năm mẹ cô 61 tuổi, nên coi chừng. Mẹ anh chạy chữa đủ các thầy thuốc. Hai năm sau. Mẹ anh mất. Đúng năm 61 tuổi. Hương tàn. Anh lên phòng đọc sách kiếm mấy tấm ảnh xưa. Trong hộp để chồng thư ngày cũ.

Quá khứ ập về. Hơn động đất. Mấy lá thư hồi xưa em gởi anh. Anh dấu dưới cùng đáy hộp. Trong tấm bìa cứng nhỏ bọc chiếc vé máy bay ngày anh đi. Buổi chiều đó. Em ngồi ủi áo cho anh. Anh pha cho em ly sữa. Mẹ anh, em, mấy cô em gái anh cùng xếp vali. Cha anh ôm KE ngồi nhìn, cười mà mếu. Cả nhà lại xuống hết dưới bếp. Dành phòng học trên lầu cho mình. Mẹ sai KE lâu lâu chạy lên rình. Anh bắt em vén tóc ra sau. Cho anh nhìn trọn mặt. Em đưa cả hai tay cho anh xiết. Cặp mắt ướt mở to không chớp. Đôi mắt đó. Sau này. Theo anh mãi. Mình nói với nhau cái gì. Anh không còn nhớ. Bao nhiêu năm rồi. Chỉ nhớ lúc em về. Em đưa anh cuốn sổ tay nhỏ. Mấy trang nhật ký. Vài câu thơ. Đôi lời dặn dò. Có hai chữ T lồng vào nhau.

Cuốn sổ tay nhỏ. Vài năm sau. Có mấy trang nhòe đi. Giấy dán vào nhau. Anh làm đổ rượu. Khi được tin em lấy chồng. Đêm đầu. Anh ngồi trong phòng trọ. Uống một mình. Trước tập thơ em. Đêm sau. Kéo mấy thằng chung lầu xuống phố. Quá một giờ đêm. Hết tàu điện. Đi bộ về. Đến đêm thứ ba. Không còn thằng nào chịu đi. Anh ra phố uống một mình. Phòng trọ ngột ngạt anh điên. Khuya về. Ngang qua nhà ga. Thời ấy. Mở cửa suốt đêm. Không như bây giờ. Nửa đêm khóa kín. Anh ngồi ở bậc thềm. Có con đầm lang bạt lại xin điếu thuốc. Nó hỏi mày từ đâu tới. Việt Nam. Mày làm gì ngồi đây. Tao ưng ngồi đâu tao ngồi. Chặp sau nó hỏi vớ mày có nặng mùi không? Nếu không tao cho mày ngủ nhờ. Tao có cái túi ngủ rộng. Nằm trong góc nhà ga. Sáng mai tao có chuyến tàu đi sớm. Nó lại hỏi mày muốn hít cỏ không? Mờ sáng. Nó lay anh dậy. Trước khi tàu đến. Nó ghi cho anh địa chỉ trên mẩu giấy. Dặn mày không nên hít cỏ khi đã ngà ngà hơi rượu. Hít vào, tao thấy mày như bị bệnh tâm thần. Mày làm tình điên loạn. Cấn tao. Rồi réo tiếng Việt Nam. Tao đoán chắc tên ai. Tao nhét vớ vào mồm mày. Mày gầm gừ. Và yêu tao. Giống con chó dại. Tao thấy lạ. Thích. Nó đi. Mẩu giấy ghi địa chỉ đâu mất. Bây giờ anh chỉ còn nhớ. Một đêm. Sau khi được tin em lấy chồng. Anh làm tình trong góc ga thành phố. Với con đầm lạ mặt. Và gào gọi tên ai. Như loài thú. Rồi anh về cất hết thư em. Dấu dưới cùng đáy hộp.

Suốt mấy năm sau. Anh chẳng có cuộc tình nào. Ngoài ba chuyện ăn nằm trong đám sinh viên. Chung đụng thì được. Có mòi dan díu anh trốn. Cười cợt qua đường. Chuyện dài nhất kéo gần năm tháng. Với con đầm thợ may. Anh gặp nó ngoài bến tàu điện. Mồ côi từ nhỏ. Sống viện cô nhi. Bấy giờ ra ngoài tự lập. Anh bảo nó có phòng cho thuê gần chỗ tao ở. Thấy nó một mình. Anh không nở chạy. Lúc ấy, anh đã hiểu vì sao anh mất em, trước khi em lấy chồng. Ở tuổi vào đời. Em cần người để dựa vào. Anh ở xa. Chỉ mang đến cho em nỗi buồn. Ai cũng muốn vui trong cuộc tình. Tình sầu cho nhau chỉ kéo dài trong tiểu thuyết. Thú đau thương chỉ sống sót trong thơ văn. Anh thành ủy mị đối với em là thế. Cũng vì thế mà anh để con đầm mồ côi nương vào anh. Mong cho nó mạnh cứng với đời. Đến chừng nó lên cơn. Đương không lại thỏ thẻ mai mốt mày cho tao đứa con. Tao cũng chẳng cần mày phải lấy tao. Anh tìm chỗ thật xa dọn đi. Vài năm sau. Nó kiếm tên anh trong danh mục điện thoại. Dẫn chồng và hai con đến thăm. Chồng nó nắm tay anh bảo vợ tao nói nhiều về mày. Coi mày hồi trước như người cha trợ giúp tinh thần. Tao tưởng mày đã lão. Không ngờ mày chưa già. Anh không hiểu gì cả.

Trong đám đầm thời ấy. Bây giờ anh chẳng còn liên lạc với ai. Ngoài con đầm tu thiền. Nó học chung với anh mấy môn. Cặp đùi thon dài. Đẹp. Đôi vú gọn vừa tay. Vào lớp cứ theo anh hỏi bài. Nó tâm sự. Tao yêu một thằng Ấn độ. Gặp nó trong một chuyến hành hương. Nó vừa yêu tao, vừa giảng đạo, vừa tham thiền. Hè nào tao cũng đi Ấn độ. Yêu nó và luyện thiền. Một đêm. Chỉ bài cho nó xong. Nó nói mày ở lại ngủ với tao. Anh hỏi thế mày không dành cho thằng Ấn độ à. Nó chìa môi bảo tao chỉ cách cho mày với tao đều

sướng mà không cần phải làm tình. Anh bảo tao ghét sự đời rối rắm. Mày đưa tao cái chăn. Khuya lạnh về nhà tao ngại. Tao ngủ dưới đất. Mày nằm trên giường. Nó lắc đầu cười. Nửa đêm. Nó mò xuống. Kéo chăn chui vào. Bảo mày cứ yêu tao đi. Anh tống cổ nó lên. Sớm mai. Thấy nó ngồi xếp chân bàn tròn. Ở truồng. Nhập thiền. Nó hé mắt nhìn anh. Tại sao mày thấy tao mà không thèm? Mày tu đạo chi? Anh cười. Đạo đếch gì. Chỉ tại cái đầu tao. Mọi thứ với tao đều qua đường. Nhưng lúc ăn nằm, tao muốn tất cả chỉ thuộc về riêng tao. Làm tình với mày. Mày nghĩ đến thằng Ấn độ. Tao ôm cái xác phàm của mày. Sướng ích chi. Nó chắp hai tay bảo mày chẳng luyện thiền mà đã đạt đạo. Từ đó nó với anh thân nhau. Anh làm bài tập cho nó. Nó học nấu món ăn Việt Nam. Loay hoay được hai thứ. Nhìn xa gần giống cháo thịt bò và phở. Dành khi anh ốm bệnh hoặc tối buồn đến phòng nó ăn rồi ngủ dưới đất. Một hôm. Nó bảo tao tâm sự với mày mọi chuyện. Còn tâm tư gì của mày. Chẳng bao giờ mày nói. Anh bảo có nói mày cũng không hiểu. Nó giận. Anh bóp cổ nó. Tao còn không hiểu huống chi mày. Hồi lâu nó cười. Bề ngoài tưởng mày phiêu diêu đốn ngộ. Bên trong mày chỉ là thằng bị chài bị ám.

Con đầm thật tình. Hình ảnh em như than ủ trong lòng. Một chút gió. Bập bùng lửa nổi. Anh đòi mỗi con đầm chỉ được nghĩ đến riêng anh. Vậy mà trong giờ phút đó. Mọi con đầm đều là em. Anh dịu dàng mơn trớn. Anh mềm mại vuốt ve. Anh giận hờn dằn vặt. Anh hồng hộc đam mê. Anh loạn cuồng khoái lạc. Tất cả dành cho em. Tất cả biến thành em. Anh trộn lẫn nhiều thế giới. Tâm thức anh là bãi cát sóng nhồi. Đợt này chưa tan. Sang đợt khác. Em bị ép lấy chồng. Anh sợ em buồn khổ. Anh thành khẩn cầu mong em sung sướng. Rồi anh ghen quay quất. Với hạnh phúc của em. Nghĩ lúc em trao thân cho chồng. Anh cuồng điên đau đớn. Nhớ lá thư em viết cho anh. Nuối tiếc đã gìn giữ trước khi mình xa nhau. Anh lại sợ em đã cho ai. Trước khi về nhà chồng. Anh hoảng loạn ngừng thở. Não trạng anh bời bời gió đập. Chập chờn bóng lửa ma. Trôi.

Bỗng một khuya. Em đứng ở chân giường. Anh ơi. Em khổ lắm anh ơi. Anh hãy giữ lấy em. Anh hỏi anh phải làm gì đây em. Em vén tóc ra sau. Anh ăn em đi. Em sẽ ở trong anh. Mãi mãi. Rồi em nhìn anh mài dao. Diệu kỳ hạnh phúc. Anh xẻ thịt em. Cắt xương thành khúc. Da em trắng hồng. Đỏ tươi màu huyết. Anh chặt đầu em. Đặt trên gối. Em mở to hai mắt ướt long lanh. Nhìn anh ăn em. Ngực. Vú. Đùi. Mông. Vai. Bụng. Ngón tay. Bàn chân. Xương sườn. Xương ống. Anh nhai em. Gặm. Mút. Dịu dàng. Như mèo con. Ngày mới sinh. Liếm sữa. Còn lại cái đầu. Anh cắt làm hai. Làm Ba. Bốn. Năm. Từng miếng nhỏ. Anh ngậm em trong miệng. Nuốt. Chậm rãi. Nhẹ nhàng. Âu yếm. Môi em mềm. Lưỡi em ngọt. Mũi em bùi. Tai em dòn. Tóc em thơm. Còn lại đôi mắt. Trong lòng bàn tay. Chợt hai con mắt vụt thoát khỏi tay anh. Bay ra cửa sổ. Lơ lửng đầu cây. Anh đuổi theo. Lướt ngang con đường làng. Không một bóng người. Không một tiếng động. Không một

thoáng gió. Tĩnh lặng muôn trùng. Ra đến cánh đồng. Đôi mắt em bay vút lên cao. Nở to. Như hai mặt trời. Như hai mặt trăng. Treo ngang trời. Trong và cao. Không một gợn mây. Anh gọi em không thành tiếng. Rồi giựt mình tỉnh thức. Từ đó. Anh biết. Em luôn luôn. Trong bụng anh. Và đôi mắt em. Ở lưng trời. Cứ dõi nhìn theo anh. Cùng khắp.

Con đầm tu thiền ra trường. Thất tình thằng Ấn độ. Bỏ đi Phi Châu dạy học. Anh ở xa về. Nó để lại mấy dòng. Viết thiền là lối thoát riêng lẻ. Tao mang cái buồn của tao hòa chung với cái khổ của nhân loại. May ra tỉnh ngộ. Vài tháng sau. Anh được thư nó. Vỏn vẹn một trang giấy. Không đầu không đuôi. Câu trên đá câu dưới. Ý nọ xọ ý kia. Anh hỏi mày bây giờ trở chứng tu đạo chi mà viết bùa chú loằng quằng tao không hiểu. Nó trả lời tao bỏ xứ đi xa. Thấm cái sầu tha khách. Nửa đêm uống rượu một mình. Rồi viết cho mày. Sáng ra đọc lại. Đếch biết là đã viết cái gì. Song cứ gởi. Cho mày biết là tao nghĩ đến mày. Để khi tao buồn. Mượn tạm vai mày tao khóc. Một thời gian sau. Nó chẳng còn viết thư. Chỉ thỉnh thoảng gởi cho anh bản sao vài trang nhật ký. Ngày, tháng, năm. Rời rạc. Đứt đoạn. Thì ra nó vẫn nhớ thương thằng Ấn độ. Mọi chung đụng khác chỉ để giải tỏa thân xác. Hè năm nào cũng hứa về thăm. Chẳng thấy.

Mười hai năm sau. Anh nghe lại giọng nói của nó. Qua điện thoại. Nó bảo tao về lại xứ rồi. Đổi thay nhiều quá. Nói chuyện chẳng còn ai hiểu ai. May ra còn mày. Mày thu xếp với vợ con mày thế nào tao không cần biết. Phần tao. Một thân một mình. Có thể cạn ly với mày cho đến ngày tận thế. Nó vẫn còn đẹp. Song mái tóc ngày xưa đã cắt cụt ngủn. Như đàn ông. Uống khỏe. Nói chuyện như đọc kinh Phật. Nó bảo rốt cuộc nó ngộ ra là mọi thứ trên đời chỉ là nhân quả, luân hồi, duyên nợ. Thằng Ấn độ với nó có duyên mà không nợ. Kiếp này nó chẳng muốn nợ ai. Khỏi trả kiếp sau. Nó cứ theo vòng luân hồi mà đi kiếm thằng Ấn độ. Nó tin chắc như vậy. Anh nghe ớn lạnh. Nó lại mắng anh. Có lúc tao nghe lời mày. Cười cợt bông đùa, coi mọi chuyện như trò chơi. Vô sự, vô tâm mà sống. Đời là có có không không. Cũng bắt chước mày. Đôi khi buồn rượu uống thay cơm. Rốt cuộc, tao đâm ra dở cười dở khóc. Vừa cười ngạo với đời vừa chảy nước mắt. Say, tao lại khóc một mình. Anh chẳng biết nói sao.

Nó lại bảo mày kể tao nghe vì sao như mày mà lấy vợ có con được. Anh nói hồi 78, tao gặp BH trong một buổi tiệc đầu năm. Tao làm quen. Lâu sau, tao đến nhà. Nhấn chuông. Cửa đóng. Lần thứ hai. Cũng chẳng ai trả lời. Tao viết cho BH cái thư, nhắc lại buổi tiệc, hẹn gặp. Ngay trong buổi đầu, tao nói luôn suy nghĩ và tình cảm của tao. BH cười, nói khi được thư anh, BH có hỏi dò bạn bè về anh. Người nào cũng bảo anh tính tình quái đản. Mà thật, ai lại đi nói hết ngay lần đầu cái gì anh nghĩ. Còn bảo là thấy được thì tiến tới. Nếu không anh về. Tao ngỡ người. Chợt hiểu. Mới nói với BH là tao rất sợ tình sầu, tình nhớ, rũ rượi, rã rời. Tao ở xa chỗ BH hàng trăm cây số. Đi đi về về cuối cùng chả đến đâu thì tao rạc người. Con đầm tu thiền vỗ trán. Thì ra

trước kia mày ôm mối hận tình chi đó. Bởi thế mà hồi quen mày, tao chẳng bao giờ thấy mày chơi với đàn bà con gái Việt Nam. Hễ thấy là tránh. Chỉ đi ngủ với đầm. Mày theo BH. Sợ lại lận đận dở dang, thành ra mày tán tỉnh ngang phè phè. Nhưng cái mày sợ chẳng phải tình nhớ tình sầu. Tình nào chẳng có chút sầu chút nhớ. Cái mày sợ chính là ái tình yêu đương. Mày kể tiếp đi. Từ đó, thứ bảy tao đến với BH. Sáng tới. Tối về. Khoảng nửa năm sau. Tao ở luôn hai ngày cuối tuần. Con đầm gật đầu. Thế là mày trả nợ ba sinh. Coi như hết. Anh không nhớ nó nói hết cái gì.

Phục sinh 79, anh cùng BH sang thăm gia đình anh. Mẹ anh nói cha con đau nặng lâu nay. Không biết sống chết ngày nào. Nếu hai con muốn lấy nhau, con phải tính. Con là con trai cả, nếu cha con mất, con phải chờ mãn tang. Anh bàn với BH làm lễ cưới trong gia đình anh trước. Chờ ba má BH sang đoàn tụ, cùng làm đám cưới lớn mời mọi người sau. Một chiều tháng sáu, mẹ anh và gia đình đón anh với BH ở sân ga. Đưa nhau về nhà. Mẹ anh dìu cha anh ra nói đôi câu. Mẹ anh đeo cho BH và anh hai cái nhẫn. Mấy người em anh tặng quà. Ôm nhau mừng. Làm buổi tiệc nhỏ mời vài người bà con. Rồi dẫn nhau ra dọc sông chụp hình. BH mặc áo dài đỏ, như lần đầu gặp anh. Đầu đội khăn vàng. Anh mặc bộ đồ veste thường ngày. Coi như xong lễ cưới. Tối. N và KE nhường phòng ngủ cho BH và anh. Sáng ra, anh nghe ở bếp BH gọi mẹ anh bằng mẹ. Anh lại nhớ đến lá thư đầu em gởi. Vào thư viết mẹ anh mẹ em. Đến nửa chừng gọi cả hai đều là mẹ. Em ơi. Anh lấy vợ rồi. Em, trong bụng anh, nhẹ nhàng quẫy đạp. Anh, âm thầm, nghĩ đến em. Con đầm tu thiền tinh quái quá. Anh không nói. Thế mà sau này nó vẫn đoán được. Luôn luôn. Có một cái gì. Trong bụng anh.

Tháng sau đó, anh về Việt Nam. Xong mấy buổi làm việc trong chương trình hợp tác của trường, anh đi thăm gia đình BH. Rồi ra Hà Nội làm giấy giới thiệu đến các cơ quan hỏi thăm về hồ sơ xin đoàn tụ cho gia đình bên vợ anh. Đi Vĩnh Phú thăm ba của BH trong trại học tập. Xong xuôi, anh về lại Sài Gòn.

Sáng sớm, anh đến nhà cũ, ở đường Đoàn thị Điểm xưa, xin vào thăm. Gian ngoài, chỗ tiệm bán thuốc tây hồi trước, biến thành nơi vừa để tiếp khách, ăn, ngủ và cất xe đạp. Ở nhà sau, mới xây cái bếp lộ thiên, đặt chỗ cha anh hồi xưa nằm đưa võng. Bếp cũ trở thành nơi ngủ. Một cái tủ lớn, choáng lối ra vào phòng tắm, kê ngay chỗ ngày trước mẹ anh ngồi tính sổ chợ mỗi đêm. Lầu trên, ở phòng lớn trông ra đường, lổn ngổn áo quần đồ đạc chiếm hết chỗ mấy anh em anh thường trải chiếu ngủ trưa. Phòng học cũ lại cũng thành nơi ăn nơi ngủ. Nồi niêu chăn chiếu ngổn ngang. Cửa sổ nhìn chéo lên nóc nhà, hồi trước chấn song để trống, giờ lại có thêm tấm liếp che ngang. Phòng thiếu nắng, lờ mờ khó thở. Anh đứng dựa tường. Thời quá vãng. Thật chẳng còn gì cả. Chợt. Em hiện ra. Xót xa. Ngồi ủi áo. Em ơi. Anh lấy vợ rồi. Vợ chồng anh yêu thương nhau lắm. Mà sao anh vẫn nhớ em.

Chiều. Anh ra công viên nhỏ. Cạnh nhà em hồi trước, ở đường Công Lý

cũ. Nhìn từ ngoài, nhà vẫn như xưa, tường cao cổng kín, nhưng đã bị chiếm thành trụ sở. Mấy bụi hoa hồi xưa nơi góc sân nhỏ trước nhà em bị bứng trụi, dành chỗ dựng xe đạp. Ở góc đường, chỗ mình hẹn nhau thuở nọ, hàng cây trơ gốc, vỏ bị bóc sạch thay củi đốt. Nơi em đứng chờ anh, gạch lót đường loang lổ. Anh đứng. Lặng lẻ nhìn. Nhớ em. Da diết. Em ơi. Mình hôn nhau lần đầu. Trên lầu rạp chiếu bóng Eden. Chiều thứ sáu. Lưỡi em ngọt mềm trong miệng anh. Hơi thở em hòa cùng hơi thở anh. Anh nuốt nước miếng em như uống mật. Tối đó, anh nhờ G gọi cho em rồi đưa lại cho anh. Em nói về nhà em phải gội đầu tắm giặt vì người em ướp cả mùi người anh. Mình cứ quấn lấy nhau cả chiều mà anh ơi. Giọng em nhỏ lại, ấm lạ kỳ.

Rồi cứ thế. Anh dằn vặt tình anh. Tơi tả. Anh lấy vợ tháng trước. Yêu vợ mặn nồng. Tháng sau. Anh về chốn cũ. Tìm hình bóng em. Trong từng tàn tích xưa. Anh thương vợ và nhớ em. Làm sao nói? Uẩn khúc của lòng. Rút ruột gởi ai?

Con đầm tu thiền bảo anh bị chài bị ám. Anh chẳng biết. Chỉ biết là từ thuở mình xa nhau đến chừ, chưa có lúc nào anh quên em được. Buồn khổ, đơn chiếc, giá băng rồi chạnh lòng nhớ em là chuyện đã đành. Đàng này, anh nhớ em luôn trong những tháng ngày hạnh phúc nhất của vợ chồng anh. Nhớ và nghĩ về em vừa hết sức thiết tha vừa vô cùng đằm thắm, ngọt ngào, tình nghĩa, diệu vợi. Làm như anh muốn chia cho em hạnh phúc mà anh có được. Rồi anh lo. Lo em buồn khi anh vui. Lo em khổ khi anh sướng. Lo em mệt khi anh khỏe. Lo đủ thứ. Anh chẳng sợ vợ anh ghen. Em đã không ghen với vợ anh thì chớ. Sao BH ghen với em được. Mình đã thương nhau trước. BH đến sau mà lại thành vợ thành chồng. Ôm ấp nuông chiều nhau từ đó đến nay đã hơn mười bảy năm. Còn em với anh có được gì đâu. Gần nhau chưa đầy một năm. Hai mươi lăm năm chia lìa. Hai mươi ba năm không một lời thăm hỏi. Thế thì làm sao anh lại chẳng nhớ em nhiều hơn. Mà cũng quái ác lắm. Càng nhớ em anh lại càng thương vợ con anh. Vợ chồng con cái anh càng khấn khít thương nhau thì anh lại càng nghĩ đến em. Cái này cứ xoắn lấy cái kia làm anh ngạt thở. Giống như hồi xửa hồi xưa Phật Bà trói vòng kim cô vào đầu Tề Thiên Đại Thánh, hễ càng cựa quậy càng xiết, càng xiết lại càng cựa quậy. Hồi em yêu anh, em có cho anh bùa mê ngải thuốc gì không? Mà cái nhớ cái nghĩ về em cứ lẳng nhẳng theo anh suốt phần tư thế kỷ em ơi. Thì anh đã ăn em rồi. Da thịt xương cốt em nằm cả trong bụng anh đây. Từ đêm mộng mị hoang đường dạo nọ. Em đeo theo anh cả đời mà khuấy tận ruột tận gan anh là phải. Và đôi mắt em. Đôi mắt treo ngang trời. Em biết không? Đó là điều vi diệu của mối tình chúng ta.

Tháng 5-83, BH sanh. Con anh vừa lọt lòng. Người ướt nhòe. Da còn bầm xanh. Bác sĩ đặt nó nằm úp trên bụng vợ anh. BH lả người mà cố ngẩng đầu nhìn. Anh đưa hai ngón tay vuốt nhẹ lên lưng con anh. Hai mắt nó nhắm nghiền. Mới ra đời mà tóc đã dài. Y tá bảo thôi để hai mẹ con nghỉ, xế chiều vào thăm. Ra khỏi phòng hộ sinh, anh điện thoại ngay cho mẹ anh. Giọng

mẹ anh háo hức. Con gái hả con? BH sanh dễ không có chuyện chi hả con? Rồi mẹ anh hỏi tiếp, con đặt tên chi? Thưa mẹ, con xin lấy tên mẹ làm tên đệm. Con đặt là AT, A là tên của mẹ anh, T từ đâu ra hẳn em đã đoán biết. Mẹ anh chợt im lặng, rồi giọng lại vang lên, rộn ràng, con ơi, đặt tên rứa là tốt, hay lắm, mẹ mừng.

Xế chiều. Hai mẹ con BH vẫn ngủ. Thức dậy, vợ anh cầm tay anh nói con ngủ cả ngày. Hồi nảy vừa bú vừa ngủ. Mặt nó y như anh. Chẳng có nét gì của mẹ nó cả. Quả thế. Con bé giống anh quá sức. BH vùng vằng bảo mẹ nó mang nó trong bụng gần chín tháng mà chẳng được chút gì. Trưa sau, anh vào lại lúc BH đang cho con bú. Miệng nó chiêm chiếp. Hai tay bụ bẩm nắm lại đặt ở vú mẹ nó. Chợt. Con anh mở mắt. Nhìn anh. Hai hàng lông mi cong vút. Ánh mắt hướng thẳng mặt anh. Anh lạnh người. Đôi mắt đêm xưa. Đôi mắt em. Đôi mắt treo lưng trời. Đôi mắt từ chốn thinh không hiện ra trước mặt anh. Sờ sờ. Rành rành. Con AT có gương mặt của anh và đôi mắt của em trong đêm mơ anh ăn thịt em. BH kêu lên, anh ơi, thấy cặp lông mi của con không? Sao mà đẹp quá chừng. Mà sao mắt nó không giống ai cả trong nhà mình. Không giống mẹ mà cũng không giống cha.

Anh nửa tỉnh nửa mê. Chẳng lẽ anh vấn vương em đến độ hình ảnh em ngấm vào từng tế bào, hóa thành máu mủ của anh? U uất của lòng giải tỏa trong mơ. Còn hiểu được. Đàng này, hiện thực lại phát sinh từ mộng ảo. Kiếp trước anh nợ em cái gì mà kiếp này em bắt anh phải trả oái ăm thế này? Nhìn con anh với đôi mắt đó mỗi ngày rồi gọi T ơi. Làm anh anh sống nổi? Đầu óc anh nổi rồi trôi. Bập bềnh chốn không lời để nói.

Anh gọi cho mẹ anh nói vài hôm con sang đón mẹ, mà mẹ ơi, con đổi tên con của con hỉ. Giọng mẹ anh không vui, tại răng rứa con? Dạ thưa mẹ, có lần BH đọc được xấp thư của HT nay con đặt tên con gái đầu lòng là T, vợ con buồn. Thật ra, BH có biết gì đâu. Tập thư em anh dấu rất kỹ.

Mấy hôm sau. Anh sang Paris đón mẹ anh. Mẹ anh bảo con lái chầm chậm nghe con. Trầm ngâm một lúc, mẹ anh nói khi mẹ nghe con đặt tên con của con là T mẹ vui quá vì khi nớ mẹ biết con không phải là người vô hậu. Dù chuyện khi xưa không thành mà con nghĩ như rứa là có bụng có dạ. Từ hồi mẹ sang Pháp tới chừ, mẹ chẳng khi mô nghe con hỏi thăm HT. Hễ ai nhắc tới là con tránh. Mẹ sợ con mang lòng oán hận chi thì thất đức lắm. Ăn ở như rứa không được mô con ơi. Chừ thì mẹ biết con không phải như rứa. Mẹ mừng. Anh thèm khai thật với mẹ anh trong bụng anh có cái chi. Mà cổ cứ nghèn nghẹn.

Đường dài. Trên xe chỉ có hai mẹ con. Lần đó là lần anh nói chuyện với mẹ anh lâu nhất. Cũng từ đó, càng ngày anh càng cảm nhận được cái bao dung nhân hậu vô cùng của mẹ anh. Mà mẹ anh cũng tài thật. Em nhớ không? Mấy lá thư đầu em gởi anh. Lần nào cũng có câu mẹ dặn anh cái này, mẹ nhắc anh chuyện nọ. Thì ra, biết trai gái thương nhau nghe nhau hơn là nghe lời cha mẹ, mẹ anh muốn khuyên nhủ anh điều gì cũng bảo em nói thêm

vô. Mà em cũng hay. Cứ lập lại giống y cách nói của mẹ anh. Lại còn chêm vô là em cũng nghĩ như mẹ. Đôi khi anh phát bực. Mẹ đã nói anh rồi, em nhắc lại không thiếu một lời, còn ráng thêm vô là anh nhớ nghe anh. Làm như anh là con nít. Sau này, em bỏ anh và mẹ anh mất, anh mới thấm thía trọn vẹn lòng mẹ và tình em. Nhớ lại các tờ thư năm cũ, của mẹ của em, hai con mắt anh cứ thao láo nhìn lên trần nhà. Trắng đêm.

Bốn tháng sau khi ra đời. Con anh bỗng phát bệnh. Bỏ ăn, biếng ngủ, không khóc mà cứ nấc từng cơn. Mắt nhìn mà như chẳng thấy ai. Vợ chồng anh đưa đi khám đủ loại bác sĩ, nằm đủ thứ bệnh viện. Chẳng thấy khuyết tật hay chấn thương gì. Mọi bộ phận cơ quan trong người đều tốt. Một số chuyên gia chẩn đoán, đứa bé mắc bệnh tự phong tỏa, tự khép kín. Căn nguyên phát xuất từ sự khủng hoảng tinh thần của mẹ nó trong thời gian qua. Anh lặng người. Con anh có gương mặt anh, đôi mắt em và tâm trạng mẹ nó.

Trước đó ba năm, vợ anh bị cú sốc nặng nề. Giữa 80, gia đình BH nhất quyết vượt biên. Không ở lại chờ kết quả giấy tờ xin đoàn tụ. Một phần do nóng ruột. Nhưng chính là vì không tin sẽ được đi chính thức. Chẳng ai ngăn cản nổi. Anh của BH đi chuyến đầu, lọt. Hai ngày sau, chuyến có mẹ BH, cô em gái và đứa cháu bị bắt. Bệnh sốt rét tái phát, mẹ BH qua đời trong trại giam. Được tin, vợ anh ngã ra, bất tỉnh. Anh cuống cuồng. Vài ngày sau, anh quyết định về lại Việt Nam. Anh đến gặp ông khoa trưởng, trình bày hoàn cảnh gia đình, nói tôi muốn về Việt Nam ngay nhưng đi với tính cách cá nhân không tiện, vậy mong ông sắp xếp lại các chương trình hợp tác với Việt Nam, giao ngay cho tôi một đề án, hầu tôi có thể về càng sớm càng tốt. Ông khoa trưởng giúp tận tình. Ông còn nhờ người quen ở Bộ Ngoại Giao nước sở tại cấp giấy nhập cảnh ngay cho cô em gái của vợ anh và đứa cháu.

Hơn tháng sau đó, anh về lại Việt Nam. Việc đầu tiên là lo giấy tờ ăn ở cho cô em vợ và thằng cháu. Hai cô cháu đã được thả nhưng nhà cửa bị tịch thâu, nay sống nhờ chỗ này mai chỗ khác. Lo hộ khẩu tương đối không khó. Kiếm họ hàng cho trú ngụ. Quà bánh với phường với quận là xong. Khó là làm sao xin được xuất cảnh chính thức càng sớm càng tốt. Sợ chờ lâu hai cô cháu quẫn trí làm liều. Ai cũng lắc đầu. Muốn đút lót cũng phải cần rất nhiều thời gian. Không có cách nào khác, anh dẫn hai cô cháu ra Hà Nội. Đưa giấy tờ giới thiệu xin gặp trực tiếp những người có thẩm quyền. Anh trình bày thẳng đầu đuôi, chẳng dấu diếm gì. Anh nói có nhiều hoàn cảnh tôi biết còn bi đát gấp vạn lần trường hợp của gia đình vợ tôi. Song nỗi đau khi đụng đến ai thì người ấy vẫn nghĩ là mình đeo trên lưng nỗi thống khổ của toàn nhân loại. Vợ tôi không chịu nổi cơn đau mất mẹ. Mong các ông giúp vợ tôi đoàn tụ nhanh chóng với mấy người thân còn lại. Vị quan chức hỏi ông còn ở lại Việt Nam đến khi nào. Anh trả lời đề án trường tôi giao cần khoảng hai tháng để hoàn tất. Thông hành tôi có hiệu lực ba tháng. Vị quan chức nói tiếp, được chúng tôi sẽ cấp giấy xuất cảnh cho cô em vợ ông và thằng cháu trong vòng không quá hai tháng. Anh xin ông ta một tờ giấy gì ghi nhận điều ông ta vừa

nói. Ông ta cười nói ông sẽ không có một chứng từ gì về điều ấy. Nhưng ông cứ yên tâm, mọi chuyện sẽ diễn tiến như tôi hứa. Về lại Sài Gòn, chuyện không ngờ lại đến. Hơn một tháng sau, cơ quan lo việc xuất cảnh gọi hai cô cháu lên nhận giấy thông hành. Rồi làm mọi thể thức linh tinh khác và cuối cùng ghi tên chờ chuyến bay. Gần một tháng sau đó, hai cô cháu lên đường. Anh ra bưu điện xếp hàng cả buổi điện thoại báo tin cho vợ anh. Xong anh trở ra Hà Nội, xin gặp vị quan chức lần trước. Anh muốn tặng ông ta cái gì thật đắt giá, nhưng không biết phải làm sao. Thấy cặp mắt kính của ông ta có cái gọng gãy, cột bằng sợi dây thép mỏng, anh đề nghị tặng ông ta cặp kính mới và bất cứ cái gì khác tùy ý ông. Ông ta cười bảo tôi hiểu ý ông. Song ông khỏi phải bận tâm. Tôi nghe ông kể chuyện gia đình vợ ông, tôi thấy ông có tình. Về lý thì tôi thấy chẳng có cớ gì để không cấp xuất cảnh nhanh chóng. Ngoài ra, ông có đóng góp trong việc trao đổi và đào tạo khoa học của hai nước. Vì thế mà tôi hứa giúp ông. Ông ta bắt tay anh bảo cho tôi nói lại một điều. Theo ông, vấn đề này được giải quyết hết sức nhân đạo. Theo tôi, phải nói đây là chuyện nhân tình mới đúng. Nghĩa là cái tình của con người với con người. Tôi không ban ơn có tính cách nhân đạo. Tôi giúp ông vì tôi biết đó là chuyện đậm tình người. Anh không nói thêm được một lời nào cả.

Anh về lại Sài Gòn, ở hai ngày chờ máy bay. Nhiều người nghe chuyện lại hỏi anh cách thức xin đi chính thức. Có người đề nghị thẳng trả anh mỗi thông hành mười cây vàng để anh lo. Anh bảo tôi chẳng tốn đồng nào trong chuyện này. Ai cũng cười. Chín năm sau, anh nghe tin vị quan chức kia bị mất ghế vì chủ mưu một vụ tham nhũng khổng lồ. Anh bỗng thấy lại cặp mắt kính có cái gọng gãy của ông ta. Nhân tình nào sống mãi được trong cảnh nhếch nhác đói nghèo? Bây giờ anh không biết ông ta ra sao.

Trong suốt thời gian ở Sài Gòn, anh vẫn thường ngang qua nhà em hồi trước. Hàng tuần anh có mấy buổi giảng ở một viện gần đấy. Mỗi lần nhìn hàng cây. Chỗ em đứng chờ anh thuở nọ. Hình bóng em lại hiện ra. Mà lạ lắm. Buổi sáng, em đứng tiễn anh. Như vợ tiễn chồng đi làm. Trưa, em đón anh, cười tươi trìu mến, hỏi anh có mệt không, ăn xong rồi nghỉ trưa một chút. Hôm nay trời nóng quá, mà lại cúp điện, thôi để em quạt cho. Chiều, em lóng ngóng đứng chờ, hỏi sao anh về trễ vậy, em nấu món này ngon quá chừng, trông mãi mà chưa thấy anh. Anh mơ. Anh biết tất cả là mơ mà anh vẫn thèm mơ. Có nhiều giấc mơ thúc đẩy anh hăng say lao vào công việc anh làm. Và hình ảnh em gắn liền với các giấc mơ đó. Em đâu biết được, chính em đã cho anh thấy tiềm năng của anh. Chính nhờ em mà anh mê say nghề của anh.

Lúc xưa, em nhớ chứ? Anh học khá lười. Du học mấy năm đầu cũng thế. Học vì phải học. Chẳng phải vì ham học. Khi được tin em lấy chồng, anh lại còn bỏ học. Say sưa. Lang thang. Gần hai tháng trời. Đến chừng ngã bệnh. Nằm vùi cả tuần. Khỏe ra, nhìn bóng mình trong gương, anh hoảng kinh. Tồi tệ. Hơn xác chết trôi. Hồi vắng thư em và được X báo là em hết thương anh

rồi, anh đâu đến nổi thế. Vì anh không thể nào tin là em bỏ anh được. Tình nghĩa em vô cùng đậm đà trong các tờ thư trước. Học xong phần đầu, anh sẽ về. Gặp lại nhau, chắc chắn mọi chuyện nối lại như cũ. Em đã nói là em vẫn chờ anh. Anh tin ở tình yêu của chúng ta. Sông có khúc người có lúc. Chắc em chỉ buồn giận anh chuyện gì đó thôi. Đến lúc nghe em bị ép lấy chồng. Trời sập. Hết. Không còn gì mà mong. Nhưng anh không thể chết dần chết mòn vì thằng khốn nạn nào đó học ở Mỹ về cướp em của anh. Anh phải sống ngon lành, hơn hẳn nó. Anh phải học thật cao, thật giỏi. Có người bảo Napoléon mộng thành đại đế vì mặc cảm lùn. Anh biết chắc phần anh là anh muốn đỗ đạt thật cao vì anh đã bị cướp mất em. Đó là động lực đầu tiên thúc đẩy anh lao vào việc học. Nhớ lại. Lúc em lấy chồng là lúc anh có thêm ba cái tật. Ngủ với đầm. Uống rượu. Và học. Tật thứ nhất tuyệt nọc từ khi anh lấy vợ. Tật thứ hai còn nhưng bớt rất nhiều. Tật thứ ba ngấm vào máu. Không giảm đi mà còn phát tiết trong nghề nghiệp anh sau này. Nói thật em nghe. Lúc đầu học là học hận học oán. Học để tâm trí không có thì giờ mà nghĩ đến em. Sau rồi đâm mê. Sao trên đời này có nhiều chuyện hay quá mà anh không biết? Anh ghi thêm giờ học này, môn học nọ. Nghe thầy giảng xong về kiếm sách đọc thêm. Có năm thi tốt nghiệp cùng lúc hai ngành. Lúc đó sao mà cuồng đến thế? Sức đâu mà anh chu toàn ba tật cùng một lúc. Nói cho em hay. Lúc ấy, anh đã ăn thịt nhai xương uống máu hút tủy nuốt óc em rồi.

Anh vẫn nhớ thằng bạn gốc người Ý học cùng với anh mấy năm. Khi gần ra trường, nó hỏi anh mày định làm gì? Anh nói tao ở lại trường, xin làm nghiên cứu và học tiếp, cho đến khi thành thầy. Nó rút cây bút và tờ giấy, bảo mày không biết tính toán tương lai. Từ đây cho đến lúc mày được gọi thực thụ là thầy giỏi lắm cũng phải mất ít nhất mười năm. Trong khi đó, tao đi làm, sau mười năm đủ sức sắm cái nhà và thay hai lần xe hơi mới nguyên. Còn mày, vắt óc lòi cơm, lương lậu lại thua tao xa. Chưa kể là trong thời buổi kinh tế khó khăn, khủng hoảng thêm vài trận, nếu cái chuyên môn của mày sau này không còn ăn khách, thì thầy đâu không thấy mà có đường thất nghiệp. Mày đếch thực tế. Hệt như lời em nói với X. Em thực tế. Anh mơ mộng viển vông. Anh làm sao được. Cha mẹ anh sinh ra. Dạy dỗ biết bao nhiêu điều. Mà khí trời khí đất hun đúc cho anh tính nết thế thì chịu vậy. Anh chỉ biết là anh luôn luôn muốn làm đến cùng việc anh say mê. Chuyện khác, anh dẹp.

Mà đúng là vừa học vừa làm ở trường trong ngành anh vào thời buổi kinh tế thoái trào không phải dễ sống. Từ chân giảng nghiệm viên quèn để thầy sai vặt lên đến công trình sư, từ anh phụ giảng cấp hai xách cặp theo thầy cho đến chủ nhiệm bộ môn, là một chặng đường quanh co, trắc trở, cả mười mấy năm. Ngày hôm nay, khi đứng ở bục giảng nhìn sinh viên cặm cụi ghi chép, lúc được đồng nghiệp đứng dậy chào mừng sau bài thuyết trình ở hội trường vang rền tiếng vỗ tay, anh vẫn mong được có em, ngồi hàng ghế đầu. Rồi mình nhìn nhau. Trìu mến.

Hai ngày trước khi anh rời Sài Gòn, xảy ra một chuyện. Vào mấy năm chót ở trung học, anh quen chơi với C và V. Hồi anh đi rồi, C và V rất thân với nhau. Thời gian sau, hai thằng gởi cho anh tấm hình, chụp chung với L, bồ của V, khá xinh, hai đứa quàng vai nhau rất tình. Lần về 79, anh đến thăm C, biết vợ của C lại là L, còn V đã chạy sang Canada từ đầu 76. Nhìn ngoài, hai vợ chồng C đầm ấm bình thường. Lấy nhau chưa đầy bốn năm mà đã hai con. Anh chỉ để ý một điều là L phục dịch C hết mức. Chỉ cần C đưa mắt là L làm ngay theo ý chồng. Lúc anh đến chào, L ra tiếp. Hai mắt còn đỏ hoe, bảo vợ chồng L mới xích mích nhau, anh C giận bỏ đi đâu rồi. Rót nước mời khách, L bồng con ngồi hỏi chuyện. Chuyện định cư ở xứ người. Từ Pháp, Đức, Mỹ đến Canada. Lòi ra mối tình của V và L. Hai người đã hẹn thề đủ cả. Đùng một cái xảy ra tháng tư 75. Cuối tháng ba, L chạy về quê hỏi tin tức của mẹ cô. Đến chừng trở lên Sài Gòn thì gia đình V đi rồi. Người đồn qua kẻ nói lại là V trúng đạn lạc chết trên tàu vừa nhổ neo. L Thất thần mấy tháng trời. Bỗng cha mẹ C mang lễ lộc đến hỏi L cho C. Thì ra trước nay C thầm yêu người tình của bạn mình. Gia đình L quê mùa, nay được một gia đình khá giả trên Sài Gòn xuống hỏi vợ cho con, mẹ L chấp thuận. L đang khổ sầu cũng đồng ý, dù sao cũng là bạn thân của anh V, L nói. Dè đâu, lấy C được mấy tháng, L đang mang thai thì V từ Canada gởi thư về kiếm L. L than trời kêu đất. C lồng lộn nổi ghen. Từ đó anh C lại đổi tính, L kể tiếp, ảnh đâm ra vũ phu, đụng một cái là bợp tai la hét. Rồi có đứa con thứ hai, L lo cho ảnh từng chút một, tưởng ảnh đằm tánh lại, ai dè ảnh quen tay rồi, hở một chút là đánh mắng. L thù ảnh quá. Nhưng biết làm sao, vợ chồng đã có hai mặt con với nhau. Kể đến đâu L khóc đến đó. Thằng bé thấy mẹ nó khóc cũng khóc theo.

C bỗng về. Nhìn thấy L nước mắt chưa kịp lau, hắn quên cả chào anh, mặt mày đỏ ửng hất cằm chỉ ra sau nhà. L bồng con theo hắn. Anh nghe hắn quát tại sao cô khóc lóc? Tính bêu xấu bêu nhục tôi hả? L nói gì anh không nghe. Thằng bé con chợt ré lên. Anh chịu không nổi, chạy lại cửa bếp, thấy C đang túm tóc L. Anh bỗng hoa mắt ù tai. Bất ngờ lọt tõm vô trạng thái thần trí chia làm hai. Mắt anh thấy rõ C đánh vợ. Trong đầu anh lại hiện ra cảnh em đang bị chồng em hành hung. Miệng anh hét, C tại sao mày đánh vợ mày? Óc anh lại nghe vang tiếng tại sao mày đánh HT của tao? Anh nhào tới. Chụp cổ C. Không phải C mà chính là chồng em, thằng học từ Mỹ về gia đình em ép lấy. Anh đấm. Anh thoi. Anh tát. Anh đập. Chồng em quỵ xuống, van xin anh tha cho nó. Anh nện. Anh đá. Anh đạp. Đâu có được, sao mà tha mày dễ dàng vậy được, tao chưa giết mày là may. Chồng em lạy anh. Vái anh. Nó khóc. Nó rên. Nó bò. Nó lết. Anh vẫn tiếp tục. Mày chừa thói hành hạ HT của tao chưa? Anh nghe tiếng anh hét. Rợn người. Đến chừng anh ngã chúi. Tay bị bẻ quặt ra sau. Hoàn hồn lại. Hai ông hàng xóm ghì anh chặt cứng. Trước mắt anh, C nằm co quắp. L nâng đầu chồng lên. Mặt mày C sưng húp, máu đầy. L ngước mắt nhìn anh. Cái nhìn chất chứa hận thù ai oán xoáy thẳng vào mặt anh, phủ chụp người anh. L chồm tới. Tại sao mày tàn nhẫn vậy? Mày

đánh chồng tao đến mức này. L cào, cấu, tát, đập. Vừa đánh, vừa la, vừa khóc. Cuối cùng, anh bị tống cổ ra khỏi nhà. Sau khi C chấp thuận được bồi thường. Gương mặt thù hằn cay nghiệt của L đuổi theo anh ra cửa.

Dọc đường, đầu anh lại nổ đùng tiếng hét, tại sao mày tàn nhẫn đánh chồng tao. Đúng rồi. Dù C có thế nào thì cũng là chồng của L. Anh là người dưng nước lã, đánh chồng cô ta tới mức đó sao cô ta chịu được. Anh chợt rùng mình. Em ơi. Chẳng lẽ , anh với em, người dưng nước lã. Còn chồng em, dù sao, cũng là chồng em. Anh lạnh hết người. Mặt đầy vết cào rát bỏng. Hai màng tang bừng bừng búa nện. Người dưng nước lã. Anh với em. Nước lã người dưng. Chẳng lẽ, em ơi...

BH gặp lại anh em. Thần sắc tươi tỉnh ra. Được thời gian đầu. Rồi chuyển sang trạng thái buồn vui như đánh đu. Đang vui bỗng buồn. Đang sầu thảm chợt cười vang. Ngủ tối nào cũng mơ. Thất thanh như người bị bóp cổ. Kéo dài hơn cả năm. Đến cuối 81, ba của BH được tha, sang đoàn tụ. Tiếc thời gian sáu năm trong trại học tập, thấy tuổi già sắp đến, đâm ra thèm sống cuồng yêu vội. Có được đồng nào là bỏ ra mua vui. Anh trai của BH cũng lao theo. Cô em gái của BH, năm đầu sang, cố gắng hội nhập. Sau, chịu không nổi. Tưởng xứ Tây thiên đường hạ giới, cái gì cũng sướng. Nhưng muốn hưởng phải cày. Không chuyên môn phải cày nhiều việc mới cung ứng nổi đua đòi. Đâm ra tâm trí mất thăng bằng. Biết được, vợ anh như bị giựt điện, chợt tỉnh. Càng gánh vác chuyện gia đình của mình, BH càng nhanh hồi phục. Nhưng trong lòng chưa tan nỗi sầu mất mẹ. Tối ngủ vẫn thường mơ la nghẹn ngào.

Tâm trí bận rộn, BH và anh chẳng thiết nghĩ đến việc làm đám cưới mời bạn bè. Coi như lễ cưới trong gia đình anh là đủ. Chỉ dắt nhau ra quận làm giấy khai kết hôn. Ai hỏi, vợ chồng anh cười. Có người thắc mắc không hiểu trời đất xui khiến thế nào mà BH có nhiều nơi ngỏ lời lại lấy trúng thằng khùng tính tình cổ quái đến độ chẳng thèm làm đám cưới.

Đến khoảng hè 82, BH khôi phục gần như hoàn toàn. Hai vợ chồng anh tính chuyện có con. Đâu ngờ trong lòng BH vẫn tiềm ẩn nỗi niềm khủng hoảng. Trạng thái đó, chẳng biết chui theo ngóc ngách nào, lại ảnh hưởng đến bào thai. Đứa con gái đầu lòng của hai vợ chồng anh sống biệt lập với thế giới bao quanh. Nơi vũ trụ nào chẳng biết. Mọi bác sĩ chuyên gia nổi tiếng đều bó tay, bảo chỉ còn biết trông chờ vào thời gian. Đến lúc nào đó, không ai biết lúc nào, tự nhiên đứa bé tự phá tung cái vỏ ốc mà nó đã tự bọc lấy thần trí nó, trở về thực tại. Vợ chồng anh hy vọng được thế.

Anh không dám nhìn đôi mắt con anh. Hay là hồn phách nó lang thang ở chốn hoang đường tĩnh lặng nào đó trong đêm mơ anh ăn thịt em? Bác sĩ chẩn đoán bệnh trạng của đứa bé thông qua quá trình tâm sinh lý của mẹ nó khởi nguyên từ các vấn đề gia đình. Đâu ai biết có gì trong bụng anh. Làm sao chắc chắn là chuyện của cha không ảnh hưởng đến con. Con anh nằm trong bụng vợ anh chín tháng mà lại có đôi mắt em. Anh tìm đủ loại sách nói

về bệnh trạng của con anh. Sự cấu thành của bệnh tự phong tỏa còn rất nhiều ẩn số. Chuyên gia trường phái này trường phái nọ đá nhau như bầy bò tranh máng cỏ. Anh dẹp sách.

Tháng 10-84. Vợ anh sanh đứa thứ hai. Con gái. Lúc mang thai, BH bảo là của trời cho vì không ngờ. Thật ra, anh biết thâm tâm vợ anh muốn có ngay thêm đứa con. Bớt xót ruột khi nhìn đứa đầu. Đứa con gái thứ hai rất dễ nuôi. Không bao giờ khóc đêm. Biết đi rất sớm. Chỉ có cái tội lỳ. Muốn cái gì phải đòi cho bằng được. Đến khoảng bảy tuổi lại rất ngoan. Càng lớn càng giống mẹ nó. Tính tình cũng thế. Rụt rè quá làm lắm khi anh nổi cáu. Học khá giỏi nhưng hơi lười. Thầy dạy đàn bảo nó có khiếu về dương cầm. Đến chín tuổi biết lo cho chị nó. Hai chị em chơi với nhau thấy rất thương. Chị thành em. Em thành chị. Đứa chị dần dần cũng khá ra. Nói biết nghe. La biết sợ. Người nhỏ con, chỉ bằng phân nửa so với tuổi thật. Nhưng thân hình cân đối, bụ bẩm dễ thương. Nó vẫn chưa biết nói. Tất cả mọi xúc cảm được biểu lộ bằng đôi mắt. Cặp mắt vốn đã đẹp càng trở nên diệu kỳ. Ai cũng bảo là chưa bao giờ thấy đôi mắt như thế. Đôi mắt trong đêm mơ của anh đã có chút hồn. Anh không còn sợ.

Khi đứa con gái đầu lòng của vợ chồng anh lên bốn, mẹ anh mất. Một tối tháng 5-87, G điện thoại cho anh bảo mẹ vừa được đưa vào nhà thương. Anh phóng xe đi ngay. Sang đến Paris quá một giờ khuya. G nói bác sĩ khám xong bảo mẹ chắc chỉ còn vài ngày. Có thuốc cho mẹ bớt đau nhưng ung thư đã đến giai đoạn cuối. X và N đã được báo tin, sẽ sang từ Mỹ ngày mai. KE đang ở trong nhà thương với mẹ. Anh điện thoại đánh thức vợ anh nói sáng mai vào thăm mẹ xong anh về đón mấy mẹ con em sang gặp mẹ và bà nội lần chót.

Buổi tối cuối cùng, mẹ anh còn rất tỉnh táo, cười nói nựng nịu từng đứa cháu nội cháu ngoại. Sáng sau, thần sắc mẹ anh càng lúc càng xanh xao. Bác sĩ bảo chỉ còn vài giờ. Năm anh em anh ngồi vây quanh mẹ anh. Bà con họ hàng thân thích đứng chật phòng, đầy cả hành lang. Mẹ anh dặn dò năm anh em con nhớ thương yêu đùm bọc lấy nhau. Mẹ tiếc là mấy đứa cháu còn nhỏ quá mà mẹ không còn để trông nom giúp mấy con. KE chưa có vợ, mẹ không ở lại để làm đám hỏi đám cưới cho con trai út của mẹ được. Mẹ tiếc rứa thôi chớ đi thì mẹ không sợ chi hết mấy con ơi. Cha đang chờ mẹ. Rồi mẹ anh lịm dần. Hai tay chắp trước ngực cố lần xâu chuổi hạt có cây thánh giá. Miệng vẫn gắng đọc kinh. Năm anh em anh gục đầu vào người mẹ anh. Anh là anh cả. Được ngồi gần mẹ anh nhất. Anh nắm lấy bàn tay mẹ anh. Bàn tay lạnh dần. Lạnh dần. Bác sĩ bảo thôi hết rồi, xong rồi, mẹ anh đã qua đời. Cả phòng ngập tiếng nấc. Năm anh em anh ôm lấy người mẹ anh gào gọi mẹ ơi mẹ ơi. Anh vuốt má mẹ anh. Lạnh băng. Mẹ ơi, sao mẹ bỏ con bỏ cháu mẹ đi chi sớm rứa mẹ. Chợt. Rõ ràng. Hai mắt anh thấy. Không phải mơ. Mẹ anh mở mắt nhìn anh. Miệng mẹ anh nói. Hai tai anh nghe rõ mồn một. Mấy con làm chi mà kêu khóc thảm sầu rứa. Thôi để cho mẹ đi. Rồi mẹ anh nhắm mắt lại. Mẹ anh mở mắt nói với anh sau khi bác sĩ bảo là đã qua đời rồi. Lúc đó, anh

đinh ninh là mọi người đều thấy đều nghe như anh. Sau này, anh nhắc lại, mới biết là chẳng ai thấy gì. Mấy người em anh bảo có nghe câu nói đó nhưng lại là giọng của anh. Đâu phải, anh chỉ lập lại lời mẹ nói chớ anh nghe anh thấy rõ ràng mấy em ơi. Mấy em anh nửa tin nửa ngờ. Riêng anh, anh chắc chắn đó là sự thật. Một sự thật nhiệm mầu mà mẹ anh cho anh, cho thằng con trai cả của mẹ mà đầu óc cứ đuổi theo mây theo gió, bởi rứa mới cực con ơi. Mẹ anh nói cho anh điều linh diệu. Mẹ về cõi khác. Có cha chờ. Hãy để cho mẹ đi. Đừng kêu gào khóc lóc mấy con ơi. Rồi sau này. Mình sẽ gặp nhau ở cõi đó. Chắc chắn là như vậy. Mẹ anh không bao giờ chỉ trật cho anh điều gì. Mà thử hỏi. Nếu không có cõi đó. Lấy đâu làm chỗ hẹn cuối cùng. Cho nhưng người thương nhau mà cuộc sống chia lìa. Cõi đó. Anh biết. Chính là cõi hẹn để về. Cho những người yêu nhau mà khi sống đơ thất lạc nhau.

Một năm sau. Anh về lại Việt Nam. Dự xong bốn ngày hội thảo, anh làm ngay việc đã dự định. Lúc mẹ anh mất, họ hàng và bạn bè thân thích ở Sài Gòn cùng nhau tổ chức một buổi lễ tưởng nhớ mẹ anh ở nhà thờ Tân Định. Biết anh sửa soạn đi Sài Gòn, bà ngoại anh điện thoại từ Paris dặn khi về cháu nhớ gặp tất cả mọi người đã làm lễ cho mẹ cháu mà cảm ơn. Lúc sống mẹ cháu có nhân có hậu. Mẹ cháu mất rồi, cháu là con trưởng nhớ phải ăn ở có tình có nghĩa nghe cháu. Anh viết thiếp nhờ ông chú họ chạy xe đi mời tất cả họ hàng bạn bè của mẹ anh đến dự buổi tiệc đáp lại chân tình năm trước. Anh dặn chú anh nói với mọi người là anh muốn buổi đó là tiệc vui, anh sợ khóc lóc lắm.

Ở Sài Gòn thời đó mời ăn thật sớm. Chưa đến sáu giờ chiều mà phòng ăn lớn của tiệm Tàu ở đường Nguyễn Huệ cũ đã đầy người. Hơn cả trăm, tính luôn lô con nít. Nhiều người anh quên mặt, quên tên, bắt tay nhắc lại mừng mừng tủi tủi. Có mấy ông bà cụ ngoài chín mươi, mắt loà chân run, con cháu dẫn đi. Mọi người vào bàn. Chú anh giới thiệu anh nói đôi câu. Anh mở đầu bằng lời căn dặn của bà ngoại anh rồi nói về mẹ anh. Anh nhắc đến một câu chuyện hai mẹ con anh nói với nhau trên đường lúc anh đón mẹ anh sang thăm đứa con gái đầu lòng của vợ chồng anh. Mẹ anh nói mai mốt cháu nội mẹ một hai tuổi cứng khỏe mẹ muốn bồng nó về Sài Gòn. Vợ chồng em G con cũng ưng về lắm. Con tính thử xem khi mô mình cùng về được. Mấy năm rồi, mẹ nhớ bà con họ hàng quá. Mình đi Huế viếng mộ ông bà nội của con. Rồi ra Bắc thăm phía bên cha con. Từ hồi 54 tới chừ có gặp ai mô. Được như rứa thì vui quá con ơi. Anh hứa mấy anh em con sẽ cùng về với mẹ. Tiếng cười của mẹ anh vang vang, dòn và ấm. Một thời gian sau, con anh bệnh, ngày dự tính về phải dời. Đến lượt mẹ anh bệnh. Ngày về lại phải hoãn. Rồi mẹ anh mất. Mong ước của mẹ anh chẳng bao giờ thực hiện được. Kể đến đấy, âm vang náo nức của giọng nói mẹ anh chợt vọng bên tai anh, con ơi, mẹ bồng cháu nội cháu ngoại về thăm họ hàng. Anh chảy nước mắt. Chú anh đứng dậy tiếp lời. Văng vẳng tiếng của một bà cụ già, có lẽ nặng tai nên nói lớn, hắn dặn mình tối ni phải vui cho nhẹ hương hồn mẹ hắn, mà hắn lại khóc

trước. Anh khóc thật. Như đứa con nít. Mấy tờ thư em lại hiện ra. Anh ơi, mẹ dặn anh cái này, nhớ nghe anh. Anh gọi mẹ ơi. Rồi gọi tên em.

Tuần sau đó, anh ra Hà Nội, ở năm ngày thăm họ hàng và chờ máy bay đi Prague, dự buổi hội thảo trước khi về lại xứ định cư. Không còn bác H, tối nằm khách sạn thấy chênh vênh. Mấy lần trước, anh đều ở nhà bác H, anh cả của cha anh. Tối nào hai bác cháu cũng hàn huyên đến quá khuya. Bác kể đủ chuyện, từ đời xưa ông cố ông tổ đến hồi 54-75 ở miền Bắc của gia đình phía bên cha anh. Hình như suốt khoảng thời gian đó, bác H chẳng biết nói với ai, nay trút cả nỗi niềm. Lần đầu gặp bác, năm 79, bác bảo bác thèm một ngụm rượu mạnh, thứ của tây chánh hiệu. Anh ra khu Giảng Võ, đến quầy dành cho khách nước ngoài, mua tặng bác mấy chai Martell, loại ngày xưa cha anh vẫn ưa uống. Bác đạp xe kiếm cho anh vò rượu nếp than, thứ gộc của dân quê ủ dấu trong làng. Tối. Hai bác cháu lên sân thượng nhỏ, vừa đủ chỗ trải hai chiếc chiếu, để mấy cái gối dựa lưng, rót rượu và chuyện trò.

Anh nhớ hoài mấy tối đó. Trầm lắng và yên lành. Ngồi ở lòng Hà Nội, ngửa mặt nhìn trời, toàn sao là sao. Anh thấy lại những đêm đầy sao thời bảy tám tuổi. Ở bãi biển Nam Ô. Ngoài miền Trung. Hồi đó cha anh thích đi săn, thường dẫn anh theo. Tối để anh ở bãi biển với người lái thuyền. Cha anh leo núi vào rừng. Đêm lồng lộng mùi gió muối. Bầu trời là lấp sao. Sữa từ dãy Ngân Hà chảy trắng mờ xa tít. Thằng bé con ngóng cổ nhìn. Ước ao bắt được lửa của những đốm sao rải đầy trời. Lớn lên. Những đêm sao như thế không còn. Sau này ở Sài Gòn. Đêm bập bùng hỏa châu. Trăng còn mờ hẳn huống chi sao. Rồi sau này nữa. Ánh sáng của các vì sao càng ngày càng nhạt. Trong đêm của thành phố phương Tây choáng đèn. Làm sao em ơi. Làm sao chỉ cho em thấy được những lấp sao khuya của anh thời thơ ấu. Trên trời bãi biển Nam Ô. Đã xưa mà cũng rất gần.

Bác H lúc cuối đời sống một mối tình đẹp. Dù chẳng vẹn toàn như ý. Nhưng cũng là một hạnh phúc không ngờ. Hồi hai năm 48-49, bác sang Pháp tu nghiệp. Lúc ấy bác đã lập gia đình. Bác quen đôi vợ chồng Việt Nam, định cư đã lâu ở Paris. Cô vợ còn rất trẻ, tên T, cùng quê với bác. Hai vợ chồng thường mời bác lại nhà chơi cuối tuần. Với thời gian, bác và người đồng hương kia có nhiều quyến luyến là lạ, theo cách nói của bác. Thật ra, chẳng có chuyện gì. Cũng chẳng ai nói với ai điều gì. Tất cả nằm trong ánh mắt liếc, khóe môi cười, ly nước rót mời, chén cơm đơm đầy, khuy áo nhờ khâu, hai bàn tay phớt nhẹ vào nhau.

Năm 50, bác về lại Hà Nội. Thỉnh thoảng vài thư thăm hỏi, mấy gói quà Tết, vài tấm thiệp mừng. Sau 54, bác không còn liên lạc. Chia cắt rồi khói bụi chiến tranh phủ mờ tất cả. Thế mà vào hè 80, bác nhận được lá thư gởi từ Paris, nhắc đến khuy áo nhờ khâu 32 năm về trước, hỏi còn nhớ ai không. Bác trả lời, ở tuổi của bác, con người sống với hoài niệm. Nhưng cũng chẳng ích gì. Vì thời gian còn lại chỉ được tính bằng ngày. Bác nhận liền sau đó, trước lúc anh về mấy hôm, bức thư thứ hai của bà T. Thư viết, bác đọc vài

đoạn anh nghe, anh H, nếu chuyện phải tính bằng ngày, thì chúng ta không thể để mất một phút giây nào cả. Hồi xưa, em thương kính anh như người anh trai lớn. Nhưng từ khi chồng em mất, năm 1978, em xét lại lòng em thì thật sự không phải là thế. Anh có vợ, em có chồng nên em tự dối tình cảm của em. Bây giờ, em chắc chắn đó là tình yêu. Mình già rồi. Nói ra nghe rất kỳ quặc. Nhưng em phải nói. Vì đúng thật là thế. Em nhờ người dò hỏi. Biết anh khỏe mạnh. Em mừng lắm. Em cũng biết là vợ anh đã qua đời mười mấy năm nay. Con cái đều thành thân cả rồi. Em muốn về Hà Nội gặp anh ngay. Nhưng nghe nói nhiều chuyện quá nên em sợ. Em muốn anh sang bên Pháp ở luôn với em. Giấy tờ nhập cảnh em lo dễ dàng. Em tin chắc là em đủ sức, về tình cảm và điều kiện vật chất, để lo cho anh. Đền lại anh mọi câm lặng của năm tháng qua. Anh sang đây với em, mình sẽ sống với nhau ít nhất cũng mười lăm, hai mươi năm. Em mong tin anh từng ngày. Bác xếp thư, bỏ lại trong phong bì, nhét vào túi áo trước ngực, rồi nói với anh một câu bằng tiếng Pháp, mỗi người có cách đánh đấm của riêng mình, khi phải đối đầu với bóng ma thời quá vãng. Cháu nghĩ bác nên thế nào? Anh rót rượu cho bác, che cái xốn xang của anh. Sao bác H diễm phúc thế kia. Tuổi ngoài bảy mươi, lại nhận được thư nhắc đến khuy áo nhờ khâu mấy mươi năm về trước. Còn anh. Chẳng biết có khi nào. Nhìn lại dòng thư em viết. Nhắc chuyện năm xưa ngồi ủi áo.

Bác H nói tiếp, không chờ anh trả lời. Bác ngại cháu à. Ngại bà T có trong đầu hình ảnh của anh bác sĩ tài hoa hơn ba mươi năm về trước. Bây giờ, cháu thấy đấy, thiếu thốn và mất mát làm bác già xọp đi. Sợ khi gặp lại, bà T thất vọng. Mà bác cũng thế, trong đầu bác vẫn là hình ảnh cô T thuở nọ. Nay nếu có gì không hợp nhau, buồn lòng nhau. Mà cháu cũng biết rồi. Lúc này ở Việt Nam làm gì có chuyện xin du lịch hay thăm gia đình rồi trở về. Đi là đi luôn. Nếu chuyện không bền với bà T thì bác làm gì nơi xứ lạ quê người. Xé lòng bác cháu à. Xé lòng.

Vài tối sau, cũng trên sân thượng con con ấy, cũng dưới vòm trời đầy sao, chỉ có chai Martell và vò rượu nếp than là mới, bác H bỗng vui hẳn lên. Cháu à, bác nghĩ ra rồi. Bác sẽ nhờ mẹ cháu làm quen với với bà T. Ý bác là muốn mẹ cháu xem hộ bác cách sống và lối suy nghĩ của bà T. Cùng lúc, bác xin nhà nước sang nghỉ bệnh ở một nước nào đó bên Đông Âu, được chừng vài tháng thì hay quá. Khi đó, đường xá không cách trở gì, bà T có thể sang thăm bác một thời gian. Thử thách tình cảm của nhau xem thế nào. Sau đó, nếu hai bên vẫn một lòng một dạ, bác sẽ xin sang Pháp ở luôn. Nụ cười của bác tối đó thật tươi. Trong mắt bác có tia lửa của đuôi sao băng vừa rớt cuối trời.

Gần một năm sau, anh được thư bác gởi từ Budapest. Bác được phép ở hai tháng, vừa đến hai hôm, chờ ngày kia ra phi trường đón bà T. Anh điện thoại cho mẹ anh. Giọng mẹ anh cười vui. Bà T đi Hongrie tuần rồi. Cả tháng trước mẹ mệt đứ đừ với bà. Cứ đến kéo mẹ cùng đi phố đi chợ. Sắm sửa cho bác H từ áo len, khăn quàng đến quần lót áo lá. Rồi nào là bơ hộp, phó mát,

bảo là chị biết hồi trước anh H thích mấy món này lắm. Chỉ có rượu là không. Bà T nói nghe cháu KA bảo anh H thích rượu mạnh của Tây. Chị ghét quá không thèm mua. Già rồi phải kiêng để còn sống đời với nhau. Chị chỉ mua hai chai champagne sang uống mừng. Còn thích rượu thì chị đã nhờ mấy người bạn bên Hồng Kông mua rượu sâm, có cả rượu cao hổ cốt. Uống mấy thứ đó thì được. Nhưng cũng không nên quá liều lượng. Chị mang cho anh mấy chai thôi. Nghe như vợ răn chồng, kiểu vừa giận vừa thương. Ngày mẹ đưa bà T ra phi trường mới vui. Con cháu bà khệ nệ kéo xách mấy cái vali to tướng nặng chình chịch. Tiền cước phụ trội bằng cả tiền vé máy bay. Bà T như cô dâu về nhà chồng. Mẹ mừng cho bác H. Bà T thương bác thiệt là thương đó con ơi. Mẹ thấy tình già thua chi tình hồi trẻ. Anh nghe lại càng thêm xốn xang trong bụng. Em ơi. Em cứ nằm yên đấy. Quẫy đạp làm chi. Anh đau.

Tối trước khi bác hết phép phải về lại Hà Nội, anh điện thoại hỏi bác. Bác cười như pháo nổ. Vui lắm cháu ơi. Bác cháu mình hẹn gặp nhau tại Paris. Bà T ở lại tiễn bác, ngày sau mới về. Mẹ anh kể bà T trông trẻ ra. Mẹ lại thêm một phen mệt đứ đừ với bà. Bây giờ bà kéo mẹ đi sắm sửa lo chuyện trang trí lại nhà cửa. Từ màn che cửa sổ đến chậu hoa để ở lối vào. Chị phải sẵn sàng đầy đủ cả. Chờ một thời gian ngắn thôi là anh H sang với chị rồi. Câu đó mẹ nghe mỗi lần mẹ gặp bà. Như đọc kinh. Trong phòng ngủ của bà, mẹ thấy treo tấm hình phóng lớn chụp cảnh bác H và bà T đứng bên bờ sông Danube, trông như đôi vợ chồng mới cưới đi hưởng tuần trăng mật. Mẹ tiếc không có cha để cha thấy ông anh cả của cha già rồi mà tình tứ lắm. Cha mặc sức mà cười. Giọng mẹ anh sao bỗng dưng trầm lại. Mẹ anh nhớ cha anh. Anh nhớ em. Bốn tháng sau đó, anh bàng hoàng nhận được điện tín báo tin bác H đột ngột từ trần. Thư nhà gởi sang nói có lẽ hạnh phúc quá lớn nên bác đứng tim bất ngờ mà chết. Mấy năm sau anh về lại, nghe kể lúc bác mất miệng tươi như đang cười nhưng hai mắt mở trừng trừng vuốt mãi không nhắm và hai tay bám chặt vào thành giường kéo mãi không buông. Bàn để đầu giường mở ra toàn là thư của bà T và hình chụp ở Budapest. Trong tập hình màu, có tấm hình đen trắng đã mờ, chụp bác mặc áo bành tô tay cầm nón phớt, trông cao lớn và đẹp trai. Sau lưng tấm hình có dòng ghi chú, màu mực xanh đã phai. Bác viết, chụp ở khu phố nhà T. Paris 1948.

Lần cuối anh gặp bà T là lúc mẹ anh qua đời. Bà ngồi ở góc hành lang. Người thu nhỏ lại như con mèo. Miệng cắn cái chéo khăn. Không khóc nhưng hai mắt đã thất thần. Trống trơn. Sau này, hỏi tin tức của bà, người quen bảo tóc bà đã rụng gần hết, còn vài mảng trắng mỏng như tơ, đầu luôn luôn quấn khăn, gặp ai cũng rủ đi nhà thờ. Không biết cầu nguyện cái gì. Cho ai.

Sang đến năm 1989, vợ chồng anh tính xây nhà mới. Việc kéo dài hơn một năm. Vợ chồng cãi lẫy nhau mấy trận. Người đòi kiểu này, người ưng kiểu nọ. Nhường nhịn nhau là xong. Chuyện xây nhà, tự nó, chẳng có gì đáng nói. Nó là dịp để anh thấu hiểu thêm tình tương thân ruột thịt. Lúc sửa soạn nhận

nhà, hè 90, anh bị một vố trời giáng. Thị trường chứng khoán mất giá ngày một ngày hai. Trở tay không kịp. Đến chừng tính tiền mặt còn lại so với tiền phải trả cho thầu khoán thiếu hụt không phải ít. Vợ anh nghỉ việc ở nhà từ khi con gái đầu lòng lên ba. Vừa đi làm vừa lo cho con ốm đau liên miên không kham nổi. Gia đình anh chỉ một đầu lương. Tiền nợ nhà băng đã quá tải, mượn thêm tiền lời nặng chịu không thấu. G biết tin, báo cho X và N. Ba chị em gọi điện thoại cho anh bảo thôi đừng lo, để tụi em chạy tiền cho anh, khỏi phải tính lời lỗ gì cả. Nhưng phải chờ mươi ngày nửa tháng, tiền tụi em bỏ vốn chỗ này chỗ nọ, muốn rút ra phải báo trước cả tuần.

Ba cô em gái anh từ trước đến nay vẫn trọn tình với anh như thế. Hồi nhỏ, G và anh cứ chạy chơi với nhau. G cách anh chỉ một năm, hơn em một tuổi. Anh nghịch phá chẳng bao giờ G mách, còn dấu giùm và bênh anh. Lớn lên, hai anh em chuyện gì cũng nói với nhau. Thì chính nhờ G mà mình quen nhau. Sau này nghĩ lại, anh cho là phần lớn vì G đi du học mà em bỏ anh. Chứ G ở nhà, em có buồn anh chuyện gì, G đã chia nhẹ cho anh rồi. Tính khí G càng ngày càng giống cha anh. Đàn bà mà nổi nóng thật nhanh. Nhưng với anh chẳng bao giờ lớn tiếng. X lại giống y mẹ anh. Từ dáng đi, lời nói đến tính tình. Cứ nhỏ nhẹ khuyên răn đúng lúc đúng nơi. Cái gì cũng nhường cho chồng cho con. X sinh sau anh ba năm. Hồi anh đi du học tháng nào cũng nhận được thư X kể không sót chuyện gì. Lúc em bỏ anh, X viết cho anh lá thư dài dằng dặc khuyên như chị khuyên em. N là em gái nhỏ nhất, cách anh sáu tuổi. Hồi bé phá như giặc. Tính nết cũng giống cha anh. Hơi một tí là la ầm ầm. Anh nhớ hồi N mười sáu tuổi gởi cho anh tấm hình kèm cái thư viết anh KA ơi, thấy N lớn chưa. Con gái rồi, không còn nghịch như trước, lại bắt đầu mơ mộng. Hồi sinh nhật N, không có anh, N nhớ rồi tự nhiên N khóc. N thương anh lắm. Có nhiều chuyện như in dấu ấn trong đầu anh. Chẳng phai. Anh không biết vì sao ba cô em gái anh thương anh hết sức. Chắc bởi một phần mẹ anh vẫn thường nói anh cả mấy con coi vậy mà cực, đầu óc cứ bềnh bồng lại thêm trên vai mấy gánh. Hồi trước, ba chị em đi xem tử vi, hỏi số của anh, thầy tướng bảo anh phải ngoài bốn mươi mới sướng. Tụi nó mong anh chóng già.

Vài ngày sau. Khuya cuối tuần. Chuông điện thoại gọi vang. Đầu giây là KE, ra kỹ sư ở Lyon, đang học thêm master ở Chicago. KE nói sao chuyện tiền bạc nhà cửa của anh không ai nói cho em biết. Em vừa gọi hỏi thăm chị X, mới rõ khó khăn của anh. Mấy chị chạy tiền làm chi cho mệt. Em có sẵn đây. Phần mẹ cho em lúc mẹ mất còn nguyên đó. Em chưa phải cần đến. Để mọi chuyện nhanh chóng, em sẽ bảo nhà băng bên em điện sang băng bên anh, em đứng tên bảo lãnh, anh cần sẽ rút được ngay. Băng bên em sẽ chuyển tiền trả cho băng bên anh sau. Hai mắt anh bỗng cay xè. Thằng em út, nhỏ hơn anh nó cả con giáp, anh nó chưa giúp nó chuyện gì, bây giờ lại đưa lưng ra gánh ông anh hai. Anh nuốt cái nghẹn ngang cổ bảo mấy chị muốn để em học, bận tâm làm gì, mấy chị giúp anh được rồi. Tiền mẹ cho em để đó còn

lo chuyện vợ con nhà cửa của em. KE cười, vợ con thì chắc cũng phải còn vài năm. Nhà cửa tính sau. Mà em đã nói chị X báo lại cho hai chị G và N rồi. Mẹ cho em bao nhiêu anh cần cứ lấy rồi chừng nào thoải mái trả cho em sau, khỏi phải tính toán phân lời phân lỗ làm gì. Giọng KE tỉnh bơ, coi như chuyện đương nhiên. Rốt cuộc, cả bốn đứa em chia nhau mà giúp ông anh cả. Tụi nó còn hùn nhau gởi cho anh một món tiền bảo đấy là quà tặng để sắm đồ đạc và đàn dương cầm cho hai đứa cháu.

Dọn nhà tươm tất xong, vợ anh bày hoa quả cúng. Anh thắp nén nhang, hai đứa con gái chắp tay đứng hai bên, vợ anh đứng sau lưng đứa đầu. Trên bàn thờ, hai tấm ảnh cha mẹ anh đang cười. Lời mẹ anh dặn lúc vợ anh mang thai đứa đầu lại văng vẳng đâu đây. Khi vợ con sanh, con nhớ nhắc vợ con trông chừng cuống rốn của đứa nhỏ. Chừng nào rụng, hai vợ chồng con cất cho kỹ. Cuống rốn của mấy đứa sau cũng rứa. Đến chừng đứa chót, con nói vợ con kiếm miếng ngói đỏ tươi mới nguyên, hơ ngọn lửa than, sấy các cuống rốn và nghiền nát như bột, trộn vào bát cháo trắng, thêm chút muối, đường, tiêu, gừng. Chia đều bát cháo cho mỗi đứa con của con, coi như đứa mô cũng có trong máu huyết của mình cuống rốn của mấy đứa kia. Hồi trước bà ngoại chỉ cho mẹ. Mẹ đã cho năm anh em con húp bát cháo, mong mấy anh em con chia xẻ giúp nhau mọi thứ ở đời. Anh gục trán vào hai tay cầm nhang, che hai con mắt đỏ. Mẹ ơi, bát cháu nghiền cuống rốn là biểu tượng, kết tinh từ tình thương chan hòa của mẹ dành cho năm con. Bây giờ, cái chan hòa đó năm đứa con của mẹ noi theo mẹ mà dành cho nhau.

Hồi xưa, anh với em chỉ mới hẹn thề với nhau, nên mẹ anh chưa dặn em chuyện cuống rốn của các con. Chớ nếu mình lấy nhau, mẹ đã dặn em rồi. Dặn em. Chớ không phải dặn anh. Mẹ tin em lắm. Thôi thì bây giờ anh nhắn cho em vậy. Anh không biết vợ chồng em đã mấy con rồi. Nếu cơ may em có giữ cuống rốn của các con em, em cứ làm thử như lời mẹ anh dặn anh. Con cái thương nhau, đùm bọc nhau, sau này mình già, nhẹ cho mình lắm em à. Anh cố làm tỉnh mà nhắn em. Chớ thật ra lòng anh như bị sấy nghiền trên ngọn lửa than. Anh mong cho vợ chồng con cái em quây quần hạnh phúc. Mà sao bụng anh cứ quặn thắt từng hồi.

Hai năm sau này, tài chánh gia đình anh khá hơn. Nợ nần vơi, ngạch trật lên và lương bổng tăng nên tinh thần thư thả. Duy có điều vợ anh bảo sao chỉ mới đây mà anh đâm ra già hẳn. Có lẽ vì tóc bạc nhiều. Năm trước, tự nhiên nổi chòm tóc trắng trước trán. Cứ trưa chủ nhật là vợ anh gọi đứa con gái út rồi bảo anh nằm nghỉ lưng để hai mẹ con em nhổ cho. Đứa con gái đầu leo lên bụng ngồi cười. Được đâu vài tháng, con gái út bảo thôi mẹ ơi ngừng đi, nhổ mãi cha hói còn gì. Vợ anh phì cười. Nhổ hoài mỏi tay mà tóc cứ bạc đều. Năm nay, hai bên thái dương lại trắng. Vợ anh lắc đầu bảo trên bạc xuống hai bên bạc lên, chồng em già rồi. Thì thời gian đi phải để lại cái gì. Nó để lại trên đầu anh tóc trắng. Ngày với ngày. Qua.

Ở đám đông, dịp hội hè ăn uống, anh vẫn cười đùa pha trò như xưa nay.

Nhưng đã có điều hơi khác. Bây giờ anh cần nhiều thời gian yên lặng hơn. Như võ sĩ sau mỗi hiệp đánh phải lui về góc của mình mà nghỉ. Khoảng cách nghỉ càng lúc càng dài. Hiệp đánh càng ngày càng ngắn. Lễ tiệc hơi lâu là anh phải kiếm cách tạm dừng. Anh đứng dậy, rút ống tẩu ra, xin bà con cô bác họ hàng quý vị quan khách cho tôi ra ngoài kéo vài hơi, ở đây sợ khói thuốc làm phiền. Anh tìm chỗ vắng. Được góc vườn càng hay. Tẩn mẩn nhồi thuốc. Rồi lặng lờ ngồi. Nghe tiếng cười từ xa vọng lại. Thường mấy lúc ấy. Em lại trở mình. Trong bụng anh đau.

Anh có cái thú mới. Chơi cá ươm cây. Vợ anh hỏi vui chi hả anh. Anh bảo ngồi tỉa cành bông, rồi xem cá lội, thấy đời nhẹ như không. Bạn bè thân không nhiều. Mấy đứa thâm giao lại ở tuốt Paris. Phần đông cùng nghề nghiên cứu dạy học. Ngày trước ôm ấp chung một số hoài bảo mộng mơ. Có chuyện gì kêu nhau một tiếng là đánh xe đi. Bây giờ thấy đường xa, ngại. Có thằng bạn thân ở gần tỉnh. Hai năm trước tự nhiên bỏ hết dắt vợ về Sài Gòn. Hai đứa con lớn ở lại học đại học. Thư sang bảo vui vô cùng. Gần ba mươi năm ở xứ người đã quá đủ, tao về góp chút sức trước khi không còn hơi. Vợ nó bảo về nhà có tiền người hầu kẻ giúp việc sướng ghê. Đâu được hơn năm. Vừa rồi có thư qua than, ở ngoài nước muốn gì thì muốn tao vẫn là thằng đứng bên lề, về trong nước làm gì thì làm tao vẫn là thằng ngồi ngoài cuộc. Hy vọng mày còn tỉnh, cho tao lời khuyên. Anh trả lời tao chịu. Chẳng biết cái đất nước quái dị làm sao mà trước đây sinh ra toàn anh hùng, nay lại đẻ lắm thằng khùng. Chừng nào mày kiếm đâu ra được lời khuyên, nhớ chép gởi tao. Còn con đầm tu thiền. Cứ vài ba tháng là điện thoại réo. Này, tao vừa kiếm được mấy chai bồ đào tuyệt tửu. Lại uống với tao. Rượu nó ngon thật. Chỉ tội là nó làm bếp quá tệ. Sau này, thấy thức ăn dở làm hỏng miệng phá đi vị rượu, nó đặt mua đồ nguội và phó mát, hợp vô cùng. Nói chuyện với nó vui. Từ chuyện tình hình kim cổ sang đến triết lý đông tây. Nó chẳng chồng con gì. Rảnh rang đọc sách tìm tòi nên uyên bác. Con đầm cũng lạ. Đã 19 năm rồi mà vẫn nhớ hoài thằng Ấn độ. Rượu vào một hồi là nhắc chuyện xưa, gọi tên thằng Ấn độ rồi đờ đẫn như con chiên chờ phép lạ. Anh bảo mày quên tuốt đi. Nhớ mãi ích gì. Mày tự hành hạ mày làm chi. Nó nhìn thẳng vào mặt anh hỏi tại sao mày nhớ được mà đòi tao quên. Anh bảo mày làm sao biết tao nhớ hay không. Nó cười đồng bệnh thì đồng cảm. Mày dấu mãi trong ruột trong gan có ngày nó tràn lên ngập não. Mỗi lần gặp mày, tao thấy đầu mày đứt thêm vài sợi dây. Anh hiểu vì sao nó cứ kéo anh đến nhà uống rượu. Nó biết anh cảm được tâm sự của nó. Đầu nó và đầu anh đều bị đứt dây. Song nó hơn anh một điều. Nó nguyện suốt đời sống với hình bóng cũ. Anh đèo bồng tình nghĩa vợ con. Mà vẫn không quên em được.

Thời gian sau này, niềm vui lớn nhất của anh đến từ đứa con gái đầu lòng. Nó đã từng bước trở về với thế giới của người thường. Nó cảm nhận được mỗi ngày mỗi nhiều. Đòi hỏi của nó cũng càng ngày càng rõ nét. Nó rất thích nhạc. Mỗi lần nó khóc, có nhạc là nín. Vui, nghe nhạc nó hớn hở nhảy theo

nhịp. Đôi mắt càng trở nên có thần, đầy sự sống. Vui, buồn, giận, hờn, mọi tình cảm đều được nói lên bằng đôi mắt với hai hàng lông mi cong vút. Đôi mắt reo mừng khi cha nó đi xa về ôm nó vào lòng. Đôi mắt con nhìn cha ấm nồng thương quý. Bấy giờ anh mới biết. Đôi mắt đó chẳng phải là món nợ oan nghiệp của kiếp nào em bắt anh phải lãnh. Đó chính là quà tặng của em. Là kỷ vật em để lại cho anh. Là chứng tích của tình yêu chúng ta. Đó không phải là đôi mắt trong đêm mơ điên dại thời anh đã mất em. Mà là đôi mắt em mở to nhìn anh. Đắm đuối. Buổi chiều cuối. Trước khi mình xa nhau. Lúc em nói em yêu anh mãi mãi.

Với quà tặng của em. Với lòng yêu nghề nhờ em mà anh có. Với hạnh phúc êm đềm của gia đình anh. Anh có thể ôm em trong bụng mà đi miết hết đời. Như đã đi gần suốt phần tư thế kỷ qua. Không cần ai biết. Chẳng cần ai hay. Nếu không có chuyến sang Mỹ năm rồi. Nếu không có lần vừa qua ngồi hỏi mấy cô em về chuyện HT. Nếu không thấy lại tập thơ xưa dấu đã hai mươi mấy năm tận cùng đáy hộp.

Trước nay, dù có ba người em định cư ở Mỹ, anh chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện sang chơi bên ấy. Anh không dám nghĩ. Anh biết quá rõ cái chao đảo của lòng anh mỗi lần về Việt Nam. Lần nào anh cũng đều tưởng y như thật là anh về gặp em. Dù sao, ở Sài Gòn, anh vẫn còn vài nơi chốn để nỗi nhớ dựa vào. Hàng cây xưa, chỗ hẹn chiều mưa, rạp chiếu bóng cũ, căn nhà thuở nọ, quán nước năm nao. Còn sang Mỹ, anh như người lạc lối trong sương mù. Anh sợ lắm những sớm mùa đông đầy sương và trắng tuyết. Mọi điểm tựa tan biến mịt mờ. Vũ trụ chìm trong vô định mông lung. Anh chơ vơ, lạc lỏng, lạnh lùng. Cái im lặng trùng trùng của chốn thinh không trong đêm mơ anh đuổi theo đôi mắt em gói trọn đất trời. Suốt một tháng ở Mỹ năm rồi, tâm trí anh dật dờ trong một thế giới loà sương và ngập khói. Anh không biết em ở đâu, làm gì, với ai, đang vui, đang buồn, đang cười hay đang khóc. Anh chỉ biết là em đâu đó, trên miền đất anh vừa đặt chân tới. Biết đâu chừng con đường anh vừa thấy là con đường em đi qua chiều hôm trước. Cửa tiệm anh mới vào em đến đấy sáng kia. Anh như con bướm dại bay tìm mùi hương đã mất. Ở tuổi này, tình anh không còn vội cuồng, đắm say, sôi nổi. Nó trầm lắng, mặn mà, sâu đậm. Như trái táo trong chuyện đời xưa dấu trong bị gạo càng lâu càng chín ngọt. Anh hoảng hốt nhận ra là anh thương em thăm thẳm vạn lần hơn hai mươi lăm năm về trước. Tình anh không nói được thành lời. Nó xoáy ngược vào ngực anh. Nhức buốt. Bận bịu chuyện đám hỏi đám cưới cho KE, từ sáng đến khuya, lắm khi mệt nhừ, vậy mà đêm nào anh cũng chập chờn khó ngủ. Nỗi nhớ dày vò anh. Quay quắt.

Cái quay quắt đó đã thúc đẩy anh làm hai chuyện mà trước nay, kể từ ngày được tin em lấy chồng, anh vẫn cố kềm. Hỏi thăm về em và nhìn lại tập thơ ngày trước. Rồi anh chợt hiểu ra một điều. Khủng khiếp. Nững gì anh có, anh biết về em đều nằm trong quá khứ. Tất cả chỉ còn hình với bóng. o mộng và hư không. Đống cát bụi mịt mờ gom trong trí nhớ. Chỉ bấy nhiêu

thôi nghĩa là anh đã lạc dấu em rồi. Và anh sợ mất em, vĩnh viễn. Chẳng lẽ không bao giờ anh nhìn thấy lại được em. Anh kinh hoàng quờ quạng. Anh muốn gọi tên em mà không còn tiếng. Lần đầu tiên anh thấy thời gian mà ớn lạnh. Quá khứ lùi dần theo năm tháng. Tóc anh mỗi ngày một thêm trắng. Làm sao anh có thể tiếp tục ôm em trong bụng mà đi khi anh đã nhận ra là anh sống với hư ảnh chênh vênh. Anh mong thấy lại được em. Bằng da bằng thịt. Anh thèm nghe lại giọng em nói. Tiếng em cười. Nhìn lại đôi mắt em. Đôi mắt thật trong đời. Anh phải gặp lại em trong kiếp này. Kệ con đầm tu thiền theo khổ uẩn luân hồi mà tìm thằng Ấn độ. Kiếp sau, hay kiếp sau nữa, anh biết em đâu mà trả, mà vay.

Tuần rồi, anh sang Paris, ở chơi mấy ngày trước khi gia đình ba người em về lại Mỹ. Anh năn nỉ G ơi, kiếm tin tức và địa chỉ của HT giùm anh đi. G nhìn thẳng mắt anh hỏi để làm gì. thì để biết. Biết rồi anh làm gì? Anh cứng miệng. nhỉ, biết rồi anh làm gì? Chẳng lẽ anh gọi cho em rồi nói như tuồng cải lương, thưa bà, bà là mối tình vĩ đại của tôi. Tôi xin phép quấy rầy bà. Bà mắng tôi một tiếng cũng được. Tôi thèm nghe giọng nói của bà. Bà HT ơi. Hoặc giả anh nhờ G điện thoại hỏi em rồi đưa lại cho anh. Anh bảo em ơi, rạp Eden vừa đổi phim mới. Chiều thứ sáu này mình đi xem nhe. Anh chờ em nơi hàng cây lần trước. Và em trả lời, nhẹ như lá rơi, anh nhớ chờ em nhe. Cái này thì hết phải đứt dây. Mà đúng là điên thật. Hóa rồ. Hóa dại. Biết rồi anh làm gì? Anh quằn quại với câu hỏi không thể trả lời.

Đến đây, em hiểu vì sao anh viết cho em. Sau hai mươi ba năm lặng im, vắng biệt. Anh phải viết. Kể em nghe về chuyện trong bụng anh, về anh, về mấy chặng đường đánh dấu đời anh từ khi mình xa cách. Và để nói với em giấc mơ của anh. Giấc mơ cuối. Anh không biết em ở đâu. Đành gởi tám hướng. Rồi vái tứ phương. Mong em đọc được.

Mối tình của bác H và bà T ám ảnh anh mười mấy năm nay. Bây giờ, anh chắc chắn đó là bản diễn tập báo hiệu sự gặp lại của anh và em. Khi em trả xong duyên nợ với chồng con. Khi anh đền xong tình nghĩa đã vay với vợ con từ kiếp trước. Mình sẽ nối lại phận số dở dang của mình. Anh mong là thế. Tin là thế. Bởi không thể nào mình mãi mãi thất lạc nhau. Mẹ anh nói con ơi tình già thua chi tình hồi trẻ. Anh chắc rằng tình già còn đậm đà hơn tình trẻ. Ở tuổi đó, tương lai không còn, khỏi phải lo. Dĩ vãng quá đầy, cần chi nhớ. Mình sẽ sống trọn vẹn cho nhau. Từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây. Có tuổi nào mà thời gian hiện hữu đầy ắp ý nghĩa của sự sống bằng tuổi già? Tình yêu ở tuổi đó là tình yêu của chưa bao giờ. Mình sẽ thương nhau vạn vạn lần hơn thời tuổi trẻ.

Cho đến một sớm mai. Dưới mái hiên ngôi nhà nhỏ. Nhìn ra núi sông và biển cả. Em tựa đầu vào ngực anh, hướng lên bầu trời lồng lộng. Anh kéo lại khăn quàng che vai em. Em nắm tay anh bảo anh ơi kể gì cho em nghe đi. Chuyện sẽ bắt đầu bằng sự tích của giọt sương, hành trình của vệt nắng, sự hình thành của vũ trụ và trái tim con người. Để cuối cùng anh nói với em về

cõi hẹn. Nơi chốn mà mẹ đã hé mở cho anh thấy. Chỗ ẩn cư đời đời của các linh hồn thương mãi nhau. Rồi. Bàn tay em. Lạnh dần. Như ngày xưa. Bàn tay của mẹ. Lạnh dần. Trong tay anh. Lúc ấy. Chỉ có em và anh. Khi sống, người khác đã giành mất em của anh. Khi chết, em phải chỉ là của riêng anh. Không một ai, ngoài anh, được soi mình vào đôi mắt em. Trong giây phút cuối. Mọi chuyện sau đó anh sẽ làm đúng theo ý nguyện của em. Không sót điều gì. Song em cũng nên viết giấy dặn dò anh cẩn thận. Sợ già rồi, lú lẩn, lỡ anh quên. Lo cho em ngăn nắp đàng hoàng xong. Đến lượt anh đi. Về cõi hẹn. Nơi hồn anh biết hồn em đang đợi.

THI ÊM
8-1995.



PHAN NHIÊN HẠO

rạng đông của đêm

Đó là những bí mật được gọi mời
Lúc nửa đêm về sáng
Em cầm chiếc búa gõ vào mặt đồng hồ
Chiếc quạt trần xoay dưới trăng
Hít thở mùi đô thị cũ

Có một cách khác để bước ra
Khỏi những tiếng gầm sáng quắc
Của đêm hiểm độc
Nhưng em chối từ
Chiếc quạt trần rụng cánh, những đóa hoa rụng cánh
Rạng đông lặp lại:
Giết người
Và đứa trẻ bị chó ăn

Có một cách khác để dừng lại
Giữa hai đoạn ngắt hơi
Nhưng em vẫn bơi về phía biển
Nơi những bí mật của rong

PHAN NHIÊN HẠO



DƯƠNG LÝ

vô đề

Con trâu
đi trước
con người
Lúa
từ lòng đất xanh
tươi mọc đầy
Bốn chân
đi trước mũi cày
Người
đi sau thấy
ngàn cây súng
nhìn

Bội thu mừng rỡ hay tin
chiều về khoai chín gạo nhìn mà ăn

con ba khía

Bán khai,
nó ở bưng ra.
Hố hang
nghèo
nổi
mặn
già tháng năm.
Trơ trơ
suốt
cái mai mằm
Nó ngang ngữa,
ngỡ
chơi khăm tất rồi.
Nghĩa là,
bày nó lên
ngôi (...)
thật là,
nhưng ngại
hóa bồi
một mai (!)

DƯƠNG LÝ



TRANG CHÂU

1. của mưa gửi nắng

(Thơ - Trương Anh Thụy)

Người đi song đôi
ta về lẽ bóng
Viết một bài thơ
Nghe tình nằng nặng
Muốn gửi cho người
Lòng bỗng băng khoăn
Tay bỗng ngại ngùng
Thôi thì ta viết
Bài thơ không đề
Của mưa gửi nắng

2. long lanh hạt bụi

(Tập truyện - Nguyễn Thị Hoàng Bắc)

Anh như hạt bụi
Lạc vào song cửa đời em
Em nhìn anh từ bóng tối
Hạt bụi tình bỗng sáng long lanh

3. cát vàng

(Thơ - Vi Khuê)

Ta đi
Trên cát vàng này
Tìm nơi bãi
Nhớ nhung đầy âm xưa
Sóng đời
Vỡ nát cơn mơ
Dấu chân năm cũ
Vẫn chưa nhạt mờ

4. cuối đêm dài

(Tập truyện - Nguyễn Thị Thanh Bình)

Đêm của những người yêu nhau
Là đêm rất ngắn
Anh đến từ cuối chặng
Nên bỗng thấy đêm dài

5. bên lở bên bồi

(Tập truyện - Nguyễn Thị Hoàng Bắc)

Em đừng đắp bên lở
Em đừng dở bên bồi
Cứ tát cạn dòng sông
Bờ đê lòng sẽ vững

6. bao giờ em quên

(Thơ - Bích Xuân)

Bao giờ em quên
Không có nghĩa là em nhớ
Em chỉ đếm thầm
Thời khắc phôi pha.

7. mùa trăng

(Truyện dài - Lê Thị Thấm Vân)

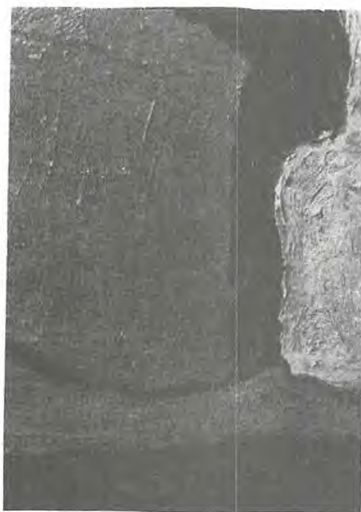
Anh như nước mặn nồng
Càng uống càng khát
Anh như tiếng nói thầm
Bao lời cho tình câm
Anh như mùa trăng tròn
Soi cuộc đời em khuyết

TRANG CHÂU



TRẦN VŨ

ngọn núi khuất hình



Khi chuẩn úy Nguyễn Xuân rời trường võ khoa bước chân vào bản doanh liên đoàn biệt động quân, táo Mỹ đỏ rợp. Những trái táo chín muồi thơm đến nỗi các sĩ quan trực ban đều say. Gương mặt họ đờ đẫn. Chuẩn úy Nguyễn Xuân được giao nắm trung đội 1, ông đi đóng tiền đồn đầu mùa mưa. Lính biên phòng xỏa tóc, không giấu tiếng cười khi trông thấy viên chuẩn úy nhỏ bé, thấp người, trắng như một nhụy cúc. Lễ bàn giao diễn ra ngấn ngủi. Thiếu úy Vân, trung đội trưởng cũ, hối hả về thành phố. Nguyễn Xuân trốn xuống hầm chỉ huy. Ông bấm mười ngón tay vào bao cát. Tiếng cười đám lính chế riễu.

Ngày đầu trên tiền đồn, Nguyễn Xuân bắt gặp gương mặt dị hợm rừng rú. Da kẻ nhìn qua kẽ hở châu mai bủng như da cụ già nằm một chỗ quá lâu. Nguyễn Xuân chồm dậy, bộ áo trận trên mình ông ướt đẫm, cơn mưa đêm hắt vào tăng xê những vũng nước đọng. Trái núi thách thức trước cửa hầm.

Trung đội nấu cơm sáng trộn muối vừng. Chuẩn úy Xuân thanh sát vũ khí và quân số. Ông thi hành đúng nguyên tắc bài bản đã học ở trường võ khoa. Toàn trung đội chỉ có một trung liên BAR, một súng cối 60, mười bốn carabine M-1 và hai AR-15. Nguyễn Xuân gọi về đại đội than phiền. Bên kia máy đại úy Mai văng tục rồi cắt đường giây. Mùi táo chín lên men tỏa qua ống nối nồng nặc đến mức viên chuẩn úy ngửi thấy và nôn mửa.

Vụ vô kỷ luật đầu tiên xẩy ra sau trận bão. Núi rừng cao nguyên lở tràn lấn xuống căn cứ. Bãi mìn chính bị lấp, hai rào kẽm gai gió cuốn bay, và các rãnh mương ngập nước. Nguyễn Xuân cho gọi thượng sĩ Chey, trung đội phó trình diện.

- Thượng sĩ cho khai rãnh.

- Nhiệm vụ của trung đội là theo dõi thiên nhiên, thú vật, con người.

- Nhiệm vụ của thượng sĩ là dẫn lính đi khai rãnh!

Nguyễn Xuân quát. Gương mặt ông đỏ như những quả táo ở Darkto. Thượng Chey ném đôi mắt âm u xuống vực núi. Đến chiều các hầm chìm vẫn ngập nước.

Thằng Ngân theo làm cho Xuân, cầm máy, và lính Việt duy nhất. Trung đội 1 tập trung lính thượng và Miên. Suốt tuần lễ, Ngân tát nước, nhưng mỗi nón sắt múc đi một trận bão ào xuống. Chuẩn úy Xuân lội trong hầm chỉ huy, ông không bước ra khỏi tăng xê từ lúc va chạm với thượng Chey. Buổi trưa thằng Ngân hay thấy ông nằm thả nổi trên mặt nước. Buổi chiều Nguyễn Xuân dán mắt vào khe hở châu mai. Ông trông thấy trái núi giống đầu gã khổng lồ nửa mình bị chôn sống. Quả núi phơi mặt dữ dằn nhìn viên chuẩn úy khiêu khích. Nguyễn Xuân thấy rõ ngọn núi theo dõi, rình rập chính ông. Đêm tối Xuân sai thằng Ngân múc xăng đầy nón sắt đốt lửa canh. Ông ngủ mê bên ánh lửa, trông thấy những quả táo Mỹ rụng lấp hầm. Đôi lúc ông cũng trông thấy những ánh điện thành phố xanh đỏ nhấp nháy giữa khoảng sương mù tràn bóng tối. Một tiệm nhẩy heo hút cạnh phi trường. Chuyến G.M.C đi từ Pleiku lên Kontoum. Bộ tư lệnh Darkto. Những quả táo đỏ. Những thùng phuy táo lính biệt động quân lăn về trại gia binh luôn hiện ra trong giấc ngủ. Nhưng Nguyễn Xuân không tài nào mơ được khoảng thời gian trước nhập ngũ. Ông thức giấc giữa hoang vắng, trong tiếng cú rúc, tin tất cả đã bỏ đi, biến mất.

Tuần nắng đầu tiên thằng Ngân đẩy ông ra khỏi hầm. Nguyễn Xuân bị loá. Ngọn núi rõ như tấm kính soi gương mặt ông chai xạm, lồi lõm hố sâu. Gần trưa trái núi hóa cam. Không phải màu nắng, nhưng cam sần của những quả cam Mỹ to lớn dị thường. Lính Miên cởi trần giặt giũ. Đám Thượng sàn nếp nấu rượu. Chuẩn úy Xuân leo lên trần tăng xê nhìn bốn phía. Lần đầu tiên ông khám phá ngọn núi trước mắt đan dầy bạch dương, y hệt đài nguyên ở trong những tấm hình lúc nhỏ ông trông thấy chụp cảnh bắc bán cầu. Chuẩn úy Xuân sống một ham mê mới: ông cho dựng bao cát lập đài quan sát - bỏ hàng giờ lục tìm bóng kẻ thù. Ông nhìn ống nhòm nhiều đến nỗi thuộc từng hốc đá, bụi cây, đặt những tên trữ tình cho các đường hẻm chẻ đôi vách núi.

Một sáng thượng Chey bất ngờ lên đài. Trước khi viên chuẩn úy kịp phản ứng, thượng Chey trỏ xuống hẻm *Thanh Xuân* :

- Ở đó.

Bóng người chạy trong ống kính. Nguyễn Xuân quát thằng Ngân:

- Nạp trung liên!

Tia đạn vãi vạch thẳng. Tiếng súng dội vào núi giã dòn xuống đá. Điệu múa lửa. Chuẩn úy Xuân bắn cho tới lúc thượng Chey kềm cổ tay.

- Bắn nữa hết đạn.

Gương mặt thượng Chey tối lầm lì. Xuân cũng nhận ra tầm bắn quá xa, ông gọi pháo, chỉ nhận được những câu văng tục của đại úy Mai. Thằng Ngân gác ống nói. Viên chuẩn úy bắt gặp khoé môi u ám của thượng Chey hơi nhếch, dầy, đầy chế riễu ở đám lính. Ngọn núi úa sầm sa xuống vực. Mây đùn thành chiếc nón che gã khổng lồ. Tiền đồn rúc vào cơn mưa xám trở lại.

Nước biến tăng xê thành một hố ao. Thời gian tù trong vũng nước không trôi. Nguyễn Xuân bắt đầu viết nhật ký. Ông chép ngay trên trần hầm, có lúc nhúng mười ngón tay vào sơn vẽ mười ngọn núi lên vách, những dẫy núi kỳ dị chi chít. Thằng Ngân hay thấy ông lặn xuống đáy áp tai nghe nhịp thở của đất, hoặc ngóng những sóng cây lượn qua rào kẽm gai ùa tới. Bãi mìn không chặn được ngọn núi. Nón sắt cháy cong ánh lửa tắt ngấm cùng với những giấc mơ Nguyễn Xuân trống rỗng khi trời ửng sáng.

Trung đội về Darkto sau một tháng đóng tiền đồn.

*

Chuẩn úy Xuân biết đàn bà đầu tiên dịp Quốc Khánh. Táo Mỹ sai, đơm kín mít không một hột mưa, tia nắng nào có thể lọt qua kẽ lá. Bộ tư lệnh tiền phương phát kiến chiến thuật mới: Lựa những quả táo thơm, chích thuốc chuột rãi khắp rừng núi. Táo trổ nhanh đến mức lính không kịp hái. Nguyễn Xuân về hậu cứ sửng sốt khám phá bản doanh liên đoàn biệt động quân khô ráo. Bên ngoài thị trấn tầm tã.

Lễ duyệt binh các đơn vị đeo giây biểu dương. Sau quốc ca, thượng Chey yêu sách Nguyễn Xuân dẫn lính xuống xóm theo truyền thống trung đội mỗi kỳ đóng tiền đồn. Nguyễn Xuân giận run. Ông cố kềm mười ngón tay để lính đừng trông thấy. Giọng nói thượng Chey âm u như tiếng rừng. Đám lính vây quanh đợi cho tới lúc viên chuẩn úy không thể thoái thác.

Chuẩn úy Xuân không kể với ai lần xuống xóm đầu tiên. Không kể mùi đàn bà đầu tiên ông ngửi thấy, mùi dầu thốt nốt con điếm thoa khắp mình. Không kể hai núm vú lơ lửng giữa chuỗi bùa Kà Tha kết bằng chỉ ngũ sắc. Chỉ thằng Ngân trông thấy ông ra khỏi nhà thổ trước tiên. Ông hấp tấp như chạy. Về đến trại, dù khô ráo, ông vẫn phủ poncho che đáy quần ướt đẫm.

Trung đội 1 trở ra tiền đồn sau trận đánh vùng ba biên. Chuẩn úy Loan, sĩ quan đồng khoá với Nguyễn Xuân tử trận, đơn vị chết quá nửa. Đại úy Mai lồng lộn trước phóng đồ hành quân, mọi hy vọng về chiến thuật *thuốc chuột* tiêu tán.

Buổi sáng lượm xác, trực thăng đảo vòng, Nguyễn Xuân đặt chân xuống mặt đất chao như tàu đắm. Ông thở hổn hển. Vết máu của trận chiến vài giờ

trước tươi rói. Thượng Chey cho phủ chiếu các xác lính tìm thấy. Ngọn núi nhìn Nguyễn Xuân thỏa mãn. Ông không dám vuốt mắt chuẩn úy Loan nhấp nháy sau mỗi tia chớp báo động. Nguyễn Xuân trốn xuống hầm chỉ huy. Chốc chốc ngọn núi qua kẻ hở châu mai xấn tới. Viên chuẩn úy núp sau lá chắn. Thằng Ngân nấu cháo trộn cải mặn đem đến, Nguyễn Xuân nuốt cháo như uống lửa, cổ họng bỏng rát. Trực thăng dọn bãi quần cho đến giọt nắng chót.

Biến cố xẩy đến khi trung úy Trang, sĩ quan điều không liên đoàn xuống tiền đồn. Trận đánh bom khốc liệt. Nguyễn Xuân ngã ngồi. Phản lực lướt qua đỉnh núi. Từ các bụng sắt, táo Mỹ đỏ ối, tròn xoe, xoay tít bắn tung triệu triệu. Nguyễn Xuân trông rõ nắp táo đỏ tươi lướt êm, yên tĩnh, không âm thanh, giăng tĩnh mịch qua cây rừng. Lưới táo dang khắp trời thả bung đột ngột nhồi sóng. Tiếng động của triệu quả táo vỡ vang trong nón sắt Nguyễn Xuân. Viên chuẩn úy té xấp. Gió thẩy bao cát, lật nắp tôn, bật mái. Ông chúi xuống hào. Vòng kẽm gai cuộn xoắn thắt cho đến lúc bứt bay trước mặt ông. Xuân co rúm ghịt nón sắt. Ông nhắm mắt nhưng vẫn trông thấy quả táo đỏ khổng lồ dị dạng xoáy đất trước khi trồi lên cời đất đá. Các mảnh táo chém rạt rừng. Nguyễn Xuân chứng kiến ngọn núi mang gương mặt cố thiếu úy Loan trợn ngược. Ông nghe tiếng gầm của núi, tiếng kêu của ông lúc con điếm mở cúc quần, và nỗi sợ hãi dồn xuống bụng. Viên chuẩn úy lăn lộn trong hố cá nhân.

Qua trận đánh bom thằng Ngân nhìn đáy quần viên chuẩn úy ướt sũng lúc ông đi qua chảo gạo chưa kịp vo chín dưới sức nóng.

Những ngày sau khi trung úy Trang trở về liên đoàn, các tấn táo phủ núi bắt đầu thối hoăng, mùi hôi thối bốc lên trên nền táo đỏ gấc. Nguyễn Xuân thay đổi. Mỗi sáng ông đứng trên nóc hầm hít thở, thu vào lá phổi cái mùi thum thủm lợm giọng khiến toàn trung đội phải bịt băng cá nhân che mũi. Rừng xác xơ. Ngọn núi hấp hối đợi chết. Nguyễn Xuân chạy bộ khoẻ khoắn qua các đường hào. Ông lấy cây khều xác táo vụn vướng ngoài rào kẽm gai bỏ vào hòm đạn đại liên trộn đường làm mứt. Nguyễn Xuân không ăn gì khác ngoài các món táo ông chế biến. Ông vẽ khắp hầm chân dung ngọn núi lở những đốm ghẻ chảy mủ. Xuân treo tranh triển lãm chiến tích. Thằng Ngân mỗi ngày vào hầm quét dọn rác rưởi bắt gặp viên chuẩn úy nhai lõi táo kích thích.

- Chiến thắng trong tầm tay.

Ông trỏ ngọn núi méo mó.

Tiền đồn sang tuần lễ thứ ba nổi như một ốc đảo. Xác táo tím bầm chung quanh. Cánh rừng và ngọn núi chìm dưới rác biến mất. Nguyễn Xuân tin đã chiến thắng. Ông trở nên kích động, quát tháo lính, ném trung đội ra khỏi rào lục soát. Nguyễn Xuân hung dữ đột ngột khiến thượng Chey im lặng và thằng Ngân mỗi khi bưng mức vào hầm đâm rụt rè. Nguyễn Xuân cho ném lựu đạn xuống các hang và bắn súng cối xuống những hẻm núi chưa bị táo lấp. Buổi sáng trung đội lôi dưới thảm táo rữa một xác du kích, viên chuẩn

úy hối hả báo cáo về đại đội, ông cúp máy trước khi đại úy Mai kịp văng tục.

Cánh rừng hồi sinh bất ngờ sau trận mưa cuối năm. Những giọt nước trắng nở hoa. Dẫy núi tươi tốt xanh hực. Nguyễn Xuân sưu tập bướm trong hầm. Thằng Ngân thấy ông dán các cánh bướm lên vách. Những lúc quang, ông lên đài quan sát nhìn hẻm *Thanh Xuân*. Hẻm núi chẻ sâu giữa đất đá. Ngọn núi rậm hẳn. Viên chuẩn úy bỏ nửa ngày theo dõi sự nẩy chồi của lá. Theo dõi những con nhộng hóa bướm. Mỗi đọt lá nhú, mỗi con nhộng hóa thân kích thích ông trong ống nhòm. Ông ngắm mải miết bụng núi thoai thoải, đùi núi xoải, thung lũng phẳng, cánh rừng dầy và quả đồi ở lưng chừng thung lũng mỗi ngày một tròn trịa. Buổi tối Nguyễn Xuân lắng nghe núi khó ngủ trăn trở. Đêm đám lính Miên thắng đường thốt nốt, viên chuẩn úy uống ba bát. Ông đột ngột thèm ngọt, đến mức mút các xác bướm, cố rút mật từ bụng nhộng đã khô. Ngày trung đội về Darkto, Nguyễn Xuân ra khỏi tăng xê, ông chóa mắt. Đỉnh núi sáng gương. Đỉnh núi mới mẻ tươi như không phải ngọn núi ông thường trông thấy. Một chuỗi bùa Kà Tha xanh đỏ lấp lánh treo ngang núi. Viên chuẩn úy say mê ngắm cho đến lúc cầu vòng ngũ sắc tan biến vào dải mây chưa khô lượn dưới gầm nắng.

*

Chuẩn úy Xuân làm tình lần đầu tiên trên căn gác dần tôn của nhà thổ. Ông thôi sợ, nhưng kích thích ham muốn tột bựt. Viên chuẩn úy nằm đè lên mình con điếm. Ông chống hai tay như hít đất. Mỗi khi thả người ấn xuống ông đếm như vẫn thường làm ở trường võ khoa. Thông thường đến hai trăm ông ngừng lại để thở, rồi lại tiếp tục. Xuân làm tình say mê, ông không ra khỏi nhà thổ, ở suốt tuần với điếm. Ông làm tình suốt buổi sáng, suốt buổi trưa, suốt buổi chiều và cả buổi tối. Mồ hôi ông chảy tháo, hai bắp chân săn, hai bắp tay trở nên rắn, thân thể nở. Ông không còn là viên chuẩn úy nhỏ bé da trắng nhụy cúc. Lắm lúc Xuân thực tập bài tập đâm lưỡi lê của quân trường và cảm thấy thoả mãn. Con điếm cắn chuỗi bùa Kà Tha kêu những tiếng Miên tục tiểu. Đại úy Mai phải cho lính gọi ông trở ra tiền đồn.

Thằng Ngân chết trong hẻm núi *Thanh Xuân*. Một tháng sau Nguyễn Xuân hãy còn nghe nó gọi ông suốt đêm. Thằng Ngân rên giữa rừng. Giọng trong trẻo, kêu la, lúc khóc, khi ai oán, khi kể lể và gọi tên Nguyễn Xuân. Viên chuẩn úy lùa lính khỏi đồn, rừng núi hoang vu, xác thằng Ngân biến mất. Mưa núi lạnh lẽo, đêm kín bưng, chuẩn úy Xuân run rẩy về hầm. Buổi chiều thằng Ngân vào hẻm *Thanh Xuân* tìm bướm đạp mìn, du kích buộc nhử ở bìa rừng. Thượng Chey không cho Nguyễn Xuân dẫn lính rời đồn. Suốt đêm thằng Ngân rên. Suốt đêm thượng Chey tấn cửa. Nguyễn Xuân nổi điên. Tiền đồn vây chính ông. Bãi mìn định hướng chực nổ. Rào kẽm gai tủa. Lựu đạn trái sáng. Đôi mắt thượng Chey sắc nhọn. Nguyễn Xuân phát cuồng trong tăng xê. Ông vẽ gương mặt thằng Ngân lúc sống. Vẽ đôi mắt cố thiếu úy Loan

lúc chết. Vẽ những quả táo, những dẫy bao cát chồng chất và ngọn núi. Nguyễn Xuân uống xăng phun lửa. Ông khà lửa ra ngoài kẻ hở châu mai đốt rừng. Đám cháy lan khắp triền núi. Lửa nhảy múa. Đến sáng gương mặt kẻ nhìn Nguyễn Xuân xanh nhớt.

Đứa con gái cắn bùa Kà Tha kêu đau. Nguyễn Xuân lật nó nằm xấp. Ông làm tình hung bạo. Con điếm không ngớt la. Nguyễn Xuân hung hãn. Ông trông thấy mảng lưng ngăm của đám lính Miên, trông thấy gương mặt thằng Ngân rên.

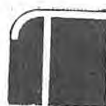
Tiểu đoàn phóng ra cuộc hành quân lớn. Bốn đại đội quần núi. Đại úy Mai quát tháo ở bộ chỉ huy. Đám lính tan vào cỏ tranh. Nguyễn Xuân theo dấu vết thượng Chey. Cánh rừng đan lưới. Những giây mây buông tứ phía. Rừng gai cứa áo trận rách bươm. Ngọn núi chạy theo bước chân Nguyễn Xuân dẫm trên đất. Ông tra đạn. Bóng thượng Chey rõ, mất, rồi lại hiện ở chân núi. Gốc mai rừng vàng hoe. Nguyễn Xuân vãi đạn. Ông bắn tới tấp giữa lưng áo cho đến lúc nhận ra vừa chặt gốc mai. Thượng Chey biến vào hẻm *Thanh Xuân*. Sườn núi san sát. Nguyễn Xuân chạy giữa hai vách núi xô đẩy. Ông trông thấy gương mặt gã khổng lồ sau kẻ lá. Một sóng mũi gẫy, chiếc cằm thô, bóng thượng Chey băng băng. Núi lăn, rừng chạy. Núi đồi chuyển động trôi những gốc đài dương bám giầy Nguyễn Xuân. Ông phát quang bằng lựu đạn lân tinh. Ngọn núi kêu rú. Tiếng nổ ầm phát lửa. Nguyễn Xuân nghe tiếng chân thượng Chey vang dội, tiếng ù ù của trực thăng quần, tiếng những quả táo Mỹ bắn túa xuống rừng rớt chung quanh. Xuân cảm giác ông không thể chết, bất tử. Ông phóng nhịp nhàng như con báo. Hai bắp đùi Xuân dẻo dai kỳ lạ, ông tung mình qua những mô đất, thoắt trên một phiến đá, thu mình cạnh gốc cây, trườn qua những rễ rừng. Ánh mắt ngọn núi rõ dần dần. Một lúc Nguyễn Xuân ngỡ bắn hạ thượng Chey, ông đến gần nhận ra xác hoãng. Dốc núi thẳng. Nguyễn Xuân trèo. Ông kéo cơ bẩm bắn tưới lúc không còn thấy vách núi trước mắt. Dẫy núi gầm, những nhánh dương gẫy. Khói tan, Nguyễn Xuân chợt nhận ra đỉnh núi biến mất, chung quanh trống trải chỉ có những đám mây trôi và thung lũng bát ngát.

Cố thiếu úy Nguyễn Xuân chết trong trận đánh.

Kết

Ngọn núi qua mùa khô chảy hết nước trắng trong. Tiền đồn trở lại mưa lũ ngày chuẩn úy Thế Hương, tốt nghiệp liên trường võ khoa về nhận trung đội 1. Viên chuẩn úy mới trẻ, trắng nhụy cúc.

TRẦN VŨ
17/11/95



TRẦN SA

tôi già bằng vũ trụ

Ẩn sau những khổ đau um tùm tăm tối kia
Là một cánh cửa bé nhỏ
Tình cờ bước qua
Tôi nhìn thấy một bầu trời khác lạ
Những cánh đồng bao la
Những con đường chạy dài vô tận
Mỗi sắc màu mỗi hương vị âm thanh
Là mỗi một tình yêu
Thốt chẳng bằng lời

Nơi suối trong
Tôi bỗng nhận ra mình đã từng là nước
Mình đã từng là mây là những giọt mưa
Từng là đá cát cỏ cây muông thú
Từng là những hạt mầm
Tôi bỗng nhận ra
Mình đã từng trải qua muôn vàn sự sống
Trước và sau cuộc biến ảo làm người

Tôi đã nhận ra
Xưa tôi từng là những đóa hoa
Em đã từng là ong bướm
Xưa tôi là cách chim
Em là nhành lúa chín
Nhớ gì không?
Tiền kiếp ta đã vì nhau đến ngần nào
Kiếp này ta đã đợi nhau biết bao lâu

Giờ khắc này ta vẫn còn hò hẹn
Kiếp sau tiếp tục yêu nhau

Ẩn sau những khổ đau um tùm tăm tối kia
Là một cánh cửa bé nhỏ
Mở chiếc khăn bịt mắt ra
Tôi thấy những đàn dê trắng mộng trên trời

Và tôi đã thấy ra
Mình sẽ mãi là nước
Sẽ mãi là mây là những giọt mưa
Sẽ mãi là đá cát là hạt mầm là cỏ hoa là muông thú
Sẽ mãi là muôn vàn sự sống
Không ngừng
Không bao giờ ngừng

Tôi già bằng vũ trụ
Tôi trẻ như tình yêu
Mãi mãi vẫn cùng em rong chơi trong thời gian
Không bắt đầu - Không chấm dứt

TRẦN SA



ĐỖ QUANG NGHĨA

xin bố tha tội cho con

Con đã viết về những người đàn ông con yêu và yêu con,
những người đàn bà nhỏ bé và khờ dại như con.
Con đã viết về những ban trưa mây trắng lang thang và vô định như con
Con đã viết về đứa con bé nhỏ mà con gửi lại nơi bố
Nhưng bố ơi, đến tận giờ con mới viết về bố
Và bố ơi, có thể sẽ không bao giờ con gửi cho bố
Xin bố tha tội cho con!

Xin bố tha cho con tội đã oán giận bố mẹ sinh ra con
để con phải đói ăn phải khổ sở
Ép buộc con phải học suốt những tháng ngày vất vả
Trước các môn văn, toán, trước tất cả
Rằng phải "thắt lưng buộc bụng, không "lóc ngắn cắn dài",
Rằng "người ta hoa đất", và "bao giờ cũng có ngày mai"

Xin bố tha cho con, con đã không muốn bố có thêm
một người đàn bà khi mẹ con mất sớm
Con đã từng có những ngày muốn có một cái áo mới
một đôi guốc mới khi bố quanh năm mặc đồ bảo hộ lao động
Bố đã không mua cho bố một chén nước chè vào buổi sáng
Còn con thì lại đứng ăn kem với bạn lúc tan trường
Xin bố tha tội cho con!

Xin bố tha tội cho con đã cho bố là sớm lẩm cẩm
Khi bố đi may một cái áo mới và gấp cẩn thận cất trong tủ
Ngày tết lại nấu canh dưa với tóp mỡ
Lo đổi tiền mới đi mừng tuổi trẻ con
Bố tìm mua cho con cuốn tự điển giá bằng cả tháng lương
Củ su hào chia đôi ăn hai bữa
Bố thích ăn cay nhưng quả ớt tươi cũng không mua bảo rằng quên
Và con khi lớn lên bao lần đi chợ cũng quên quả ớt tươi cho bố
Xin bố tha tội cho con!

Xin bố tha tội cho con!
Đứa con gái bố thường kêu là bướng bỉnh
Đứa con gái vẫn thường tị nạnh
Rằng bố thương chị hơn, bố dành cho chị bao nhiêu lo toan
Còn con thì bố để tự xoay xỏa.

Năm tháng trôi qua
Cũng qua rồi những ngày xưa khốn khổ
Nhưng nỗi vất vả thì không qua
Con đi xa
Bố già rồi lại giúp con nuôi cháu.
Bố không muốn chúng con đi (con biết!)
Nhưng bố không ngăn con theo chồng.
Bố bảo "đàn bà thời nay như đò dọc xuôi dòng
chứ chẳng phải như câu ca dao xưa là bến đỗ"
Bố bảo "âu cũng là cái số".

Xin bố tha tội cho con!
Con không mang lại cho bố được một cuộc đời thanh thản
Dù con có gửi tiền về.
Bố dành tất cho cháu
Còn bố vẫn chia củ su hào thành hai nửa dành ăn một ngày hai bữa.

Xin bố tha tội cho con!

ĐỖ QUANG NGHĨA



TRẦN HOÀI THƯ

ngày thanh niên

• Tưởng nhớ Nguyễn Tất Nhiên, Vũ Hữu Định



Tôi đã có mặt tại thành phố cao nguyên xa lạ này như một định mệnh. Bỗng dưng một buổi sáng, tôi thấy tôi lê chiếc giày mòn rách, và bộ quần áo độc nhất còn lại trên người, để lang thang trên vỉa hè phố lạ, trên những con đường đất đỏ mà châu thân thì bật lên run rẩy trước những cơn gió hung bạo thổi qua những lũng những đồi. Tôi đã nhìn rõ ràng nơi tôi lưu xứ. Không một người thân quen. Không một mái nhà trú ẩn. Không một ánh mắt tình thân. Mỗi bước giày của tôi in trên những vũng bùn đặc sệt, nặng trĩu và mỏi mòn. Khi đứng giữa chốn đông người, mắt tôi thử nhìn trời nhìn đất. Những vách tường đỏ sậm. Những hàng cây muồng rợp hoa vàng. Những hàng ngâu rợp bông tim tím. Bãi cỏ trong mùa mưa, mềm và xanh mượt... Những lối đi lạnh lùng và xa lạ. Những người Thượng lưng gùi, lưng cõng như những người con Do Thái. Tôi nuốt nước bọt. Tôi thèm một chỗ ngồi. Mắt tôi lại bị choáng ngợp bởi tháp chuông giáo đường. Và hàng rào sắt phủ ngập giàn hoa giấy tím sậm, hồng nhạt hay trắng bạch. Còn nữa. Còn những băng đá dưới bóng một cây cổ thụ xum xuê cành lá. May mà còn một chỗ cuối cùng.

Tại sao tôi lại mê đắm cùng thế giới của tháp chuông, những khung kính tím vàng xanh đỏ lung linh phản chiếu cùng những tia nắng còn sót lại của hoàng hôn. Có lẽ ở trên quả địa cầu thù hận này, chỉ có những nơi như thế, con người mới quì xuống và bỏ qua những bắn giết, nghi ngờ xâu xé, phân tranh. Có phải vậy không? Tôi hỏi và bước vào sân giáo đường. Bãi cỏ xanh

mịn như thảm nhung. Giàn hoa giấy phủ rợp vách nhà thờ, leo lên tận mái ngói. Lầu chuông cổ kính và âm u. Tôi nhìn chúng với nỗi si mê thật kỳ lạ. Và cả lòng nhà thờ kia nữa. Trong ấy, bóng mờ mờ từ những ngọn nến trên bàn thờ và vị linh mục trong bộ lễ phục tôn giáo màu trắng viền đen, một mình quì trước bục. Phòng giảng quá chừng quạnh hiu. Những băng ghế dài trống vắng. Tôi lại thèm một chỗ nằm. "Giá mình được nằm trên đấy thì hạnh phúc biết bao." Ao ước. Cứ ao ước hoài. May ra còn băng đá này. Tôi ngồi xuống, lưng dựa vào thành băng, hai chân duỗi thẳng, và mắt nhắm lại cố tìm một giấc ngủ.

Và nếu có ai nhìn tôi, chắc họ nghĩ đến một tên vô gia cư vô nghề nghiệp cũng nên. Quả vậy, với chiếc quần jean màu xanh nước biển, chiếc áo Pull và đôi giày xin của một tay vô danh nào đó, cả tuần lễ không thay, đã chứng minh điều ấy. Nếu họ hiểu hơn họ sẽ biết tôi là một tên luân lạc nhất thế gian. Hôm qua tôi còn ở tại một thành phố biển thì hôm nay tôi đã có mặt tại thành phố núi. Còn hôm kia, hôm kìa tôi đã theo lũ bạn lang thang ở một quận lỵ thơ mộng nào đó. Còn nơi gọi là mái nhà thì ở đâu cũng vậy. Trên mui xe đò hay trên bãi biển. Ngoài hiên chùa hay trong nhà chợ. Bởi bây giờ tôi còn gì. Tuổi trẻ của tôi cũng bị nhân danh này nọ chiếm đoạt. May mà còn những nơi chốn để tôi nương thân chờ đợi hòa bình. Tương lai, danh vọng, tiền tài chỉ còn có bấy nhiêu. Nhưng có một thứ mà tôi phải tự hào, là con tim của tôi. Tôi đang nuôi dưỡng nó. Người ta đang miệt mài cơm áo, còn tôi đang vun bồi thiên nhiên, trời đất, kể cả nỗi cô đơn vào nó, như những nụ hoa bất diệt của một người thi sĩ.

Thế rồi tôi ngủ quên cho đến khi tiếng chuông nhà thờ ngân vang lên từng hồi. Mở mắt dậy, tôi đã thấy cả bầu trời xám xịt, báo hiệu một trận mưa sắp đến. Buổi chiều hình như rụng xuống mau hơn, và gió núi hình như nổi lên lồng lộng hơn trước. Rồi cơn mưa cuồng nộ đổ ào xuống. Trong thinh không là cả một biển mưa gào thét lẫn cùng sấm và sét. Cả người tôi dầm dề nước. Tôi chạy bừa vào lòng giáo đường, ngồi ngay trên băng ghế mà run rẩy. Hai hàm răng bắt đầu đánh cầm cập, tôi cố kìm cơn run nhưng không làm sao cưỡng chống. Tôi chẳng khác một con bệnh sốt rét. Rồi tự dưng đầu óc tôi lại hoa lên, chát chúa bởi những chiếc búa nặng bủa mạnh. Có lẽ cơn bệnh cũ lại tái diễn. Cơn bệnh kết quả từ bụi đời, nhà thổ, rượu chè, hay những đêm nằm trên nghĩa địa mộ mới mộ cũ để xứng đáng làm trai thời loạn. Tôi cắn răng như cắn cả đường gân máu. "Không hề gì. Đâu có nghĩa lý gì, đời sống, bóng mây, con tim..." Tôi nói với tôi, dỗ dành tôi. Nhưng tôi đã thua cuộc. Tôi đã biết trước được điều đó. Có lẽ tôi sắp ngã. Nhưng khi tôi ngã xuống, văng vẳng tiếng kêu hốt hoảng: "Lạy Chúa. Ông ơi. Ông có sao không? " Rồi trên trán tôi, chừng như có một bàn tay êm ái, áp nhẹ. Tôi lại nghe cả một mùi hương kỳ bí tỏa đến. Rõ ràng như một cơn mơ... Rõ ràng Quỳnh đã đến bên tôi, áp bàn tay nàng lên trán tôi...

Rồi sau đó, không biết bao lâu tôi dần dần hồi tỉnh. Đầu tiên tôi thấy lại

những ngọn nến hồng, lất phất trước những cơn gió lọt vào nhà thờ. Sau cùng, tôi thấy cả đám người đang bu quanh tôi. Mà nổi bật nhất là một nữ tu. Tai tôi lại nghe tiếng reo của nàng: "Kìa. Ông ta đã tỉnh rồi. Lạy Chúa, con mừng quá". Soeur đã vui mừng nói với vị linh mục. Vị linh mục đã đáp lời của soeur: "Cha cũng hết sức vui mừng. Dù sao, có một tai nạn trong nhà thờ, cha cũng chịu phần nào trách nhiệm". Ngừng một lát rồi ông nói tiếp: "Con xem, thời đại bây giờ đã xuống vực thẳm rồi. Chỗ thiêng liêng bọn trẻ cũng tìm đến để tự tử". Nhưng người nữ tu đã vội đáp: "Thưa cha, con xem ông ta không có ý ấy. Chắc ông ta bị sốt. Con thấy đầu ông nóng như lửa... " Nhưng tôi đã bật dậy. Cho dù đầu óc tôi vẫn còn bị hành hạ kinh khủng. Cho dù thân thể tôi vẫn còn tê cắt bởi bộ quần áo dầm dề nước. Tôi cố gắng đứng lên, tay vịn vào thành ghế, nhìn chăm vào mắt của vị linh mục: "Thưa Cha, Cha đã hiểu lầm tôi. Nhưng không sao, miễn Chúa và soeur hiểu tôi là được. Tôi xin từ giã cha, từ giã soeur..." Tôi nói chưa hết lời, thì soeur đã hốt hoảng thốt lên: "Trời còn mưa như thác làm sao ông đi được? Xem chừng trong mình ông còn yếu lắm." Tôi nhìn đôi mắt mà tôi nghĩ là chúng đã chứa đựng cả một trời bao dung, thánh thiện của những tấm lòng sống để phục vụ cho tha nhân. Đôi mắt ánh lên niềm lo lắng bên cạnh sự dịu dàng mà từ lâu tôi đã đánh mất. Tôi đã tự thề là coi đời này là cõi tạm, áo cơm buồn muốn khóc. Tôi đâu cần gì ở chốn trần gian này. Tôi là một con người, và con người cần những thức ăn khác hơn loài vật. Cái đẹp. Cái đau khổ. Nỗi hạnh phúc. Thiên nhiên trời xanh mây trắng. *Ta thấy lòng đau ta ngửa tay*. Cứ khinh tôi đi, cứ đạp tôi xuống bùn đi dù nhờ tôi em được thăng hoa thần thánh, dù em trần tục nhưng em cũng được một chỗ đứng trong lòng thế gian. Và soeur ơi, nếu tôi còn sống, tôi sẽ mang theo hình ảnh soeur để nuôi dưỡng nâng niu trong những ngày còn lại. Và cũng vì vậy tôi mới nói thật tha thiết: "Cám ơn soeur, đời tôi đã quen. Quen cả cái chết nữa. Xin cảm ơn soeur đã cứu sống tôi." Thế rồi, tôi lao ra ngoài mưa gió. Tôi bước đi ương ngạnh, bất cần. Trời đất tối mù mịt. Hàng đèn đường bị nhòa nhạt trong màn mưa.

Ngày đầu tiên của tôi tại thành phố núi là như thế. Tôi đã bị đánh quị bởi thiên nhiên và cơm áo, trong khi tôi thì bê tha, buông xuôi số phận cho định mệnh. Tôi chẳng cần suy tính một đêm không có nhà, một ngày không có cà phê thuốc lá, một chiếc áo ấm chống đỡ cùng cái rét buốt của miền núi. Túi tôi chỉ còn vài đồng bạc lẻ cho một gói thuốc. Và bây giờ sự thật là đây. Như vũng bùn đất đỏ bám dính chặc vào đế giày. Như cơn mưa miền núi hung bạo. Và cả lời xua đuổi của vị linh mục. *May mà có em*, tôi bắt chước nhà thơ Vũ Hữu Định để nói về một bông hoa tuyệt vời, làm đẹp cho đời, cho quả đất, cho triệu triệu kiếp nhân sinh trong vòng tục lụy. *May mà có em đời còn dễ thương*... Tôi không dám xúc phạm đến một người đã hy sinh đời mình cho Chúa, nhưng rõ ràng tôi đã mang theo cùng tôi một đôi mắt quá chừng yêu dấu, một bóng hình tựa như sương khói, một gương mặt vô cùng thánh khiết. Và khi nhìn những người áo trắng dịu dàng bước qua cửa thánh, tay lần tràng

hạt chuỗi, tay làm dấu thánh giá, thì tôi lại càng nhớ đến một người... Phải, tôi bắt đầu nhớ một người. Người đã áp bàn tay mềm mại lên trên vầng trán nóng bỏng của tôi. Người đã lo âu cùng tôi. Người đã cuống cuồng vì tôi. Người dấu cả xác thân trần gian để tôi phải sợ một lần phạm tội. Hương thơm từ vườn hoa ngoài nhà thờ bay thoảng vào, hay là từ một cõi thánh, để tôi phải rưng rưng nước mắt. Tôi không phải là kẻ anh hùng cớ sao bắt tôi làm một anh hùng. Tôi không muốn tham dự vào cuộc chơi sao lại bắt tôi chơi một trò chơi mà tôi không thích. Tôi đâu cần cái xã hội này. Cha mẹ tôi cho tôi ra đời, mặc nhiên tôi là một núm ruột của Thượng Đế, khi Ngài hà hơi ban sự sống cho loài người. Tôi phải được quyền hưởng tất cả những gì mà Thượng Đế ban phát, chớ không phải từ con người. Thượng Đế ban phát quá nhiều. Tôi cuống cuồng nhận. Ngài cho người nữ, tôi si dại cảm tạ Ngài. Ngài cho một thiên nhiên tôi tri ân Ngài nằm trên rơm cỏ. Tôi không cửa không nhà bởi vì tôi đã có mái nhà của Thượng Đế. Và bây giờ Ngài lại cho tôi một soeur đến cùng cõi lầm than của tôi.

Và chiều nay, tôi lại bỏ núi trở về cố hương. Bác tôi già nua, mái tóc trắng tựa bông lau, sững sờ nhìn thằng cháu tha phương lưu lạc trở về. Rồi chừng như thương hại bác khóc òa, kể lể. Bà không hiểu con tim của thằng cháu. Bà không nghĩ cuộc đời này là một cơn mộng ảo, hơn nữa, như một áng mây bay qua giữa bầu trời. Bà chỉ biết xét đến cái dáng tiều tụy, cái già nua trước tuổi, vết nhăn cằn sâu trên trán, bộ quần áo rách rưới. Bà không hiểu tôi đang sống với thi ca, mà thi ca thì vượt lên trên những hệ lụy thường tình. Bà khóc: "Cháu ơi, sao cháu lại ra nông nỗi này. Bộ cháu khổ lắm sao ?" Tôi cảm động như muốn rưng nước mắt: "Không bác à". Bà lại nhìn lên đầu tóc của tôi: "Coi kìa, tóc con bắt đầu bạc rồi. Này, con phải ở đây với bác. Không được đi đâu nữa đấy". Tôi cười, hứa: "Dạ con sẽ ở lại, con hết còn muốn lang bạt nữa rồi". Bác lại trách yêu: "Ngày còn nhỏ, con hay trốn về nhà ga, theo con tàu đi Ninh Hòa... Chân con không bao giờ chịu đứng yên một chỗ đâu. Bác biết ngày mai con sẽ bỏ bác ra đi..." Tôi giấu nỗi xúc động, trước những lời trách dịu dàng của bác. Căn nhà cũ, chiếc bàn thờ trống vắng, sân nhà quạnh hiu. Tôi thú thật với bác: "Bây giờ con không còn ham cái con tàu ấy nữa. Con chỉ cần một chiếc giường và một ngày hai bữa cơm..."

Nhưng chiều nay, căn bệnh ác nghiệt của ngày cũ lại bủa chụp lấy tôi như một tai vạ thường trực. Tôi đã nói người tôi bây giờ như một cây sậy bệnh hoạn mà. Đầu óc tôi lại bốc lửa ngùn ngụt. Và từng nhát búa cứ nện lên đầu tôi. Tôi đã mắc cái chứng bệnh từ những đêm nằm trên nghĩa địa, hơi sương, hơi đất tích đọng sẵn trong gân cốt, máu huyết của tôi, chờ dịp hành hạ. Đầu tôi hoa, tôi cố gắng lắm mới chụp lấy thành bàn. Bác tôi la hốt hoảng. Bà dìu tôi đến giường. Tôi thở hổn hển. Nhưng giữa lúc ấy, chừng như một làn hương cũ thoảng về, để tôi phải nằm yên. Rồi tôi thấy cả một bóng trắng đang chập chờn trước mắt tôi. Hay là Quỳnh. Rồi bàn tay ai đã đặt nhẹ lên trán tôi. Thật hay là mơ. Không, đó chỉ là một cơn mơ. Một cơn mơ trong một buổi chiều

mưa bão, đã để lại nỗi dịu dàng của đời sống và sự dấu yêu của những tâm hồn áo trắng... Tôi đã vùng dậy, chồm bắt cái áo trắng ấy. Tôi sợ con bướm kia bay đi biền biệt. Nhưng sự thật, tôi lại phạm thêm một tội nữa. Thì ra bóng trắng ấy là dì tôi, có mặt bên tôi lúc nào không hay.

Thêm một lần nữa tôi lại được gặp những tâm hồn áo trắng. Bây giờ, không phải là một chiều dông bão để tôi còn được dịp vào khuôn viên giáo đường mà hồi tưởng lại một hình bóng người xưa. Bởi bây giờ đêm thì tối quá, mà tôi thì lạnh quá. Mưa thì vần vũ cho một đêm cuối năm, và những con thú người đang cố mang trên cổ cái ách của lịch sử - những bè gỗ, những thân tràm - như căn phần của một miền Nam thất trận. Trên bờ là những ánh đèn pin chọc thủng cả lòng sông. Thiên nhiên cây cỏ, trời xanh mây trắng giờ cũng đã vỡ vụn tan tành. Ngay cả chú sóc lông mượt màu nâu cũng phải cuống cuồng chạy trốn. Ngay cả những cây tràm con mảnh mai bên những cây tràm mẹ cũng phải khổ lụy. Ngày xưa tôi tìm đến rừng như một nơi nương tựa thì bây giờ tôi lại tìm đến rừng, để chặt, để đốn, để quần quại cùng rừng. Người thi sĩ bất cần dạo nào, nay không được phép bất cần nữa. Nhưng làm sao họ có thể cấm tôi được trở thành một thi sĩ. Chao ơi, lòng tôi cứa đau, đau đến khùng điên như một vầng trăng tưới xuống quả địa cầu những cơn mưa máu. Con tim tôi nức nở cùng một mảnh trời không đủ màu xanh. Tôi ứa nước mắt khi nhìn những người con gái biết nỗi buồn rất sớm. Những sợi tóc mai kia không có tôi chiêm ngưỡng làm sao em cảm nhận tuổi ngọc, tuổi hồng. Em không biết tôi câm nín suốt ngày suốt đêm, viết không dám viết, thở không dám thở, quay quắt trên chiếc giường lót bằng lau cỏ. Ừ thì cái nghiệp phải trả. May vẫn còn hơi thở để mà hổn hển với đời. May vẫn còn con tim để đập thêm cùng nhịp đập của đất nước. May vẫn còn có người nào, đứng ở trên tu viện, nhìn xuống chúng tôi. May mà còn Núi Sọ với chiếc thập tự giá như một bến bờ ân sủng. *May mà có em đời còn dễ thương*. Phải, may mà có em. Em từ trong bóng tối, trên ấy. Chắc đôi mắt em long lanh lệ. Chắc em đang lần tràng hạt mân côi. Chắc em sẽ phải quì xuống, mắt sẽ nhắm lại: Lạy Chúa, Lạy Đức Mẹ, lạy ngàn phương, triệu triệu vì sao, hằng hà hạt cát, ức ức hơi thở của muôn loài. Em ở trên ấy, từ một tinh cầu rất xa, hay từ một địa ngục rất gần... Em thấy tôi không? Tôi đang nằm dưới hiên nhà đây. Muôn loài sinh linh lặn ngụp, đói lạnh, co quắp, thở không ra hơi. Chân tôi đau quá. Thân tôi cũng vậy. Ngày xưa, tôi còn có một chỗ để trốn cơn mưa bão. Nhưng chừ, dù mưa bão dữ dội gấp trăm ngàn lần, tôi vẫn không còn một chỗ dung thân.

Đây là đâu. Xóm Đạo hay là Xóm Mồ, Xóm Mả. Lạy Chúa, xin Ngài ban cho con sức mạnh, để hai chân còn bước đi dưới nước, để hai tay con còn khoác mạnh, để cả người con chồm về phía trước thay vì dội lại về phía sau. Ngọn Núi Sọ thấy cận kề cớ sao đường đi đến thì cách xa vạn dặm. Ngày xưa Người chịu đóng đinh, máu từ lỗ đóng chảy tuôn thành dòng cũng vì nhân loại. Ngày nay, tôi không bị đóng, nhưng bị tròng vào cái ách của ma quỉ sa

tăng. Tôi là thi sĩ, cơn đau những giọt máu kia, nhưng tôi không thể cảm nhận bằng chính nỗi đau của chính tôi và bè bạn. Như đêm nay, chân tôi đi khập khểnh vì mảnh chai hay cái cọc tràm nào ở dưới đáy giòng kinh. Đây là đâu. Ngọn đồi Núi Sọ không còn thấy như ngày xưa để tôi còn biết về một xóm Đạo, về một tu viện của các soeur, và ngôi trường đạo mà chúng tôi trú tạm qua đêm. Đêm dậy hương từ những hàng ngâu hàng sứ. Đêm quá êm và quá trong sạch. Tôi đã hết lạnh rồi. Tôi đã hết thao thức dằn vặt rồi. Tôi đã hết quay quắt rồi. Giờ chỉ còn có mỗi một mình tôi trên sân tu viện. Tôi tìm băng đá, ngồi yên. Nhưng tôi bỗng nghe tiếng động rất gần. Một giọng nói hối hả: Mẹ là mẹ bề trên tại Dòng Tu này. Mẹ thấy con đi khập khểnh, biết rằng con cần thuốc. Con hãy nhận ít thuốc men mẹ tặng. Mẹ cũng mang ra cho anh em con một ít đồ ăn... Sau đó mẹ bề trên biến mất. Bà không kịp cho tôi nói lời cảm tạ.

TRẦN HOÀI THƯ



ĐỖ QUYÊN

những nơi, những người *...

Những đêm...
Những ngày...
Đã bao đứa trẻ sinh ra
Tôi không phải là cha.

Vũ, Tiến, Lân, Vân... Tháp Eiffel,
Khải Hoàn Môn... Tường, Long, Đức, Hùng...
Paris là mộng đang thành thực
ơi sông Seine, em có mấy dòng?

Ta tìm chi dài mãi những năm
lá rơi đâu đọng sắc bên thềm,
thư người tình phụ sao phai được!
nắng xém tay cho má thêm hồng.

Ta mang chủ nghĩa vào bữa tiệc
khăn ăn trắng muốt bẩn hai lần
rượi khai vị làm thư tối hậu
máu có trào cho lệ thôi rơi?

Ta thấy hình nhân tổ tiên mình
vần lên từng phiến đá lặng thinh
mà đây là kinh-thành-ánh-sáng
nên lắm miền vẫn mãi u minh.

Ta nôn nửa đời lên tay bạn
sải cả thân này đo đất đây
nửa tuần trăng đợi trăm hò hẹn
Paris đêm có thực hơn ngày?

Ta về nơi ta vẫn thường về
lạc vài lần trong một bùa mê
phòng tranh không khép hờ cho gió
vạch đẫm đường ngang một tiếng thề.

ta giận những hạt mưa bất cập
trên ngón tay ai lay gọi những chiều
các tòa nhà ngàn năm đứng đợi
trái tim ngồi khóc với mình.

Ta theo Năn Cửa Ô tìm đường xứ lạ
Ba Mươi Sáu Phố Phường ơi, đừng ước gọi Bụt về!
cứ lần theo nắng, theo mây ấy
trái đất này tròn nguyên.

Ta tới khu Latin xưa và Saint Denis nay
song song tồn tại
các thượng tầng và hạ tầng kiến trúc
vòm nóc Đại Học Sorbonne và vồng ngực các cô gái đứng đợi.

Ta gọi về Em những đêm lạc lối, trễ tàu...
thương đau ơi, hãy đợi những ngày mai
nửa tuần trăng còn lại...

Ta như gặp được cái ngõ hẻm xưa có bà đồng nát
hay đứng ăn bún chả,
những vòi nước xưa - nơi hẹn của tuổi thơ.
trải ngang những khu phố Tàu
ta gặp bên kia dòng Bến Hải

Ta - giữa phố xá, cửa hiệu Paris - lắm khi giật mình:
thấy ta trong gương lại tưởng kẻ nào giống mình đến vậy!
(Tại sao con người ta có thể quên mình?)

Ta trong Versailles với Petrograd
Vương cung nào cũng một sắc hào
Các thế hệ ra vào đây vẫn biết
vạn xác người ánh một vì sao.

Ta thấy giữa đại lộ Champs Elysées chiều cạn nắng
Hai cổng vòm muốn ngút vào tim
người ta bảo khi đêm giao thừa tới
về đây những kẻ thừa tình

Ta xuôi ngược hơn những lần xuôi ngược
bến đời này liệu có ướt chân?
phải làm khách đúng vào ngày giỗ Mẹ
mắt tìm xa thành một nén hương câm.

Ta có sinh nhật cũng tại trung-tâm-nhân-loại
tuổi bốn mươi qua hai chuyến tàu điện ngầm
lúc lão ăn mày đếm các đồng xu hạnh phúc,
lúc một cặp tình nhân chia môi.

Ta hỏi: "Nơi này, Thơ vẫn còn sống được?
và Nhạc? và Tranh? Như dăm thế kỷ trước..."
người cười, rót thêm chén khác:
"Uống đi! Làm khách sướng nhất rồi!"

Ta tới đây cũng là thay mẹ, cha và những người đã khuất
chót biết câu "Đến Paris rồi hãy chết!"
đêm. Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà
mang hình hài phương Đông

Ta ghi âm được cả tá băng,
chụp hình kín hơn mười cuộn
đem về chất vào kho kỷ niệm
kỷ niệm đầy tiếng ngân.

Ta không vô tình nhớ đến Chế Lan Viên
hai mươi năm... để thấy điều ngược lại:
bởi tấm lòng những thi nhân,
bởi những trang thơ mà thế gian hẹp lại!
tháp Eiffel cao một tầm nhìn.

ĐỖ QUYÊN
(Hoechsstadt 13-16.9.1995)

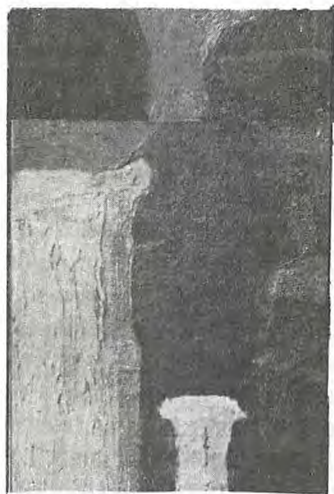
---

* Chương Hai, trường ca "Paris, Nửa Tuần Trăng"



VÕ ĐÌNH

bức tranh vẽ mãi không rồi



Tôi từng gặp họa sĩ Khánh Trường hai lần. Lần đầu trong một buổi gặp mặt thân hữu năm 1990 ở California. Lần sau, năm 1992, cũng trong lúc có đông đảo các bạn khác ở Canada. Từ đó đến nay chưa gặp lại. Chỉ đôi ba lần liên lạc với nhau, một cách vội vã ngắn gọn, qua điện thoại và thư từ.

Nói rõ ra, ông KT và tôi không biết nhau nhiều, không "thân", không "đi lại". Ấy mà chúng tôi lại cùng chia sẻ đôi điều hiếm hoi: chúng tôi là những người cầm cọ vẽ mà chúng tôi cũng là những người yêu cầm bút viết. Ông KT thua tôi về tuổi tác nhưng hơn tôi ở chỗ ngoài vẽ và viết còn có sức gồng mình vất vả mấy năm nay với nghiệp làm báo. Càng vất vả vì báo của ông lại là báo văn học nghệ thuật.

Họa phẩm KT, tôi chỉ được biết qua năm ba bức tranh in lại. Nhưng tôi nghĩ rằng ông say mê hội họa hết mình vì một bài viết của chính ông, *Bức Tranh Không bao Giờ Vẽ* (Hợp Lưu số 10, tháng 4 & 5, năm 1993), bài viết ông tặng họa sĩ Rừng. Đọc bài viết đó, thấy rõ là ông KT thật lòng yêu hội họa. Tôi nói vậy vì tôi biết có khá nhiều người tuy rằng tiếng gọi là họa sĩ nhưng chẳng thấy thiết tha cho lắm với hội họa. Thường xuyên cầm cọ, sử dụng màu sắc, sản xuất những cái gọi là họa phẩm, không nhất thiết là có một tấm lòng yêu mãnh liệt và sâu xa hội họa.

Đọc bài đó cũng thấy rõ ông KT có nhiều khổ tâm về hội họa. Ông bứt rứt băn khoăn về cái vẽ. Ông vất vả tìm tòi. *"Mấy mươi năm, đã vài trăm bức tranh được vẽ, đã gấp đôi gấp ba số tranh ấy là những phác thảo, về đủ mọi đề tài" (...) "Vẽ một góc phố hoang tịch trong màu chiều với các chi tiết đặc thù như thế nào khó khăn gì, nhất là đề tài từng bám rễ trong đầu suốt thời gian dài,*

đến thuộc lòng, đến có thể đưa lên khung bố từng nhát màu, ở từng vị trí mà không cần nhiều đắn đo cân nhắc". "Những cái chưa vẽ, hoặc sẽ không bao giờ vẽ, sẽ mãi mãi là nỗi ám ảnh triền miên trong đầu của mỗi họa sĩ. Nó là phần sâu kín nằm dưới đáy tiềm thức dù đã được biểu hiện cụ thể qua vài hình ảnh nào đó". Nổi bật trong bài viết của KT là ý niệm của ông về người họa sĩ chiêm nghiệm, tìm tòi, tiến dần về cái thấy của mình, nhưng rồi tìm mãi, đi mãi, nghĩa là trầy vi tróc vảy mãi, *rốt cuộc, bức tranh chưa vẽ hoặc sẽ không bao giờ vẽ mãi mãi là niềm khát vọng khôn nguôi. Và bởi mang lấy nghiệp vào thân, hắn không ngừng tìm cách lấp đầy khát vọng đó bằng hành động đày ải chính mình, giữa một vòng tròn khép: vẽ, tìm kiếm - tìm kiến, vẽ - vẽ, tìm kiến. Cứ thế, từ buổi đầu chập chững "vọc sơn" cho đến lúc tay run mắt mờ, hắn không thể không nhận ra sự thật buồn bã này: Những cái hắn vẽ chỉ là những bản nháp, những phác thảo cho một tác phẩm nào đó của tương lai.*"

Đến đây, phải nói là tôi "có vấn đề" với ông KT.

Trong một bài viết trước đây ba năm, tôi có ví cái công việc sáng tạo với quá trình... thụ thai và sinh nở của người nữ. Bây giờ tôi hãy nói thêm: không phải cứ phận làm mẹ mang nặng đẻ đau thì rồi đâu vào đó, mẹ tròn con vuông, vui vẻ cả nhà. Sáng tác gia, biết bao người mang nặng đẻ đau nhưng không phải ai cũng được may mắn suông sẻ. Đẻ non, đẻ ngược, đẻ con tật nguyền, đẻ con tử sản. Có khi con không hề hấn gì thì mẹ lại vượt cạn muôn trùng hiểm nguy: băng huyết, hậu sản, tử vong, v.v...! Ông KT "*không ngừng tìm cách lấp đầy khát vọng*" sanh đứa con lý tưởng (vẽ bức tranh chưa vẽ) "*bằng hành động đày ải chính mình giữa một vòng tròn khép*".

Tôi thương ông vất vả như tôi thương tất cả những ai đeo đuổi công việc sáng tác từng nếm mùi cay đắng, thất bại, khổ đau. Nhưng tôi cũng "có vấn đề" với ông vì tôi nghĩ rằng chính ông là người đang làm khổ lấy mình. Tôi không đề nghị ông chấm dứt công việc bất tận "*vẽ, tìm kiếm - tìm kiếm, vẽ - vẽ, tìm kiếm*". Tôi chỉ muốn nói về một cái nhìn khác.

*

Tôi sinh trưởng ở cố đô Huế. Chế ngự kho tàng hình ảnh trong trí nhớ thời niên thiếu là thành quách đền đài, chùa chiền miếu mạo. Nhớ về quê hương là nhớ về những cảnh tượng hùng vĩ thâm u, là nhớ đến cái không khí đoan nghiêm cẩn mật. Từ cửa Ngọ Môn sừng sững uy nghi cho đến ngôi miếu nát trong khu vườn hoang lạnh. Từ chùa Thiên Mụ trên đồi cao quang tĩnh cho đến những cái "trang" nhỏ nằm rải rác chốn bụi bờ. Ấn tượng sâu đậm của một thế giới với nhiều màu sắc vốn rực rỡ nhưng đã phai nhòa, những bày biện huê dạng nhưng đổ nát. Quá khứ có mặt ở đây, hương sắc mà điêu tàn, cao sang mà áo não. Có lẽ vì thế mà ở tuổi mười bốn mười lăm tôi đã yêu mê yêu mệt câu thơ Huy Cận: *Trên thành son nhạt chiều tê cúi đầu.*

Cái "*thành son nhạt*" kia không phải chỉ là bóng dáng rơi rớt của chốn thần

kinh, nơi chôn nhau cắt rốn của bản thân tôi. Xa cách quê hương từng lục địa, từng đại dương, người họa sĩ trẻ mấy chục năm về trước đã lắm lúc, cọ vẽ trong tay, thả hồn về thành Qui Nhơn, trấn Gia Định, về năm cửa ô Hà Nội, những nơi chốn chưa bao giờ thấy tận mắt. Cũng như mấy chục năm sau ở Paris, một Trần Vũ tưởng tượng ra những mái ngói âm dương "*phố cổ Hội An*", người họa sĩ trẻ năm xưa đã có lúc hình dung Lạc Long Quân, mắt sáng như sao ngồi cạnh bà Âu Cơ nghiêng nghiêng mặt ngọc... Rồi có khi nghe tiếng hú vang trời, trống đồng dồn dập, khi thì thấy "*Non Kỳ quạnh quẽ trăng treo / Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò*"... "*Thành son nhạt*" uy nghi, lẫm liệt, mà cũng bi thiết, thê lương. "*Thành son nhạt*" là hình ảnh và sắc màu khai quật từ vô thức cộng đồng, sàng lọc, dũa mài, đẽo gọt, gắn ráp thành hình tượng, hình tượng cá biệt do tâm tư bản thân người nghệ sĩ mà lại biểu hiện sắc thái của cả một giống nòi.

Mấy chục năm trên đường lưu lạc hội họa, tôi đã "đi hoang" khá nhiều. ở Paris, tôi khoái cái duyện, cái "*joie de vivre*" của trường phái Paris. Ở New York tôi mê cái ngang tàng, cái bung phá của trường phái New York. Ở San Francisco, tôi chịu cái khúc chiết, cái khoan hòa của trường phái Bay Area. Nhưng ở đâu, đi đâu, tôi cũng nhớ về, khắc khoải nhớ về cái "thành son nhạt" kia. Đúng như KT đã viết trong bài nọ:

"*Tóm lại, nghệ thuật trước tiên và mãi mãi là chuyến tàu tốc hành vun vút tiến về tương lai, chạy xuyên qua nhiều cảnh thổ, nhưng luôn luôn được định hướng bởi hai đường ray là mạch ngầm chảy trong cơ thể. Mạch ngầm đó, cũng giống như mọi dòng chảy khác, tất nhiên phải khởi từ một nguồn cội. Đối với chúng ta, nguồn cội kia chẳng phải nơi chốn nào xa lạ: Việt Nam.*"

Ông KT viết như thế chứ chỉ qua vài họa phẩm của ông in lại thôi cũng dễ dàng thấy được ông không phải là một họa sĩ trong dòng "tình tự dân tộc" và "màu sắc quê hương", trong nghĩa khai thác những biểu tượng sáo mòn được đám đông yêu chuộng. Ông "*đã và còn khổ sở ngày đêm vì khát vọng thành tựu một bức tranh "để đời" vẫn nằm hoài trong dự tính!*". *Trong tâm tưởng ông, cái miếu hoang ở cuối* "*góc phố thoi thóp trong màu chiều nhá nhem*" là hình ảnh đọng lại trong tiềm thức của đứa con một "*dân tộc luôn triền miên trong chiến tranh, đói nghèo, và thù hận*". Và ông ước ao một ngày vẽ được trọn vẹn nỗi ám ảnh ấy.

Tôi nghĩ rằng nếu bức tranh KT vẽ bây giờ không (hay chưa) biểu hiện những nỗi ám ảnh của ông, bởi vì ông chưa "dọn mình" đầy đủ để những ám ảnh ấy có chỗ mà thoát thai. Nếu ông đã sẵn sàng mỗi khi cầm cọ chấm màu đưa lên mặt tranh, *đương nhiên* đó là lúc ông trở về với cái miếu hoang ở góc phố kia. Ông có thể vẽ bất cứ gì (đề tài) nhưng rốt cuộc ông chỉ vẽ những gì trong tâm tưởng (bút pháp). Bức tranh chỉ là một sản phẩm. Chính sự sống của cái vẽ mới là nghệ thuật. Và nghệ thuật thì luân lưu vô cùng. Với điều kiện là người nghệ sĩ chân thành hết mình trong sự sống của cái vẽ.

*

Đã từ lâu, lâu lắm, chẳng những tôi thôi không vẽ những gì vẫn được gọi là "tình tự dân tộc" và "màu sắc quê hương" mà tôi còn từ bỏ cả hình thể ngoại vật của một không gian ba chiều. Vậy mà mới hôm kia, một vạt màu trong bức tranh gần đây làm cho tôi ngẩn ngơ. Tôi không chủ tâm tạo thành vạt màu đó, vậy mà nó lại hiện ra, và bây giờ nó có mặt cùng tôi. Tôi sực nhớ, và tôi lục tìm được một số *Văn Học* cũ, có bài của Trần Vũ, trích dẫn một đoạn ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường (số 74, tháng 6 năm 1992):

"*Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem áo ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục với loại vải vân thưa, màu xanh tràm lộng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện*"? Ngẩn ngơ hồi lâu rồi tôi tự trả lời là tôi không biết, và tôi cũng chẳng cần biết.

Tôi chỉ biết rằng lúc tôi cầm cọ (hay dao, hay... đinh, dạo sau này tôi thường sử dụng một cây đinh lớn, loại dùng đóng máng nước, dài chừng mười lăm phân tây!) tôi sống hết mình, sống trọn vẹn, sống với tất cả ý thức và tâm thức, của chính tôi, sống với sự hiện hữu của những vật vô tri tôi có trong tay. Cứ như thế tôi vẽ, và những gì đã tạo tác nên tôi, những gì đem lại cho tôi hoang lạc và khổ đau, cấu xé và an tịnh, tất cả được thể hiện trùng trùng và phong vũ nội tâm chuyển hóa thành hình tượng. Những hình tượng không sao chép, không mô tả, không khuôn rập, không "Đông", không "Tây", không "cổ", không "kim", nhưng thật, thật và viên mãn tự thân. Cứ như thế, cái tôi nhỏ nhoi này làm tròn phận sự là chất liệu đã tạo nên dân tộc tôi, hơn thế nữa, tạo nên Con Người, như một khúc xoắn siêu vi DNA đã mang đủ trong mình tất cả bản sắc của một sinh vật toàn diện. Tôi không khát vọng một ngày nọ tôi sẽ vẽ được "bức tranh trong đầu". *Bởi vì ngày nào tôi cũng vẽ nó.*

Thay vì, như ông KT, dằn vật với một nỗi "*khát vọng khôn nguôn*" vì "*bức tranh không bao giờ vẽ*", tôi muốn nói rằng chúng ta, dù muốn dù không, luôn luôn vẽ bức tranh đó mỗi khi cầm cây cọ trong tay và vẽ hết mình. Không phải vẽ "*những chi tiết đặc thù" (...) từng bám rễ trong đầu suốt thời gian dài, đến thuộc lòng*. Mà là vẽ với tất cả con người của mình, tất cả tâm thức. Chúng ta đọc sách, thấy người xưa "ăn chay nằm đất", "đốt trầm hương", vân vân, để chuẩn bị đón nhận những gì cực kỳ trọng đại trong đời. Ngày nay, trước khi huơ tay vẽ lên khung tranh, thiển nghĩ chúng ta cũng nên sửa soạn cho một cuộc lên đường của thâm tâm. Có thể bức tranh được vẽ ra không chứa đựng những "*chi tiết đặc thù*" đã ám ảnh khôn nguôi người họa sĩ. Nhưng nhất định nó không phải là "*những bản nháp, những phác thảo cho một tác phẩm nào đó của tương lai*".

Dù muốn dù không, bức tranh được vẽ ra là hiện thân từ một sinh kiếp của "*bức tranh trong đầu*". Một hiện thân toàn vẹn. Không phải cho tương lai,

mà cho bây giờ. "*Tác phẩm nào đó của tương lai" hình thành mỗi lần bàn tay làm công việc vẽ. Từng nét, từng màu, từng hình tượng. Ví như tôi hít không khí vào buồng phổi, tôi thở, là cho bây giờ. Ngày mai, tháng sau, năm sau, tôi còn hiện hữu cũng là nhờ ở hơi thở hôm nay.*

*

Có người hỏi đại danh họa Pháp Edgar Degas khi nào thì biết rằng một bức tranh vẽ xong. Degas trả lời: không bao giờ xong. Vẽ hoài rồi đến lúc phải bỏ đi thôi. Degas dùng từ *abandonner*: từ bỏ, rời bỏ, bỏ bê, bỏ hoang, bỏ phế. Vẽ hoài rồi không tiếp tục nữa, không gọi là hoàn tất, phải dứt ngang, đoạn tuyệt, bỏ.

Nói vậy, chứ ai đã từng biết chiêm ngưỡng tranh Degas đều biết rằng họa phẩm của ông không phải là những công trình thiếu sót, hụt hơi. Nét bút Degas uyển chuyển, sắc bén, chính xác. Màu sắc Degas, nghệ thuật bố trí của Degas dung dị, viên mãn. Vậy sao lại có chuyện coi như chưa vẽ xong, mà lại bỏ, không vẽ tiếp? Giai thoại Dega này đã ám ảnh tôi trong bao năm trời, từ thuở còn ở tuổi hai mươi. Bây giờ thì tôi biết là tại làm sao. Thì ra cái vẽ nó không ở trong bức tranh, trong tấm vải, trong mảnh giấy. Cái vẽ nó nằm trong tâm mình. Khi cái tâm cho là đầy, là đủ, thì cái tranh được coi như hoàn tất. Nghĩa là đến lúc phải ngừng, phải "bỏ". Thêm nữa là thừa.

Có một cái gì nghe như phi lý ở đây: vẽ một bức tranh đến một lúc nào đó phải biết từ bỏ nó đi? Như thế mới có được "bức tranh vẽ mãi không rồi". Đúng vậy. Bởi vì "*bức tranh một ngày sẽ vẽ*", hay "*bức tranh không bao giờ vẽ*" là những ảo ảnh, những bức tranh ma. Chỉ "bức tranh vẽ mãi không rồi" mới là có thật.

Như đã nói ở trên, "tôi không đề nghị ông KT chấm dứt công việc bất tận: vẽ, tìm kiếm - tìm kiến, vẽ - vẽ, tìm kiếm". Tôi không đề nghị vì lẽ đương nhiên: *Không còn tìm kiến và làm việc (vẽ) người họa sĩ không còn sống với hội họa nữa.* Thủ công, trang trí là những nghệ thuật có giá trị riêng, và đáng yêu đáng kính nếu ở một trình độ cao. Trang trí như cổ Ai Cập, Ấn Độ, thủ công như Ba Tư, Thổ và ngay cả ở Đông Á, thủ công và trang trí truyền thống Nhật-Hoa, đã đạt đến siêu đẳng. Duy có điều mỉa mai: (Vẽ) trang trí ở trình độ cao trở thành hội họa, trong khi hội họa thấp kém chỉ còn là "trang trí". Hội họa không dẫm chân lên con đường mòn mặc dù hai bên đường có nhiều hoa thơm cỏ lạ. Hội họa đi tới và khám phá không ngừng.

Tuy rằng tôi không đề nghị ông KT thôi tìm kiếm, tôi vẫn thắc mắc về chuyện tìm kiếm cái gì, và tìm kiếm thế nào. Lẽ dĩ nhiên đây là thế giới riêng tư của mỗi nghệ sĩ, giống như quan niệm cá nhân về lý tưởng và hạnh phúc. Thế giới riêng tư này, chúng ta chỉ có thể trình bày, biểu lộ. Chúng ta không có quyền và không thể ép buộc người khác có cùng quan điểm và mục tiêu. Điều mà chúng ta có thể nhận định rõ ràng là hoàn cảnh chung, mẫu số

chung, của chúng ta. Hoàn cảnh đặc thù của những kẻ cầm cọ có cội nguồn và quá khứ ở Việt Nam, bất luận hiện đang ở trong hay ngoài nước. Hoàn cảnh đó có những sắc thái và điều kiện đặc thù mang tính quyết định về sự chọn lựa hướng đi của chúng ta. *Con không chê cha khó, chó không chê chủ nghèo*. Chúng ta không thể, và không muốn, thoát ra khỏi định mệnh đó.

Chúng ta cầm cọ vẽ dưới sức nặng khủng khiếp của năm trăm năm hội họa Tây phương và gấp đôi thời gian đó hội họa Trung Quốc. Cho nên chúng ta không có cách gì sáng tạo, nói cách khác, cấu tác một hiện hữu khác của chính ta mà không phải là ta, nếu chúng ta không biết rõ chính mình. Tôi muốn nói rằng đó mới thực sự là tìm kiếm. Sự tìm kiếm thông thường - bút pháp, kỹ thuật - chỉ là kết quả của sự tìm kiếm bản thân. Picasso, sinh trưởng ở Tây Ban Nha, sống và vẽ suốt đời ở Pháp, từng nói: "*Je ne cherche pas, je trouve*". Ý rằng tôi không *tìm kiếm* chi cả, tôi *tìm được* thôi à! Chúng ta không dễ gì nói được câu đó. Chúng ta còn phải tìm kiến dài dài. Tìm kiến với tất cả sự kiên nhẫn và an nhiên. Không uất hận. Không thành kiến. Không mặc cảm. Và quan trọng hơn cả, không gian lận. Chúng ta ưa nói rằng nước Việt Nam ta có 4.000 năm văn hiến. Nếu trái đất và nhân loại còn hiện hữu 4.000 năm nữa, chúng ta còn có những 4.000 năm để những thế hệ tương lai tha hồ thẩm định và phê phán sự tìm kiến của chúng ta.

*

Cũng ở trong đại gia đình cầm cọ, tôi đọc bài của ông KT và tôi cảm thương, muốn đưa ra một cái nhìn khác. Tôi không nghĩ là khó hiểu nếu cái nhìn này chỉ có giá trị với tôi mà thôi và không giúp ích được gì cho người khác. Không khó hiểu nhưng vẫn là đáng tiếc.

Ở đây không có vấn đề đúng hay sai. Ở đây chỉ có người họa sĩ đối diện với chính mình. Một mình trong phòng vẽ, cách biệt với tất cả, người họa sĩ có thể coi khung vải (hay tờ giấy, tấm gỗ...) trước mặt như một vật thể trong không gian. Có sự chờ đợi và thách đố. Giản dị hơn, anh hay chị ta cũng có thể lặng lẽ coi đó như một tấm gương. Một tấm gương lớn phản chiếu toàn thân.

VÕ ĐÌNH
(VII-1995)



HOÀNG NGỌC BIÊN

marc chagall
nghĩ về một chuyến trở về
(KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY MARC CHAGALL RA ĐỜI)



Marc Chagall (1897-1985)

Một chuyến trở về, bởi vì đây không phải chuyến trở về duy nhất. Năm 1973, sau năm mươi năm xa quê hương, Marc Chagall đã được mời về dự triển lãm tranh ở phòng trưng bày Tretiakhov, Mạc Tư Khoa. Người họa sĩ Pháp gốc Nga đã xúc động và làm người xem xúc động với một bộ tranh in litho về Maiakovski và một trăm tranh vẽ khác tất cả sau khi trưng bày đã được đem tặng cho Viện Mỹ Thuật Pushkin. Chuyến trở về ấy, bằng xương bằng thịt, đã để lại một dấu ấn sâu đậm trong mười hai năm sau cùng của cuộc đời nhà danh họa- mặc dù trái với mơ ước *được nhìn lại và dạo chơi giữa thành phố tuổi thơ của mình,* lần ấy ông đã không trở về Vitebsk, vì lẽ duy nhất là thành phố đã bị tàn phá thời chiến tranh, nay xây dựng lại thực tế là không còn giống như trong những kỷ niệm vẫn làm nguồn cảm hứng sáng tác nghệ thuật của ông.

Trở về Mạc Tư Khoa lần ấy với Chagall là trở về với cội nguồn, với tuổi thơ có phố nhỏ Prokhovskaia, với những năm tháng hoạt động nghệ thuật và xã hội, với Bella người vợ đầu tiên, với thời niên thiếu sôi động những ngày đầu cách mạng đẹp đẽ, những vui buồn của cuộc sống xã hội non trẻ đang định hình cái thời đã có người thắc mắc tại sao trong tranh ông con bò cái này màu xanh, con ngựa kia có thể bay trên trời...- với những kỷ niệm mà ông

đã chọn lựa sẽ muôn đời thủy chung...

Chagall rời nước Nga năm 1910, 23 tuổi. Ông đến Paris nhờ được một người bảo trợ nghệ thuật, sau thời gian học vẽ tại Viện Mỹ thuật hoàng gia Petersbourg (1908) và làm việc với Bakst. Với một người gốc Do Thái sống dưới thời Nga Hoàng, đến Paris năm 1910 có nghĩa là khám phá tự do. Với một họa sĩ Nga, Paris là một cuộc chinh phục màu sắc: thời ấy các họa sĩ dã thú ở đây sử dụng các ống sơn dầu y như những vỏ chất nổ! Ông đã gọi Paris là "thành phố-tự do", như Paris sau đó đã gọi ông là "họa sĩ-nhà thơ". Kết bạn với Cendrars, Apollinaire, Delaunay, Midigliani, Max Jacob..., trường phái lập thể đã chỉ cho ông sự nghiêm khắc của đường nét, và số tranh ông vẽ thời đó (triển lãm thành công ở Berlin 1914, với một bài thơ làm tựa của Apollinaire) đã quyến rũ không ít các họa sĩ biểu hiện Đức. "Tôi và Làng", "Người đánh xe hàng thánh thiện", "Gửi nước Nga..." của ông phảng phất những kỷ niệm vùng Đông Nga cổ kính: ảnh hưởng cấu trúc lập thể có lộ rõ ở bố cục, thế nhưng nền tranh và mặt người luôn được vẽ với màu vàng óng của tranh thánh. *Tôi sống mà vẫn ngoảnh mặt với những gì có trước mặt mình... Tham dự cuộc cách mạng kỹ thuật duy nhất trong hội họa ở Pháp, lòng tôi vẫn hướng về quê hương...*

Gần gũi trường phái Paris và được các họa sĩ siêu thực thời ấy coi là tiên phong của phái mình, Chagall vẫn luôn luôn là một người đứng riêng lẻ, một họa sĩ Nga. trở về quê hương năm 1914 và cưới vợ một năm sau đó, hoạt động đáng để ý nhất của ông, ngoài vẽ tranh và triển lãm, nằm trong quãng thời gian ông tham gia Cách Mạng Tháng Mười bên cạnh Lunatcharski với tư cách là Ủy viên mỹ thuật ở Vitebsk (nơi Malevitch từng dạy học). *Nếu cách mạng ở trong trái tim và trên đường phố, thì nghệ thuật chắc chắn sẽ đi theo.*

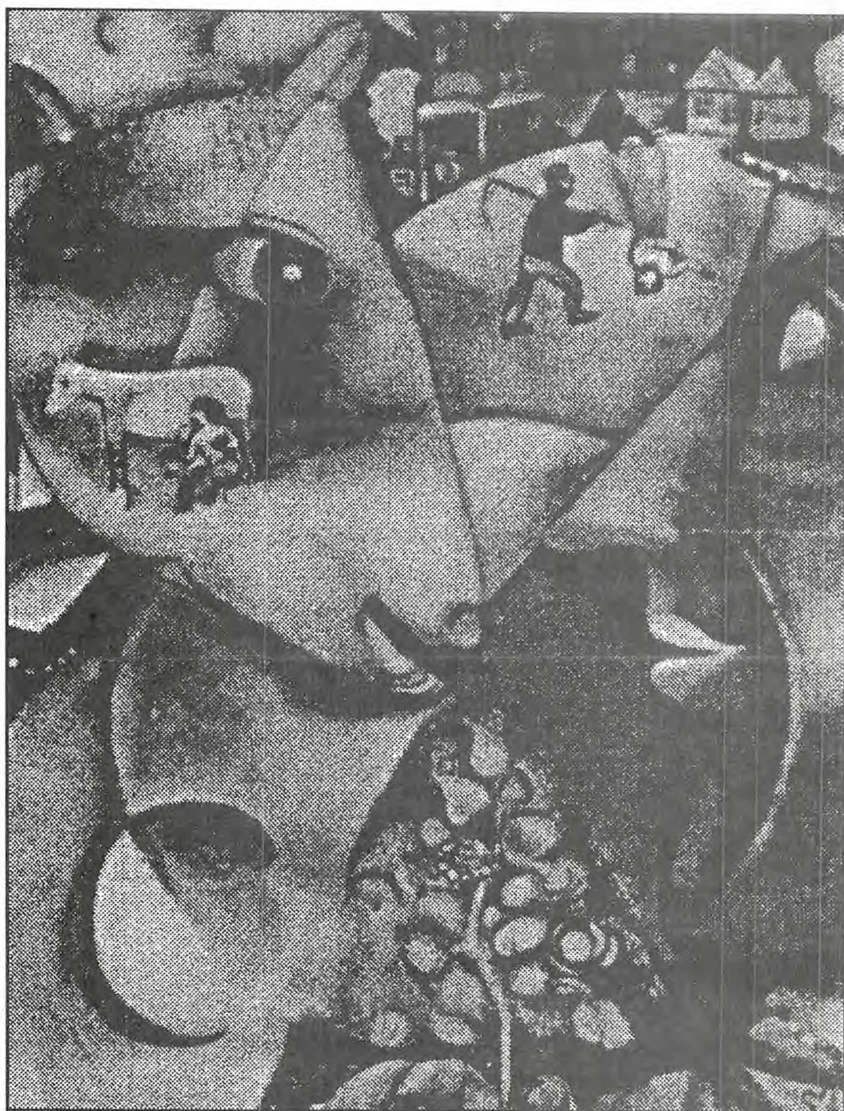
Phần cuối cuốn "Đời tôi", Chagall có viết: *"Tôi đã chán làm giáo sư, chán làm hiệu trưởng. Tôi muốn vẽ tranh. Tất cả tranh vẽ trước chiến tranh của tôi đều nằm lại ở berlin và ở Paris, xưởng vẽ của tôi đầy dẫy những phác thảo và tranh vẽ chưa xong đang đợi tôi."* Năm 1922, cũng như Kandinsky và một số họa sĩ khác, ông rời quê hương lần thứ hai và đến Paris năm sau đó. *Tôi đến Paris lần này cũng để học. Và sau đó thì khó trở về...* Đây là thời kỳ nở hoa của tài năng ông. Mặc dù các họa sĩ siêu thực hết lòng lôi cuốn ông Breton cho rằng "không thể có gì thần diệu hơn tranh Chagall"- lần nữa ông lại vẫn chứng tỏ chỉ đứng một mình, hướng về một quá khứ, một quê hương. Tranh minh họa ("Những linh hồn chết" - Gogol) và tranh sáng tác của ông lúc này vẫn bàng bạc một không khí Nga dân gian: từ những ngôi làng, chiếc cầu, khúc sông thuyền đậu, đến cái bàn cái ghế, những cô gái biểu diễn ngựa, những người nhào lộn, những cặp tình nhân hạnh phúc bồng bềnh trôi trên mái nhà, rồi chim, rồi hoa, rồi thú... tất cả làm thành một thế giới Chagall, thế giới của tuổi thơ, thế giới của kỷ niệm và sự đùa vui phóng khoáng - cả trong kỹ thuật người xem tranh cũng đã nhận ra những đường nét của biểu hiện bên cạnh những cái nháy mắt tinh nghịch của lập thể, có phản phất một

dấu ấn dã thú. "Nhà thơ, hay Ba giờ rưỡi chiều" chẳng hạn, có thể được coi là một thí dụ điển hình. Biểu hiện, lập thể, dã thú mà vẫn như khước từ lối trừu tượng trí thức hóa để trở về với phong cách thi vị, gây cảm xúc; tự giải phóng khỏi mối lo phải tuân thủ những luật phối cảnh cổ điển mà vẫn gần gũi với đời sống: chọn lựa của Chagall rõ ràng là nhất thiết không giam mình trong một chủ nghĩa nào, một trường phái nào, không sắp hàng theo những hệ thống phân loại thường tình của hội họa. Không thích chứa "chất văn học", cũng không thích chứa "chất trang trí", tranh ông vẽ rốt cuộc lại rực rỡ cùng lúc dáng vẻ cả hai, và rực rỡ một cách hết sức hồn nhiên.

Từ năm 1931, cảm hứng của ông bắt nguồn từ Kinh Thánh: với ông những vị ngôn sứ chính là những nhà thơ đầu tiên. *Những nhân vật trong Kinh Thánh có phần nào giống cha tôi, ông tôi, là những người phát ngôn y như vị ngôn sứ Elie.* Thế nên tất cả những tác phẩm của Chagall sau này trưng bày tại Nhà Bảo Tàng Louvre (6. 1967) rõ ràng đều bắt nguồn từ trong Tân Ước và Cựu Ước mà ông vẫn xem chỉ là một. *Tôi tin sự thật của Kinh Thánh như tôi tin sự thật của Mozart... Tôi nghiêng mình trước Kinh Thánh như tôi nghiêng mình trước Watteau...*

Trong kinh thánh, ông nhận ra cả một lịch sử sâu đậm chưa từng có, được dành cho những giấc mơ của loài người, niềm an ủi, sự dịu dàng và lòng thiện rất cần thiết cho họ. Những nhân vật trong Kinh Thánh, những khúc Nhã Ca ấy, người ta có thể nghe thấy trên những tranh vẽ những người yêu nhau bay la đà trên thành phố, những ngọn đèn đường biết đi, những con cá nhạc sĩ. Tranh Chagall bắt đầu đã được gọi là "những tấm thảm bay" trong truyện cổ tích, thế nhưng trong thế giới Cựu Ước ấy, người xem tranh phát hiện vô số ám chỉ những xung đột của thời hiện đại. Phía sau con gà màu đỏ Chagall dang cựa trước những bụi gai, những hình ảnh đóng đinh... - cùng với bầu không khí có vẻ vui nhộn và náo nhiệt của màu sắc và âm thanh Chagall - người xem tranh thấy hiển hiện một cái gì rõ ràng u buồn và ảm đạm, bi kịch mà nhiều nhà phê bình khẳng định là đã xuất phát từ những cuộc hành trình diệt chủng những năm 40 (và từ cái chết của Bella người vợ yêu quí), và từ cả những biến cố gần hơn, sau đó, ở Trung Đông. *Tại sao loài người là một phần của thiên nhiên lại bị buộc phải phá sản?... Tôi nhìn chung quanh chúng ta và tôi tự nhủ: loài vật không phá sản...*

Tôi muốn đem lại một thứ nghệ thuật của mặt đất, không chỉ của cái đầu... Khi tôi cho, tôi cảm thấy mình tự do hơn. Thế là bước vào kỹ thuật làm kính ghép màu, để đem lại thứ "nghệ thuật của mặt đất" ấy, ông đã sáng tác và thực hiện không công cho ngôi giáo đường Metz ở Lorraine, và bước vào nghệ thuật hoành tráng ông cũng đã làm như vậy với trần nhà Nhà Hát Đại Ca Kịch Paris cho Bộ Văn Hóa Pháp thay cái cổ điển nửa mùa của trần nhà cũ bằng *cái của Chagall*, như đề nghị của André Malraux. Kinh Thánh là chủ đề của tranh ghép kính của ông. *Đó là tuổi thơ của tôi. Tôi đã được nuôi dưỡng bởi cha tôi và Kinh Thánh. Trong những bố cục hoành tráng ở Metz, tôi*



Mac Chagall, Tôi Và Làng, *1914, 75½" X 6",*
Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại, New York

đã vẽ thú và người, trộn lộn những mô-típ cây cỏ, sử dụng những hình ảnh dân gian. Trong tranh vẽ, trong hội họa, tôi là người kể chuyện. Ngọn nguồn sáng tạo của tôi, ngoài Kinh Thánh, còn có Shakespeare, Dostoievski, Gogol, Cervantes... Về sau, ngoài nhiều tranh thảm mà số lớn được trưng bày ở Nhà Triển Lãm quốc gia nghệ thuật tranh thảm (1976) nằm trong khuôn viên

giáo đường Beauvais, vẫn bằng nghệ thuật ghép kính màu, ta còn nghe nói tới tác phẩm "Hòa Bình" đặt ở tòa nhà Liên Hiệp Quốc ở New York, tranh ghép kính ở ngôi giáo đường *gothique* Beauvais, tranh ghép mảnh cho Nhà Trưng bày Nghệ thuật của Tổ chức Marguerite và Aimé Maeght ở Saint-Paul-de-Vence (1968) gần Nice được coi như đền đài của nghệ thuật hiện đại- và tranh ghép của Trung tâm nghệ thuật Lincoln ở New York (1975) và củ Viện Bảo Tàng mang chính tên nhà danh họa, ở Nice.

Chagall từng đặt chân lên nhiều nước ở Châu Âu như Ba Lan, Đức..., và từng sống ở Mỹ và Mexico gần sáu năm theo lời mời của Nhà Bảo Tàng Nghệ thuật Hiện đại. Đi đâu thì xưởng vẽ la Ruche ở Paris với ông vẫn là nơi cố hương nơi để ông trở về đặt lưng xuống chiêm nghiệm những vùng đất đã tới, những con người đã gặp. Từ chỗ cố hương này ông đã ôm ấp một thế giới riêng, trong đó bắt buộc phải có một cái xe trượt tuyết bay, một cuộc khiêu vũ trong ngày Sabbath, một chú lừa, hai người lái buôn súc vật, ba con dê, bốn tay nhào lộn, năm chiếc đàn vĩ cầm, sáu vị tiên, bảy con bò cái, những cặp tình nhân ôm nhau và những dãy nhà gỗ của nông dân Nga chạy dài đến vô tận... Cố hương? Hẳn là thế, bởi vì tuổi già đã không cho phép ông xê dịch, không cho phép ông thay đổi cả một nếp sống để trở về Vitebsk dạo chơi trên đường phố Prokhovskaia cũ - nơi ông từng học những bài học vẽ đầu tiên trong đời, cũng là nơi tuổi thanh niên ông đã từng sống những biến cố cách mạng, từng tham gia chiến đấu bên cạnh những đồng bào.

Cách nay mười năm Chagall đã nhắm mắt vĩnh viễn. Cùng với những tác phẩm đa dạng của mình : tranh, tượng, gốm, thảm, tranh ghép kính màu, tranh ghép mảnh..., ông đã để lại kỷ niệm của một con người duy nhất của thế hệ mình từng chứng minh những nguyên tắc của xu hướng biểu hiện có thể phiên dịch nội tâm, hạnh phúc cũng như bất hạnh - người duy nhất từng kiên trì cho thấy là ở thế kỷ 20 này, thế giới thần diệu không bắt buộc và không cần thiết phải mang dáng vóc kinh khủng dữ tợn.

Chagall có lần gọi những tranh vẽ của mình là những tư liệu. Chuyến trở về quê hương Nga đang chuyển mình đổi mới hai năm sau khi ông qua đời chỉ có những *tư liệu* ấy. Ngày 2.9.1987, Viện Bảo tàng Mỹ thuật quốc gia Pushkin đã khai mạc phòng trưng bày qui mô các tác phẩm tiêu biểu nhất của Chagall nhân kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của ông. Người Nga đứng trước những màu sắc từ hơn ba phần tư thế kỷ nay Nga vẫn còn Nga chắc hẳn không khỏi rùng mình thấy thương vô cùng con người chung thủy ấy, con người lòng không ngớt sóng gió mà mắt vẫn luôn nhăn nhúm một nụ cười buồn tinh quái, trong sáng, dịu dàng - những thứ đã làm nên những bức tranh táo bạo nhất của thế kỷ này.

HOÀNG NGỌC BIÊN



LÊ THỊ THẮM VÂN

việt nam, ngày tôi trở về

Về, về lại Việt Nam
sau hai mươi năm sống xa, xa như tuổi thơ
Người đàn ông ngồi cạnh trên máy bay đã nói với tôi đủ thứ chuyện.
Nhưng tôi chỉ nhớ một câu, đủ để lòng phấn khởi, thêm chút tự tin:
"Việt Nam của cô giờ được nhìn như một quốc gia,
không chỉ là cuộc chiến.

*

Việt Nam, ngày tôi trở về
Tai không còn nghe tiếng đạn bom; còi hụ giới nghiêm;
tin tức chiến trường; Khánh Ly hát "... người chết hai lần..."
Mắt không còn nhìn thấy ánh hỏa châu trong đêm; kẽm gai nhọn hoắc;
màu xanh áo lính; mẹ già ôm con ngồi khóc.
Và không gian thôi phảng phất mùi nhang khói.

*

Việt Nam, ngày tôi trở về
Người biến thành thây ma,
lang thang, vất vưởng, bầy đàn.
Sống phô bày bản năng thời tiền sử.
Thời gian dừng lại cả ngàn năm.

*

Đàn ông,
Sau bao nhiêu năm cầm súng
Nay đất nước thanh bình
Bỗng trở thành phỗng đá.

Thanh niên,
sáng ngủ dậy súc miệng bằng beer
Đêm dỗ giấc ngủ bằng rượu
Ngày ngày cầm chặt điếu thuốc thay bút mực.

Bà già tám mươi,
Cổ gắn thanh sắt, lòng bàn chân bọc đồng
Đầu đội thúng, chân băng băng qua bốn phương tám hướng
Đổi bữa ăn lưng dạ.

Cô gái mười tám tuổi,
Màng trinh đã vá ba lần
Lần thứ tư bị lộ
khách thương gia Đài Loan chỉ trả nửa giá.

Bên lề đường
Đứa bé lên ba
Ngồi phùng mang trợn mắt
Rán rặn, rặn...
Một cục cứt
mà những hạt cơm vẫn còn nguyên

*

Việt Nam,
Ngày tôi trở về.
Bầu trời ban ngày vẫn xanh biêng biếc, mây trắng nõn bồng bềnh trôi.
Bầu trời ban đêm vẫn đan kết hàng ngàn vì sao lấp lánh, đẹp tuyệt vời.

*

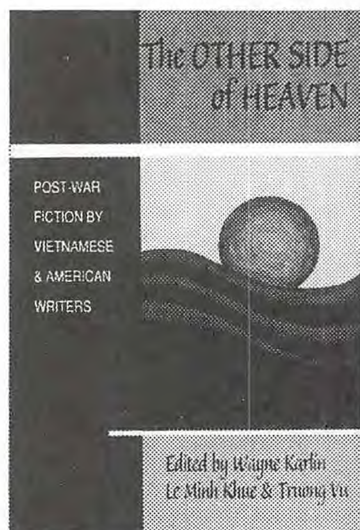
Và tôi, đứng sững nhìn tôi.

LÊ THỊ THẤM VÂN
8/95



WAYNE KARLIN

"phía bên kia thiên đường"



Ý định thực hiện tuyển tập này nảy ra sau cuộc gặp gỡ giữa hai người, hai kẻ thù cũ của hai mươi năm trước, đã có một thời từng chém giết nhau. Họ gặp nhau ở trường Đại Học Massachussetts, khi cùng tham gia chương trình với chủ đề "Chiến Tranh và Hậu Quả", được Trung Tâm William Jolner tổ chức. Chương trình có sự hiện diện của các nhà văn Mỹ đã từng tham gia vào chiến tranh mà chúng tôi gọi là "chiến tranh Việt Nam", trong khi những người bạn ở Bắc Việt gọi là "chiến tranh Mỹ". Hằng năm, chương trình được tổ chức với sự hiện diện của những nhà văn khác nhau.

Mùa Hạ năm 1993, nhận lời mời của Trung Tâm Jolner, tôi đến Boston dạy lớp viết văn, đồng thời tham dự vào những cuộc hội luận về ảnh hưởng của chiến tranh đối với văn chương và xã hội. Vì vậy tôi có cơ hội quen biết ba nhà văn Nguyễn Quang Thiều, Lê Minh Khuê và Hữu Thịnh. Chúng tôi chung sống với nhau, và cũng vào mùa Hạ đó, chúng tôi trở thành bạn thân. Trong thời gian chiến tranh chúng tôi căm phẫn nhau, sợ sệt nhau, sau khi chiến tranh chấm dứt, người lính Việt Nam cũng như Hoa Kỳ đều bị báo chí và điện ảnh biến thành những hình ảnh thần thoại, không thực tế. Khi chúng tôi nhận ra mình chỉ là những con người bình thường với tất cả những vui buồn của đời sống bình thường, thì một cảm tình mãnh liệt nổi bùng lên, để rồi nó nung nấu tình bạn chúng tôi. Nhà thơ George Evans có viết: "Chúng

tôi nhớ rằng, có một thời gian nào đó, chúng tôi đã phải giết nhau", để nói lên sự gặp gỡ giữa những nhà văn ở Boston. Khi nhận thức được là mình rất mến nhau, thì chúng tôi đều thức tỉnh, và cho rằng nếu chúng tôi đã giết được nhau trong những năm chiến tranh khốn khổ đó, thì chao ôi, khủng khiếp biết mấy! Chúng tôi bi ai, và cũng vì đó, chúng tôi nhìn nhau bằng cặp mắt khác hơn. Riêng cá nhân tôi, thì phút giây quan trọng đó xảy ra trong một buổi ăn sáng, khi tôi được biết là, từ năm mười lăm đến năm mười chín tuổi, chị Lê Minh Khuê đã là thanh niên xung phong Đường Mòn Hồ Chí Minh, đã từng phải di chuyển dưới một bầu trời mà bên trên, những người lính pháo thủ như tôi, trên trực thăng tìm bắn họ. Tôi nhớ lại hình ảnh thuở trước, bay trên rừng rậm, tê liệt bởi sợ sệt và hận thù, tôi tìm để giết cô; thì tôi nghĩ rằng lúc đó, cô cũng nhìn lên, cũng sợ sệt và hận thù, cũng để tìm tôi.

Giờ đây, chúng tôi nhìn nhau và nghĩ rằng, nếu chúng tôi đã giết nhau, thì phí phạm biết mấy. Sau hai mươi năm chiến tranh, chúng tôi mới thực sự thấy rõ nhau, không bị màn đen của rừng rậm hay màu xám xịt của chiếc trực thăng che lấp. Chúng tôi thấy rõ hơn thân phận của mỗi người. Quyển sách từ đó ra đời.

Chúng tôi, nhà văn từ hai nước Việt Mỹ, đến Trung Tâm Jolner để chia sẻ tấm lòng của những người cầm bút, muốn dùng văn học làm chứng thư trình bày một đôi điều về hậu quả của những chọn lựa trong thời chiến tranh, cùng với những vết thương đáng rùng mình. Nhà thơ George Evans cũng đã viết: "Chúng tôi đã tàn phá thật nhiều, nên không còn đa cảm nữa. Những người bên trên và bên dưới khu rừng đó tìm giết tất cả những gì hiện ra trong tầm mắt mình. Chúng ta đều có tội. Không bao giờ có sự đắc thắng trọn vẹn trong chiến tranh, bởi vì mỗi chúng ta đều bị mất mát một chút gì". Nhận định này đã được nhà văn Bảo Ninh nêu lên: "Có thể là chính nghĩa đã chiến thắng, nhưng đồng thời khí tính độc ác, sự tan vỡ, vũ lực không nhân cách, và tử thần cũng đã thắng. Tan vỡ có thể hàn gắn lại, vết thương thân thể có thể lành, nhưng những vết thương tâm hồn sẽ luôn luôn kêu gào, và dễ gì chúng ta quên?" Chúng tôi trở thành nhà văn, không vì chúng tôi có khiếu, mà vì nếu chúng tôi không viết, nếu chúng tôi để nhân phẩm con người bị trấn áp bởi bạo lực, bởi phương tiện, bởi thói quen, thì chúng tôi sẽ tham gia vào cuộc giết hại phẩm giá con người. Chúng tôi cầm bút vì chúng tôi muốn mô tả một cách thật hay và thật cảm động khía cạnh phức tạp của con người, có lúc hiền hòa, có lúc lại rất ác độc. Nếu chúng tôi không diễn tả những nỗi buồn của chiến tranh, thì khác gì chúng tôi đã cống hiến tinh thần của mình, linh hồn của mình, cho tử thần.

Mùa Hạ đó, sau khi chúng tôi chia tay mỗi ngả, tôi nhận thấy cuộc họp mặt còn thiếu một cái gì. Năm 1993, chúng tôi có làm kỷ niệm hai mươi năm cuốn sách "Free Fire Zone". Đấy là tập truyện thứ nhất của các cựu chiến binh Hoa Kỳ mô tả về chiến tranh Việt Nam. Kỷ niệm hai mươi năm chiến tranh Việt Nam sắp tới, tôi đặt lên vấn đề, là sao mình không thực hiện một

tuyển tập tương tự, lần này có mặt của cả nhà văn Việt Nam? Ý tưởng đó thật hấp dẫn, và tôi đã liên lạc với chị Khuê để thực hiện tuyển tập, với mục đích hàn gắn vết thương cũ, tiến đến cảm thông, bởi vì tiếng khóc, nỗi đau vốn không có biên giới. Chúng tôi quyết định chọn lựa những truyện ngắn từ hai nước đã viết về tình hình hậu chiến. Điều cần thiết là những truyện ấy phải có giá trị văn chương, và cần nói lên được tổn hại của chiến tranh. Để cho cuốn sách có ý nghĩa hơn, thù lao sẽ được biếu cho nhà thương William Jolner ở Huế, một nhà thương do cựu chiến binh Mỹ yểm trợ.

Theo sự yêu cầu của Trung Tâm Jolner, Hội Nhà Văn Việt Nam đề cử Lê Minh Khuê làm cố vấn biên soạn. Bên này, tôi bắt tay vào việc. Tôi nghĩ rằng viết về chiến tranh Việt Nam mà không quan tâm đến tiếng nói, đến tâm tình, đến những vinh nhục của người Việt Nam lưu vong thì thật là một thiếu sót lớn lao. Không chỉ là thiếu sót, còn là sự bất công. Tôi cũng được biết rằng, ngoài một số ít sách do những người Việt trẻ viết bằng Anh ngữ, đa phần văn chương hải ngoại được viết bằng Việt ngữ. Tháng Chín năm 1993, tôi được gặp anh Trương Vũ, một con người can đảm, nhiều phẩm cách, và rất lịch sự. Chúng tôi cùng chia sẻ một vài quan niệm về văn chương. Chúng tôi muốn văn chương vượt thoát hận thù, nói lên bể khổ không ranh giới của con người, nói lên sự thật, và hàn gắn vết thương. Tình bạn giữa tôi và anh Trương Vũ sau đó đã làm giàu có hơn đời sống tôi.

Tìm được anh Trương Vũ, là tôi tìm được một người trọn vẹn mọi mặt. Bởi vì không những anh là một người Việt tinh túy, mà anh còn là một người Mỹ tinh túy nữa. Anh là người có nhiều ước vọng cho xã hội, và anh đang sống để xây dựng những ước mộng đó. Anh là cựu chiến binh QLVNCH, một người tị nạn trắng tay, trở thành kỹ sư không vận, một người rất yêu mến văn chương (theo lời anh thì những bài thơ anh rất ghét thời thơ ấu, đã trở thành những liều thuốc mạnh giúp anh vượt khỏi đời sống chiến tranh và ly hương), một học giả, và người biên soạn của tờ báo Đối Thoại, một diễn đàn đem lại tiếng nói của những nhà trí thức trong và ngoài nước.

Tuyển tập này bao gồm nhiều khía cạnh của chiến tranh: từ những cựu chiến binh Mỹ, Nam Việt, và Bắc Việt; những người muốn hàn gắn vết thương; cùng với những người không quên được hận thù. Các mẩu chuyện được chọn lọc trong "Phía bên kia thiên đường" không hẳn nói lên lập trường chính trị của cá nhân tôi. Không vì tôi nghĩ rằng chính trị không quan trọng, nhưng vì mục đích chính của tuyển tập này là phản ảnh những mảnh đời của cả ba phía sau một cuộc chiến tranh. Dù gì, thì chúng ta cũng phải chấp nhận là hận thù, chia rẽ, và đau xót của chiến tranh vẫn còn đấy, vẫn ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta.

Mùa Đông năm 1994, lần đầu tiên tôi trở về Việt Nam. Trong chuyến đi này, tôi thấy đất nước Việt Nam rõ rệt hơn, cũng như trong mùa Hạ 1993 tôi đã thấy rõ những người bạn Việt Nam của tôi hơn. Việt Nam không còn là đất nước của quá khứ, của ác mộng nữa, mà là một đất nước của những con

người. Trong hai tuần lễ đó, được sự cộng tác của chị Khuê, anh Hồ Anh Thái, và cô thông dịch viên Dao Kim Hoa, chúng tôi đã xin được phép của các nhà văn trong nước để in lại truyện của họ trong tuyển tập này.

Tuy bao gồm truyện ngắn của khá nhiều văn sĩ, tuyển tập rất nhất quán, như là một cuốn truyện dài, mà mỗi chương sách được giới thiệu bằng đoạn thơ của thi sĩ George Evans. Có những chương sách nói lên sự mất mát, nỗi đau khổ thể xác và tâm hồn của người phế binh, một chương khác dành cho những linh hồn không siêu thoát, chương nữa mô tả đến đời sống tha hương. Phần cuối đề tặng cho những người con của chiến tranh, những người vợ, người con đã phải gián tiếp bị ảnh hưởng vì chiến tranh. Tôi biết rằng người ta sẽ trách tôi, vì cuốn sách này không đề cập đến những người lành mạnh. Khi thực hiện tuyển tập này, tôi không muốn người ta có mãi mãi ấn tượng: những cựu chiến binh là những người đã thất bại, vì có rất nhiều người đã thành công trên đường đời. Nhưng chúng ta cũng không thể chối lại những thống kê là từ 27% đến 65% cựu chiến binh bị rối loạn thần kinh sau chấn thương. Một con số khá nhiều không thể sống chung với người thân, mà phải ly dị, ly thân, hoặc sống độc thân. Vào năm 1980 thì con số những cựu chiến binh chết sớm, tự vẫn, hay chết bất đắc kỳ tử lên rất cao. Nghĩ cho cùng, tôi không thể hình dung được sự đau khổ khốn cùng của một dân tộc đã mất hơn bốn vạn người. Khi chiến tranh kết thúc, thì 9 ngàn làng xóm Việt Nam tan vỡ, cùng với 25 triệu mẫu ruộng, 12 triệu mẫu rừng, và một triệu rưỡi thú vật cùng không sống sót. Việt Nam thời hậu chiến có 200 ngàn gái giang hồ, 879 ngàn trẻ mồ côi, 189 ngàn người tàn phế, và hơn một triệu góa phụ v.v... "Nếu muốn hiểu chuyện của tôi", Lê Minh Khuê đã viết, "thì anh phải hiểu được hoàn cảnh đau khổ trong chiến tranh của đất nước tôi."

Khi tôi sắp xếp các truyện ngắn, tôi rất ngạc nhiên, đúng ra thì tôi không nên ngạc nhiên - vì tuy những câu chuyện này ở ba phía, nhưng chủ đề lại rất giống nhau, để rồi cấu kết rất trôi chảy. Ward Just và Bảo Ninh, hai văn sĩ Hoa Kỳ và Bắc Việt, đều mô tả tâm thần của người cầm bút không quên đi chiến tranh. Người mẹ của truyện Nada mất người con tên Tony, thì trong truyện của Lê Minh Khuê, hai cha con Việt tìm được hài cốt của một người lính cũng tên là Tony. Trong truyện của Ngô Tự Lập và của Larry Heinemann, linh hồn của những người đã tử trận quan sát từ mỗi điểm nhỏ của đời sống mỏng manh của người còn sống cuối cùng của hai đại đội. Khi truyện của Nguyễn Mộng Giác nói lên cảnh hai người lính Nam Bắc, một người mù, một người bị mất đi ống chân, gặp nhau ở một quán cà phê nhỏ, thì trong một bệnh viện, hai người thương phế binh Hoa Kỳ, một trắng một đen, đã cởi mở với nhau. Còn khá nhiều điểm tương tợ như vậy nữa. Có rất nhiều sợi chỉ, như những tơ tằm cột chặt những khối truyện này. Và cái đó có gì là lạ: sự cay đắng của người chiến sĩ; đau khổ của mẹ già; tức giận của vợ khi thấy chồng mình đã mất đi một cá tính quan trọng của con người, tình yêu; và sau đó, nỗi đau buồn của một người con không may mắn lớn lên khi

vắng bóng cha vốn không có biên giới.

Rồi thì cuốn sách này có thay đổi được xã hội hay không? Đó là câu hỏi mà những người cầm bút, những người đã ngồi phía trên đường hầm đầy dẫy những bộ xương, phải hỏi. Ông Phillip Caputo tìm cách trả lời câu hỏi đó trong cuốn "A Rumor of War" như sau: "(Cuốn sách này)... Có thể giúp thế hệ sau khỏi chìm mình trong chiến tranh." Ông bỏ trống năm hàng, và sau im lặng đó, ông tiếp theo: "Nhưng tôi nghĩ là không." Ông hiểu được cái mê hoặc của chiến tranh, và chúng ta biết là ông nói đúng. Bởi vì chúng ta đang sống trong một thế kỷ đẫm máu nhất của lịch sử hoàn cầu, mà trong đó, vô vàn người đã cảnh cáo và cầu mong chúng ta sám hối về tội lỗi của mình. Nhưng chẳng thấy kết quả chi.

Chúng tôi không thể dùng lý lẽ đó để mình thành những kẻ bàng quan. "Chúng tôi phải chống lại sự lãnh đạm của con người khi thấy những thống khổ vô vàn, chống lại sự tham lam và tâm địa xấu xa làm nhơ nhớp trái tim và linh hồn họ. Chúng tôi cần dạy nhau tình thương yêu, để chiến tranh sẽ không thể đến với ta", chị Lê Minh Khuê có lần viết cho nhà văn W.D. Ehrthart lúc ông đang ở Hà Nội.

Trong mỗi truyện, ta sẽ tìm được bộ mặt thật của mỗi người. Trong mỗi truyện, ta tìm được khuôn mặt của chính ta, để rồi ta có thể hiểu nhau hơn, có thể chia sẻ niềm đau khổ, mất mát, và thất bại; nhưng đôi khi, cũng trong tập truyện này, chúng ta có thể chia xẻ được cả những vinh quang, khi khuôn mặt chúng ta rời khỏi khu rừng rậm đen đặc và lũ trực thăng xám xịt một vùng.

WAYNE KARLIN



TRẦN MẠNH HẢO

XUÂN VŨ (NGUYỄN KIM ANH)

chung quanh "bóng chữ"



LTS: Hợp Lưu *đã loan báo từ số trước, kỳ này HL đăng "Đằng sau Sa Mạc Thơ" của Trần Mạnh Hảo, một bài viết, theo đánh giá của ông Xuân Vũ (Nguyễn Kim Anh), là "cạn tàu ráo máng nhất, hung hãn nhất, gần như thô bạo". Và một bài nữa, của chính ông Xuân Vũ, "xin thưa chuyện" với quý ông Đặng Tiến và Trần Mạnh Hảo".*

Qua những "tư liệu" này, độc giả sẽ tự tìm thấy một kết luận chuẩn xác cho tất cả những gì liên quan đến "Bóng Chữ".

HỢP LƯU

*

TRẦN MẠNH HẢO
Đằng sau sa mạc thơ

Tuần báo *Người Hà Nội*, trên hơn bốn trang báo lớn, trong hai số liền, từ số 14 (418) ra ngày 3.6.1995 đến số 15 (419) ra ngày 10.6.1995, có đăng bài "Lê Đạt Và Bóng Chữ" của nhà phê bình Đặng Tiến từ bên Pháp gửi về. Việc người Việt xưa nay gửi bài về đăng trên báo chí trong nước vốn là việc bình thường. Riêng bản thân chúng tôi, kẻ viết bài này, từng được nghe bạn bè nói nhiều về khả năng viết phê bình của nhà phê bình Đặng Tiến, nay mới lần đầu tiên được đọc, hẳn là sẽ học được nhiều... Nhưng chúng tôi quả đã thất vọng vì những nhận xét quá vội vàng, thiếu tính khoa học và cái nhìn đầy thành kiến, định kiến của ông Đặng Tiến. Mặc dù ông đã quăng một mẻ chài

kiến thức quá bao la, khiến cho kẻ người trần mắt thịt này đôi lúc như con cá mắc lưới, bởi sở học sông biển kia, rất tiếc lại quăng chài nơi kinh rạch. Công bằng mà nói, sự giải mã của nhà phê bình này về thơ Lê Đạt không phải không có chỗ thú vị, thậm chí là phát hiện thâm sâu.

Có lẽ ông Đặng Tiến đã quá nhọc lòng để biến khả năng phê bình thơ uyên bác của mình thành một cuốn từ điển sống, hầu giúp người đọc tiếp nhận thơ Lê Đạt như tiếp nhận một thứ sinh ngữ mới. Nhưng dường như Lê Đạt chỉ là cái cớ, một cái cớ hỏa mù và khá dài dòng, một cái bình phong có vẻ sang trọng để ông Đặng Tiến dạy dỗ, phán bảo cả nền thơ nói riêng, cũng như nền văn học Việt Nam nói chung. Xin độc giả hãy đọc những dòng của ông Đặng Tiến: "*Thơ Việt Nam, hai mươi năm qua đã hành trình qua sa mạc. Trên báo chí, trong sách xuất bản đã có rất nhiều văn vần và thỉnh thoảng có câu trong bài hay. Nhưng phần nhiều đó chỉ là những câu nói khéo, những lời nói đẹp, những ý hay được diễn ca thành vần thành điệu và những hình ảnh hoa mỹ. Thỉnh thoảng có những câu thơ, bài thơ hay nhưng chưa làm nên được nền thơ. Có nhiều tác giả mà không mấy tác gia... ít có thơ hay, thiếu phê bình nghiêm chỉnh, thiếu sách giáo khoa đứng đắn về thơ... Giữa sa mạc mênh mông kia, may ra còn dăm mười ốc đảo...*"

Quả là nhất cử lưỡng tiện, chỉ cần liều lĩnh phát hiện ra cái "ốc đảo" Lê Đạt, là ông Đặng Tiến đã mau chóng trở thành một thứ Kha Luân Bố để khám phá ra Việt Nam, trong hai mươi năm qua, chỉ là cái sa mạc thơ mênh mông, cái sa mạc phê bình và cái sa mạc sách giáo khoa cũng mênh mông nốt(!). May mắn thay, về địa lý, nước Việt Nam chưa có vùng đất nào bị sa mạc hóa. Nếu không có nhà phê bình văn chương Đặng Tiến vừa gửi về tặng nền văn học Việt Nam một "sa mạc mênh mông", rằng chữ nghĩa các vị đã cằn khô trong bão cát, rằng xứ sở vốn xanh tươi đã bị quí vị biến thành đất chết ít nhất là trong văn học... Thật là kinh hoàng, nếu một dân tộc không còn văn học, thơ thì chỉ là văn vần, văn thì chỉ toàn lời hoa mỹ sáo rỗng, *không có sách giáo khoa đứng đắn và không có phê bình văn học nghiêm chỉnh* như ông Đặng Tiến vừa nói, thì quả tình dân tộc đó đang trên đường bị hũy diệt vì nó thiếu văn hóa. Mà văn hóa bao giờ cũng là rường cột của quốc gia. Có thật nền văn học, nền văn hóa Việt Nam đang trên đường suy vong như ông Đặng Tiến vừa tuyên bố? Có lẽ, chúng tôi không cần phải trả lời câu hỏi vừa nêu vì thực tế chính là câu trả lời đúng nhất. Với lại, một cái nhìn định kiến hết sức chủ quan, thiếu cơ sở thực tiễn và khoa học, ám thị bởi thứ "muội đèn chính trị quá khích" như ông Đặng Tiến, quả là không thể tranh luận.

Ông Đặng Tiến giải thích lý do vì sao văn học Việt Nam, hay nói rộng ra văn hóa Việt Nam lại bị sa mạc hóa: "*Lý do thì nhiều lắm: từ chủ nghĩa giáo điều, hiện thực đại chúng ngự trị lâu nay đến chủ nghĩa thực dụng duy dụng đang khuynh loát tư tưởng Việt Nam. Từ xã hội Khổng giáo, văn hóa Việt Nam chuyển mình sang Mác-xít, từ "lý tưởng ăn không cần no" Việt Nam đã quá độ lên "lý tưởng ăn chỉ cần no"... Cái đói nó gói cái khôn...*" Chỉ bằng một câu

văn ngắn, ông Đặng Tiến đã vô tình hạ tâm hồn, tư tưởng Việt Nam xuống chỗ dung tục, tầm thường. Rằng, từ xưa, từ xã hội phong kiến đến nay, người Việt Nam không biết cái gì hơn là cái dạ dày. Dù ông Đặng Tiến hiện nay có là công dân Pháp đi nữa cũng đâu được quyền diễu cợt đến mức gán ghép cho người Việt từ xưa đến nay đã biến cái dạ dày thành lý tưởng: "Lý tưởng ăn không cần no". Không, dân tộc Việt chúng ta, từ vua Hùng đến nay là một dân tộc có văn hiến, đã sản sinh ra những nhà thơ, nhà văn hóa lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Lê Quí Đôn, Cao Bá Quát... Một dân tộc như thế, dứt khoát không đến mức man di để chỉ biết lấy cái no đói làm mục đích, làm lý tưởng sống, mặc dù cái sự ăn lúc nào cũng thiết cốt. Vâng, tôi trộm nghĩ, người Việt Nam, dù ở góc biển chân trời, dù bất đồng quan điểm chính trị hay gì gì đi nữa, cũng không vì thế mà nỡ lòng bêu rếu dân tộc mình bằng cách bảo rằng các người lúc nào cũng đói khát, nền văn hóa các người là nền văn hóa của miếng ăn. Tục ngữ Việt Nam vốn coi trọng danh giá miếng ăn: "*Một miếng giữa làng bằng một sàng giữa chợ*", "*một miếng khi đói bằng một gói khi no*", "*miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời*", "*tiếng chào cao hơn mâm cỗ*" nhưng lại cũng có câu: "*miếng ăn là miếng nhục*" hoặc: "*miếng ăn quá khẩu thành tàn*"... Ông cha chúng ta từng dạy: "*dĩ thực vi tiên*", "*có thực mới vực được đạo*" hoặc dân dã mà thâm trầm: "*nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ*"... Các triều đại phong kiến Việt Nam đều lấy chuyện nuôi dân làm trọng, làm lẽ sống còn của quốc gia với một tiêu chí *cơm no, áo ấm*. Ông cha chúng ta đâu có điên rồ gì mà lại đi chủ trương cái "lý tưởng ăn không cần no" như ông Đặng Tiến đã viết. Nếu cha ông chúng ta chủ trương điều đó, thì dòng giống chúng ta đã bị hủy diệt từ lâu rồi, làm gì còn đủ sức mạnh đánh thắng những đạo quân xâm lược mạnh nhất thế giới. Nếu các dân binh "sát Thát" thuở nhà Trần lại bụng đói, cật rét thì làm sao có đủ sức mạnh đánh tan quân Mông Cổ tới ba lần, một quân đội từng chiếm gần hết đại lục Á-Âu? Rõ ràng, cái lý tưởng ăn không cần no mà ông Đặng Tiến gắn cho người Việt Nam chúng ta quả tình là không thể chấp nhận, nhằm hạ thấp vai trò văn hóa và tư tưởng nhân nghĩa của chúng ta. Chúng tôi vẫn cứ hồ nghi không biết ông Đặng Tiến vô tình hay cố ý xúc phạm tới dân tộc chúng ta khi ông gán cho lịch sử Việt Nam tiến hóa theo chu trình do ông giễu cợt: "*Từ lý tưởng ăn không cần no đã quá độ sang ăn chỉ cần no*"(!). Có thể hiện nay nước Việt Nam còn nghèo nhưng từ xưa đến giờ, văn hiến Việt Nam không bao giờ ấu trĩ, dung tục đến nỗi biến miếng ăn, biến cái dạ dày thành lý tưởng cả. Và, nói đến lý tưởng là nói đến sự thiêng liêng của những giá trị tinh thần như tư tưởng, văn hóa, tâm linh... chứ ai lại bảo *lý tưởng ăn* bao giờ? Trộm nghĩ, nhà phê bình Đặng Tiến có khi do giận cá chém thớt thôi, chứ theo nhiều người đã từng đọc ông cho biết, ông là con người từng nặng lòng với quê hương, có uy tín trong văn giới, thậm chí từng có cả những đóng góp trong hành trình tìm hiểu, nghiên cứu văn hóa dân tộc. Hóa ra, cái nghiệp bút nghiên vốn khắc nghiệt làm sao. Thiếu tỉnh táo, thiếu công bằng một chút, bút sa gà mang

tiếng là vậy đó.

Chưa hết, ông Đặng Tiến còn đưa lịch sử Việt Nam vào một khái quát không thể tất "*Cái đói nó gói cái khôn*". Hẳn câu này ông lấy từ câu: "*Cái khó bó cái khôn*". Nhưng "*khó*" và "*đói*" khác nhau hoàn toàn chứ! câu này nói nôm ra là một dân tộc đói thì không thể "khôn"(!). Phải chăng dân tộc chúng ta không khôn ngoan như người Pháp, nên người Pháp đô hộ nước ta gần một trăm năm, để cuối cùng, người Pháp và Người Nhật đã tặng chúng ta món quà của sự khôn ngoan là cuộc chết đói hai triệu người năm 1945! Nói người Việt vì đói mà mất khôn là cách nói của những anh thực dân cai trị lần đầu đến cướp đất nhà Nguyễn, chứ sao lại phát ra từ một nhà trí thức Việt kiều cỡ ông Đặng Tiến?

Trong một bài viết quá dài, bình thơ theo kiểu tán thơ tùy tiện, bỏ qua những điều sơ đẳng của văn bản học: "*Về ngữ âm, nguyên âm o, trầm và hẹp trong ba câu đầu đối lập với nguyên âm ơ nhẹ và rộng hơn ở hai câu khác tiếp...* " hoặc "*âm điệu bay nhẹ trên những cánh thơ sáu chữ nhiều âm bằng*" hay: "*Ai xui em đẹp em xinh / ba lần con thiến gáy / Đau đớn vì một chữ thiến: con gà bộ phận sinh dục bị phế thải mà vẫn còn tình yêu, vẫn còn tha thiết gáy...*" Chúng tôi đành đoạn phải trích thêm một lối tán thơ khá tùy tiện của nhà phê bình khi giải mã thơ Lê Đạt: "*Liễu đầu cành! Độc thoại đoạn trường xanh! Chữ nghĩa mặc nhiên nhắc tới cuộc chia ly trong Chinh Phụ Ngâm: Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chăng. Chữ độc thoại sâu sắc: con người hỏi cây liễu về nỗi lòng của mình, còn cây liễu thì hỏi ai? Lê Đạt đã nói lên được niềm cô đơn câm nín của những cuộc đời không có tiếng nói, hay có tiếng nói mà không ai nghe, không ai hiểu. Chữ "xanh" trong "đoạn trường xanh" rất hay vì nhắc lại ý "Đoạn trường tân thanh" một ý nghĩa khác với Nguyễn Du...*" Khiếp, chỉ bằng một từ *xanh*, Đặng Tiến đã đùn đẩy Lê Đạt lên hàng cạnh Nguyễn Du (!). Qua đoạn bình trên, người đọc không còn thấy Lê Đạt đâu cả mà chỉ thấy Đặng Tiến. Cho hay, *quá trình Đặng Tiến hóa Lê Đạt chính là quá trình giải mã "Bóng Chữ*" vậy. Người ta cứ tưởng Đặng Tiến biến Lê Đạt thành ốc đảo riêng trên sa mạc thơ Việt Nam. Ai dè, sau câu khen Lê Đạt đến mây xanh, nhà phê bình lại hạ ông nhà thơ xuống dưới cả đất đen. Có lẽ ông Đặng Tiến chê *Việt Nam không có phê bình nghiêm chỉnh* hẳn là nói theo cái lý của ông ấy. Bởi vì Việt Nam làm gì có người phê bình có tài biến hóa, biến đối tượng phê bình thành cái đuôi, thành con thò lò của mình khi vừa đưa người ta lên mây, đã hạ xuống đất đen chỉ trong chớp mắt. Chúng ta hãy xem ông Đặng Tiến đối lập mình chan chát, vừa mới bảo *thơ Lê Đạt tân kỳ vẫn giàu màu sắc dân tộc* đã hạ ngay nhà thơ xuống: *Thơ Lê Đạt chỉ lạ mà không mới*. Tân kỳ có nghĩa là mới lạ, song ông Đặng Tiến chỉ thấy thơ Lê Đạt là lạ mà không mới, hóa ra *tân* với *mới* lại khác nhau ư? Và, thấy lạ xong mà chưa thấy mới, tức cái lạ kia quả tình không lạ nữa rồi, vì thông thường, ta nói *mới lạ*, chứ ai lại nói ngược *lạ mới* bao giờ? Ở đây là cái vòng lẩn quẩn trong tư duy khá lộn xộn, phi logic của ông Đặng Tiến. Nhà phê bình

còn để khá nhiều đạn khen chê tiền hậu bất nhất, thậm chí có lúc còn quá đến nỗi so sánh thơ Lê Đạt với thơ của Hồ Xuân Hương ở chỗ đáo để ranh mãnh là cốt lỏi của thơ bà: "*ranh mãnh không kém Hồ Xuân Hương*. Nhưng khi Đặng Tiến viết như thế này thì quả là hơn uổng cho công việc giải mã thơ Lê Đạt mà có lúc ông đã khen không tiếc lời: "*Chỗ mạnh trong thơ Lê Đạt ở trong kiến thức, trong điển cố mà anh sử dụng, mà tôi đã lý giải...*" Thơ là tình cảm, là tiếng hát, là tiếng khóc, tiếng ru của hồn người. Chỉ có *kiến thức* và *điển cố*, Lê Đạt có thể gọi là nhà thơ được chăng? Một đoạn khác, Đặng Tiến nhận xét về thơ Lê Đạt rất chí lý: "*Sự thật thì thơ Lê Đạt tạo rung cảm mới bằng một vài thủ pháp: đảo ngữ, ẩn ngữ, nhấn mạnh vào ngữ âm, khai thác tính đa nghĩa trong từ vựng, sử dụng điển cố văn học...*" Hoặc: "*Lê Đạt làm thơ tầm duyên, đã duyên sao phải tầm?*" Thảo nào, Lê Đạt đã nhận mình là phu chữ, thợ chữ. Tất cả những việc làm của Lê Đạt mà Đặng Tiến đã nói ở trên, thật ra không phải là cái cốt lõi làm nên thơ, mà chỉ làm nên chữ. Bởi vì muốn có thơ, phải lụy đến chữ, mà là chữ của hồn, của cảm xúc, của mặc khải, chứ không phải thứ chữ của người thợ quen dùng cơ bắp và trò xiếc đảo qua đảo lại, lật ngược bẻ cong mà tạo nên. Và, không

phải chữ nào cũng thành thơ được, nhất là cái chữ do khéo tay, do nhọc sức mà nên chứ không phải là thứ do xúc cảm, do nhập thần. Chúng ta hãy kiên nhẫn chút nữa để nghe nhà phê bình hải ngoại nói về tiếng Việt khi ông bênh ông Lê Đạt trong cái món bỏ ý nghĩa tiêu dùng, ý nghĩa tự vị của chữ: "*Ngôn ngữ thông dụng hàng ngày đã sáo mòn, không còn chức năng nghệ thuật*"(!). Ở chỗ này, ông Đặng Tiến đã lầm lẫn, nhân sự ngộ nhận của ông Lê Đạt lên gấp ba lần. Bởi vì, ngôn ngữ hàng ngày không bao giờ sáo mòn cả, chỉ có người dùng ngôn ngữ ấy có sáo mòn hay không. Tất cả những áng văn chương đẹp nhất của Việt Nam từ xưa đến nay, đều được sáng tạo bằng ngôn ngữ thông dụng hàng ngày cả. Bảo "*ngôn ngữ thông dụng hàng ngày không còn chức năng nghệ thuật*", có khác nào bảo người đàn bà bình thường không còn khả năng sinh đẻ (!). Có nghệ thuật hay không là ở chính người sử dụng chữ, chứ không phải nằm trong chính chữ. Người có tài khác kẻ bất tài ở chỗ, một đằng biết phổ hồn vía, biết phổ rung động, âm thanh, màu sắc của thiên giới, của nội tâm vào chữ, chứ không phải biến chữ thành cái gáo đựng mồ hôi, đựng cưa đục, để rồi hô hoán lên tôi là phu chữ, tôi đánh vật chữ, tôi mạ chữ bao nhiêu năm rồi đây! Đặng Tiến đã biết thơ Lê Đạt chỉ có nghịch chữ, chẳng có gì mới như ông đã nói, cớ sao lại dành ra nhiều sức để toan làm cuốn từ điển thơ Lê Đạt như thế? Có lẽ, đằng sau hỏa mù giải mã điển cố, giải mã sự đảo chữ, mạ chữ, bẻ chữ, tẩy chữ, nạo chữ, phá chữ của Lê Đạt, Đặng Tiến thử gắn nhà thơ và bạn đọc, rằng tôi thử ban cho anh cái ốc đảo tưởng tượng thôi, chứ thực ra, sa mạc thơ Việt Nam làm gì có ốc đảo (!) Vâng, đằng sau sa mạc thơ mà ông Đặng Tiến vừa phát hiện, là một dân tộc đang tìm cách trỗi dậy tẩy xóa những vết thương của thể chất và tâm hồn suốt một nghìn năm Bắc thuộc, suốt một trăm năm Pháp thuộc và mấy chục năm bị Mỹ xâm

lược, để vươn dậy làm người. Dân tộc đó có thể có những bài thơ chưa hay, thậm chí dám cả gan lấy thơ làm vũ khí đánh giặc, đang ngẩng đầu đi cùng nhân loại, quyết không gục mặt xuống với cái dạ dày quá khứ, để chỉ chăm chăm vào miếng ăn, trái lại đang tìm cách tạo dựng một nền văn hóa mới, kế thừa và phát huy văn hóa tổ tiên, ngõ hầu đưa đất nước vượt qua sa mạc ngu dân, nghèo đói thời thuộc ngoại bang, để chúng ta không hổ thẹn mỗi khi nhắc đến hai tiếng VIỆT NAM.

TRẦN MẠNH HẢO

XUÂN VŨ (NGUYỄN KIM ANH)

Xin thưa chuyện với quý ông Đặng Tiến và Trần Mạnh Hảo (về tập thơ "Bóng Chữ" của Lê Đạt)

Ông Đặng Tiến (ĐT) một nhà phê bình văn học nghệ thuật, ở bên Pháp, có viết một bài dài về tập thơ *Bóng Chữ* của tác giả Lê Đạt, được báo *Người Hà Nội* (NHN) đăng liên tiếp trên hai số 14 và 15 (2.6 và 10.6.95). Giới Văn Học VN đã bày tỏ nhiều ý kiến khác nhau về *Bóng Chữ* của Lê Đạt, và nhất là về bài giới thiệu của ông Đặng Tiến: Khen đứng đắn, khen theo-đóm-ăn-tàn, khen nịnh bợ cũng có; mà chê cũng lắm, chê vì ghen, chê vô tội vạ ngay khi chưa đọc kỹ tác phẩm, nhưng chê với thiện chí đãi cát lọc vàng cũng có... Cuộc bàn cãi về *Bóng Chữ* của Lê Đạt ắt còn tiếp diễn...

Trong phía chê thơ Lê Đạt, đúng ra là chê bài giới thiệu phê bình NÓ, do ông Đặng Tiến viết, thì cạn tàu ráo máng nhất, hung hãn nhất, gần như thô bạo, là ông Trần Mạnh Hảo (T.M.H) (1). Ông TMH là một thi sĩ (tác giả các tập thơ *Đất Nước Hình Tia Chớp, Mình Anh Trong Một Thế Giới, Tứ Tuyệt Tmh*), một văn sĩ (tác giả tiểu thuyết *Ly Thân*) kiêm cả bình luận gia phê phán văn học nghệ thuật qua rất nhiều bài viết, nhất là loạt bài ông đòi bỏ hết tính nông nghiệp lạc hậu trong thi ca để đưa thơ VN tiến lên mức thơ công nghiệp hiện đại... Ông TMH viết bài *"Đằng Sau Sa Mạc Thơ"* để bài bác ông Tiến và *Bóng Chữ* của Lê Đạt. Bài của ông được *Sài Gòn Giải Phóng* đăng trên số Chủ Nhật 2.7.95.

Cả hai ông (ĐT và TMH) đều dùng một đấu pháp: vẽ rắn thêm chân, rồi triển khai cái Ta vào cuộc chiến, khiến cho quần chúng độc giả lọt vào mê hồn trận ý tứ không còn nhìn rõ được "con rắn không chân" của Lê Đạt nữa, và NÓ trở thành huyền thoại, được kính và sợ bởi khen chê ồn ào đã không cho nó lộ nguyên hình.

Tập thơ *Bóng Chữ* của Lê Đạt có đúng là cái "ốc đảo" rất hiếm hoi và xanh tốt trên cái "sa mạc thơ VN" như ông Đặng Tiến đã công bố trịnh trọng? Hay

NÓ chỉ là một ốc đảo loại ảo ảnh thường gặp trong sa mạc tâm thức của những kẻ muốn lên thật cao, bỏ lại cuộc sống hiện thực của dân dã...? Ông Đặng Tiến ở Tây Phương, ở bên ngoài cái sa mạc thơ VN, lại ở quá xa, nhìn về nó qua lăng kính văn minh cơ động, duy lý, duy khuôn phép và khoa học, duy phân tích nát bét... tức cái triết Tây có góc cạnh rốt ráo nên ông Tiến phê phán thơ như kiểu nhà khoa học xem xét một sản phẩm công nghiệp.

Muốn nhìn thẳng được vào cái cốt "gin" của *Bóng Chữ* Lê Đạt, chúng ta phải làm cho NÓ hiện nguyên hình... tức là phải vặt hết đi những cái chân rắn tua tủa mà ông Đặng Tiến đã vẽ vào NÓ cũng như phải cạo sạch hết mớ lông sù mà ông TMH đã trùm chụp lên cả *Bóng Chữ* Lê Đạt và Đặng Tiến.

Bởi vậy, tôi xin được chia bài này thành hai phần rõ rệt:

1. Vặt lông rắn và chân rắn mà quý ông ĐT và TMH đã vẽ thêm vào *Bóng Chữ.*

2. Xem xét và bàn bạc xem *Bóng Chữ* của Lê Đạt có phải là một thành đạt trong sáng tạo loại hình mới mẻ và độc đáo cho thi ca VN hay không, có phải một "ốc đảo" thật và thật sự xanh tươi đầy sức sống và hiếm hoi trên "sa mạc Thơ VN" (Trong 20 năm qua) hay chỉ là một "ốc đảo" loại ảo ảnh mà con mắt"chẩn đoán kiểu y khoa" của ông Đặng Tiến nhìn thấy, qua lăng kính của một nền văn học Tây phương càng lúc càng bị duy lý hóa, kỹ thuật hóa, cơ động hóa, và vi tính hóa đến hủy hoại phần mềm Đông phương là cái còn lại để phân biệt người với máy.

*

1. "Cạo lông" và vặt chân rắn để tìm con rắn nguyên trạng Bóng Chữ của Lê Đạt.

Để đưa *Bóng Chữ* lên tột đỉnh thi ca VN, ông Đặng Tiến viết "Thơ Việt Nam, hai mươi năm qua đã hành trình qua sa mạc (2). Thỉnh thoảng có những bài thơ hay nhưng chả làm nên được nền thơ. Có nhiều tác giả mà không mấy tác gia".

Chỉ bấy nhiêu thôi, ông Đặng Tiến đã chui xuống thấp hơn mức biển lận của quảng cáo các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng trên thị trường hiện nay. Thấp hơn vì những chuyên gia Q.C. (giới Cu-Xê như thuật ngữ châm biếm trước 1975 thường dùng), tráng tráo nhất cũng không dám hò hết Xà bông VN, hai mươi năm qua đã đều là dỏm cả... Có vài nhãn hiệu khá khá, nhưng... chưa hề có một nền Xà bông TỐI ƯU... mãi tới nay mới xuất hiện một nền công nghiệp xà bông thật sự tuyệt hảo. Tôi ngờ rằng ông Đ.T. chưa cảm nhận được cái chất thực của *Bóng Chữ*, mà mới chỉ mon men ở cái *Bóng* của *Bóng Chữ* mà thôi. Nếu ông Tiến Tin tưởng *Bóng Chữ* tự nội thân nó có chân giá trị, thì ông không cần sỉ nhục hết mọi cái của văn học nghệ thuật VN hai chục năm qua, chê tất cả... để trương *Bóng Chữ* của Lê Đạt lên, một mình một ngôi độc tôn. Là một nhà phê bình VHNT tất nhiên ông Tiến có quyền và có bổn

phận đưa lên trước quần chúng độc giả cái mà ông thấy là mới xuất hiện, nhưng ông cũng cần tôn trọng cả tác phẩm mới và tác giả của nó cũng như tôn trọng người đọc NÓ. Nếu nó là thật sự đẹp giới văn học sẽ được nó dẫn dụ bằng cái "hữu xạ tự nhiên hương". Ông mà vội vã đem pha thêm vào nó những hương liệu hóa chất kiểu Tây phương e rằng sẽ làm cho người đọc không còn ngửi thấy cái hương nó thật sự có, mà chính tác giả của nó có khi cũng ngỡ ngàng thấy cái hơi-hướng thân yêu của đứa con mình sao lại khang khác thế này?! Vả lại, có thể *Bóng Chữ* và cả người sinh thành ra *Bóng Chữ* cũng ngậm ngùi thấy cái bóng Đặng Tiến trùm lấp, mà không dám phàn nàn, vì ai lại đi phàn nàn người bốc mình lên tận mây xanh? Đó là một số chân mà ông Tiến vẽ thêm cho rắn. Núp trong *Bóng Chữ* của Lê Đạt, ông Đ.T. vẽ ra một chiêu thức khác: một chiêu thức mập mờ "Thơ Việt Nam, hai mươi năm qua đã hành trình qua sa mạc". Ông muốn khen thơ VN rất khỏe mạnh, đầy sức sống và dũng cảm, nó vẫn sống vẫn đi dẫu môi trường văn học đã bị người ta biến thành sa mạc? (2B) Hay ông muốn nói chính thi ca VN đã thành cát? Và tại sao ông lại giới hạn cái sa mạc thơ VN vào con số hai mươi năm? Vậy trước đó thơ VN hành trình qua vùng màu mỡ? Tức là: trước cái hai mươi năm đó (1975-1995) trôi ngược về xưa? Vả lại, cái giới hạn hai mươi năm sa mạc thơ mà ông đưa ra là sai. Tất cả mọi người trong giới tư tưởng và văn hóa, kể cả "nhà nước" nữa cũng đều đã nhìn ra trước ông Tiến rằng "thật đã có cái thời văn học nghệ thuật bao cấp"... nhưng nó không kéo dài tới nay, tức là nó đã mở ra cho Thơ mọc lên kể từ ngày có làn gió mới thổi vào: MỞ CỬA... Ông Tiến là một nhà phê phán văn học, luôn hướng về quê hương, sao lại không thấy được những chuyển động VH tại nhà chúng ta (xin lỗi, ông là dân Tây (3)). Những cuộc trao đổi thả dàn, tranh cãi nóng bỏng về thơ trên báo chí VN, sự xuất hiện của những tác phẩm thơ của các tác giả không ở trong Hội Nhà Văn, cũng như ở trong nhưng lại viết theo ý riêng mình:

Thơ "vàng" (vàng theo nghĩa nhạc vàng = "văn hóa đồi trụy", bởi tư duy cũ hẹp hòi) đã ra đời, không bởi cá nhân mà do NXB Văn Nghệ TPHCM, tập tuyển thơ *"tháng Giêng Sài Gòn Anh Làm Thơ Yêu Em"* với thơ của 108 tác giả trong đó có Bùi Giáng:

Đừng tuyệt vọng nghe không
Còn trang thơ thắm lại với trời hồng
(Phụng Hiền)

Vũ Đức Sao Biển:

Ba năm làm nửa bài thơ nhỏ
Cất hoài trong túi chờ tri âm
(Lên Mỹ Sơn)

Và nhiều: Trịnh Cung *(Cuối Cùng Cho Một Tình Yêu)*, Kiên Giang *(Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím),* Thế Phong *(Phẫn Nộ),* Huy Tưởng *(Con*

Đường) v.v... (4). Những nhà thơ, có thể ông Đặng Tiến coi là rêu sa mạc so với *Bóng Chữ* vĩ đại của Lê Đạt, nhưng anh em ở nhà rất trân trọng: Hoàng Hương Trang và Nguyễn Hải Phương... đã xuất bản những thi tập riêng:

Nguyễn Hải Phương ra tập *Đâm Chày Trăng Cao* ngay từ 1992, với những bài, những câu mà nếu quả thật Sa Mạc kéo dài đến 20 năm như ông Đăng Tiến nói, thì nó và cả tác giả của nó đều đã "toi" rồi. Thí dụ:

Lạ xa cả cái bây giờ
Lấy hư làm thực, lấy ngờ làm tin
(Học Quên)

hay

Giao tranh chấm dứt bao giờ
Xương chim xương rắn lạnh gò đất hoang
Côn trùng khóc, cỏ hoa tang
Bấp bênh thiện ác bẽ bàng hơn thua
(Một Cuộc Giao Tranh)

Cái kể lể dài dòng trên đây mới chỉ là cái phần rất nhỏ của sinh hoạt thi ca trong khoảng thời gian qua, tức là trong giới hạn 20 năm sa mạc Thơ mà ông Đặng Tiến nói. Dài dòng để hỏi ông Đặng Tiến rằng: có phải những cái đó đều là dỏm cả và phải đợi đến *Bóng Chữ*, VN mới bắt đầu có viên đá đầu tiên cho một nền thơ? Nền gì? Thơ gì? Có ắt phải được kiến trúc sư trưởng Đ.T cấp thẻ chứng nhận chăng? Vậy cái vụ 20 năm sa mạc thơ ông Tiến ban cho chúng ta thật sự lại cũng là một mớ chân rắn rối rắm, cần vặt hết đi.

Ông Đặng Tiến vẽ cái chân rắn "20 năm sa mạc thơ" để chỉ ra cho ta thấy cái ốc đảo tốt tươi *Bóng Chữ* của Lê Đạt, xong (5), ông đã có lý do để đi tới giải thích những nguyên nhân nào đã sa mạc hóa môi trường thi ca VN, ông viết: "Lý do thì nhiều lắm: từ chủ nghĩa giáo điều, hiện thực đại chúng ngự trị lâu nay đến chủ nghĩa thực dụng, duy dụng đang khuynh loát tư tưởng Việt Nam. Từ xã hội Khổng giáo, văn hóa Việt Nam chuyển mình sang Mac-xit, từ lý tưởng "ăn không cần no" Việt Nam đã quá độ lên "lý tưởng ăn chỉ cần no". Mặc dù đây vẫn còn trong phạm vi chân rắn vẽ thêm để chuẩn bị giới thiệu *Bóng Chữ*, nhưng ông Đặng Tiến đã trình bày một chuỗi bước đi có thật của lịch sử. Chỉ tiếc rằng ông ĐT đã dùng chữ LÊN (quá độ lên chủ nghĩa ăn chỉ cần no).

Thưa ông Đặng Tiến: Người quân tử của Khổng giáo thực bất cần bảo, ăn chẳng cần no là ăn để sống chứ không phải sống để mà ăn no căng bụng phè phỡn, đào sẵn nấm mồ cho mình bằng hai hàm răng, như kiểu Tây bơ sữa, nghĩa là ăn đủ, chớ không ăn vì đói con mắt, còn người Tây phương các ông thì ăn chẳng cần no có nghĩa là ăn chỉ cần ngon, thỏa thuê cái mồm chứ chẳng phải để mà sống. Cho nên cái ý ăn chẳng cần no của quân tử xưa và ăn chỉ cần no của chúng tôi, dân VN hiện nay, thật sự giống nhau: ăn để sống.

Đành rằng khi nào có điều kiện tốt thì những người nội trợ VN cũng đủ khéo tay để làm những bữa ăn ngon lành, chẳng kém những món Tây, Tàu... cũng đủ hiểu biết để nâng ăn uống lên mức "nghệ thuật". Nhưng no nê, phè phỡn không phải đều kiện duy nhất tốt, và đủ để môi trường văn học khỏi bị sa mạc hóa, và cái đói cũng không hẳn bao giờ cũng làm thui chột thi ca. Ta chẳng nên đi tới hai dầu cực đoan của cặp đói-no mà phỉ báng nhau:

Cái đói đúng là gói được cái khôn: dưới 1200 calo thực phẩm một ngày cho một người thì không còn hoạt động trí óc hay tâm hồn nào tồn tại (A mons the 1200 calories, il n'y a ni vie spirituelle ni vie intellectuelle - Theo Louis Pauwels, Planète), đó là nhận định của các nhà sinh vật học, nhà thơ Nga Tatiana Smertina cũng viết về cái đói và văn học:

Jeunesse est flamme,
mais un feu ca s'éteint.
Un demi-siècle à se morfondre
dans la file d'attente:
faire paraitre un poème,
promouvoi, une idèe,
chanter, peindre neuf,
Repusser les limites du savoir !
(Lettres Sovietiques số 380)

(chúng tôi xin tạm dịch ý)

Tuổi xuân lò lửa rực
Rồi thì lửa cũng tắt
Nửa thế kỷ chờ trông mỏi mắt
chen chân xếp hàng:
ước nở một áng thi văn,
bùng lên một phát kiến
một bài ca, một họa phẩm thanh tân
Mở rộng mãi lằn ranh kiến thức!

Ông Trần Mạnh Hảo, người đối đầu với ông Đặng Tiến về vụ đói-no-và-tự-hào-dân-tộc, cũng từng viết:

Những người đến cơ quan lĩnh đồng lương gió thổi
Dạ dày nhiều khi co bóp trong đầu
(Tổ Quốc, Con Âm Thầm Yêu Mẹ
- *Mình anh trong một thế giới TMH*)

Vậy thì tại sao ông TMH lại chống lại ông Đặng Tiến khi ông Tiến nói cái đói gói cái khôn? Ông TMH bảo rằng cái khó... khác cái đói, lại vẽ rắn thêm

chân: kẻ khó là ăn mày, ăn mày là kẻ đói. Đơn giản thôi, chỉ tại ông Đặng Tiến mỉa mai khi ông dùng từ LÊN (lên lý tưởng "ăn chỉ cần no"). Ông Hảo cũng chống ông Tiến khi ông Tiến viết lý tưởng ăn uống, ông Hảo viết: Và, nói đến lý tưởng là nói đến sự thiêng liêng của những giá trị tinh thần như tư tưởng, văn hóa, tâm linh... chứ ai lại bảo lý tưởng ăn bao giờ? Tôi nghĩ một người có học rộng như ông Tiến chắc chắn không đểu khi viết lý tưởng "ăn chỉ cần no" mà chỉ đơn giản nói lại cái lý tưởng no cơm ấm áo cho nhân dân (6). Chỗ này thì ông Hảo quá khắt khe và duy tâm quá độ đến hẹp hòi. Ông là tác giả câu thơ "dạ dày nhiều khi co bóp trong đầu" cơ mà? Lúc đó lý tưởng là văn hóa chăng, hay là củ khoai?

Còn phía ông Đặng Tiến, dùng từ LÊN lý tưởng "ăn chỉ cần no"... để coi là nguyên nhân tạo ra sa mạc thi ca VN, là quá thiển cận và duy thực (không phải hiện thực mà chỉ có nghĩa là duy ăn uống, coi ăn uống no nê phè phỡn là điều kiện để văn học đi lên... Ông Tiến cố ý quên Verlaine và Arthur Rimbaud, cả hai đã gần chết đói ở Londres nơi mà họ làm việc để kiếm chỉ vài xu đỡ lòng (...Puis leur existence presque affamée à Londres où ils travaillent puor quelques sous-Paul Verlaine, do Pasternak viết, Lettres Soviétiques số 384), ông Tiến cũng không nhắc đến những "nhà văn An Nam khổ như chó" (7), ông cũng quên rằng những thi sĩ áo mão cân đai, ăn yến ăn sâm... nghĩa là ăn chỉ cần ngon... lại cũng chỉ đẻ được những câu thơ Thi Xã... Vậy, ngược lại với gán ghép của ông Đặng Tiến, và cái lý luận duy tâm duy tưởng cực độ của ông Hảo... NO ĐÓI không hẳn là điều đáng xấu hổ, và cũng chẳng mặc nhiên đưa thi ca lên hay dìm nó xuống, hoặc là ở bên Tây, thơ hay được đo bằng vòng bụng? Vậy cái đói không là cái thế lực toàn năng tạo ra sa mạc thi ca, mà cũng chẳng phải là vô can đối với tình trạng sa sút của nó; còn những cái khác! (8) Ông Tiến viết khơi khơi: "Từ nỗi nghèo thân xác, ta chuyển mình lên cái nghèo của tinh thần, của tâm linh". Xin hỏi ông Tiến: Đức Phật ngồi quá lâu để tìm chân lý trong cái đói meo... Vậy thời gian đói meo ấy là hoàn toàn vô ích cho Ngài? Và Ngài ngộ đạo chỉ do chút sữa? Chúa Cứu thế nhịn đói meo đến 40 ngày trong sa mạc, cái đói nghèo ở thân xác Ngài có thể chuyển thành cái nghèo của tinh thần và tâm linh chăng? Nếu Ngài bị nghèo đi ở tâm linh thì sao Ngài lại thắng được ma quỉ qua 3 cơn cám dỗ? Và cứ theo quyết đoán của ông Đặng Tiến thì các nhà tu hành sống cảnh nghèo đói không thể thông tuệ và tiếp cận đến đỉnh cao của tâm linh? Hệ luận từ phát biểu trên đây của ông Đặng Tiến là: cái no của thân xác giúp ta chuyển mình lên càng cao trong tinh thần, tâm linh..., những cái bị thịt đều có tinh thần và tâm linh cao rộng? Tinh thần anh dũng của những dân tộc bị trị, đến chỉ còn xương bọc da, phát sinh từ đâu: sao mà họ chiến đấu, tồn tại và thắng được người thực dân bụng phệ ? (9) ..."Sa mạc thơ VN" đúng là mớ chân rắn rậm rạp do ông Đ.T. đã vẽ trên mình *Bóng Chữ* khiến cho Trần Mạnh Hảo xông vào cấy lông cho rắn... Hai vị đã đến quá trễ và vụ tranh cãi của hai vị đã trở thành một trò vui kiểu "mãi võ sơn đông".

Thật vậy. Quần chúng văn học VN, kể cả những người từng ở trong tuyến "văn học bao cấp", và ngay cả thẩm quyền tư tưởng, văn hóa, tức là nhà nước, đã nhận ra cái "khổ" của mảnh đất văn học nói chung, và thi ca nói riêng. Và mặc dầu, người ta cẩn trọng lọc dãi để giữ lại tính kế thừa lịch sử..., người ta cũng đã tìm cách trả màu cho đất... người ta cũng đã kêu gọi ngăn lại cái duy dụng, thực dụng đang theo thị trường mở cửa mà tràn vào nước ta... Mãi đến nay ông Đ.T mới chỉ bảo cho mọi người, e đã muộn, lỡ tàu rồi. Còn ông Hảo thì đã quên chuyện con gấu... quá trung thành với chủ, vác cục đá to bằng cái thúng đập con ruồi dám lếu láo đậu trên trán Cụ ta... Hay là ông Hảo muốn chuộc lại cái lỡ tay đã vẽ ra hình ảnh Hồ cá sấu trong tiểu thuyết *Ly Thân* của ông, cái mà ông dùng để tố cáo người ta đã quẳng nhà thơ thiên tài, quốc sĩ Trần Khuất Nguyên của ông xuống để cho sấu nhai thê thảm, lại không cho chôn trong nghĩa trang liệt sĩ, dù Nguyên là cựu chiến sĩ?... Ôi, hai ông vẽ chân, cấy lông cho rắn làm gì? Ông Hảo nói ông Tiến làm cái vụ sa mạc thơ vì bị ám thị bởi "muội đèn chính trị quá khích", thế còn ông Hảo còn bảo hoàng hơn vua, chống lại ông Tiến rất dữ dội, thì có bị một thứ "muội" gì màu gì ám thị chăng? Vì Trần Khuất Nguyên, trong *Ly Thân* của ông không được một người tương đương tài năng với ông Đặng Tiến vẽ thêm chân rắn...? (10).

Rồi ông Trần Mạnh Hảo quay sang đánh *Bóng Chữ,* "đánh cả vào tài năng siêu đẳng" mà ông Đ.T thổi cho ông Lê Đạt. Cách thức gạt hết mọi người ra để chỉ suy tôn một mình ông Lê Đạt thôi, của ông Đ.T đã tạo ra hai loại phản ứng trong quần chúng thi ca VN. Ở bên này, nó ép số người cả tin, ham của lạ, coi cái đồ ngoại nào cũng xịn hơn đồ lô-canh, vào kính, sợ... phục thuận; ở bên khác nó kích những người có lửa, có tự ái dân tộc cực đoan... và những kẻ hay ghen ăn, khiến cho họ đặt Lê Đạt và *Bóng Chữ* thành đối thủ cần tiêu diệt trọn gói cùng sứ giả Đặng Tiến. Ông Tiến hại ông Lê Đạt rồi! Con rắn thật sự *Bóng Chữ* của ông Đạt bị vẽ thêm nhiều chân và bị cấy thêm nhiều lông quá...

Cố gắng lọt qua cái Bóng mờ ảo vĩ đại của ông Đặng Tiến và cái Hình lù lù khổng lồ của ông Hảo, vào tận nơi xem con rắn thật *Bóng Chữ* Lê Đạt nó ra làm sao...

II. BÓNG CHỮ của Lê Đạt, thành đạt nghệ thuật tới đâu?

Theo ông Đặng Tiến, một nhà phê phán VHNT có uy tín ở nước ngoài (Pháp) thì *Bóng Chữ* của Lê Đạt là tác phẩm thi ca KHÔNG GIỐNG AI, nghĩa là không giống những cái mà Đặng Tiến cho là đã sáo mòn đầy rẫy trong thơ VN lâu nay: "Nhưng phần nhiều chỉ là những câu nói khéo, những lời nói đẹp, những ý hay được diễn ra thành vần, thành điệu và những hình ảnh hoa mỹ." Tôi đồng ý với Đặng Tiến: thơ Lê Đạt lạ. Cái lạ được tiếp nhận

bằng hai thái độ khác nhau, ngược nhau: Thấy lạ là chống liền và thấy lạ là theo liền. Tuy ngược nhau nhưng cả hai thái độ ấy đều do tham vọng chiếm hữu: muốn cái lạ hòa đồng với mình hoặc mình đồng hóa với nó để nó như là của mình. Đó là thái độ Đặng Tiến một bên, và TMH một bên, trước *Bóng Chữ*. Cả hai thái độ đó đều là sản phẩm của ý niệm thời gian chia cắt: dừng lại với cái LẠ hoặc bắt cái lạ dừng lại với mình. Với ý niệm thời gian nối kết (temps lié), ta đón cái LẠ bằng: xưa nay từng có nhiều cái LẠ được những cái LẠ khác vượt qua, cái LẠ ta đang có đây *(Bóng Chữ)* là thải đi những gì của cái CŨ, kế thừa được cái gì, và một cái LẠ sẽ đến vượt qua nó, thì sẽ lấy được ở nó cái gì và ném bỏ những gì của nó. Cái lạ bị cái quen chống đối vì cái quen sợ cái lạ chiếm mất thị trường ngưỡng mộ, nhất là khi người giới thiệu cái LẠ coi trọn gói cái quen là rơm rác. Thơ Lê Đạt có lạ chăng? Một cái lạ, qua Đặng Tiến vẽ mặt cho *Bóng Chữ* lòe loẹt rực rỡ đến độ đời thật đời thường nhìn nó như một con khỉ làm xiếc. Đó là tội của Đặng Tiến hại *Bóng Chữ*. Như tội của đại úy Renard đối với Thầy Quạ (ngụ ngôn La Fontaine).

Thơ Lê Đạt có lạ không? Cái lạ loại nào? Xin ông Tiến chỉ dẫn và ông Hảo chỉ ra.

Tôi bắt gặp cái lạ ngay trong bài tự giới thiệu của Lê Đạt:

Phó thường dân
phố nhỏ vô danh
vô giai thoại
Thành tích
Mấy trang giấy sờn
Mấy câu thơ bụi
núi Vô Sơn

*

Tôi ghé như thiểu số phụ gia
Vẩy chữ thăng hoa
Thoáng cà cuống chưa đóng lọ
Đừng tìm tôi
chỗ những ghế ngồi
Hộp thư
đuôi chớp ngộ đầu ô

LẠ và Đẹp. Tản Đà tự giới thiệu là Tiên lạc thế, và "cá tính" thơ của Cụ luôn có dáng trích tiên. Cá tính của thơ Lê Đạt là "bụi núi không núi" và phương pháp thơ Lê Đạt nhẩy cẩng "vẩy chữ văng hoa". Những bài thơ trên của Lê Đạt đã hòa âm được bằng những hợp âm chỏi và chỉ trong cái "sai biệt trong nhất như" được cảm nhận khi đọc suốt bài mới thấy được. Một ông

Đặng Tiến lý tính bóp nó ra, nó liền rã. Đẹp của nó thành hoa nilon. Lạ của nó thành chân rắn. Đ.T tán: sợ đời chê trách Lê Đạt tự kiêu, ông Tiến bênh vực: "Vẩy chữ thăng hoa"..., thật ra Lê Đạt muốn dùng một khái niệm hóa học, chất rắn bốc hơi không qua trạng thái lỏng. Thế là ông Tiến giết "thăng hoa" của Lê Đạt rồi. Sublimation (thăng hoa) không phải khái niệm hóa học, chỉ là biến đổi trạng thái vật lý. Ông Tiến muốn nhồi ý vào thơ Lê Đạt nên ông giết chết cái ĐẸP của ngôn ngữ Lê Đạt: hãy giải phóng thăng hoa khỏi chân rắn Đặng Tiến, để nó đa nghĩa, để nó đa hình, để nó đa âm điệu và tung tăng nhảy nhót với người đọc. Đặng Tiến trở nên kiêu ngạo nhờ *Bóng Chữ* khi ông viết: (với từ thăng hoa vẩy bút)..." những người đọc có thể hiểu lầm (hay cố ý xuyên tạc) là anh tự cho mình có phù phép vạn năng, và gieo chữ nghĩa để gặt hái vinh hoa "Không thể tìm được một người đọc nào có đầu óc lành mạnh lại có thể hiểu "vẩy chữ thăng hoa" là múa bút cầu danh (11). Hai cái sợ mà Đặng Tiến gắn vào đầu Lê Đạt: sợ bị coi là kiêu kỳ và sợ bị coi là bán chữ cầu danh... thật ra chỉ là hai cái chân rắn Đ.T cắm vào đầu Lê Đạt. Phần riêng tôi, tôi chỉ nhận một cái ngông ngông, gàn gàn dễ thương của thằng Bờm vốn là ảnh tượng muôn thửơ của người thơ, người làm thơ (chứ không phải người phê phán thơ). Đặng Tiến vừa nói Lê Đạt không kiêu kỳ rồi ngay đó lại nói có kiêu kỳ nhưng ít thôi "Lê Đạt đáng thương và câu thơ của anh không kiêu kỳ hơn Trần Huyền Trân..."

Nhớ nhau vẩy bút làm mưa gió
Cho đống xương đời được nở hương
(Ly Biệt, Tr-H-Trân)

và:

Nhớ nhau ném chén tan tành
Nghe vang vỡ cái bất bình thành thơ
(Độc hành ca - Tr-H-Trân)

Muốn bênh vực Lê Đạt khỏi cái hiểu lầm thật sự không hề có từ phía người đọc (11). Ông Đặng Tiến vội nói ông Lê Đạt không hề kiêu, rồi không tin những chứng lý văn học của mình, ông Tiến bảo ông Đạt không kiêu hơn T.H.Trân.... hài tội T.H.Trân để che bớt một cái tội mà thật sự Lê Đạt không phạm vào. Nhưng T.H.Trân bị oan, bị ông Tiến vẽ cho cái chân rắn kiêu kỳ hơn... nghĩa là rất. Chỉ có điều chẳng có chút bóng kiêu kỳ nào trong những câu thơ mà ông Đặng Tiến lôi ra làm chứng: đọc mấy câu thơ trên của Tr.H.Trân, ta chỉ cảm nhận một làn hơi mạnh mẽ của tâm thức nghệ sĩ vì tình, vì người mà vỡ lở thổi lên đòi bung phá tù túng của ngoại cảnh nhờn nhàm, khô cứng và bò lê... Thế là ông Tiến đạp đấm lung tung, vẽ rắn loằng ngoằng cho hết mọi tác giả thi ca mà ông ngó tới, để bênh vực tá ơm hay để kết tội tầm pháo.

Những chỗ để tự nó thì Đẹp và Lạ và Thơ trong Lê Đạt, thì ông Tiến bẻ

nó ra vỡ vụn, dìm mất những cái thống nhất tính trong chuyển động, trong hội họa, trong hòa âm của chúng, vẽ chân rắn to hơn mình rắn, cuối cùng độc giả chỉ thấy Tiến mà không thấy Đạt, có thấy Đạt thì lại không thấy Thơ, có thấy Thơ thì lại không thấy Tinh của Thơ... Còn những chỗ dở của thơ Lê Đạt thì lại vì lối tán chân rắn của ông Tiến mà rực rỡ hơn lên trong vẻ lố bịch: ông Tiến tán: "Đôi khi câu thơ dựa trên một phụ âm (để khen âm thanh đẹp của thơ Lê Đạt):

má má môi
mà mỗi mãi xa

Tôi coi đây là một lập dị rẻ tiền, còn thua: bà Ba Bủng bán bánh bèo... bỏ bóp, còn kém xa "bì bà bì bạch" của DTD, còn thiếu hình ảnh chuyển động hơn "Ông Nỉnh ông Ninh... ông Nảng ông Nang"... cũng như cái vận dụng Âm của từ rất đỗi nhảm nhí:

F ép
F dẹp
B 52 bẹp
(Hà Nội B52)

Đó chỉ là chơi chữ, chơi âm, kiểu áp-phi-sơ quảng cáo rượu Dubonet xưa: Dubo-dubon-dubonet (theo Lo Duca, L'affiche, presses, universitaires de France) v.v... Xin cứ đọc nhanh, F ép, F dẹp, B52 bẹp... ta sẽ cảm thấy sự nhảm nhí của bài thơ, của hình ảnh, tẩu thanh, ngữ âm... tất cả đều chỉ "nói" được ý coi thường, chế giễu, hạ cấp... không hơn một câu tuyên truyền nhão nhoẹt, còn thua xa "Đánh con ma..., Cánh cụp cánh xòe... (12). Nhưng ông Đặng Tiến vẫn cứ tán rộng và khen lấy khen để. Đó là quyền của ông ấy. Xin qua. Xin tạm thời tách khỏi ông Đặng Tiến và ông Trần Mạnh Hảo, trả lại cái khuôn kỹ thuật phê phán thi ca rất tinh vi và tối tân của ông Tiến cũng như cách phê phán thuần trực cảm, cũng rất Tây phương, của ông Hảo (dấu trong lớp vỏ truyền thống VN, không mấy uyển chuyển mềm mại) để được một mình buông vào Lê Đạt trong vùng *Bóng Chữ*.

*

Liễu đầu cành
độc thoại đoạn trường xanh

Xanh? - Tôi chống lại liên tưởng, ám chỉ. "Xanh" liền mở xanh bát ngát mênh mông. Tự nó thôi, không cần nghĩa, chữ, âm của nó ccũng mênh mông. Cụm đoạn trường không thêm gì cho thơ ấy. Kéo độc thoại sát vào Xanh.

Khổ vận kép (độc và thoại) rơi tõm chết trôi trong sóng âm xanh hoang dạt. Les éléments prennent la parole. Đủ rồi. Sublimation, thăng hoa, bỏ qua cái trung gian, cái nối. Nếu quả thật thi pháp độc đáo của Lê Đạt là từ, cụm từ, với tất cả khả năng thơ của chúng... trong đột biến thăng hoa, thì cụm đoạn trường xanh khiến nó thất bại vì tạo liên tưởng, mà liên tưởng là nối... Sử dụng liên tưởng trong thơ vẫn là một điều thông thường. Nhưng khi liên tưởng bị cố tình lạm dụng, người lạm dụng trở thành biển lận như trong chấp chiếm sở hữu công nghiệp, ăn cắp mẫu mã của người ta. Nguyễn Du vận dụng liên tưởng tài tình, để phụ vào cái ngôn ngữ riêng có của Cụ vốn tự nó đã rất đẹp. Cụ tả tiếng đàn của Kiều: Tiếng khoan như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa..., hay "bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay". Thơ Cụ làm ra cho tiếng đàn Kiều tự nó đã đẹp rồi, còn như liên tưởng đến: *Hán Sở chiến trường, Phụng Cầu, khúc Chiêu Quân*, chỉ là minh họa thêm, dầu bỏ chúng đi, thơ ND vẫn cứ đẹp. Ngược lại, khi nào Lê Đạt cố tình vơ vào từng đống ngoại vật do liên tưởng của người đọc, thì chất Lê Đạt biến mất, chỉ còn là những lắp ghép theo kiểu mỹ thuật, mặt hàng mỹ nghệ, mà tác giả của chúng xuống hàng nghệ nhân. Thật ra chính ông Đặng Tiến, qua tán tỉnh không tiết chế, đã hạ Lê Đạt xuống, còn thì Lê Đạt không hoàn toàn là thế:

Thu nhà em

Anh đến mùa thu nhà em
Nắng cúc lăm răm vũng nhỏ
Mà cho đấy rửa lông mày
nông nỗi heo may từ đó

Mưa đêm tuổi nổi ao đầy
Đồi cốm đường thon ngõ cỏ
Bướm lượn bay hoa ngày
Tin phấn vàng hay thuở gió

Tóc hong mùi ca dao
Thu rất em
và xanh rất cao
(Thu nhà em, Lê Đạt)

Từng nhóm từ đụng nhau làm tóe ra xung động, rồi chuyển thành rung động ở tâm thức người đọc. Đó thật là chất Lê Đạt, thật là phong cách "thăng hoa" là cái ĐẸP tự có của thơ. Trừ câu chót làm dáng, nhưng vẫn đẹp do thanh bình nhẹ như mây, mặc dầu điểm hai trắc "rất". Xin được từ khước chân rán ông Đ.T vẽ thêm vào. Đó là Lê Đạt. Vậy đủ rồi.

Lê Đạt tự phản bội mình trong ý hướng tạo hình nghệ thuật, và phản bội "phương pháp thăng hoa" của anh chừng nào anh hùng hục đẽo, lạm dụng

từ, ngữ, đến bão hòa, no ớn:

Anh rừng anh hái hoa
hoa lúm hóa bông thắm
hoa hồng môi thật hồng
em đùa em lấy chồng
hoa cho bông chết đắng

anh lòng anh hái hoa
hoa hái hoa bông thắm
hoa bông hoa rỏ hồng
hoa hồng bông hồng bông
(tr.18, Hái Hoa, Lê Đạt)

Ông Đặng Tiến khen bài thơ này hay, sau khi bẻ nát nó ra để đếm đường bao nhiêu, bột bao nhiêu "hai từ bông hoa lập lại... tỷ lệ 40 %, rồi 50 % ở khổ cuối" rồi nói: "Toàn bài thơ làm chúng ta choáng ngợp trong rừng hoa, giữa trăm vạn màu sắc chao đảo trong một vũ trụ ngửa nghiêng và một tấm lòng ngây ngất".

Tôi cố gắng vận dụng nhạy cảm mà không thấy *muôn vạn màu sắc,* chỉ thấy một màu hồng đơn điệu, no-bão-hòa không thấy *chao đảo*, chỉ thấy *chật cứng*, không thấy *vũ trụ ngửa nghiêng*, chỉ thấy không gian màu đỏ *giới hạn, chết cứng*... Có lẽ vì tôi ở phương Đông lỏng lẻo, vốn ưa thích cái tiêu sơ lơ thơ tơ liễu, trắng điểm một-và..., rơi một lá ngô đồng... nên không cảm nhận được cái ĐẸP en série sản xuất công nghiệp mà ông chủ hãng cảm nhận khi đứng nhìn nhà máy tuôn ra đều đặn liên miên trên băng tải vô tận? Tôi biết có loại hình nghệ thuật trong hội họa gọi là biểu cảm bằng số lượng lớn (L'expression par la quantité) thí dụ của Arman hoặc chùm biểu tượng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần (effigie à répétition) thí dụ của warho có dụng ý đem người coi vào cuộc làm chiều thứ ba của tác phẩm nghệ thuật. Thế nhưng tất cả những cái hay nhỏ được lặp lại góp cho số lượng, đều có khác riêng của nó. Trong bài thơ *Hái Hoa* trên, không có những cái đó. Âm "ông" trong Hồng, Bông... nằm ngang trên một cung bình thanh ông-ông-ông-ông, ồng-ồng-ồng... nhàm chán vì quá nhiều. Nếu Lê Đạt dùng kỹ thuật điệp âm đó để tạo một ấn tượng no ứ đến chán ngấy thì quả thật ông đã thành công (về mặt kỹ nghệ thuật), nhưng để tạo ra cái hiệu quả nghệ thuật mà ông Đặng Tiến vừa khen nức nở, thì không. Bài thơ *Hái Hoa* này của Lê Đạt là một sản phẩm trò chơi điện tử, rơi đúng vào vùng cảnh giác của nhà thơ Nicolai Giskov (Nga):

Le Mot
Le mot est un monde autre, à part

Equivalent à ce qu'il nomme
Qu'il se répande, trop bavard
Ét il perde ses subtances et forme

(xin tạm dịch ý:

Mỗi từ một cõi riêng
Vừa khớp cái nó gọi tên
Nó vung vãi, ba hoa, lát xát
liền mất cả hình hài và thực chất).

Tôi chưa được đọc hết và đọc kỹ thơ Lê Đạt, chỉ mới đọc được những bài mà ông Đặng Tiến trích dẫn để phê phán (13), nên tôi chỉ mới cảm nhận được đôi điều mà thôi:

1. Lê Đạt không tự cách biệt khỏi anh em trong giới thi ca VN hiện nay, ông Đặng Tiến bốc Lê Đạt ra, đưa ông vào thế cô lập. Thật vậy, trong cảm thức:

Lê Đạt (dặn dò người tình sau khi anh chết hãy trồng lên phía đầu mộ anh)

Một gốc hoa mận trắng
Để lòng ríu rít cành
Nhìn bướm cười cánh nắng

Bùi Giáng:

Rồi ta gục đầu trên trang giấy hão
Em bảo rằng
- Đừng tuyệt vọng nghe không
Còn trang thơ thắm lại với trời hồng
(phụng Hiến, Sài Gòn - Anh Làm Thơ Yêu Em) (14)

Hoàng Hương Trang
(Cho người lính thân thương
đã mất cả mạng kiếp và hình tượng)

Chừng trông vẫn rực bóng anh
Trong tim ai đó còn dành tiếc thương
(Mây Nổi, Chỗ Anh Ngồi)

Trong từ, ngữ, trong vận hành ngôn ngữ:
Lê Đạt: *Lúa con gái lam rùng rình nổi gió*

Trần Mạnh Hảo: *Gió chạy ven đường như trẻ con* (một Mình Với Mù Khô - Mình Anh Trong Một Thế Giới)

H. Hương Trang: *Nắng đã úa sang phía trời xuân* (Phía Trời Xuân-mây Nổi)

Hoài Anh: *Ôi những chiều áo vàng-Tất trời còn đọng nắng* (Một Khung Cửa, Một Quãng Đường)

Khánh Chi: *Và tôi lặng đi-Hạnh phúc ơi người ở đâu-Sao không lên cùng mặt trời-San sẻ cho tôi nắng.*

Còn nhiều cái giống nhau giữa Lê Đạt và những người thơ khác, nhiều không kể hết được... Anh không "vọt" lên riêng mình một cõi như cõi lạ ngôi-sao-lẻ-loi, như ông Đặng Tiến ca.

2. Lê Đạt quả thật có thử toan một kiểu tạo hình mới cho thi ca: "thăng hoa" hiểu theo kiểu vận dụng tất cả khả năng biểu mỹ của các từ, thả cho chúng va chạm vào nhau mà không cần nối và chuyển, gây những nhảy vọt qua khoảng trống, giống như tia lửa điện nhảy qua khoảng cách giữa hai cực điện. Kiểu thơ này có lạ chút đỉnh với VN, chút đỉnh thôi, đã có nhiều nhà thơ của ta thử rồi, (tuy chưa gom thành bó rõ nét), đây Trúc Chi:

Sầu sao Khuê nhện giăng
Một nửa em vầng trăng
(Diễm Xưa, Sài Gòn, TG/ALTYE)

Còn đối với người ta thì Lê Đạt không lạ mà cũng chẳng mới gì.

Ở phần thế giới có tiến bộ kỹ nghệ, kỹ thuật phát triển sớm, cách đây hàng mấy chục năm, người ta đã muốn buông bỏ loại nghệ thuật, trong đó thi ca trữ tình mang nặng tính trừu tượng. Bởi vì ngay từ định nghĩa của nó, nó đã khước từ mọi quan hệ với thực tại ngoại cảnh: đó là loại nghệ thuật chạy trốn khỏi, và khước từ cuộc sống. Khuynh hướng nghệ thuật hiện thực đã tiến lên chiếm chỗ và được coi là tiên tiến. Nhưng ý niệm hiện thực lần lần lại bị cuốn vào hiện thực lý thuyết, sách vở, và lại còn trừu tượng hơn cả nghệ thuật trữ tình mà nó đã gạt bỏ: khi mà mọi thể chế chính trị, giáo dục, kinh tế, xã hội chỉ chú tâm vào những cái phổ quát, cái tiêu chuẩn và phân loại hóa... mà bỏ rơi cái cá vi thể, độc biệt của mỗi con người, vì nhu cầu quản lý, nhu cầu vận dụng... thì hiện thực chủ nghĩa lại trở thành trừu tượng. Lúc đó, chúng ta có thói quen ý thức hóa đến cực độ mọi cảm quan của chúng ta.

Một hình ảnh mà ta thu nhận gọn lỏn trong một thoáng nhìn, lập tức chuyển thành ý niệm đơn thuần, và bởi đó mà nó làm mất đi rung động của tình cảm. Đó chính là đối tượng đánh phá của những thủ đoạn mới trong nghệ thuật. Vấn đề tiên quyết là đánh vỡ cái ù lì lười biếng trong "thưởng ngoạn" nghệ thuật và tạo nên thái độ chia sẻ tích cực, sự tham gia, của người thưởng ngoạn nghệ thuật nói chung và thi ca nói riêng... tất cả những thử

toan như vậy cho thi ca đã diễn ra từ lâu rồi trên thế giới... Nhưng cũ người mới ta là trường hợp Lê Đạt với *Bóng Chữ*. Lê Đạt không phải nhà thơ đầu tiên đã thử toan loại hình "thăng hoa của từ ngữ" trong thơ, như chúng ta đã nêu ở trên, nhưng anh là nét đậm đặc, *cố tình, không dấu diếm*... lại được ông Đặng Tiến thổi phồng lên quá độ bằng chân rắn tua tủa... (15).

3. Lê Đạt có thành công trong loại thi ca "thăng hoa từ ngữ" nhưng chỉ trong những bài, những câu thơ, mà anh không quá mức trong *điển cố* qui chiếu nặng nề, lắp ghép dồn cục, và những khi anh không lạm dụng các giá trị của từ ngữ. Những lúc đó người đọc thơ anh thật sự thấy mình "vất vả một cách sống động, thích thú" trong tâm trạng khám phá có khi đến đồng sáng tạo với tác giả. Ngoài ra thì anh thất bại: thí dụ trong bài *Hái Hoa, B52*... lúc đó, thơ của anh rơi xuống nhảm nhí, lố bịch, cợt nhả đến xúc phạm người đọc, hoặc chỉ đạt tới giá trị mặt hàng mỹ nghệ, kỹ nghệ thuật mà thôi.

*

Riêng với nhà phê phán VHNT Đặng Tiến, tôi có những cảm nhận thô thiển như sau, xin được nói ra:

Ông Đặng Tiến biết nhiều và biết rất rõ về thuật ngữ, cũng như mọi công thức chuyên biệt, của mọi ngôn ngữ học, giống như một nhà kỹ thuật có thể giảng giải cho khách hàng tất cả mọi linh kiện cấu tạo nên một món hàng nào đó: đó là cái sở học chuyên biệt cao độ của ông, điều đó đã được trưng bày trong bài viết về *Bóng Chữ* của ông, và riêng tôi, tôi coi là thật có. Đọc Đặng Tiến tôi cảm thấy mình đang đọc một cuốn giáo khoa dạy cách đọc thơ cao cấp (16), và thích thú như đang nghe một ông kỹ sư chỉ dẫn cho biết: đây là mạch IC, kia là vít-lửa, đó là bộ truyền lực, nọ là bộ nhún... những lignes này vẽ như thế là để thỏa mãn yêu cầu khí động học v.v... Rồi đột nhiên ông tấn thán: chiếc xe hơi này đẹp tuyệt vời, nhất, siêu đẳng! Phải không ông? Tôi đáp phải, vì những điều ông vừa giảng giải thật chính xác. Nhưng một lát sau, khi cái ấn tượng đẹp mà ông Đặng Tiến ép vào tôi chợt tan đi...? Thì ra cái "chính xác" không bao giờ đẹp cả. Lê Đạt trốn nó, bằng "thăng hoa", Đặng Tiến đem nó chụp ngược vào Lê Đạt. Mấu chốt của vấn đề là ở đâu? Là có tiêu mới hóa được. Có hóa mới biến nguyên liệu sống thành dưỡng chất nuôi cho nghệ thuật, đem cho nó cái đẹp. Ông Đặng Tiến chưa tiêu hóa được kiến thức mà ông học được. Kiến thức đi vào Tâm thức, chuyển qua Tâm cảm, lên tới vùng trực cảm... ở đó thiên-sai-vạn-biệt vào nhất như sinh thể TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT. Ở phía dưới là vùng kỹ nghệ thuật. Ông Đặng Tiến còn ở đó. Ở đó, ông có cố gắng đến đâu, vận dụng hết kho kiến thức của ông, ông cũng chỉ có thể "thấy" được cái đẹp chính xác của cấu trúc..., như bộ xương cá..., chứ không thể mê ly với cái đẹp của một con cá lìm kìm đang sống và vẫy vùng trong nước. Ông Đặng Tiến thật sự đáng thương (trong ảo vọng hôn phối với nàng Thơ) (17).

"Hoạt động nghệ thuật biểu hiện cùng lúc trong sáng tạo và hưởng thụ cái đẹp (...). Người ta cho rằng trong vui hưởng nghệ thuật, tâm hồn ta thoát khỏi (vượt thoát) chính nó và hòa nhập vào một hữu thể khác." (L'activité esthétique se manifeste à la fois dans la création et la contemplation de la beauté (...). On dirait que dans la jouissance artistique, la conscience sort d'elle-même et s'absorbe dans un autre être) (Alexis Carrel trong L'homme, cet inconnu).

Ông Đặng Tiến không chịu ra khỏi nhà kho kiến thức và cái *sa mạc tâm thức cơ giới tính, duy lý, robotique,* của ông, nên không thể gặp được cái đẹp của thi ca, nói gì đến phê phán nó.

Mong ông về phương Đông một chuyến. (18)

XUÂN VŨ (NGUYỄN KIM ANH)

ĐẶNG TIẾN GHI CHÚ VỀ BÀI CỦA XUÂN VŨ NGUYỄN KIM ANH

(1) Trần Mạnh Hảo có hung hãn, thô bạo, nhưng không *"cạn tàu ráo máng"*. Với Hảo, tôi vẫn giữ chút tình riêng.

(2) *Hành trình qua sa mạc* là một thành ngữ trong tiếng Pháp, Traversée du désert, chỉ giai đoạn khó khăn nhất thời của bậc anh hùng, đặc biệt là tướng De Gaulle thời kỳ tạm rút lui khỏi chính trường (1947-1958). Ý tôi muốn tôn vinh lịch sử thơ ta. Ông Xuân Vũ hiểu đúng điều này (2b) nhưng ở nhiều đoạn ông vẫn nói ngược lại.

(3) Sai. Tôi là công dân Việt Nam. Sai lầm do câu TMH giả thiết: *"Dù ông ĐT có là công dân Pháp đi nữa..."*. Thiên lôi đánh xuống, bay mất cái "dù".

(4) Mấy bài này xưa lắm, có bài được phổ nhạc, phổ sang cả cải lương.

(5) Nguyên văn tôi viết: *có dăm mười ốc đảo...* là cũng khá nhiều.

(6) Đúng.

(7) Nguyễn Minh Châu, trong một bài viết dài về Nam Cao, còn trích câu: *làm người mà được ăn cơm thì thật sướng.*

(8) Tôi có nói đến "cái khác" nữa đấy chứ? Nhưng đâu dám nói nhiều, sợ không có báo nào đăng. *Người Hà Nội* đăng bài tôi là cũng đã liều mạng lắm.

(9) Nói thế thì còn ai dám cãi?

(10) Xin cám ơn lời khen, nhưng thật tình tôi không dám nhận, sợ... Hảo giận!

(11) *Không thể tìm được một người... không hề có...* Mách Xuân Vũ một người: ông Trần Mạnh Hảo, trong bài ông ấy viết về thơ Lê Đạt, đăng trên báo QĐND tháng 7-1994, in lại tùm lum ở nước ngoài, tạp chí Thơ, California, xuân 1995,...

Đầu dây mối nhợ là đây...

(12) Câu này tác giả viết dũng cảm. Người Việt ở nước ngoài mà viết kiểu ấy là đời tàn luôn.

(13) Hoan nghênh sự ngay thẳng, thành thật của Xuân Vũ.

(14) Lâu lắm mới được đọc thơ Hoàng. Nhờ Xuân Vũ, nếu gặp chuyển lời thăm hỏi của chàng Ký Cóp.

(15) Cả đoạn này Xuân Vũ viết đúng và sâu sắc. Biết đâu chẳng nhờ vào... chân rắn?

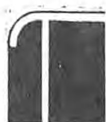
(16) Đúng và tinh ý: bài viết của tôi, nguyên gốc là bài giảng văn bằng tiếng Pháp tại Đại Học Paris 7, tháng 4-1995.

(17) Đáng thương mà cũng may. Mới yêu thơ, đã bị các ông cho ăn đòn hội chợ, ngày nào *"hôn phối với Nàng Thơ"*, nội công ngoại kích, sống nhờ vào đâu?

(18) Tôi cũng chỉ mong có vậy. Ngày ấy... chúng ta sẽ cụng ly trăm phần trăm, nâng lý tưởng "uống chỉ cần say" quá độ lên lý tưởng "uống chẳng cần say"... ngày ấy... ai muốn kiếm tôi ở VN, xin cứ hỏi Trần Mạnh Hảo. Ngày ấy... e còn phải hỏi qua Hai T.

Tôi đã tình nguyện chữa bớt những chỗ in sai trong bài Xuân Vũ, nhất là ở thơ trích.

ĐẶNG TIẾN
Paris 31.8.95



TRẦN NGỌC TUẤN

mãi một mùa đông

Không vàng, không nắng, không heo may chìm đáy cốc
Thành phố xanh xao như người bán máu
Tiếng ma xó góc nhà
Đếm từng chữ trong thơ
Thi sĩ co mình trên chiếc ghế

Mùa đông mãi còn đây
Chiếc kim đan của Nàng Bân đã gẫy
Con dơi màu nâu đâm vào cột đèn tuẫn tiết
Em đi lấy chồng
Lưỡi hái tử thần rình rập những trang văn
Người già có thể yêu một cô bé tẻo teo
Có thể ngâm mùa đông vào chai rượu thuốc
Nhưng tại sao? Cái lũ làm thơ
Cứ phải sợ tiếng ma xó thầm đếm chữ
Cô bé có gai
Nhưng cũng là than hồng nếu anh biết thổi
Ấp trong tay, bút chẳng còn run nữa
Lấp lánh vàng trong mỗi tứ thơ xanh

TRẦN NGỌC TUẤN



HOÀNG LỘC

mùa xuân có nói giùm anh?

mùa xuân có nói giùm anh
những điều anh không thể nói

như cây nói giùm chuyện núi
nước buồn than thở đời sông
gió hát theo mây phiêu bồng
nương bật lời hoa mới nở

những điều lòng anh vẫn giữ
mùa xuân nói giùm anh không

hiu hiu chút nắng tàn đông
giọt sương vơi đầu ngọn cỏ
làm người đã đành một thuở
yêu em có đành suốt đời

những điều anh đau đớn hoài
mùa xuân dường như đã biết

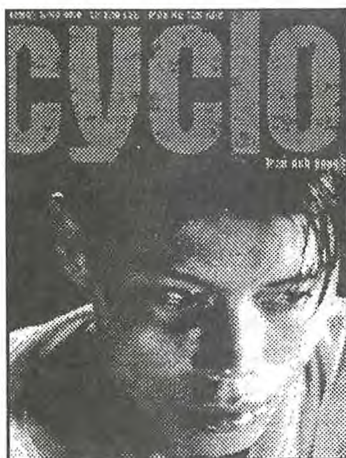
em nghe kìa trong giọt mật
vỡ òa vị đắng tình ong
những điều khiến lòng sợ mất
mùa xuân nói giùm anh không?

HOÀNG LỘC



ĐẶNG TIẾN

xích lô
Sư Tử Vàng tại Venezia 1995



Nhà đạo diễn trẻ tuổi Trần Anh Hùng vừa đoạt giải Sư Tử Vàng, là giải thưởng điện ảnh cao nhất tại Đại Hội Mostra lần thứ 52 tại Venezia (Venise, Ý) ngày 9.9.1995 với phim *Xích Lô (Cyclo)* vừa quay xong tại TP Hồ Chí Minh. Tác phẩm là thành quả mối hợp tác Việt Pháp, do Christophe Rossignon của hãng Lazennec thực hiện cùng với phim trường Giải Phóng. Đúng ra là phim của hai nước, nhưng nhiều báo, như tờ Le Monde (Pháp) rất nghiêm túc ngày 12.9.95 đã chạy tiểu tựa: *Giải Sư Tử Vang cho phim Việt Nam* với hình Trần Anh Hùng, chân dung ký họa ngay trang đầu. Âu cũng là vinh dự cho nền điện ảnh nước ta.

Độc giả còn nhớ: Trần Anh Hùng là tác giả *Mùi Đu Đủ Xanh* đã từng đoạt giải Ống Kính Vàng tại Cannes năm 1993 và César 1994 tưởng thưởng tác phẩm đầu tay. Lần này, anh phải tỉ thí với những tác phẩm, tác giả thượng thặng, những guồng máy điện ảnh đồ sộ trên thế giới. Tên tuổi nhỏ nhoi, khởi hành từ hoàn cảnh từ tốn, một xứ sở điêu linh, Trần Anh Hùng lại biểu diễn lại màn châu chấu đá xe. Câu tục ngữ còn là biểu tượng: từ những hình ảnh sâu bọ trong *Mùi Đu Đủ Xanh*, địa đàng của tuổi thơ, ống kính Trần Anh Hùng đã quay xuống thế giới trầm luân của... xe ba bánh. *Xích Lô* là những mảnh đời đẫm máu, mồ hôi và nước mắt.

Phim được quay tại TP.HCM trong bốn tháng (11.94 đến 02-95) sau chín tháng chuẩn bị. Ngoài Lương Triều Vỹ, tài tử Hồng Kông, các diễn viên khác đều là người Việt. Trần Nữ Yên Khê, đã xuất hiện trong *Mùi Đu Đủ Xanh,* đóng vai người chị, là Việt Kiều tại Pháp, bạn đời của Trần Anh Hùng. Lê Văn Lộc, vai Xích Lô, là phu xe thật sự, chưa hề đóng phim. Từ đó, kỹ thuật diễn xuất khác nhau về mặt chuyên nghiệp có nét bất ngờ và truyền cảm. Trong phim, các nhân vật đều không có tên, họ vô danh như cuộc sống.

Cốt truyện: Một thanh niên hiền lành, cha đã là xích lô, tiếp tục hành nghề để nuôi thân và giúp gia đình gồm có một ông nội già, người chị và em gái. Cuộc sống lam lũ, nhưng bình thường, cho đến ngày anh bị cướp đoạt xe do chính mụ chủ xe tàn ác chủ mưu. Anh chàng không có tiền đền, phải chịu làm tay sai cho một băng đảng ác ôn dưới quyền sinh sát của tên "Nhà Thơ (Lương Triều Vỹ) làm đầu nậu. Hắn còn chứa điếm, đã đưa cô chị của Xích Lô vào đường mãi dâm hạng sang. Từ cuộc sống thơ ngây, anh xích lô lún dần vào bạo lực và tội ác: phá hoại, đốt nhà, giết người, chuyên chở cần sa, ma túy. Nhờ một tai nạn lưu thông, anh ta tỉnh ngộ và nhớ lại đạo lý mà người cha đã dặn dò, nhưng đã muộn. Kết cuộc: Tay "Nhà Thơ" lưu manh và khát máu đã tự thiêu sào huyệt và kết liễu cuộc sống phi lý của mình. Mụ chủ xe có đứa con tật nguyền bị xe vòi rồng cán chết; sau tai nạn, mụ cũng hồi tâm, phóng thích tên xích lô vừa mới tự tử hụt. Anh thanh niên vô tội trở về nhà xưa và nghề cũ, đạp xe đưa ông nội, chị và em đi một vòng dạo phố, giữa một đô thị đang được canh tân đẹp đẽ.

Cốt chuyện là phần yếu nhất của tác phẩm, yếu theo hai nghĩa: nó không quan trọng, chỉ làm cái cớ để tác giả phát huy quan điểm nghệ thuật, tài năng đạo diễn, thậm chí những huyễn dục của mình. Yếu còn có nghĩa là... dở. Vì giả tạo, rối rắm, không duy lý. Khán giả trung bình không phải ai ai cũng sành nghệ thuật; họ cần những tham số cụ thể, thuận lý, để tự xác định vị trí, sau đó, nhiên hậu, mới "hiểu" được tác phẩm và đánh giá. Chưa kể cuốn phim dập dồn sự cố, lại toàn là sự cố tàn bạo, khó hiểu, xen kẽ với những ngoại cảnh ngoài đề, ầm ĩ, ồ ạt quay cuồng theo ống kính. Người xem càng không hiểu càng nhức đầu, chóng mặt, đành gật gù tự an ủi: hiện đại mà!

Nghệ Thuật: Dĩ nhiên, không ai đi đo một tác phẩm, nhất là điện ảnh, bằng cốt chuyện. Tìm hiểu phong cách và dụng tâm của tác giả, chúng ta hãy nghe Trần Anh Hùng lý giải: *"Ở điện ảnh, tất cả đều là mùi vị, là vật chất. Từ khởi điểm đơn giản này, mọi người phải thao tác để phát huy những cảm thụ trước tầm quan trọng của vật thể, những phức tạp trong một bầu không khí, mà thường thường điện ảnh phải giảm bớt trên màn bạc. Do đó, tôi nhấn mạnh vào sức mạnh của âm thanh, thể chất, màu sắc, cỏ cây, sâu bọ. Tôi muốn truyền đạt đến khán giả cả cái ngột ngạt, cái hâm hấp, cái nồng nặc. Kỷ niệm ấu thời của tôi không dừng lại ở giai thoại; nó là những xúc cảm được tôi cố tâm phiên bản thành hình tượng. Hình tượng có khi thô bạo như cái đuôi thằn lằn trong mồm anh xích lô khi hắn xin được trở về với thế giới tội ác. Một tác*

phẩm điện ảnh giúp ta ước lượng được cảm quan và thế giới nội tâm của người xem. Nhưng nếu có người đi lệch, hiểu chệch cũng không sao: nội giới của họ không cần đến tác phẩm, hoặc không cảm thụ" (Trả lời Nguyệt san Điện Ảnh Studio, Paris, 10.1995).

Quan niệm này giải thích rộng rãi cuốn phim thậm chí, giải mã một số tình tiết, theo tác giả, có thể làm cho *"lắm trí thức bực mình"* (Phải chăng: không trí thức thì... ráng chịu?).

Để vận động cảm xúc, tác giả đã sử dụng, có khi lạm dụng, nhiều kỹ thuật thu hình, chuyển hình, trá hình. Từ cách lấy cận cảnh, hơi nhiều, đến việc chọn góc độ, tạo màu sắc, pha trộn âm thanh, gạn lọc chi tiết, khi phản ánh, khi liên kết, thường thường là đối lập hình thể, trong tư thế thường xuyên ẩn dụ hay hoán dụ. Ống kính Trần Anh Hùng lục vấn, thậm chí tra tấn trần gian; khán giả vừa thưởng ngoạn vừa chịu trận, phải thường xuyên nhạy bén mới theo kịp cuộc chơi và chắp nối được những gãy đổ, gián đoạn, không những giữa phân cảnh, mà còn giữa ý thức và tiềm thức, giữa xúc cảm và luận lý, giữa hiện thực và hư cấu, giữa phản ánh và tư tưởng. Nhưng thế nào rồi cũng có chỗ rạn nứt giữa tham vọng thẩm mỹ và ẩn ức tâm lý của bản thân người làm phim, giữa tác giả và tác phẩm, giữa đạo diễn và người xem.

Ngoài ra, người xem còn đặt nhiều câu hỏi khác bên lề vấn đề nghệ thuật: dù cho hư cấu, tác phẩm có phản ánh phần nào xã hội Việt Nam hiện nay hay không? Những tội ác và sa đọa trong phim là hư cấu, hay là những biệt lệ hay là tiêu biểu? Những cảnh bạo lực vơ cớ hay vô cố, có ý nghĩa gì? Và sẽ có tác dụng gì?

Anh xích lô, còng lưng đạp xe từ đời cha đến đời con, sau khi thoát hiểm nhờ phép lạ, lại trở về với thân phận người ngựa ngựa người. Niềm vui và điểm tựa cuối cùng vẫn là gia đình trong cấu trúc hụt hẫng vì thiếu hạt nhân chồng vợ; Phải chăng anh xích lô là con mèo hoang tìm về máng xối để liếm láp vết thương? Cuộc đời này, không lẽ chỉ hứa hẹn có vậy sao?

Trần Anh Hùng là bậc tuổi trẻ tài cao, dịu dàng, thâm trầm, bi quan và tàn nhẫn.

ĐẶNG TIẾN
Paris 24.9.1995



NGÔ TỊNH YÊN

phút nhận ra mình

Tôi lầm tôi hạt cát
không giận hờn dấu chân
tôi lầm tôi màu sắc
vay mượn chút hào quang

Tôi lầm tôi hạnh phúc
đem chia sẻ cho người
tôi lầm tôi thành thực
dối lừa cả chính tôi

Tôi lầm tôi tốt đẹp
thấy đời toàn xấu xa
tôi lầm tôi bất diệt
trong năm tháng phai nhòa

Tôi lầm tôi vũ trụ
thấy cuộc sống nhỏ nhoi
tôi lầm tôi rực rỡ
trong phản chiếu mặt trời

Tôi lầm tôi duy nhất
tất cả là số không
tôi lầm tôi độc ác
cuộc đời bỗng bao dung

....
Tôi chợt nhận ra mình
sung sướng như trẻ thơ

NGÔ TỊNH YÊN



LÂM CHƯƠNG

em xuân

xa xứ
em xuân về rất lạ
trắng một màu
rơi rụng trắng tôi
môi lạnh
hững hờ không đợi tuổi
em xuân người
áo rét
ngó lưng trời
ái ngại một mùa đông.

em xuân tôi
năm cũ quê nhà
má đào thơm
hơ hớ đương thì
con mắt biếc đưa tình như gợn sóng
chưa qua cầu
áo đã muốn bay
tôi trai tráng đầu đình
giả đò quên chiếc áo
tay vin cành sen
ngó em cười chúm chím
muốn ướm hỏi
xuân em tròn mấy tuổi
mà ngại ngùng mắc cở làm thinh
tôi trèo lên cây bưởi
tôi bước xuống vườn cà
run tay không dám ngắt nụ tầm xuân
nên tiếc ngẩn những ngày tôi xa xứ.

LÂM CHƯƠNG



NGUYỄN MẠNH TRINH

nói chuyện với khánh trường



LTS: *Để thay bài tổng kết năm năm hiện diện của HL, và cũng để trả lời chung vài câu hỏi của rất nhiều độc giả (cả trong lẫn ngoài nước) thường thư cho tòa soạn: Ngoài mục đích "hợp lưu" mọi dòng chảy của văn học Việt Nam, HL còn có "mưu đồ" nào nữa không? Có chăng một "thế lực chính trị" đứng sau lưng HL? Hướng đi và hướng đến của HL trong tương lai? v.v... Tòa soạn mượn bài phỏng sau đây, của nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, thực hiện cho cuốn sách* "Nhà Văn Nói Với Chúng Ta" *(lẽ ra đã ra mắt độc giả, nếu không gặp vài trở ngại kỹ thuật) thay những câu trả lời.*

HỢP LƯU

•

- Khánh Trường, họa sĩ. Khánh Trường, nhà văn, Khánh Trường, nhà thơ. Khánh Trường, làm báo. Khuôn mặt nào chân thực nhất của Nguyễn Khánh Trường?

- Tôi cố gắng chân thực khi làm bất cứ công việc gì, không cứ những việc trên.

- Nhưng công việc nào anh thích nhất? Nghĩa là tiêu biểu cho sự sáng tác của anh?

- Văn chương, nghệ thuật, nếu không mê, chả ai dại gì hệ lụy. Còn chuyện tiêu biểu, anh lạ gì câu nói của ông bà ta: "Nhất nghệ tinh nhất thân vinh". Tôi không "nhất nghệ" nên chẳng bao giờ "thân vinh" cả. Tôi làm thơ dở, tôi vẽ vời tầm thường, tôi viết lách thua kém mọi người, và tôi làm báo chả khác

gì nông dân làm ruộng, vất vả trăm bề! May ra còn một điều tạm được: tôi yêu công việc đang làm, và làm với tâm thành cùng nỗ lực tối đa khả năng cho phép.

- Những công việc trên bổ sung hay đối nghịch nhau?

- Ba công việc đầu: làm thơ, viết văn, vẽ tất nhiên có họ hàng mật thiết, chúng bổ sung cho nhau gắn bó. Tùy tâm cảnh, đề tài, có lúc tôi làm thơ, có khi tôi vẽ hay viết. Anh là một nhà thơ, hẳn anh hiểu: do giới hạn của thể loại, nhiều điều không thể gói ghém được trong một bài thơ, phải dùng văn xuôi để chở; lại có những suy nghĩ, hình ảnh chỉ đến với người thưởng ngoạn hiệu quả nếu sử dụng ngôn ngữ màu sắc. Cho phép tôi "đại ngôn" một tí: đa phần những họa sĩ, khi viết văn, làm thơ, thường có được lợi điểm: nhờ thói quen quan sát, nhìn ngắm, so sánh, sắp đặt bố cục... họ dễ dàng hơn khi dựng lại một câu chuyện hoặc đi vào ngóc ngách của ngoại vật và nội tâm. Nói ví von, họ có khả năng tô màu cho một mùi hương, một nỗi buồn, một niềm hoan lạc...

Riêng công việc thứ tư: báo chí, chẳng những không bổ sung tí nào cho ba công việc trên, trái lại, còn giết chết chúng. Báo chí kéo ta trực diện đời thường. Nói cách khác: làm báo, dù báo văn học nghệ thuật, vẫn không thể không hệ lụy với thời sự. Một khi đã hệ lụy với thời sự, ít nhiều gì cũng bị nó vấy bẩn. Mặt tinh thần thì thế. Mặt công việc, vướng vào báo chí, thời giờ bỗng nhiên ngắn lại đến lạ lùng. Tôi làm tờ *Hợp Lưu*, chỉ hai trăm năm mươi hai trang, hai tháng mới ra một lần, thế mà không ngày nào tôi không tốn cho nó, chí ít, cũng năm bảy tiếng đồng hồ. Anh thừa biết làm báo ở hải ngoại là một hình thức "một mình một ngựa", chủ báo phải kiêm nhiệm tất cả mọi công việc, từ chủ biên chủ bút đến quản lý, trị sự, và... cu li: viết bài, đọc bài, chọn bài, đánh máy bài, trả lời thư độc giả, văn hữu, viết thư, điện thoại xin bài, ghé nhà in, mua văn phòng phẩm, vô bao bì, đóng gói, rập tem, khuân vác, ra bưu điện, hốt rác, quét văn phòng... Hàng trăm công việc linh tinh, tủn mủn, rất hiếm thì giờ nghỉ ngơi, nói chi nghĩ ngợi và viết lách? Một bạn văn sống lâu trong nghề báo, đùa: Bạn ghét ai, hãy xúi nó làm báo đi, bảo đảm đời nó sẽ tàn nhanh chóng! Đùa, nhưng không phải vô căn cứ!

- Trước khi đi sâu hơn nữa vào các lãnh vực chuyên môn, anh có thể cho biết một tí về cá nhân mình: đời sống trước 1975, sau 1975 và ở hải ngoại?

- Sinh ra, lớn lên, đi học, đi giang hồ, đi làm... du đãng. 1968: đi lính, 1970: Bị thương. 1972: giải ngũ. 1986: Vượt biển đến Thái Lan. 1987: định cư ở Mỹ, Nam California. Nghề chính: không có. Nghề phụ: thập cẩm. Một cuộc đời nổi trôi, hư hỏng và tầm thường đến chính chủ nhân cũng phải... thở dài!

- Đời sống ấy có ảnh hưởng đến sáng tác của anh không?

- Tất nhiên. Có người bảo văn chương tôi là văn chương của một... tên du

đãng!

- Anh có bị xúc phạm bởi nhận xét trên?

- Không. Tôi thế nào văn tôi nó thế ấy, xúc phạm nỗi gì? Văn chương du đãng, văn chương gia huấn ca, văn chương cung đình, văn chương trưởng giả (trưởng giả thật và trưởng giả học làm sang), văn chương mô phạm, văn chương anh tiền tuyến em hậu phương, văn chương hẹn ngày về giải phóng quê hương, văn chương thề phanh thây uống máu quân thù, văn chương địa ngục đỏ thiên đường đen, văn chương (mảng) hải quân hoa tuyết trùng dương, (mảng) không quân lướt mây đuổi gió, (mảng) địa phương quân canh thù bảo vệ làng thôn, (mảng) nhân dân tự vệ *tuyến đầu lửa đạn có anh / Giữ gìn phường xóm an lành có tôi*, và văn chương miệt núi, miệt sông, miệt ruộng, miệt vườn... Mỗi người một kiểu. Có vậy mới vui chứ, có vậy mới huê dạng, mới xanh đỏ tím vàng muôn màu muôn vẻ chứ, bằng không, chả lẽ chỉ rặc cúc vạn thọ thôi sao?

- Còn những biến cố chính trị của Việt Nam? Cũng tác động trên ngòi bút và tư duy anh?

- Mới đây, một người bạn thân làm báo tại Sài Gòn, thư cho tôi, bảo anh em bên nhà rất nhạc nhiên khi thấy "tên giang hồ xem sự đời không hơn củ... khoai lang" (là tôi) bỗng nhiên thích làm chuyện lớn. Trong nhận xét trên, ngoài phần ngạc nhiên, có thêm phần thắc mắc. Tôi vội trả lời, rằng tôi chưa hề thích làm "chuyện lớn". Vả, công việc hiện tại của tôi cũng chẳng có chi gọi được là lớn. Sau đó tôi cố trình bày để người bạn hiểu: Gần như qui luật chung, tất cả những người bỏ nước ra đi - dù bởi lý nào nào - khi sống xa đất mẹ, đều cảm thấy thấm thía nỗi buồn hoài hương. Phải chăng tâm thức lưu vong nẩy sinh tâm thức chính trị? Từ đó vô hình trung, mọi công việc họ làm, ít nhiều cũng phảng phất mùi vị chính trị. Trong giới hạn nào đó, tôi có thể khẳng định: tâm thức chung của người Việt sống ngoài quê hương là tâm thức chính trị. Càng già, càng lớn tuổi, tâm thức này càng nặng. Điều tôi vừa nói gián tiếp trả lời câu hỏi của anh.

- Vài nét về con người Khánh Trường họa sĩ: trường ốc xuất thân. Ảnh hưởng họa phái. Những họa sĩ ưa thích?

- Một bất hạnh (cũng có thể may mắn?): tôi không xuất thân từ bất cứ trường ốc nào. Thuở nhỏ, mê vẽ, chưa kịp học vẽ, đã phải khoác lên người bộ quân phục. Giải ngũ không bao lâu thì biến cố 1975 ập tới, áo cơm lao đao, thê nhi lận đận, tuổi lại chẳng còn trẻ trung chi mấy, muốn học, cũng đã muộn màng. Trong một buổi "thẩm vấn" của vài anh em trong ban chủ trương tờ *Thiện Chí*, bên Đức, tôi đã "khai": Tôi biết vẽ từ khi biết cầm... các cái: than củi, mảnh gạch, ngói vỡ (trên các bức tường quét vôi trắng), rồi bút chì, bút rông, bút lá tre... (trên tập vở học trò...), rồi màu nước, bột màu, sơn

dầu... (trên giấy, vải, bố...). Từ ấy đến nay hơn một phần ba thế kỷ, tìm tòi, đọc, tập luyện, thể nghiệm hết sức cam go. Con đường từ A qua B, nếu có người hướng dẫn, chỉ mất nửa giờ đến đích. Tôi đi một mình, không bản đồ, có khi lòng vòng mất cả ngày! Tuy nhiên, trong cái khó ló cái khôn: nhờ khổ công, tôi khá vững về hình họa (nhiều họa sĩ Việt Nam, dù xuất thân trường ốc đàng hoàng, muốn vẽ một bàn tay, một khuôn mặt, một đồ vật "đâu ra đó", vẽ không xong! Những vị này lúc còn học trong trường thường "khinh bỉ" hình họa, muốn đi tắt, đi nhanh nên chỉ thích... bôi màu xanh đỏ tím vàng đầy khung bố, đợi ráo mặt, đổ xăng đổ dầu lên trên cho co cụm nhăn nhúm lại để tạo "chất", xong, lật ngang lật dọc, thêm, bớt chút đỉnh cốt... hơi hơi giống cái gì đó, rồi đặt một cái nhan thật "nổ", thật "bí hiểm", và gọi đó là tranh... siêu thực!). Về quan niệm tạo hình, tôi khá độc lập, bởi không học ai nên không bị ảnh hưởng bất cứ trường phái, bậc thầy nào, không bị những cái bóng lớn của các trường phái, bậc thầy đè cho ngộp thở! Nói theo ngôn ngữ của nhà văn Mai Thảo, *tôi tự do phơi phới một đời*: Muốn vẽ gì thì vẽ, thích vẽ gì thì vẽ, "chế" ra cách vẽ, "tạo" ra "họa phái" để vẽ...

Như thơ, như văn, tôi đến với hội họa trong tư cách một nghệ nhân nghiệp dư. Và tôi tự cảm thấy bằng lòng tư cách ấy. Nó hợp với tâm tính tôi: không muốn bị ràng buộc vào bất cứ công việc gì có tính cách... nghiêm chỉnh, với những giáo điều, những qui tắc, những định chế đúc sẵn. *Tôi là con chim đến từ núi lạ / ngửa cổ hót chơi!* (Xuân Diệu). Vâng, Văn chương, nghệ thuật, với tôi, chỉ là một cách "ngửa cổ hót chơi". Chừng nào còn thích, còn hót, hết thích, nhường chỗ cho người khác hót, tôi cút đi chỗ khác. Tuyệt đối không làm vướng chân vướng cẳng ai.

Về các họa sĩ tôi thích? Câu hỏi bao quát quá. Anh muốn hỏi họa sĩ ngoại quốc hay Việt Nam?

- *Trước tiên, Việt Nam.*

- Tôi thích chất thơ trong tranh Thái Tuấn, Đinh Cường. Kỹ thuật sơn dầu vững vàng (trong và sạch) của Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Đỗ Quang Em. Sự quằn quại, bùng nổ nội tâm dữ dội ở tranh của Rừng. Cái u mặc rất Đông Phương mà rất hiện đại trong tranh Võ Đình. Tìm kiếm và thể nghiệm không ngừng ở Nguyên Khai . Đó là những họa sĩ miền Nam. Miền Bắc, rất tiếc tôi không được xem nhiều nên không dám hồ đồ khen chê, tuy nhiên qua hình chụp in ở nhiều nơi, tôi cảm tranh Bùi Xuân Phái. Đẹp, có hồn; chất dân gian (được cách điệu và làm mới) trong tranh Nguyễn Tư Nghiêm. Thời gian gần đây nghe nói hội họa Việt Nam trên đà bung nở, nhiều họa sĩ trẻ tài năng xuất chúng. Tôi mừng, và mong có dịp được xem.

Tại hải ngoại, họa sĩ ta thành danh khá hiếm hoi. Một trong những người hiếm hoi này là họa sĩ Lê Bá Đảng. Tranh ông vượt ngoài khuôn khổ truyền thống (Đông cũng như Tây Phương). Trong một bài viết đăng trên *Hợp Lưu* và tạp chí *Mỹ Thuật* của hội Mỹ Thuật thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam,

tôi có cho rằng nếu nói đến tính hiện đại trên tranh Lê Bá Đảng, thì ông hiện đại hơn ai hết, thế nhưng nếu nói đến bản sắc dân tộc, thì tranh ông vẫn bàng bạc cái hồn, cái chất rất Việt Nam. Trong đường nét: phảng phất những đường cong, gấp khúc, uốn lượn của hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, trên gờ mái chùa chiềng, lăng tẩm, bia mộ... Trong màu sắc: màu xanh rêu u trầm, màu đỏ son, màu trắng điệp mộc bản dân gian, và màu nâu cánh dán sơn mài... Đó là chưa kể đến không gian trong tranh Lê Bá Đảng. Một thứ không gian mở, phi-phối-cảnh, phi-phi-phối-cảnh, có khả năng đẩy tung những cánh cửa hữu hạn của lề thói tư duy và kinh nghiệm tiền định, vốn, từ bao lâu nay khống chế nhãn quan thẩm định cái đẹp ở người thưởng ngoạn. Tôi yêu tranh Lê Bá Đảng, nể phục khả năng sáng tạo, ý chí khai phá cùng nội lực thâm sâu và lòng tự tin của người họa sĩ này, dù nhiều người cho rằng tranh Lê Bá Đảng nghiêng về trang trí (Design) hơn nghệ thuật (fine art). Sự thật, biên giới giữa *trang trí* và *nghệ thuật* chỉ là một đường ranh hết sức mơ hồ, có khi chỉ phát sinh từ định kiến.

- *Thế còn họa sĩ ngoại quốc?*

- Tôi có thói quen đã thành "bệnh": mỗi lần đến bất cứ địa danh mới nào: quận hạt, thành phố, thủ đô, quốc gia..., câu hỏi đầu tiên của tôi, với bè bạn, là quanh đây có cái Gallery hoặc Viện Bảo Tàng nào không? Sau khi tìm ra "nó", tôi (thường, chỉ một mình, vì người hướng dẫn ít khi đủ kiên tâm đi theo suốt cuộc) lang thang từ sáng đến chiều ở những nơi ấy. Nhờ vậy, tôi được dịp xem rất nhiều tranh, của rất nhiều họa sĩ, từ cổ đại đến trung đại, cận đại, hiện đại. Càng xem nhiều, tôi càng sợ. Làm sao nhân loại lại sản sinh ra lắm nhân tài siêu việt đến thế? Làm sao con người tạo dựng được những công trình diệu kỳ đến thế? Không tự ti, chả mặc cảm, nhưng có thấy cái giàu có của người, mới cảm ra cái bất hạnh của ta: suốt mấy nghìn năm dựng nước, rồi chống trả ngoại xâm giữ nước, dân tộc ta không có nhiều thời gian và tiền của để đầu tư vào những công trình mỹ thuật đồ sộ, qui mô. Nhất là trong lãnh vực hội họa! Ngoài nghệ thuật dân gian (tranh mộc bản), trước kia, thời Bắc thuộc, ta vẽ như Tàu, vì chịu nền giáo dục của "thiên triều". Chỉ những năm 20 của thế kỷ này, chúng ta mới có dịp tiếp xúc với nghệ thuật tạo hình Tây Phương. Nhưng chưa nên cơm cháo gì thì tiền của, trí tuệ, tài năng lại bị ném hết vào chiến tranh... Xin lỗi, tôi nói lang mang đầu cua tai nheo... Trở lại với câu hỏi của anh: Tôi yêu mọi họa sĩ, mọi trường phái, mọi phong cách tạo hình. Còn nếu bảo tôi kể tên, thì... lười đứng dậy quá, bằng không, tôi sẽ lôi hai cuốn sách kia xuống, cuốn *History of Art* và cuốn *Art Today* trên giá sách, trước mặt anh kia kìa, rồi lật ra, chép một mớ tên đưa cho anh, biết đâu có thể lòe được khối người!

- *Anh quan niệm thế nào về hội họa?*

- Hội họa là cái đẹp được biểu hiện bằng đường nét, màu sắc, bố cục. Hội

họa có mặt ở mọi thời, mọi nơi, kể từ lúc con người thoát khỏi bóng tối man rợ của cầm thú, vụng về cầm vật cứng vạch lên vách đá, thân cây... Nhưng cái đẹp biến thiên qua từng giai đoạn lịch sử loài người. Trước đây, khi chiếc máy chụp hình chưa ra đời, các họa sĩ vẽ "như chụp", cố gắng sao chép thiên nhiên giống chừng nào tốt chừng ấy, và đề tài thường giới hạn trong lãnh vực tôn giáo. Chúng ta có được những vị "khổng lồ" tiêu biểu cho thời kỳ này: Leodardo Da Vinci, Raphael, Michelangelo... Sau, đề tài cũng như cách biểu hiện thay đổi dần, mở rộng vào các "khu vực" cung đình, dân gian, phong cảnh... Môi trường tuy bao quát hơn, nhưng "nguyên tắc" vẽ "giống như thật" thì vẫn còn là kim chỉ nam của các họa sĩ, dù bút pháp, cách sử dụng chất liệu sơn, cách phân bố ánh sáng ở khá nhiều họa sĩ rõ ràng đã mang tinh thần đổi mới. Đến lúc cái máy chụp hình có thể thay thế bàn tay tài hoa, ghi được tất cả mọi góc cạnh của thiên nhiên, bóng dáng của con người, hình thể của đồ vật... thì hội họa buộc phải tìm kiếm những con đường mới. Thế là các trường phái ra đời, thế là những may mắn đã đến với lịch sử hội họa: người thưởng ngoạn tiếp cận với vô số những khai phá ngoạn mục, mãi tận hôm nay, vẫn không ngừng đầy thêm, phong phú thêm, đa dạng thêm. Có lẽ, nhờ phương tiện truyền thông và ấn loát hiện đại, thế giới bây giờ bị thu nhỏ lại. Ví dụ một cuộc triển lãm của họa sĩ A ở New York, ở Paris, ở Tokyo hôm qua, hôm nay đã thấy tranh ông ta xuất hiện đồng loạt trên mặt báo mọi quốc gia trên thế giới. Nhờ vậy, những khám phá mới của ông ta (nếu ông ta có khám phá mới) đến được với đồng nghiệp chỉ trong thời gian thật ngắn, dù họ đang ngụ cư ở bất cứ nơi nào trên trái đất này. Trong trường hợp ấy, muốn vượt thắng, muốn vươn lên, muốn tồn tại, còn con đường nào khác khác hơn con đường tranh đua? Mà muốn tranh đua, thì cũng còn con đường nào khác hơn con đường duy nhất: bằng mọi giá, phải tạo riêng được cho mình một "bản sắc", một dấu ấn, một style?

Mặt khác, hội họa ngày nay không còn là đặc quyền của một giai cấp (thời Phục Hưng và các chế độ phong kiến nối tiếp, là của Giáo hội, của nhà thờ, của Đức Giáo Hoàng, của ông vua bà chúa, của kẻ có quyền thế, có địa vị, có tiền bạc). Hội họa ngày nay đi vào mọi thành phần xã hội. Thêm nữa ở những quốc gia phương Tây, con người đủ ăn đủ mặc, nhu cầu làm đẹp, nhu cầu thưởng thức cái đẹp trở thành yếu tố quan trọng trong đời sống, hội họa dù muốn dù không cũng phải tự chuyển mình để hòa nhập vào môi trường chung, để phù hợp với cảnh quang chung: ngôi nhà, căn phòng, không gian trống, cái TV, giàn computer, bộ stereo, bàn ăn, sofa, tủ sách... Để ý, ta thấy hội họa bây giờ kết hợp mật thiết với trang trí. Người ta không chú trọng đến "đề tài", mà chỉ cốt tạo dựng một không gian mới, được thu tóm, sắp xếp thế nào đó cho thật lạ, và tạo được cảm giác tươi vui, thoải mái cho người xem. Bức tranh không còn là một chủ thể độc lập, nó trở thành nhân tố của tổng thể, nó phải đóng đúng vai trò mình, sao cho hòa điệu với tổng thể.

Cá nhân tôi, những năm còn trẻ, như hầu hết mọi họa sĩ Việt Nam, tôi

chịu ảnh hưởng rất nặng các trường phái hội họa Âu châu, nghĩa là khi xem tranh, ngoài màu sắc, đường nét, kỹ thuật..., tôi không thể không cố tìm kiếm cái phần "sâu thẳm" nằm sau bề mặt của tranh: họa sĩ muốn nói gì đây? Đâu là tư tưởng của ông ta? Đâu là triết lý nhân sinh? Đâu là tư duy triết học, vân vân và vân vân... Ngày nay, sắp qua hết một đời người, mới thấy rằng những thứ "lỉnh kỉnh", "râu ria" ấy cốt chỉ để "làm dáng" cho vui, chứ bản chất của cái đẹp, tự muôn đời, vốn giản dị. Vì thế, khi xem tranh hoặc vẽ tranh, bây giờ, tôi không còn vụ vào đề tài, không mất công "tìm kiếm" những "phần ngầm" nằm sau mặt tranh, có khi chỉ xuất phát từ nhu cầu phiêu lưu của căn tính trí thức, hoặc bị những lời tán hưu tán vượn của các nhà phê bình hội họa mê hoặc.

- Anh có xem công việc trình bày bìa sách là công việc nghệ thuật? Và anh có thể giải thích tại sao phần đông các bìa sách tại hải ngoại đều do Khánh Trường thực hiện?

- Như tôi vừa trình bày, nghệ thuật là cái đẹp, là làm cho mọi sự vật quanh ta trở nên đẹp. Nếu hiểu giản dị vậy thì trình bày bìa sách là một cách làm nghệ thuật. Cũng hàng chữ ấy, cũng kiểu chữ ấy, cũng tấm hình ấy, cũng bức tranh ấy, cũng khuôn khổ ấy, cũng gam màu ấy, nhưng đặt vào chỗ nào, đặt làm sao cho "thuận mắt". Khi đã "thuận mắt", tức khắc mọi cái trở nên đẹp. Giản dị vậy thôi. Nhờ kinh nghiệm, tôi có khả năng làm vừa lòng tất cả: tùy tâm cơ, trình độ, sở thích của mỗi đối tượng thân chủ, tôi chọn kiểu vẽ, cách trình bày thích hợp. Nhà xuất bản A muốn "mượt mà, óng ả", nhà xuất bản B yêu "thơ mộng, nhẹ nhàng", tác giả C mê siêu thực, bí hiểm, tác giả E khoái biểu hiện, lung linh... OK, OK, OK... Chẳng khó khăn gì (nồi nào vung nấy, tiền nào của ấy)! Như tôi đã trình bày ở câu hỏi trước: nhờ khổ công tập luyện, tôi có thể vẽ được mọi thứ, mọi kiểu, tỉa tót chi li từng cọng tóc, cũng được, vờn bay múa lượn vài nhát cọ, easy. Khi anh làm vừa lòng khách hàng, tất nhiên anh được chiếu cố. Kinh tế thị trường mà.

- Có người bảo như thế là "hạ giá" nghệ thuật. Anh nghĩ sao?

- Khổ! Người Việt Nam ta có một chứng bệnh bất trị: bệnh lên gân, biểu diễn bắp thịt và sĩ diện hảo. Đói cồn cào gan ruột, được mời cơm, cũng nuốt nước bọt từ chối, "Thưa bác, nhà cháu vừa dùng xong ạ!". Làm được cái gì to lớn vĩ đại hay không, chưa biết, nhưng "tưởng mình to lớn vĩ đại" thì hình như... hơi nhiều. "Cỡ tôi, lại đi làm công việc chó chết ấy ư?", "Này, đừng có đùa, gấp trăm gấp nghìn cái ấy chưa chắc tôi đã nhận!", "Thà chết đói, còn khuya tôi mới hạ giá nghề nghiệp của mình!" vân vân và vân vân... Cũng may, tôi xuất thân từ bùn đen, từng làm những nghề hạ tiện vạn lần hơn cái nghề cầm cọ vẽ vời hay cầm bút viết lách, và chỉ quen làm những việc nhỏ (chỉ có khả năng làm những việc nhỏ), nên kiếm cơm được một cách lương thiện thế ấy, đã cảm thấy hạnh phúc lắm rồi.

Còn cái chuyện "hạ giá" nghệ thuật hay không, thì, nghệ thuật vốn vô giá, một khi đã "có giá" rồi, muốn hạ, dễ lắm sao? Ngược lại, thực chất chỉ đồng mạ vàng, ta bảo đấy vàng ròng, ai tin?

- Anh đã triển lãm? Cảm tưởng của anh về những lần triển lãm ấy?

- Tôi đã triển lãm ở Việt Nam, Malaysia, Philippine, Mỹ. Sau lần sau cùng ở Mỹ, năm 1990, đến nay, mặc dù có đủ tranh thực hiện vài cuộc triển lãm khác, nhưng thấy không khí sinh hoạt của bộ môn này nhợt nhạt quá, bèn mang chất hết vào garage, lâu lâu bạn bè nào thích, tôi năn nỉ tặng không! Tranh không bán được đã đành, đi xem cũng chả ai thèm đi, thế trưng bày làm chi thêm tủi! Hầu như tất cả các phòng tranh của mọi họa sĩ Việt Nam khác tại hải ngoại, ngoài buổi khai mạc, đếm được vài chục khuôn mặt bạn bè trong giới hội họa và văn nghệ, đến, cốt để.... động viên tinh thần và nhân tiện gặp nhau đấu láo. Sau đó, ngày này qua ngày khác, tuần này sang tuần khác, không một bóng người vãng lai. Tôi hỏi anh, với không khí "chết chóc" ấy, có đởm lược như Từ Hải thì cũng phải xếp giáo qui hàng, phải không?

- Thế anh định bỏ nghề sao?

- Không bỏ. Tôi vẫn vẽ đấy chứ. Nhưng chẳng có cao vọng lớn, nghĩa là tôi vẽ, trước tiên cho tôi cái đã. Vẽ, vì thích, vẽ, vì nhớ mùi sơn, vẽ, vì yêu cái biến hóa không lường của màu sắc... Còn chuyện giới thiệu với khách thưởng ngoạn thì không còn là nhu cầu, ít nhất bây giờ, trên xứ sở này. Tôi không tự ti, nhưng đủ tỉnh táo để hiểu được rằng: một họa sĩ Việt Nam muốn đi vào thị trường dân bản xứ và thế giới, thứ nhất, tài năng anh ta phải xuất chúng (xuất chúng thực sự chứ không phải "tưởng mình xuất chúng" như một vài ông bạn họa sĩ gốc Việt của tôi, mấy mươi năm nay, "sáng tác" bằng cách... chép lại tranh của mình một cách không biết mỏi mệt, rồi tự tán dương bằng chiêu thức "nổ" vung vải mọi nơi, mọi lúc, mà rốt cuộc, khổ thay, vẫn không chống lại nổi sự lãng quên của quần chúng!). Thứ hai, anh ta phải nỗ lực vượt qua rất nhiều chướng ngại, và chướng ngại nào cũng vòi vọi như núi, từ ngôn ngữ đến nội lực tư duy, trình độ kiến thức, sự nhuần nhuyễn trong tay nghề, óc sáng tạo dũng mãnh, lòng can đản dám từ bỏ mọi thói quen cũ và thử nghiệm những khai phá mới... Cả hai điều đó: tài năng và nỗ lực, tôi đều thiếu. Thôi thì hãy cứ vẽ, để vui, và đi, và xem, và đọc, để thích. Tôi thấy như vậy kể như tạm đủ, cho cá nhân mình.

- Bước qua lãnh vực văn chương. Anh bắt đầu cầm bút lúc nào? Xuất hiện tác phẩm đầu tay ra sao?

- Thời nhỏ, tôi mê đọc hơn mê viết. Tuy nhiên nếu phải kể đến "tác phẩm" đầu tay xuất hiện rộng rãi trên mặt báo, thì ngoài những bài trên "bích báo", hoặc "đặc san sinh viên học sinh" hồi còn đi học, không kể, một tùy bút tôi viết sau trận Lam Sơn 719 (Hạ Lào) gửi cho tờ *Khởi Hành*, được chọn đăng.

Đến bây giờ tôi không còn nhớ cái nhan của tùy bút, chỉ loáng thoáng nội dung: hai anh em ruột ở chung đại đội. Khi ngọn đồi bị địch quân tràn ngập, đơn vị rút lui và buộc bỏ lại thương vong. Người anh chết, cậu em dùng dao đi rừng vừa khóc vừa... chặt đầu anh bỏ vào bao mặt nạ chống hơi độc, để "mang về cho mẹ nhìn mặt". Câu chuyện có thật, tôi đã chứng kiến và hình ảnh ấy bám trong óc não tôi như một nỗi kinh hoàng. Kể lại câu chuyện, gửi đến tòa báo, không phải muốn trở thành nhà văn, chỉ cốt trút đi một mối ám ảnh quá nặng nề. Sau lần ấy, tôi không dan díu gì với chuyện viết lách nữa. Văn chương không phải nghiệp dĩ tôi muốn chọn. Hơn nữa, có lẽ thuở đó tôi còn trẻ, còn ham chơi, trà đình tửu quán, gái trai nhăng nhít coi bộ hấp dẫn, quyến rũ hơn nhiều nếu so với một góc bàn viết, trang giấy trắng và ngọn bút bi. Nhà văn, thỉnh thoảng tôi có gặp, ở Continantal, ở "Cái Chùa", ông nào cũng... trầm trọng, cũng khó đăm đăm, và thường... xấu trai, nhà quê, cù lần, nói năng khệnh khạng như bố thiên hạ, hoặc vô duyên, nhạt thếch như thịt không hành canh không mắm. Tất nhiên những mẫu người như thế, dù dễ tính cách mấy cũng khó lòng ưa nổi, huống chi muốn "trở thành"!

Mãi khi ra hải ngoại, đọc sách báo, thấy các nhà văn ta mỗi khi đề cập đến chân dung người lính Việt Nam Cộng Hòa, đều vô tình hoặc cố ý biến họ thành những bậc... á thánh, tài đức vẹn toàn, cơ mưu xuất chúng, can đảm phi thường. (Quái gỡ là đa phần những tác phẩm này được sản xuất bởi những anh nhà văn, nhà thơ ngày xưa nếu không trốn quân dịch, không "hoãn dịch vì lý do gia cảnh", không ngồi bàn giấy ngáp ruồi và làm thơ tán gái giết thời giờ, thì cũng gốc công chức, giáo chức biệt phái về các đơn vị hậu cần phụ trách... chiến tranh chính trị hay thảo diễn văn cho các "xếp" lớn, bà lớn đọc lúc đăng đàn động viên thanh niên "đi quân dịch là thương nòi giống", hoặc ủy lạo cô nhi tử sĩ!) Bèn trộm nghĩ: ngày xưa, ở lính, sao tôi thấy đồng đội tôi cũng chỉ là... người, nghĩa là cũng có đủ thất tình lục dục như ai. Có anh một cọng cỏ bẹ rau của dân không bẻ, nhưng cũng có anh trâu bò heo gà chớ dại đến gần. Có anh cơm nhà quà vợ chăm chỉ đề huề, nhưng cũng có anh ăn lường chơi chạy thuộc loại quán quân. Có anh xem cái chết như giấc ngủ trưa, nhưng cũng có anh chỉ mới nghe tiếng súng đã són đái vải cứt, gọi mẹ réo cha ỏm tỏi... Nói tóm lại, nhiều, quá nhiều những "mặt hàng giả" trên thị trường chữ nghĩa hải ngoại làm tôi nực. Đã ra khỏi nước, đã tiếp cận với "khí hậu" tự do, đã không còn bị lưỡi kéo của sở Thông Tin (miền Nam) cũng như Công An Văn Hóa (miền Bắc) đe dọa, mà sao văn chương vẫn cứ nặng mùi tuyên truyền rẻ tiền và ngớ ngẩn thế? Từ câu hỏi này, tôi nghĩ, thử viết một câu chuyện "thật" xem sao. Thế là truyện ngắn "*Có Yêu Em Không?*" xuất hiện. Quả nhiên "có sao" liền, nhiều lá thư gửi tới tòa soạn, nhiều cú điện thoại gọi đến tận nhà, "lên lớp", "dạy dỗ", "rủa sả", thậm chí có một ông cựu thiếu úy Nhảy Dùy nào đó ở Canada hăm: chớ có bén mảng đến Montréal, ông ấy sẽ... "dạy cho một bài học" bằng vài hòn chì nhọn nhọn (!), vì tôi đã "phản bội đồng đội" và cả gan dám làm nhục binh chủng của ông

ta! Cũng may, nhờ kinh nghiêm tôi biết tỏng: những anh ngày nay "nổ" lớn nhất (trong mọi lãnh vực) thường, ngày xưa, đều mang họ "hèn", đánh giặc bằng mồn cực giỏi, nhưng xáp trận thực sự bao giờ cũng "lũi" nhanh như chuột, nên chẳng lưu tâm đến lời hăn dọa của ông ta.

Lại bèn nghĩ, té ra văn chương cũng có tác dụng với quần chúng ghê nhỉ. Vậy thì... làm văn chương, sợ gì!

- Hình như tác phẩm đầu tay của anh là một tập thơ? Tại sao không phải truyện? Có phải bởi anh nâng niu thơ hơn các bộ môn văn chương khác?

- Vâng, một tập thơ. Còn tại sao không phải truyện thì chả phải tôi "nâng niu" cái này, "ruồng rẫy" cái kia đâu, chỉ tại, lúc mới đến Mỹ, nhà thơ Du Tử Lê rủ về làm báo với ông ấy. Khổ! Thi sĩ ta đang thời kỳ bị ái tình vật ngất ngư (về khoản này, Du Tử Lê xứng đáng chiếm giải quán quân), khiến tờ báo bị ảnh hưởng, dở sống dở chết. Hai anh em bữa đói bữa no, trường kỳ kháng chiến e khó khá, bèn đi tìm thêm job. Riêng tôi, tìm được chân lay-out ở một nhà in nhỏ. Vì nhỏ, nên nhà in... ế dài! Mà một cơ sở ấn loát không có hàng họ tất máy không chạy, tất trong ngoài im hơi lặng tiếng, khó coi quá! Ông chủ biết tôi có "dan díu" với giới viết lách, bèn đề nghị: Khánh Trường có cái gì muốn in không? Chỉ tốn hơn trăm bạc giấy, lên khuôn, chạy, cho đỡ... chướng! In? Cái gì nhỉ? Ngồi vào bàn, nhớ lại những bài thơ ngắn vỏ vẽ từ mấy mươi năm trước, chép ra, được vài chục bài, ít quá, làm thêm mươi mười lăm bài nữa (như... máy!) Nhẩm tính, cũng gần trăm trang. Thế là đánh máy, lay-out, đặt tên, vẽ bìa, phụ bản, và in... Vậy đấy, hoàn toàn không tính bỗng có cái gọi là "tác phẩm đầu tay"! Đúng là ma đưa lối quỉ dẫn đường!

- Anh làm thơ cho ai? Người tình? Bạn bè? Hay các đối tượng khác.

- Câu hỏi này rất giống phóng viên sân khấu hỏi ca sĩ: "Khi hát, em thường nghĩ đến đối tượng nào? Nghệ thuật, âm nhạc hay thính giả?" Dĩ nhiên, khỏi cần đọc, ta cũng thừa thông minh thấy trước câu trả lời: "Khi em chọn cầm ca làm nghiệp dĩ, là em hiểu sẽ phải hy sinh, cống hiến cả cuộc đời mình cho nghệ thuật, âm nhạc và khán thính giả. Vì đó là những đối tượng em yêu quí nhất..." Thưa nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh, anh có muốn tôi "cóp" câu này để trả lời anh không?

- Thôi khỏi (cười)... *Từ những bài thơ trong "Đoản Thi Khánh Trường" đến các bài thơ được in trên các tạp chí văn chương sau này đã có sự khác biệt? Thí dụ như thơ có vần và thơ không vần, thí dụ như từ những ảnh tượng có nhiều chất tượng trưng đến những hình ảnh gần gũi đời sống... Anh có thể cho một vài nhận xét về những sự kiện trên?*

- Tôi cho rằng cốt lõi của thơ chính là chất "thơ" trong một bài thơ, chứ không phải cách thế biểu đạt. Vần, không vần, tự do, niêm luật, siêu thực, hiện thực... chỉ là phụ, là phương tiện. Trong một bài viết gần đây, tôi có nói

rằng đang có những nỗ lực làm mới thơ ca cả trong lẫn ngoài nước. Điều ấy thật đáng mừng. Tuy nhiên cũng phải nhận rằng những nỗ lực ấy chưa đạt được yêu cầu mong muốn. Nói cách khác, rõ ràng ta đang có một mùa hoa quả mới, song hoa ấy chưa mãn khai, quả ấy hãy còn xanh cũng là điều chúng ta không thể phủ nhận. Thơ hôm nay bị vướng phải nhược điểm: hình như các thi sĩ quá dụng công vào việc tìm kiếm chữ nghĩa, cố gắng phá vỡ "nhạc tính" cũ trong vần điều, cấu trúc xưa trên hình thức, mà quên đi phần hồn của chữ, chức năng của chữ, ma lực của chữ... Nghĩa là quên đi cái cốt tủy của thơ ca. Chính vì thế thơ không đọng lại trong ta, thơ trôi tuột khỏi ta, và nguy hiểm nhất: thơ đồng dáng, đồng phục, cliché, thơ giống nhau như những đứa bé song sinh. Có người nửa đùa nửa thật: nếu cắt tên của nhà thơ này đặt vào bài thơ của nhà thơ kia, và ngược lại, người đọc cũng sẽ vui vẻ chấp nhận, vì, "ừ thì có khác gì nhau đâu!"

Tôi hy vọng đây chỉ là nhận xét có tính cách chủ quan, chỉ của riêng tôi, và sai.

- Khi phụ trách công việc tuyển chọn bài vở cho tạp chí Hợp Lưu, chắc anh có khái niệm về một bài thơ hay? Vậy, theo anh, thế nào là một bài thơ hay?

- Câu trả lời vừa rồi bao gồm khái niệm này.

- Anh nghĩ thế nào là "thơ mới", tức thơ "của những vùng đất chưa ai đặt chân tới". Thơ mới và thơ hay có gì liên quan với nhau?

- "Mới", chưa chắc đã hay, "cũ", không hẳn dở. Hay, dở, hoàn toàn không liên quan đến chuyện mới, cũ. *Trống trường thành lung lay bóng nguyệt*, cũ xì, nhưng "mới" muốn qua mặt, còn khuya!

Chỉ một điều không chịu được: sự mòn rỗng trong tư duy, trong ngôn từ. Nhiều người nhai đi nhai lại mãi một số hình ảnh, một số xác chữ, đến khô queo thành bả, mà vẫn không biết ngán. Lạ lùng! Lại nhiều người khác, thấy thiên hạ "làm mới", cũng bắt chước, ví dụ cũng gieo toàn một vần bằng (hoặc trắc), mà không cần biết nội dung của bài thơ có cần thiết phải sử dụng cách gieo vần như thế hay không? Lại nhiều người khác nữa, thấy thiên hạ ngắt hai câu lục bát ra làm ba, làm bốn, làm năm, mình cũng ngắt, dù chẳng hiểu tại sao. Chỉ khổ cho bọn chủ bút: tổn giấy! (Tôi có ông bạn vong niên làm chủ bút một tạp chí, thấy bài lục bát nào sính chơi trò xuống hàng ngang xương, thì hoặc ông ta ném ngay vào sọt rác, hoặc ra lệnh đả tự viên ráp lại thành sáu tám "cho đỡ bực mình" và "đỡ hao giấy". Việc ấy hẳn nhiên xúc phạm nặng nề đến các thi sĩ, nhưng gẫm cho cùng, thường khi lại đúng!) Lại những chữ, những âm, những tiết đứng cạnh nhau, lổn nhổn, chói tai như kèn sapho "hòa tấu" với đờn cò!. Lại còn những câu ngắn, câu dài, câu bên Đông, câu bên Tây, câu dính liền, câu cách khoảng, câu ngang nối... linh tinh, rối mù, bất chấp nhạc tính, ngữ điệu, nghĩa lý... Thật là kinh khủng!

Nói tóm lại, giữ lối cũ hay theo kiểu mới, không quan trọng, điều quan

trọng là ý thức được công việc mình làm, làm chủ được công việc mình làm. Làm thơ, cũng giống xây nhà, phải có móng, có nền, có kèo có cột. Nói cách khác, phải có đủ trình độ để biết mình đang làm cái gì, tại sao phải làm như thế.

- Còn thơ ngắn và thơ dài? Tại sao anh sáng tác "Đoản Thi"?

- Đã có người hỏi tôi: tại sao bức tranh này anh vẽ nhỏ, tại sao bức tranh kia anh vẽ to? To, nhỏ có phải là yếu tố quyết định giá trị của tác phẩm hay không? Không. Bức "Hoa Hướng Dương" của danh họa Van Gogh chỉ nhỉn hơn trang báo ngày chút đỉnh , trị giá những tám mươi ba triệu đô-la Mỹ, thế mà cũng bức "Hoa Hướng Dương" của "thiên tài" Khánh Trường, to bằng tấm áp phích cổ động thanh niên cảnh giác bệnh Sida dựng ở công viên Văn Lang, Chợ Lớn (căn cứ địa của giới chị em ta) đề giá... 200 đô (chưa đủ tiền mua sơn, bố, cọ...) vẫn chẳng ma nào thèm ghé mắt xanh! Tương tự, "thơ ngắn, thơ dài" không phải tiêu chuẩn để thẩm định giá trị của một bài thơ. Tập thơ cuối đời của nhà văn Mai Thảo hầu hết là những bài ngắn, gói ghém vỏn vẹn trong bốn câu bảy chữ, nhưng lại có sức tác động dài lâu. Ngược lại, trên các tờ báo chợ, các tạp chí, các tập san... ngày nào, tuần nào, tháng nào cũng lổn nhổn thơ, dài ngắn đủ cả, vậy mà chỉ đọc câu đầu, đã không thể đọc tiếp, hoặc ráng lắm đọc hết bài, thì rồi năm phút sau, tuyệt không nhớ nổi một dòng! Trở lại với ý đã nói: Không phải ngắn, dài, mới, cũ... mà trước tiên, phải là "Thơ" cái đã.

Còn tại sao tôi viết "Đoản Thi"? Khà, khà... Tại, lặp lại, cái nhà in nó... ế!

- Lâu lắm không thấy anh làm thơ. Tại sao?

- Nếu tôi nhớ không lầm anh từng hỏi một câu tương tự, với Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Và đã được trả lời, sẽ *chừa làm thơ, vì, như Đỗ Kh nói: "Làm thơ khó bỏ mẹ"*. Tôi cho, quyết định ấy, của Hoàng Bắc, là một trong vài quyết định sáng suốt nhất mà bà chị... "đột xuất" có được. Không phải cứ có báo, không phải cứ ỷ mình giao du rộng, viết cái gì cũng được các ông chủ bút không nỡ vất vào sọt rác, rồi "tra tấn" độc giả bằng những cái gọi là thơ một cách trường kỳ, lì lợm! Cho nên lâu lắm tôi không làm thơ, bởi tôi cũng "đột xuất" trở nên sáng suốt, như chị Hoàng Bắc.

- Anh có hai tập truyện ngắn. Truyện nào trong hai tập ấy anh thích nhất?

- Viết xong một truyện ngắn, một bài thơ, vẽ xong một bức tranh... Tôi sướng mê tơi, đọc đi đọc lại đến thuộc, ngồi ngắm hàng giờ đến mờ con ngươi. Nhưng chỉ được một hai hôm! Tuần sau, lâu lắm tháng sau, đọc lại, xem lại, thấy... tủi thân chết được! Đó là lý do tập truyện đầu của tôi tuyệt bản đã lâu, nhà xuất Đại Nam bằng lòng tái bản, tôi ừ, nhưng mãi đến nay đã trên hai năm, tôi vẫn cứ "ngâm", hoàn toàn không chút hào hứng. Đó cũng là lý do, nếu chịu khó gom lại, sẽ có thêm một tập thơ, một tập tùy bút, một tập truyện

ngắn và một truyện dài, chưa kể tạp văn, tạp bút linh tinh, nhưng tôi không muốn gom. Càng ngày càng thất vọng về mình, càng thấy những cái mình viết chẳng ra gì! Tôi nói thật đấy, chẳng màu mè riêu cua ra điều khiêm cung đâu. Anh biết tính tôi, việc gì phải khiêm cung? Sợ ai mà khiêm cung?

- Theo anh, thế nào là một truyện ngắn hay?

- Theo tôi, không có tiêu chuẩn nhất định nào để định giá một tác phẩm văn chương. Nó hoàn toàn tùy thuộc vào đối tượng độc giả. Nghĩa là hoàn toàn tùy thuộc vào tuổi tác, trình độ, tâm tính, bản chất, thành phần xuất thân, vị trí quá khứ, nền móng văn hóa, khuynh hướng đạo đức được hấp thụ của mỗi độc giả. Tuy nhiên nói như thế không có nghĩa phủ nhận sạch trơn mọi tiêu chuẩn. Thật ra, nếu không có một số tiêu chuẩn nào đó, thì làm sao một bản văn trở thành một tác phẩm được? Chữ "tiêu chuẩn" ở đây phải được hiểu như "điều kiện ắt có và đủ" của toán học, qua đó, nhờ đó, bản văn sẽ hình thành. Trở lại với ví dụ ngôi nhà. Muốn xây một ngôi nhà, "điều kiện ắt có và đủ" là nền, là móng, là cột, là kèo, là mái, là tường, là cửa sổ, cửa cái, vân vân... Có tất cả những thứ ấy, ngôi nhà thành hình. Nhưng ngôi nhà sẽ to, nhỏ, đẹp, xấu, xưa cũ, hiện đại... còn tùy thuộc ở "túi tiền" (được hiểu như nội lực) và khả năng sáng tạo của chủ nhân, tức tác giả. Về phía độc giả, hắn có bằng lòng với kích thước tổng thể, màu sơn, đồ đạc trang trí, độ xuôi của mái, mặt bằng của sân, chiều sâu của hồ tắm, độ cao của vòm cổng... hay không, lại là chuyện khác. Tôi biết, tiền bạc anh thừa thải, ngôi nhà anh xây đồ sộ, sang trọng, đắt giá, mới tinh. Nhưng, bản chất tôi yêu thiên nhiên, chỉ thích nhà tranh vách đất, gió thông thống từ cửa trước ra vườn sau, trăng thoải mái dội ánh sáng vào chấn song những đêm hè thanh vắng... thì sao?

Vậy, một truyện ngắn hay là một truyện ngắn làm cho tôi thích thú, rung động, tạo cho tôi những ấn tượng. Còn tại sao nó hay, lấy tiêu chuẩn nào để bảo rằng nó hay, thì... thì... anh chê tôi dốt, tôi chịu, thật tình, tôi thấy nó mênh mông quá. Có lẽ anh nên tìm hỏi các ông Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Hưng Quốc...

- Với truyện ngắn, anh có phải là người kể chuyện? Hay, khác hơn, sử dụng chất thực của đời sống cộng với hư cấu trong công việc sáng tác?

- Câu hỏi có vẻ... "huề vốn"! Có người viết truyện nào không kể? Khác chăng, chọn cách kể nào đó thích hợp với mình. Hắn có thể kể lớp lang, theo kiểu *Trăm năm trong cõi người ta / Chữ tài chữ mệnh khéo là đố nhau*, để cuối cùng *Mua vui cũng được một vài trống canh*. Hắn cũng có thể chọn một kiểu "kể tân kỳ", mới lạ, đại loại như các nhà văn thuộc nhóm *metafiction* (siêu tiểu thuyết) hay *deconstructive fiction* (tiểu thuyết giải cơ cấu) đang làm. Nhưng dù "kể" theo cách nào, thì kinh nghiệm sống, chất liệu cuộc đời vẫn là vôi vữa quan trọng đối với người viết, và kèm theo đó cũng không thể thiếu một trí tưởng tượng phong phú. Cái này bổ sung, tác động cái kia. Có vốn

sống, có trí nhớ tốt, anh có thể trở nên một tay viết hồi ký giỏi, nhưng có thêm trí tưởng tượng dồi dào, anh sẽ là một nhà văn đa dạng, phong phú, sâu sắc. Nhìn đóm lửa cháy đỏ đầu điếu thuốc, có người nghe thấy tiếng lách tách của củi khô trong lò sưởi, giữa đêm đông lạnh lẽo ngập ngụa bão tuyết ngoài trời, lại cũng có kẻ cảm thấy da mặt nóng rát vì những lưỡi lửa khổng lồ vươn cao lên bầu trời mù mịt khói than của một đám cháy rừng... Đóm lửa đầu điều thuốc là một "thực thể", tiếng nổ của củi trong lò sưởi và đán cháy rừng là bước phiêu lưu của óc tưởng tượng. Hai kích thước, hai cảm giác và hai tâm cảnh khác nhau.

- Anh là người lính của binh chủng Nhảy Dù. Vậy chất "lính" có nhiều trong tác phẩm của anh không? Nhiều? Ít? Tại sao?

- Những truyện ngắn đầu, có. Về sau, bớt dần đi. Đề tài liên quan đến "lính" nhiều vô số, trong dòng văn học lưu vong nó chiếm giữ một vị trí quan trọng. Tôi, từng là lính, tất nhiên không thể không nhắc đến nó. Tuy nhiên, đã nhắc đến "lính" thì dù ít dù nhiều, dù gián tiếp, trực tiếp, không thể không nhắc đến bạn, thù, ta, địch. Mà như anh biết, tôi chủ trương tạp chí Hợp Lưu, mục đích hàng đầu của tờ báo là bằng mọi cách xóa bỏ dần những lằn ranh oan nghiệt ấy. Vả, ngay những năm mặc áo lính, tôi vốn đã không thích bộ quân phục, không thích cầm cây súng, và ghê tởm bắn giết. Cho nên ấn tượng của tôi về những tháng năm quân ngũ thường tiêu cực, đem cái tiêu cực trưng dẫn ra giữa một cộng đồng người Việt chín mươi phần trăm gốc cựu quân nhân, lòng còn cháy đỏ hận thù, thì chẳng khác chi lội ngược dòng. Không phải tôi sợ bị ghép "tội" phản bội, hay nối giáo cho "địch" hay do "địch" cài vào (khoản này, từ nhiều năm nay, trên mọi tờ báo của mọi ông chủ bút có "lập trường chống cộng kiên định", đều thường xuyên dùng tôi như điển hình cho các "tội" vừa nêu. Thậm chí mới đây, một ông nhà văn kiêm hoạt náo viên các chương trình ca nhạc còn đem tôi - và một tiểu thuyết gia lão thành khác - hư cấu thành hai nhân vật nhếch nhác, cho một cuốn sách dày những bốn năm trăm trang!) Chỉ tại, dù khách quan đến bao nhiêu, tôi vẫn không thể không dành cho cái tập thể từng gắn bó với mình trên dưới bảy năm ấy những thâm tình. Tiếc thay, thâm tình này không đủ đậm để tôi nhắm mắt sống, suy nghĩ, hành động hoàn toàn bằng cảm tính, và vất bỏ đi phần lý trí. Cũng không quá nhạt để có thể xem mình là kẻ ngoại cuộc. Mà anh hiểu, viết văn, làm thơ, hay vẽ, yếu tố quan trọng nhất để tạo nên một tác phẩm "có tiêu chuẩn" bao giờ cũng khởi từ những xúc động thật, rung động thật, trăn trở thật. Nói cách khác, kẻ sáng tác không thể nào có tác phẩm tốt nếu hắn không yêu thương mãnh liệt, thù ghét mãnh liệt. Tình cảm làng nhàng chỉ sản sinh ra những đứa con thiếu tháng! Tôi không viết về đề tài lính nữa, vì thế.

- Qua những biến cố lịch sử của đất nước, đời sống của anh chắc bị ảnh

hưởng theo? Tác phẩm của anh có phản ảnh bởi điều ấy không?

- Hình như ở trên anh có hỏi, những biến cố chính trị của đất nước có ảnh hưởng đến sáng tác của tôi hay không? Tôi đã trả lời, giờ, xin bổ sung thêm: Một khi ta còn sống trong cuộc đời, còn hệ lụy với xã hội, tất nhiên ta không thể không bị chi phối bởi những biến động phát khởi từ môi trường ấy. Văn chương, nghệ thuật khai sinh từ con người, và khi con người đã là một nhân tố, một thành viên của cộng đồng nhân loại, thì dù hắn có "lơ mơ", có muốn vượt thoát khỏi vòng triền phược nhân sinh, bảo đảm với anh, dấu ấn xã hội, khí hậu môi trường - cách này, cách khác - cũng sẽ hoặc mờ hoặc tỏ trong tác phẩm của hắn.

- Có người nói anh hay sử dụng những ẩn ức tình dục trong sáng tác. Anh nghĩ sao về nhận xét ấy?

- Không chỉ "có người nói", mà "tất cả mọi người nói" (*cười*). Mới đây thôi, cũng những bạn trẻ *Thiện Chí*, đã hỏi tôi một câu tương tự, vậy xin lặp lại câu trả lời: Tôi chỉ thực sự cầm bút khi định cư ở Mỹ, chỉ vì khinh bỉ những mặt hàng giả quá nhiều trong văn chương hải ngoại, phát sinh từ não trạng chật hẹp "ta, địch, bạn, thù", và thói đạo đức giả. Tôi viết, tôi "phản kháng". Một trong những "vũ khí" tôi dùng để chống lại các định chế, định kiến ấy, là tình dục. Bởi nghiệm cho cùng, có vẻ như mọi cơ sự xảy ra trong cõi trần ai này đều phát sinh từ tính dục (nếu anh bảo tôi ăn phải bả của Freud, cũng được). Dục tính chi phối con người, chi phối xã hội. Dục tính làm nên văn chương, nghệ thuật. Dục tính tạo ra hận thù, chiến tranh... Tôi viết về tính dục, tôi khai thác tính dục, tôi trưng bày, tôi soi ngắm mọi khía cạnh của tính dục, từ thánh thiện thanh cao nhất đến bỉ ổi thối tha nhất, không phải để khích động thú tính của con người, mà là để, từ đó, ta nhìn rõ ta hơn, "thấy" ta triệt để hơn. "Nhìn" và "thấy" là chức năng và bổn phận của nghệ sĩ. Giải quyết vấn đề thế nào là chức năng và bổn phận của các nhà xã hội học, đạo đức học... Tôi là nghệ sĩ, tôi không làm cha, làm sư, vì vậy tôi không có bổn phận với những sứ mệnh cao cả, và những tín điều luân lý.

- Ngoài dục tính, người đọc cũng nhận thấy anh thường đẩy nhân vật của mình đến chỗ cùng cực, có khi rất khốc liệt. Tại sao?

- Hình như do ảnh hưởng phần đời đã qua. Lúc nãy, tôi có nói mình xuất thân là một tay du đãng. Anh tưởng tôi đùa ư? Thật đấy. Tôi có một tuổi trẻ không hạnh phúc, đầy dông bão, từng sống thuần túy bằng sức mạnh của đôi bàn tay và... con dao chặt nước đá lởm chởm răng cưa, trong những môi trường ngập ngụa tội lỗi. Ở đó có đủ những bộ mặt tiêu biểu nhất của con người, từ đại lượng, hào sảng, bao dung như thánh đến dã man, độc ác vượt xa cả cầm thú. Và thảm kịch cuộc đời, có khi trí tưởng tưởng của các nhà văn chỉ là những đốm sáng yếu ớt giữa rừng đèn pha!

Qua câu hỏi này của anh, tôi nhớ lại lời khuyên của một nhà văn lớp trước,

cho tôi: cuộc sống luôn luôn có hai mặt: tiêu cực và tích cực, đẹp đẽ và xấu xa, bạo tàn và nhân ái, hận thù và yêu thương, hẹp hòi và rộng lượng... Chức năng, bổn phận của nhà văn là phô diễn những mặt tích cực để làm đẹp cuộc đời, chứ không thể tự nuông chiều bản năng bằng cách trải ra cái phần sần sùi, tanh lợm, đáng lẽ nên quên đi. Tôi nghe nhà văn ấy nói, không cãi, nhưng thâm tâm tôi không nghĩ thế. Khi ta chấp nhận cuộc sống lưỡng diện (điều này không loại trừ văn chương, nghệ thuật) thì ta cũng phải chấp nhận sự tồn tại song song của hai khuôn mặt ấy. Không có cái xấu, lấy gì làm chuẩn mực định lượng cái tốt, không có điều dở, làm sao điều hay tỏ lộ, không có điều ác, làm sao vinh danh điều thiện? Văn chương sẽ chỉ còn là những món hàng tiền chế - kiểu mì ăn liền - nếu chỉ đúc ra từ một cái khuôn đạo đức nào đó. Hãy trả cho văn chương quyền tự do tuyệt đối mà nó xứng đáng có. Và phàm đã là nhà văn, không ai không biết điều này: cái xấu trong văn chương như con dao hai lưỡi, kẻ dụng văn nếu non tay, sẽ vất vả vì nó, ngược lại, nhờ nó, sẽ dùng được khối việc!

- Một câu hỏi có vẻ lạc đề, và anh có quyền không trả lời, nếu cảm thấy không thích: Giữa "tên du đãng Khánh Trường" ngày xưa và "nhà văn, họa sĩ Khánh Trường" bây giờ có gì khác nhau không?

- Khác. Ngày xưa tôi đại lượng, trượng phu, can đảm, ăn ở đúng đạo nghĩa như một tên du đãng. Ngày nay tôi hèn nhát, hẹp hòi, nhỏ mọn, láu cá và thù vặt như một nhà văn!

- Tôi e anh xúc phạm nhiều người...

- Kệ. Lâu lâu cũng nên thành thật một tí.

- Theo anh, điều gì "cấm kỵ" nhất trong văn chương mà anh tránh né? Hay anh "bất chấp" tất cả, miễn hay thì thôi?

- Nhắc lại lời anh Mai Thảo: *Tôi tự do phơi phới một đời.*

- Anh cho trình làng tập san Hợp Lưu trong trường hợp nào? Lý do nào khiến anh có ý định ấy?

- *Hợp Lưu* ra đời tính đến nay đã bốn năm. Ngày ấy, không khí rất ngột ngạt chứ không được "dễ thở" như bây giờ. Ngày ấy, chỉ cách một hai tháng trước, cuốn "*Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương*" do nhóm anh em nhà xuất bản Lê Trần ấn hành, đã bị nhiều kẻ sân si cột dây kéo lê ngoài parking lot, và trên mặt báo ngày, báo chợ, báo tháng, báo lá cải, báo văn nghệ... không số nào không ra rả chuyện văn chương quốc cộng, văn chương phản kháng, văn chương theo đuôi, văn chương trở cờ. Và công tác kiều vận, Và chiến dịch bông hồng đỏ (rồi xám) với nón cối dép râu tung như bươm bướm... Và biểu tình trước các hãng bán vé máy bay về Việt Nam. Và tuyệt thực, ra thông cáo, đăng nghị quyết... đòi giải thể chế độ Cộng Sản, vân vân và vân vân...

Thế mà lại có một tờ báo lấy tên *Hợp Lưu*, với chủ trưởng giao lưu với văn nghệ sĩ trong nước, xuất hiện công khai trên giá sách các nhà sách! Ngày ấy, anh hẳn không quên, một tờ báo nào đó, khi "sắp hạng" cuối năm, nửa đùa nửa thật: người được trụng thuốc tẩy kỹ nhất: Khánh Trường!

Về lý do có mặt của *Hợp Lưu*, tôi đã nhiều lần giải thích. Thứ nhất, nguyên nhân trực tiếp: Trên bốn năm trước tôi cùng một vài anh em nhận làm tờ *Văn Học* do nhà văn Nguyễn Mộng Giác bàn giao, vì chị Giác và các cháu mới từ Việt Nam sang, anh ấy phải lo ổn định gia đình, không đủ thời giờ tiếp tục chăm sóc tờ báo. Nhưng dù chỉ vài ba anh em thân thiết, cũng mỗi người một ý. Tôi chủ trương văn học nghệ thuật vượt trên chính trị, nghĩa là nên mở rộng cửa đón nhận mọi nguồn sáng tác, kể cả trong nước. Nhà văn Cao Xuân Huy không đồng tán đồng quan điểm của tôi, nhà thơ Trịnh Y Thư, nhà văn Hoàng Khởi Phong chọn thái độ trung dung. Phần khác, Huy phụ trách đánh máy bài vở, "nó không đánh thì... làm gì nhau?" Cả hai ông chủ bút (Trịnh Y Thư và Hoàng Khởi Phong) đều bảo thế. Dĩ nhiên chẳng làm gì nhau được! Chỉ còn cách... chửi thề và kéo "thằng khốn" ấy ra quán tắm la de cho bỏ tức! Tuy nhiên, từ đấy, manh nha trong tôi ý định xuất bản một tờ báo với chủ trương "hợp lưu". Tôi mang ý định này ra bàn thảo với vài anh em khác: Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải, Nhật Tiến, Vũ Huy Quang, Đỗ Hữu Tài, Hoàng Chính Nghĩa, Thân Trọng Mẫn, Đỗ Kh., và nếu tôi nhớ không lầm, cả anh - Nguyễn Mạnh Trinh - nữa. Tất cả đều đồng ý phải có một tờ báo với khuynh hướng như thế. Thế là mọi người kẻ góp công người góp của, thúc đẩy tôi thực hiện ý định.

Nguyên nhân thứ hai, gián tiếp, nhưng đóng vai trò chủ đạo: Hồi còn ở Việt Nam, tôi giao du rộng rãi với hầu hết anh em văn nghệ sĩ trong Nam ngoài Bắc, cả cũ lẫn mới. Qua tiếp xúc, tôi nhận thấy, ngoại trừ cái "chỗ đứng", cái "tước vị" của mỗi cá nhân ra, tất cả những anh chị em nào, nếu là nhà văn, nhà thơ, họa sĩ... thật sự, đều có chung điểm đồng qui: ghét chính trị, sôi nổi, cả tin, ngây thơ và tình cảm. Nghĩ tiếp: thế thì "Quốc gia" hay "Cộng sản" cũng chỉ cái "mác" bên ngoài, do định mệnh đưa đẩy. Giả dụ tôi sinh ra ở miền Bắc, lớn lên ở miền Bắc, giờ, biết đâu tôi đã không trở thành... Bí Thư Tỉnh Ủy? Giả dụ ngược lại, tác giả *Ly Thân* là con của một gia đình di cư, cầm chắc hắn đã đi cải tạo mút mùa (nếu hắn học hành đàng hoàng và không thi rớt tú tài để được làm sĩ quan). Ngày nay, sau hai mươi năm, chiến tranh đã kết thúc, quốc gia đã độc lập, vấn nạn bức thiết nhất là làm thế nào đưa đất nước thoát khỏi cảnh u tối, lạc hậu, đói nghèo, độc tài, chuyên chế. Muốn giải quyết vấn nạn ấy, trước tiên, phải đưa dân tộc trở về với "đại khối". Mọi chế độ sẽ tàn lụn, hoặc sẽ đổi thay, nhưng quốc gia vẫn còn đó, dân tộc vẫn là một, chia rẽ, thù hận, nghi kỵ tất nhiên sẽ đưa đến suy yếu. Bài học khai tâm này mọi chúng ta đều đã được dạy từ những năm niên thiếu. Phải chăng chúng ta quên vì nó "nhi đồng" quá? Trở lại vấn đề: để kết hợp dân tộc thành "đại khối", tùy tâm cơ, hoàn cảnh, sở thích, mỗi người chọn

cho mình một cách thế hành động. Tôi không có phương tiện nào khác ngoài những cây cọ cùn và mớ chữ nghĩa ăn đong, nhưng tấm lòng của tôi đối với quê hương nếu không sâu nặng lắm thì cũng chả đến nỗi nhạt, vì vậy tôi chọn văn nghệ như phương tiện để góp phần - trong muôn một - thực hiện ước mơ kia. Ước mơ xóa bỏ "những vĩ tuyến 17" trong lòng mỗi người Việt Nam, ước mơ "hợp lưu" mọi tinh hoa của giống nòi, không phân biệt vị trí quá khứ. Nói theo ngôn ngữ Tạ Duy Anh: phải *bước qua lời nguyền*, cái lời nguyền hình thành trong não trạng mỗi chúng ta, khởi từ thảm kịch qua phân Nam Bắc. Nói gọn lại: phải ý thức rằng chúng ta, không chừa ai, đều là nạn nhân của một giai đoạn lịch sử. Nếu chưa đủ tỉnh táo và can đảm vượt thoát khỏi thân phận nạn nhân, thì, mãi mãi chúng ta sẽ còn trầm luân trong vũng lầy thù hận. Vô lý, vô nghĩa và bất nhân. Bất nhân với chính bản thân, đã đành, còn bất nhân với lịch sử nữa.

- Bây giờ Hợp Lưu đã ra đến số 23, nhìn lại quãng đường đã qua, anh có nhận xét gì để "tính sổ" những thành quả cũng như những khiếm khuyết?

- Như anh biết, *Hợp Lưu* đã phần nào thực hiện được mục tiêu của mình: kéo các văn nghệ sĩ hai miền đến gần nhau, chấp nhận đứng chung với nhau trên một diễn đàn văn học. Ngày nay, độc giả hải ngoại có lẽ không còn xa lạ lắm với văn học nội địa. Ngược lại, những người cầm bút trong nước - dù còn giới hạn - cũng đã biết rằng bên ngoài quốc gia Việt Nam, đang có một dòng văn học mà lưu lượng của nó, sức chảy của nó, hẳn không kém gì dòng chảy bên trong.

Về những khiếm khuyết, nhìn năm bộ *Hợp Lưu* đóng tập, với 5.000 trang chữ li ti, tôi hiểu rằng tờ báo đã vấp phải vô số nhược điểm, sai trái, lầm lỡ, yếu kém. Nhưng có cách nào hơn, khi mà, tôi nhắc lại, làm báo ở hải ngoại là một hình thức "một mình một ngựa", dẫu anh có ba đầu sáu tay cũng không thể khắc phục hết những sai sót. Có lẽ vì biết vậy nên độc giả ở cả trong lẫn ngoài nước đều rộng lòng. Bốn năm, hai mươi ba số báo, họa hoằn lắm tòa soạn mới nhận được vài chữ "phàn nàn" về hình thức hoặc nội dung tờ báo.

- Anh có nghĩ Hợp Lưu ra đời vì nhu cầu chính trị? Hoặc các nhu cầu khác?

- Tôi đã gián tiếp trả lời câu hỏi này ở phần trên: tại sao tôi làm *Hợp Lưu*

.

- Về bài vở, Hợp Lưu có tác phẩm của những người trong nước và hải ngoại. Vậy, trường hợp nào anh có được những sáng tác phẩm trong nước?

- Thời kỳ đầu, tôi trích đăng lại từ các tạp chí văn học nội địa. Qua đến số ba, khi *Hợp Lưu* lọt được vào bên trong và phát hành rộng rãi bên ngoài, tự động, các nguồn bài đổ về. Thường, các tác giả trong nước không trực tiếp gửi cho tòa soạn, mà phải đi đường vòng, qua một trung gian nào đó, đến Úc, đến Pháp, đến Nga, đến Đức, Tiệp, Ba Lan, Hungary, Bungary, thậm chí cả Trung Quốc và Thái Lan... rồi mới"bay" về Mỹ! Cũng có khi tòa soạn nhận

qua máy fax, không ghi xuất xứ, hay trực tiếp bằng đường bưu điện từ Việt Nam, không ghi địa chỉ và tên người gửi... Nói chung, cho đến hôm nay, sau bốn năm, quan hệ giữa *Hợp Lưu* và văn nghệ sĩ trong nước vẫn chỉ là một quan hệ "bán chính thức", "bất thành văn". Tình trạng có vẻ "mờ ám" này xúc phạm đến lòng tự trọng của cả hai bên: người gửi bài không thể công khai nhận đã gửi bài, người nhận bài cũng không thể công khai tuyên bố có nhận bài! Nhưng để bảo đảm an ninh cho các tác giả, cả hai phía đều phải chấp nhận tình trạng ởm ờ này! Quả, trên thế giới, chỉ Việt Nam ta là còn tiếp tục duy trì sợi dây liên hệ... quái gỡ như vậy!

- Có người nói giao lưu văn hóa bây giờ chỉ là giao lưu một chiều, không phải hai chiều. Anh có nghĩ như vậy không?

- Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc có một ý kiến rất đáng đồng tiền bát gạo: giao lưu một chiều, cũng được. Vấn đề là ai chịu đưa tay ra trước, người ấy văn minh hơn, tiến bộ hơn, đại lượng hơn, trượng phu hơn, xứng đáng mang tước hiệu "Con Người" - viết hoa - hơn. Không ngờ cái bà chị này... trí tuệ gớm! Hai mươi năm, ngọn lửa hận thù trong lòng nhiều người đã nguội, họ biết rằng đến lúc phải nhìn mặt nhau, bắt tay nhau, và lãng quên dĩ vãng. Nhưng, như cặp vợ chồng sau trận cãi vả, giận hờn đã tan, đôi bên đều muốn "nối lại quan hệ", thế mà đêm, nằm cạnh nhau, chị lật ngang, anh xoay dọc, lục đục như đĩa phải vôi đến gà gáy sáng, vẫn chẳng kẻ nào đủ can đảm thò tay qua, kéo "kẻ thù" lại gần, cho... xong chuyện. Tại sao khó khăn đến thế? Tại tự ái, tại ai cũng nghĩ mình đang đứng về phía lẽ phải. Đã "phải", thì kẻ "trái" phải xin lỗi chứ, phải làm lành trước chứ. Đấy, chỉ vì những lấn cấn như thế mà nhiều vị tuổi tác sắp gần đất xa trời, đến bây giờ, vẫn còn loay hoay với định kiến trong ngoài xem chừng đã cũ xì, đã mốc meo. Thật mệt! Mệt và buồn! Ví dụ trên chỉ dành cho những người tương đối còn biết suy nghĩ, chứ còn cái thiểu số sân si - cả trong lẫn ngoài - ngày đêm không ngừng gào thét, hầm hè đòi "lột da" nhau, thì, xin lỗi, miễn bàn!

- Là người cầm bút, anh nghĩ sao về cuộc chiến tranh vừa qua. Có khác với suy nghĩ của một người lính nhảy dù QLVNCN xưa không?

- Rải rác ở phần trên, tôi có phát biểu nhiều suy nghĩ liên quan đến câu hỏi này.

- Kim Thi - cũng là một trong vài bút hiệu của anh trong Hợp Lưu - thường hay "phẫn nộ" về hiện tượng "xài bạc giả" trong văn chương. Anh có thể nói rõ hơn về cái giả cái thực trong văn chương?

- Để tạo nên tác phẩm, nhà văn thường phải dựa trên những cái "giả", tức trí tưởng tượng. Trí tưởng tượng càng phong phú, tác phẩm càng lôi cuốn và sâu sắc. Một tác phẩm sâu sắc tất sẽ tồn tại dài lâu, nhờ thế, những điều nhà văn muốn gửi gấm trong tác phẩm cũng sẽ có cơ hội sống với người đọc. Có

thể nói, kẻ làm văn là kẻ biết vận dụng cái "giả" (tưởng tượng) để chở cái "thật" (tư tưởng) một cách tài ba.

Nhưng "bạc giả" trong sinh hoạt chữ nghĩa thì hoàn toàn khác. tôi tin, chẳng phải chỉ riêng tôi, mà tất cả mọi người đều "dị ứng" với cái bọn chuyên xài bạc giả này trong văn chương. Đó là cái bọn đâm thuê chém mướn, thương vay khóc mướn, cái bọn đeo mặt nạ, cái bọn đi với bụt mặc áo cà sa đi với ma mặc áo giấy, cái bọn viết một đường, làm một nẻo, dùng văn chương chữ nghĩa để đánh bóng bản thân, vợ con, bạn bè cùng phe cùng nhóm, nói chuyện lấp biển vá trời mà lòng dạ nhỏ hơn trôn chén! Bọn ấy, thời nào, chế độ nào, thổ ngơi nào cũng có, khiến cho vàng thau lẫn lộn, khiến cho văn chương trở thành thuốc dán Cao Đơn Hoàn Tán của các tay mãi võ Sơn Đông.

- Anh nhận xét gì về những bài viết từ trong nước nhận định về nền văn học hải ngoại?

- Tất nhiên, do thiếu thốn tư liệu, những bài nhận định về nền văn học hải ngoại của các vị trong nước không thể đầy đủ, và do vị trí cũng như tầm nhìn hạn chế, những nhận định ấy cũng chưa khách quan, chuẩn xác lắm. Tuy vậy, chỉ riêng việc chịu nói đến nền văn học hải ngoại, theo tôi, cũng đã là một tiến bộ đáng kể. Từ từ, cái gì cũng cần thời gian. Văn chương chữ nghĩa là cái của muôn đời, chả mất mát đi đâu. Tôi lạc quan tin rằng chỉ mươi mười năm nữa thôi, cát, vàng, kim cương, đá sỏi, tự chúng, sẽ có cho mình những vị trí hợp lý.

- Nếu có thể so sánh, anh cho một vài nhận định giữa văn học trong nước và văn học hải ngoại?

- Tôi không làm công việc so sánh. Với tôi, văn chương hải ngoại hay văn chương trong nước cũng chỉ là văn chương Việt Nam. Còn nghĩ đến chuyện so sánh là còn quyết ăn thua đủ, còn chấp nê anh đúng, tôi sai, anh phải, tôi trái, anh chính thống, tôi phụ lưu, anh, tà phái, tôi chính nghĩa... Tất cả, theo tôi, chỉ là hư từ. Tất cả chỉ là bóng. Theo bóng, quên hình là thảm kịch của văn chương Việt Nam gần nửa thế kỷ qua. Trong nước, phía Bắc, trong thời gian chiến tranh, mãi "nêu cao đạo đức xã hội chủ nghĩa", ca tụng "tính anh hùng" trong sáng tác, nhà văn nhà thơ đã vô tình (và hữu ý) biến văn chương nghệ thuật thành công cụ tuyên truyền một chiều, cứng nhắc, vô hồn, bất cận nhân tình, xa rời thực tế. Đó là những hình nộm được giật dây, những con robot chạy bằng pin. Hòa bình đến, nhiều năm sau, hai khẩu hiệu kia vẫn còn được xem như kim chỉ nam cho mọi văn nghệ sĩ trong sáng tác. Chỉ đến những năm cuối và đầu thập niên tám, chín mươi, nhân vụ "cởi trói", văn chương Việt Nam mới bung nở được đôi chút, để rồi không lâu sau đó bị siết lại. Tiếp theo, cùng với sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Sô, Đông Âu... Việt Nam buộc phải "xét lại" và tìm cách chuyển mình hầu có thể

đứng vững, hội nhập vào cộng đồng nhân loại. Người ta khai sinh ra một thứ mô hình mới, gọi là "Xã Hội Chủ Nghĩa Xã Hội phát triển có định hướng theo kinh tế thị trường"(!). Thế là cả nước đổ xô nhau đi làm tiền. Nghèo, theo kiểu nghèo. Giàu, lấy của cải làm vốn kinh doanh. Kẻ có chức phận, lợi dụng chức phận. Người có quyền thế, dùng quyền thế đầu tư... Bọn văn nghệ sĩ, vốn chậm và... dở, rốt cuộc cũng bị làn sóng vật chất cuốn đi. Chỗ ngồi rất cô đơn và độc lập là mặt bàn viết trong một xó góc nào đó, đã dù muốn dù không cũng phải chuyển đến các tòa báo. Nhà văn nhà thơ biến thành nhà báo lúc nào không hay! Tại sao? Một tác phẩm vài trăm trang, kỳ khu đầu tư mài giũa cả năm, đến lúc in ra, tiền tác quyền có khi còn tệ hơn nhuận bút một bài báo vài nghìn chữ. Sở dĩ có sự chênh lệnh đến vô lý giữa hai chế độ tác quyền là vì người ta không đọc sách - vừa đắc vừa nhức đầu, mà chỉ đọc báo - vừa rẻ vừa vui! Thử hình dung: với 74 triệu dân, sách văn học nghệ thuật chỉ in một nghìn bản bán mãi cả năm không hết, trong khi một tờ báo có tên tuổi, lượng phát hành thường từ 3 đến 6 trăm ngàn tờ! Với mãi lực như thế, sách, muốn trả nhuận bút cao cũng không đào đâu ra tiền để trả. Ngược lại, báo mang về cho chủ nhân quá nhiều lợi nhuận, tác quyền do đó không thể không cao. Với tình trạng ấy, không bỏ viết văn làm thơ để đi làm báo, có họa điên! Nhà nước khỏi cần "cởi" với "trói", văn chương thực sự, văn chương soi đường, văn chương mở lối (vân vân và vân vân...) cũng tự động "biến vào hư vô"! Phản kháng với đấu tranh, tìm tòi với khai phá làm gì thêm mệt, lại có khi mang họa vào thân! Vả, ai đọc, ai quan tâm? Chữ nghĩa, hơn bao giờ hết, trở thành mặt hàng xa xỉ, một trò chơi phù phiếm, xa rời thực tế. Khởi từ thực tế đó, tác phẩm văn chương càng lúc càng nghèo đi, cả phẩm lẫn lượng. Trong một bài phỏng vấn đăng trên *Hợp Lưu* hơn năm trước, Trần Vũ nhận xét: văn chương trong lẫn ngoài nước mấy năm nay đều... dở ngang nhau. Quả, có đúng thế thật! Hai mươi năm văn học hải ngoại, chúng ta viết được gì? Nào chuyện tù đày, chuyện bị đè nén, áp bức, chuyện"tố cáo tội ác Cộng Sản". Người nào thoát được vũng lầy thù hận và ý đồ chính trị, thì xoay qua chuyện "xa quê hương nhớ mẹ hiền", chuyện "bơ vơ đất lạ quê người", chuyện "tha phương cầu thực", chuyện "hội nhập gian nan"... Nhưng hai kho tàng ấy, khai thác mãi, cũng có lúc cạn. Không còn tìm thấy nữa những hạt trân châu, những vương miện với vòng nguyệt quế bằng vàng nạmngọc, người ta bắt đầu tìm kiếm những miếng vàng rơi, những vòng ngọc bể... Đến lúc cả những thứ hư hỏng, tủn mủn ấy cũng hết, người ta buộc phải... đãi cát tìm vàng! Văn học Việt Nam hải ngoại trong buổi chợ chiều, hình như giống lắm với cảnh tượng tôi vừa dẫn.

Nhưng tôi hy vọng tình trạng trên, của trong lẫn ngoài, chỉ là giai đoạn. Phải có lúc văn chương dành lại chỗ đứng thật sự của nó. Để có được chỗ đứng ấy, việc trước tiên cần làm là ngay từ bây giờ chúng ta hãy hè nhau "chôn" đi hai chữ "trong/ngoài". Chứ sao, đến một lúc nào đó không còn hải ngoại, không còn quốc nội. Chỉ có, duy nhất, một nền văn học: văn học Việt

Nam. Chỉ có, duy nhất, một tên gọi: nhà văn Việt Nam. Nếu có người cầm bút sống ở Cần Thơ, Vĩnh Long, Huế, Hà Nội gửi bài đăng trên một tạp chí văn chương ở Sài Gòn, ở Paris, ở California... thì cớ chi không có thi sĩ A, nhà văn B cư ngụ ở ở Australia, ở Nhật, ở Đức... làm công việc tương tự? Tất cả là nhà văn Việt Nam, viết bằng ngôn ngữ Việt Nam. Khác chăng, cái địa chỉ cư trú. Thế thôi. Trước kia Đặng Tiến viết phê bình văn học trên tạp chí *Văn* ở miền Nam, cụ Hoàng Xuân Hãn, ông Trần Văn Khê... viết cho cả trong Nam ngoài Bắc, sao chẳng thấy ai đặt vấn đề hải ngoại với trong nước? Hai cụm từ ấy chỉ phát sinh từ sau 1975. Nó phát sinh do người thua kẻ thắng, kẻ cầm quyền cai trị người bỏ xứ lưu vong. Hai mươi năm đã qua, không còn thắng bại nữa, không thể nuôi dưỡng mãi não trạng chia rẽ nữa.

Vì vậy, xin cho tôi được thay hai chữ "so sánh" bằng hai chữ khác: "nhận xét".

Theo tôi, văn nghệ sĩ quốc nội, trước đây, do phải chiều theo nhu cầu tuyên truyền, phục vụ chủ nghĩa xã hội, đã coi nhẹ phương cách biểu hiện, văn phong, bút pháp, mạch ngầm nằm sau ngôn ngữ... sáng tác vì thế gần gũi với "truyện kể" hơn văn chương (chúng ta có một chữ dùng khá hoàn chỉnh cho khuynh hướng này: văn chương minh họa!). Vài năm gần đây với chính sách cởi trói. với những tài năng được hun đúc và trưởng thành trong chiến tranh, cùng lớp trẻ không hệ lụy với quá khứ, lại thêm kinh tế thị trường mở rộng, hầu như ai cũng có điều kiện tiếp xúc với nền văn chương đương đại thế giới, nhờ thế văn chương quốc nội dần dần thoát được những lối mòn cũ. Rất tiếc, như tôi vừa trình bày ở trên, "kinh tế thị trường" là con dao hai lưỡi, quen dùng thì tiện lợi, không quen, đứt tay dễ dàng! Nhà văn bị cơn lốc vật chất cuốn theo, văn chương trở thành thứ phẩm, không ai chú tâm đầu tư, khiến cho giá trị giảm sút một cách đáng sợ. Riêng lãnh vực biên khảo, nghiên cứu..., miền Bắc đã có những công trình cẩn trọng, có kế hoạch và dài hơi. Chỉ tiếc, các nhà nghiên cứu, lý luận vẫn chưa thoát được khuôn mòn của tư duy triết học duy vật, vốn chỉ là một trong những tư duy mà nhân loại đã và đang khai sinh không ngừng kể từ Các-Mác. Hơn thế nữa, sách vở, tài liệu lại quá nghèo nàn, những vị có trình độ, có khả năng chuyên môn muốn tìm hiểu, đọc thêm, cũng không biết tìm ở đâu. Vốn kiến thức của nhân loại mỗi ngày mỗi dày thêm theo vận tốc... phi thuyền, trong lúc các học giả, các nhà nghiên cứu, lý luận Việt Nam thì dậm chân tại chỗ, sử dụng mãi một số vốn nhỏ nhoi có được từ... trên nửa thế kỷ trước!

Về văn học hải ngoại, có thể khẳng định: 90% văn nghệ sĩ cũ đã ra nước ngoài, qua nhiều đợt, kể từ 1975 đến nay. Tuy nhiên phần đông bỏ nghề. Số còn lại tuy vẫn tiếp tục nhưng dần dà đuối hơi. Hình như do tuổi tác, sinh kế, môi trường... Lớp kế thừa (các thập niên 70, 80) viết hay, họ đã tạo thành một dòng văn chương đầy sức sống. Tuy nhiên, cũng như các tiền bối, họ nhanh chóng mòn dần, thậm chí có người rơi nhanh vào lãng quên. Lớp tiếp theo có kiến thức, có tiếp thụ văn chương đương đại, đề tài của họ rộng rãi,

bao quát, vượt qua vòng rào chật hẹp của chính kiến và "đời thường", rất tiếc, hình như họ ít chịu sống chết với văn học. Với họ, viết văn là một hình thức tiêu khiển. Vui, viết chơi, hết vui, tìm thú khác vui hơn. Ít ai (hầu như chưa có) dám đặt láng tẩy, là cuộc đời mình, cho canh bạc chữ nghĩa.

- Anh có nghĩ văn học hải ngoại sau 75 là văn học miền Nam trước 1975 nối dài?

- Không có nền văn học nào không có sự kế thừa. Tôi nhấn mạnh, "kế thừa" chứ không phải "nối dài".

Tôi dùng chữ "kế thừa" với tất cả hàm ý tốt đẹp. Qua các thế hệ đi trước, ta rút tỉa được những bài học tốt, ta loại bỏ đi những kinh nghiệm xấu. Nói chung, không có trước chẳng thể có sau. Đó là qui luật tiến hóa. Còn hai chữ "nối dài", theo tôi, đã mang trong tự thân một cái gì hết sức... phản tiến hóa, "Nối dài" là tiếp tục làm thêm cái công việc người khác đã làm, không sáng tạo, chẳng khai phá. Sẽ hợp lý nếu dùng hai chữ "nối dài" để chỉ một số nhà văn tương đối có tí tên tuổi trước 1975, nhưng khi ra đến hải ngoại bỗng nhiên sức sáng tác trở nên mòn mỏi. Không viết được nữa, mà nằm yên một chỗ lại chẳng cam lòng, bèn cách này, cách khác, chỗ nọ, chỗ kia, "quậy" lung tung, để thiên hạ đừng quên mình. Một hình thức "nối dài" đáng thương!

- Anh có thể phác họa về văn học hải ngoại tương lai? Thí dụ như trong vài thập niên sắp tới?

- Đã nhiều lần, đó đây, tôi có nói rằng sẽ đến lúc không còn trong, không còn ngoài, sẽ đến lúc mọi dòng chảy sẽ qui về một mối. Một hai thập niên nữa, quả thật, khó hình dung được văn học Việt Nam hải ngoại sẽ thế nào? E rằng rồi nó cũng giống như Tàu, như Nhật, như các dân tộc thiểu số khác trên đất Mỹ, dòng văn học này sẽ biến thành một thứ văn học tiêu thụ chứ không còn là văn học sản xuất như bây giờ. Bởi thế hệ còn viết được tiếng Việt sẽ lùi vào bóng tối thời gian, tình trạng giao lưu với nội địa sẽ trở nên bình thường, lúc ấy, năm ba người còn viết được tiếng Việt, sẽ nhanh chóng bị nhận chìm dưới dòng chảy cuồn cuộn là lưu đạo mênh mông của một quốc gia có dân số xấp xỉ 75 triệu con người, cùng với một ngôn ngữ Việt Nam không ngừng biến hóa và sinh nở. Tuy nhiên, nói là nói thế, thật tình tôi không dám xác quyết điều gì cả.

- Anh có nghĩ văn chương nữ giới ở hải ngoại một vài năm trước là một hiện tượng đặc sắc của văn học Việt Nam hải ngoại?

- Vâng, điều ấy thì ai cũng thấy. Rất tiếc, ít có vị nào kiên trì đi tiếp con đường đã chọn. Hình như thời nào cũng vậy, phái nữ đọc nhiều hơn phái nam, phái nữ quan tâm đến văn chương nhiều hơn phái nam, tuy nhiên theo đuổi bền bỉ cái nghiệp chữ nghĩa thì phái nữ thường sớm bỏ cuộc. Bỏ cuộc, hẳn nhiên không phải vì tài năng của họ ngắn. Tôi cho, chỉ vì họ là... đàn bà.

Đàn bà với bao nhiêu hệ lụy, trách nhiệm: họ sẽ là vợ, là mẹ, là người nội trợ trong gia đình, là một công dân ngoài xã hội. Trên vai họ, hàng trăm gánh nặng.

- Anh thích những nhà văn nào nhất? Trong nước? Hải ngoại?

- Hình như có nhiều vị trả lời câu này rồi, và hình như những câu trả lời đều giống nhau. Số nhà văn nhà thơ xuất chúng của ta, trong lẫn ngoài, nào có bao nhiêu. Họ như những ngọn đèn pha giữa rừng đèn... cầy, ai mà không nhìn thấy. Cá nhân tôi, rất "ba phải": thích tất cả những ai viết chữ một cách đàng hoàng, lương thiện. Câu trả lời không loại trừ bộ môn thơ.

- Một ngày của Khánh Trường? Cho ai và cho cái gì? Gia đình, bằng hữu, người yêu... hoặc viết văn, làm thơ, vẽ tranh, làm báo hay làm biếng...?

- Buổi sáng: vẽ, cho mình và cho cơm áo (bìa sách, bìa băng, tranh, chân dung... thượng vàng hạ cám). Buổi chiều: Đọc bản thảo, chọn, đánh máy, viết, lay-out, trả lời thư, đi bưu điện... Buổi tối: đọc sách, xem TV, sáng tác (không sáng tác được thì nằm sờ râu hay sờ... các cái và ca tân cổ giao duyên - thường sai nhịp lạc phách, vì dốt nhạc!). Sáng thứ bảy đông dài quán sá và nói phét (với nan phái) hoặc tán tỉnh lảm nhảm (với nữ phái) cho đời thêm tí hương hoa. Về khoảng làm biếng, thích nhất, tiếc, chẳng đào đâu ra thời giờ thừa để được làm biếng!

- Anh là người bị chỉ trích nhiều nhất vì những việc làm của mình. Vậy, anh có bị ảnh hưởng chút nào về những lời chỉ trích ấy không?

- Nổi cáu, chửi thề, thì có. Mình đâu phải thánh thần chi mà "phá chấp" được mọi thứ! Nhưng ảnh hưởng thì không. Trong tôi vẫn còn rơi rớt tí máu lì, cộng thêm tí máu... cải lương: cái gì đã nghĩ, đã dự dịnh làm, nhất định phải làm, bằng được, chết cũng làm, dao kề vào cổ, cứa rồi, thuốc đỏ tung tóe đỏ lòm, cũng ráng ngóc đầu ca đủ sáu câu mới chịu "đai".

Tuy nhiên đó là thời kỳ đầu, bây giờ, chiến trận dạn dày, nếu có bị chỉ trích, mắng mỏ hay trụng nước sôi, tôi cũng hết cáu nổi! Nói điều này, có thể anh cho tôi muốn gây chuyện, khiêu khích, chứ thật tình, lâu quá, chẳng thấy ai mắng, đâm... nhớ, tự hỏi: bộ cái bản mặt mình thiên hạ ngấy lắm rồi sao? Hay tại, sau bốn năm, rốt cuộc con đường *Hợp Lưu* đi thế mà đúng boong, muốn mắng, cũng... thẹn với lòng?

- Anh còn điều gì muốn nói thêm?

- Nam phụ lão ấu sắp ra sách muốn có một cái bìa hết ý. Ca sĩ đang lên, đã lên (hay sắp xuống) muốn bìa băng của mình "đập ngay vào mắt thiên hạ" (không phải đập vào mặt). Đàn bà con gái muốn giữ đến thiên thu nhan sắc chim sa cá lặn trời cho bằng một tấm chân dung mượt mà như tranh cổ hay dài ngoằng ốm nhách kiểu Modigliani. Các cơ sở, công ty thương mại muốn

có một logo giàu tính biểu tượng khiến khách hàng nhớ dai, nhớ dài, nhớ dễ (mà không dở). Có phòng khách rộng rãi sang trọng nhưng thiếu một tấm sơn dầu áp trên tường cho đúng điệu thượng lưu trí thức (đề tài tự do tuyệt đối, từ thiếu nữ mơ huyền với tóc thề xõa bay trong gió đến siêu thực, bí hiểm với đường ngang nét dọc rối tinh rối mù, hoặc biểu hiện dã thú với từng nhát cọ xanh đỏ tím vàng quằn quại đau thương...)... hãy thuê Khánh Trường. Chị làm móng tay, anh thợ cắt tóc, chú bán bảo hiểm, cô trung gian sang nhượng cửa nhà, dượng chuyên trị tai nạn trượt ngã trong shopping (kể cả trượt ngã trong hôn nhân, ví dụ vừa bị chồng quài sái quai hàm hoặc "anh theo vợ bé bỏ bè con thơ"...), bác về hưu thong dong ngày tháng, thiếm trung niên chiếc bóng phòng không... lúc rảnh rỗi muốn giết thì giờ một cách lương thiện (mà... phê), hãy mua ngay (bằng đường bưu điện với chữ ký của tác giả, hay tại tiệm sách) những tác phẩm "nóng" hơn dung nham của Khánh Trường. Người "ham đọc, hiếu học" (lời "thiệu" này của ông Trần Phong Giao, cựu chủ bút tạp chí Văn tại Sàigòn trước 1975, không phải của tôi), muốn có cái để đọc, để học, hãy trở thành độc giả của *Hợp Lưu*. Ngoài ra, phái nam thiếu bạn nhậu hoặc bạn rong chơi ca múa, phái nữ thiếu người "gỡ rối tơ lòng" hoặc đấu hót (từ chuyện đứng đắn đàng hoàng như quê hương đất nước, văn học nghệ thuật xa vời cao cả đến chuyện linh tinh nhảm nhí kiểu Tiểu Sàigòn có bao nhiêu quái nhân dị sử, hay chuyện "đố vui để học" đại loại tại sao con gà cục tác lá chanh, con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi...) cũng hãy cứ call cho Khánh Trường (rất tiếc chưa có số 800), đảm bảo thù lao nhẹ (có khi "cho không biếu không" chẳng tốn một xu, ngoại trừ tiền nộp hàng tháng cho ông Pacific Bell hoặc các ông chủ những hãng điện thoại viễn liên nào đó). Nói riêng với anh Nguyễn Mạnh Trinh: Tôi sòng phẳng, câu trả lời vừa rồi phi văn chương, thuần túy business, có thể qui thành tiền và trừ vào tác quyền, nếu cuốn sách anh sắp in được trả tác quyền, và anh khoái chơi xộp, chia đều cho mọi người. (*Cười*).

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*



PHAN TẤN HẢI

PHẠM VIỆT CƯỜNG *phụ trách*

sinh hoạt văn học nghệ thuật



"AN NAM DỊCH NGỮ" TỰ ĐIỂN HÁN-VIỆT CỔ NHẤT ĐƯỢC XUẤT BẢN

"An Nam Dịch Ngữ" là cuốn từ vựng đối chiếu Hán-Việt do người Trung Quốc biên soạn vào khoảng thế kỷ 15-16. Đây là tư liệu quí về tiếng Việt cổ. Từ hai thế kỷ nay, tác phẩm này đã được người Nhật, Pháp, Anh, Trung Hoa giới thiệu và chú giải. Nhưng ở Việt Nam, hình như rất ít người biết. Giáo sư Vương Lộc, chuyên gia về lịch sử tiếng Việt, đã nghiên cứu, chú giải khá tỉ mỉ tác phẩm này, đính chính được nhiều chú giải không đúng của một số học giả nước ngoài trước đây.

Công trình gồm 202 trang, chia làm hai phần: Phần một, giới thiệu và nghiên cứu. Phần hai, chú giải. Trong phần này, tác giả lần lượt đi vào từng mục từ, khôi phục cách đọc các chữ Hán dùng để ghi âm tiếng Việt, sau đó khôi phục cách đọc các từ Việt tương ứng.

Trung tâm từ điển học và nhà xuất bản Đà Nẵng đã đầu tư nhiều thời gian, công sức để có một cuốn sách trình bày đẹp, trong đó có nhiều chữ Hán, chữ Nôm, nhiều ký hiệu phiên âm quốc tế... Đây là một đóng góp rất hữu ích trong việc tìm hiểu ngữ âm tiếng Việt thế kỷ thứ 15-16 nói riêng, và tiếng Việt nói chung.

NHÀ VĂN TRẦN VŨ VÀ LUẬT SƯ TRẦN THANH HIỆP ĐẾN HOA KỲ

Quận Cam, thường được mệnh danh "thủ đô tị nạn", có lẽ là nơi hội tụ

đông đảo nhất mọi văn nghệ sĩ, từ khắp nơi trên thế giới đổ về. Gần như tháng nào cũng có những buổi tiếp tân được tổ chức tại tòa soạn hoặc nhà riêng các vị chủ trương những tạp chí văn học nghệ thuật có địa bàn phát hành rộng như *Thế Kỷ 21, Văn, Văn Học, Hợp Lưu*...

Khách tháng 10 năm nay, nhà văn Trần Vũ và luật sư Trần Thanh Hiệp (trong ban biên tập tạp chí *Sáng Tạo* 40 năm trước), đến từ Paris, Pháp.

Luật sư Hiệp, quan tâm nhiều đến các vấn đề chính trị, nên những gặp gỡ của ông phần lớn dành cho giới này. Ông có một cõi riêng, sống hết mình và rất đắm say trong cõi ấy. Chúng tôi (nói theo ngôn ngữ của MT) chỉ là *"bọn ngoại đạo"*, không biết, và cũng không đủ tư cách tham dự. Gặp luật sư Hiệp đôi lần, ngồi chung một bàn ăn, nghe ông thuyết giảng về Công Pháp, về Tự Do, về Nhân Quyền, về "một giải pháp thứ ba", cùng những vấn đề trọng đại khác... Tuy nể phục lắm, nhưng thật thà mà nói: hầu hết chúng tôi đều không đủ khả năng "tiếp thu" rốt ráo mọi điều do ông trình bày. Kể ra, đó cũng là một thiệt thòi lớn.

Riêng nhà văn Trần Vũ, ngoài văn chương, hình như chỉ thích duy nhất một... "vấn đề": rượu. Vì vậy, các cuộc thăm viếng của anh luôn được mở đầu và kết thúc trong vòng tay bao bọc của ông thần... men! Một trong những tửu đồ ngang ngửa của "nhà văn hiếu động" này là MT. Một già một trẻ, một bác một cháu, cả hai chung vai đọ sức với những ông "Cô-nhác", "Mác-teo" liên tục, bền bỉ, bất phân thắng bại gần nửa tháng qua, khiến những tửu đồ hạng bét (cỡ Khánh Trường) dù chỉ uống cầm hơi, cũng bao phiên ngất ngư!

Ngày 13 tháng 10 nhà văn Trần Vũ sẽ rời Cali fornia sang Washington D.C. để gặp gỡ một số nhà văn Mỹ, Việt (trong, ngoài) có tác phẩm được chọn in trong tuyển tập *"The Other Side of Heaven" (Phía bên kia thiên đường)* do nhà xuất bản Curbstone Press vừa phát hành, mà *Hợp Lưu* đã giới thiệu trong mục "Giới Thiệu Sách Mới" số trước. Chả hiểu vị "cao thủ" nào sẽ đại diện giới văn nghệ sĩ miền Đông "đọ sức" với "cái thùng chứa rượu không đáy" này?

Trong chỗ thân tình và trong hơi men chếnh choáng, nhiều anh em ở Cali đã hỏi nhỏ nhà văn Trần Vũ: "Nước Pháp vốn... nghèo khó, tiền bạc khó tìm, sao anh có vẻ dư ăn dư để, đi đây đi đó xoành xoạch, vừa ra khỏi Việt Nam đã thấy xuất hiện ở Mỹ, cứ như người ta đi chợ?". Trả lời: Một nhà xuất bản Mỹ (đã in *"Những Thiên Đường Mù", "Tiểu Thuyết Vô Đề"*... của Dương Thu Hương) vừa ký hợp đồng nhận xuất bản một *"Tuyển Tập Truyện Ngắn Trần Vũ"*, rút từ hai tập *"Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu"* và *"Cái Chết Sau Quá Khứ"*, do Phan Huy Đường và Nina McPherson chuyển sang Anh Ngữ, sẽ ra mắt bạn đọc năm châu khoảng tháng 12 năm 1995. Tiền nhuận bút được 30 thiên đô la xanh. Nhà xuất bản ứng trước một nửa. Mười lăm thiên! Dư sức đi thêm vài quốc gia nữa, và dư sức mua thêm vài thùng cỏ nhác!"

Cũng trong chỗ thân tình, Trần Vũ cho biết thêm: vài năm nay, tại Pháp, tại Mỹ, truyện của anh được các nhà xuất bản và các tạp chí văn chương

(Anh, Pháp ngữ) lưu ý. Họ mời viết và trả tiền nhuận bút tương đối khá (so với Việt Nam trong, ngoài), nên anh "tuy không sống thuần bằng nghề viết, vẫn khả dĩ thực hiện được giấc mộng giang hồ (vặt).

Hỏi tiếp: "Truyện dài *Pháo Đài* đăng trên *Hợp Lưu* viết được đến đâu?". Trả lời: "Hai phần ba, nhưng có lẽ không đăng tiếp nữa, vì đọc từng kỳ như thế, không khí truyện sẽ loãng đi". Chủ biên KT tiếc hùi hụi, vẫn nhận rằng Trần Vũ nói đúng. Vậy nhân đây, chuyển lời xin lỗi của Trần Vũ đến độc giả. Anh hẹn sẽ tái ngộ vào cuối năm nay, khi tác phẩm hoàn tất và in thành sách.

Hợp Lưu chia mừng với nhà nhà văn Trần Vũ. Mong anh giữ vững đà sáng tác hiện nay, và "xâm nhập" mạnh hơn vào thế giới chữ nghĩa Âu, Mỹ.

ĐÊM VÕ PHIẾN TẠI THỦ ĐÔ WASHINGTON

Chủ nhật ngày 30 tháng Chín vừa qua, tại nhà hàng Việt Thành, trong khu sinh hoạt của đông đảo người Việt tại thủ đô Washington, hơn 300 trăm người đã có mặt để vinh danh nhà văn Võ Phiến.

Mở đầu, thay mặt *Nhóm Thân Hữu Miền Đông*, bác sĩ Phó Ngọc Văn (cũng là một người thơ, thường tham gia hầu hết các sinh hoạt văn học nghệ thuật của cộng đồng người Việt tại địa phương, nói riêng, và khắp nơi trên đất Mỹ, nói chung) ngỏ lời chào mừng quan khách, trình bày lý do đêm họp mặt: vinh danh một nhà văn đã sống trọn đời với văn chương.

Diễn giả đầu tiên bước lên diễn đàn, nhà văn Lê Tất Điều (còn được biết đến qua bút hiệu Cao Tần ký dưới những bài thơ tạo xôn xao dư luận văn học một thời). Ông Điều tỏ ra rất am tường về con người và tác phẩm của nhà văn Võ Phiến. Hơn ba mươi năm qua, từ quê nhà đến quê người, hai vị từng quen biết và từng có những lúc làm việc chung, nhất là giai đoạn cùng phụ trách điều hành tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật* (tiền thân của tờ *Văn Học* do nhà văn Nguyễn Mộng Giác coi sóc bây giờ) vào thời kỳ phôi thai của văn học hải ngoại.

Tiếp, là phần "tâm tình" của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, đến từ quận Cam, California. Chúng tôi dùng chữ "tâm tình", vì ông Hoàng đã nói rõ: ông không đến với Võ Phiến với tư cách một người bình luận văn học, mà như một người em, một người học trò đã nhận ở Võ Phiến nhiều ân tình, trong đời sống, và ảnh hưởng, trong văn chương. Đặc biệt, ông Nguyễn Xuân Hoàng cũng nhắc nhiều đến bà Viễn Phố, phu nhân của nhà văn Võ Phiến, người mà theo ông Hoàng, không khác gì Olga Ivinskaya, người đàn bà đứng sau lưng nhưng luôn luôn là nguồn cảm hứng bất tận của nhà văn Nga Boris Pasternak.

Người thứ ba bước lên bục gỗ là nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Thay vì nói về Võ Phiến, bà đã có một sáng kiến khá độc đáo: Phỏng vấn "người bàn bà đứng sau lưng" Võ Phiến. Tuy bà Viễn Phố từ chối, nhưng nhà văn

Nguyễn Thị Hoàng Bắc vẫn tiếp tục bài phỏng vấn của mình... một mình, bằng cách đưa ra mười câu hỏi dí dỏm rồi... tự trả lời, với yêu cầu: câu nào đúng, bà Viễn Phố làm ơn vỗ tay, câu nào sai, xin bà đính chính. Kết quả, tất cả các câu vấn đáp đều được cả hai ông bà Võ Phiến cùng cử tọa tán dương nhiệt liệt bằng những tràng pháo tay ròn rã.

Người thứ tư, Luật sư Trần Thành Hiệp, một trong những thành viên của tạp chí *Sáng Tạo* ra đời ngót nửa thế kỷ trước, đến từ Paris, đã khẳn định rằng "những người miền Nam, trong đó có Võ Phiến, từ 1954 đến hay đã hoàn thành một nền văn học tự do theo đúng nghĩa của nó"

Diễn giả sau cùng là ký mục gia Bùi Bảo Trúc. Vẫn bằng cung cách cùng ngôn ngữ rất duyên dáng của mình, ông Trúc cho rằng: rất "không thích Võ Phiến", vì một lẽ giản dị: trong bất cứ bài viết nào của ông, người luôn được ông trích dẫn chính là... Võ Phiến.

Buổi sinh hoạt kết thúc sau phần cảm ơn thân hữu và quan khách của nhà văn Võ Phiến, đồng thời nhận một món quà đặc biệt do ban tổ chức trao: chân dung của ông do nữ họa sĩ Bé Ký ký họa.

Nhóm Thân Hữu Miền Đông năm trước đã từng tổ một sinh hoạt tương tự, vinh danh nhà văn Mai Thảo, và cũng gặt hái thành quả tốt đẹp không kém. *Hợp Lưu* hy vọng nhóm này sẽ tiếp tục duy trì truyền thống của mình, cho những văn nghệ sĩ khác, hẳn còn khá đông, đã và đang đóng góp không ít cho gia tài văn hóa Việt Nam, hiện sinh sống tại hải ngoại.

RA MẮT TUYỆN TẬP THƠ TÔ THÙY YÊN

Vào lúc 8:30 ngày 6 tháng 10, 1995 tại Hội Quán Văn Nghệ Tao Nhân, thành phố Garden Grove, miền Nam California đã khai mạc đêm ra mắt tuyển tập thơ Tô Thùy Yên.

Có lẽ lần đầu tiên trong vòng hai mươi năm qua tại hải ngoại, một đêm ra mắt thơ đạt được thành quả mỹ mãn như thế. Hầu hết những khuôn mặt tiêu biểu trên các lãnh vực văn chương, thơ ca, hội họa, điện ảnh, âm nhạc... như nhà văn Mai Thảo, luật sư Trần Thanh Hiệp, nhà văn Trần Vũ (hai vị này đến từ Paris), nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, nhà thơ Viên Linh, nhà văn Cao Xuân Huy, nhà văn Phạm Quốc Bảo, họa sĩ Nghiêu Đề, họa sĩ Nguyên Khai, nhà thơ Du Tử Lê, nhà thơ Đỗ Quí Toàn, nhà báo Đỗ Ngọc Yến, nhà báo Lê Đình Điểu, nữ tài tử Kiều Chinh, ca sĩ Thái Thanh, nhà biên khảo Đào Trung Đạo, nhà văn Trần Diệu Hằng, nhạc sĩ Từ Công Phụng, nhạc sĩ Trần Duy Đức... cùng hơn 140 quan khách khác (chưa kể nhiều người đến trễ không có chỗ ngồi phải đứng ngoài hành lang) đã có mặt và ở lại với tác giả mãi đến giờ bế mạc, trong một bầu khí ấm cúng, thân tình.

Ngoài phần phát biểu của các văn nghệ sĩ về thơ Tô Thùy Yên, chương trình rất phong phú qua phần đọc hoặc diễn ngâm của Trần Diệu Hằng, Yên

Ly, Tuyết Mai, Thái Thanh, Kiều Chinh, cùng các giọng hát Carol Kim, Diễm Chi, Khúc Lan, Từ Công Phụng, Trần Duy Đức...

Tô Thùy Yên, một tiếng thơ lớn của thi ca Việt Nam trong gần nửa thế kỷ qua, dù rất nổi tiếng, độc giả vẫn chỉ biết đến ông qua một số bài thơ in rải rác trên tạp chí *Sáng Tạo* gần 40 năm trước, đôi ba tạp chí văn chương trước 1975 và vài thi phẩm khác, trên diễn đàn văn học hải ngoại hai năm trở lại đây. Nói cách khác, tuy là một thi sĩ được hầu hết mọi người Việt Nam biết đến, vẫn chưa có tác phẩm nào in thành sách. Đây là lần đầu tiên, những bài thơ tiêu biểu nhất của một đời thơ được chính tác giả góp nhặt, thu tập, đánh máy, trình bày và cho ra đời. Bạn đọc nào muốn có tuyển tập thơ này, với chữ ký của tác giả, xin liên lạc với tòa soạn *Hợp Lưu*. Giá mỗi tập 15 Mỹ Kim. Nội địa, hạng tư: thêm 1.24MK. Hạng nhất: thêm 2.62MK. Ngoài Hoa Kỳ, tàu thủy: thêm 1.36MK. Máy bay: thêm 4.99MK (Âu Châu), 6.61MK (Úc, Á châu).

Buổi sinh hoạt được thực hiện bởi các thân hữu của nhà thơ: Mai Thảo, Kiều Chinh, Du Tử Lê, Khánh Trường.

Chúng tôi được biết thêm, sau buổi ra mắt này, 1 giờ trưa Chủ nhật 19 tháng 11, 1995 một buổi ra mắt khác cũng sẽ được nhóm thân hữu Bắc California tổ chức tại Les Amis café, 301 E. Santa Clara St., # B (Góc đường số 7) trhành phố San Jose.

NHIỀU NHÀ VIẾT PHIM BẢN HOLLYWOOD ĐƯỢC CÔNG NHẬN SAU 40 NĂM DÙNG TÊN GIẢ

Bốn thập niên sau khi cuốn "sổ đen Hollywood" buộc nhiều nhà viết phim bản xuất sắc nhất phải giấu tên hoặc dùng tên giả, bây giờ , vẫn còn một số người chưa được công nhận là tác giả những truyện phim do chính họ viết ra.

Hội Nhà Văn Hoa Kỳ *(Writers Guild of America, WGA)* trong tháng 10 này mới công nhận Michael Wilson là đồng tác giả phim bản *"Lawrence of Arabia"* sản xuất năm 1962. Tuy nhiên nhiều phim nổi tiếng khác của ông vẫn còn để dưới tên giả hoặc mượn tên một nhà văn khác ngoài "sổ đen".

Chịu chung cảnh ngộ ấy, nhiều nhà soạn phim bản khác, thuộc loại nổi tiếng nhất của Hollywood, cũng không thể ký tên thật của mình là: Abraham Polonsky, Paul Jarrico, Al Levitt, Ben Barzman, Dalton Trumbo, Carl Foreman.

Các sử gia hiện đã chịu ghi rằng phim *"El Cid"* năm 1961 được viết bởi nhà văn "sổ đen" Ben Barzman, tuy nhiên hội WGA vẫn còn giữ tên tác giả mượn tên là Philip Yordan và Frederic Frank, và khi hãng Miramax tái phát hành 1993 vẫn giữ sai lầm này.

Nhà văn Dalton Trumbo hiện cũng đã được chính thức công nhận là tác

giả các phim *"Roman Holiday," "The Brave One,"* và *"Gun Crazy"* , tương tự như trường hợp nhà văn Maltz với phim *"Broken Arrow."*

Trumbo khi viết *"Roman Holiday"* năm 1953 đã để tên nhà văn Ian McClellan (giải Oscar đã được trao cho bà quả phụ Trumbo năm 1993, tức là giải Oscar nhận trễ 40 năm sau), và khi viết *"Brave One"* năm 1956 , Trumbo đã dùng tên giả Robert Rich, cũng mãi tới 1975 mới được trao giải Oscar.

Phim bản *"The Bridges On the River Kwai"* (Cầu Trên Sông Kwai) năm 1957 đã đem giải Oscar tới cho nhà văn đứng tên Pierre Boulle, phải tới 1985 hội mới công nhận và trao giải Oscar cho 2 tác giả thật sự của phim này, tức là Wilson và Carl Foreman.

Phim bản *"Lawrence of Arabia"* chỉ chính thức được công nhận được soạn bởi Wilson, sau 10 năm, tức năm 1985.

Áp lực "xóa tên" này kéo dài từ cuối thập niên 1940 cho tới đầu thập niên 1960, khiến nhiều nhà văn không thể dùng tên thật cho tới thập niên 1970. Trong suốt mấy thập niên, vìsợ hãi làn sóng Cộng Sản, tổ chức *American Legion* đã phân phát một cuốn "sổ đen" ghi tên những người viết phim bản bị nghi ngờ có cảm tình với Cộng Sản, kể cả những nhà văn bị cho lạc có liên hệ với một số người bị theo dõi.

NGỒI VIẾT DƯỚI MƯA BOM

Đạn pháo rơi như mưa trong bốn năm trên thành phố Sarajevo, đã phá hủy ngôi nhà nơi nhà văn Goran Simic (43 tuổi, sinh tại Bosnia) ngồi làm việc, *dưới* bàn viết của ông, mặc cho mọi thách thức.

Những người chưa bao giờ rơi vào giữa cuộc chiến vùng Balkan này có thể sẽ không hiểu nổi lòng trung thành của Simic đối với thành phố bị bao vây này—đặc biệt từ khi ông quyết định ở lại với dân thủ đô Bosnia giữa vòng vây, một điều mà những người cùng dòng máu Serb xem như là bội phản.

Nhà thơ và kịch tác gia này giải thích, "Đây là vấn đề của tự hào."

"Sarajevo là một thành phố tuyệt diệu, như London hoặc Paris, nổi tiếng vì những chiếc cầu xưa cổ, vì tính đa dạng của chủng tộc và văn hóa"—cho tới khi cuộc càn quét chủng tộc bắt đầu.

Simic cho biết ông ở lại để chiến đấu bằng ngòi bút—và để duy trì hoạt động cho Trung Tâm Văn Hóa Người Gốc Serb ở Sarajevo. Ông đã cùng với các nhà văn còn sót trong thành phố sáng lập Trung Tâm Văn Bút Bosnia, với buổi họp mặt đầu tiên tổ chức năm 1992 dưới các trận mưa pháo dày đặc.

Simic, vợ và hai con mới đây đã di cư qua Italy, nơi họ không phải chạm trán Thần Chết mỗi ngày để tìm thực phẩm và nước uống.

Simic trong tháng 10.1995 đã được trao giải thưởng *Freedom to Write Award (Tự Do Để Viết)* do PEN Center USA West, một tổ chức các nhà văn quốc tế thành lập từ 1921 để tạo cảm thông giữa các nhà văn thế giới. Buổi

lễ trao giải sẽ tổ chức trong kỳ thường niên *Pen Literary Festival (Liên Hoan Văn Chương Pen)* tại Los Anmgeles.

Một giải thưởng tương tự cũng được trao cho nhà thơ Trung Hoa: Bắc Đảo. Sinh tại Bắc Kinh chỉ hai tháng trước khi Cộng Sản toàn thắng ở Hoa Lục năm 1949, ban đầu, với lòng đam mê, Bắc Đảo đã cống hiến cuộc đời và tài năng của mình cho cuộc cách mạng văn hóa , nhưng chẳng bao lâu lòng đam mê đó biến thành nỗi thất vọng cay đắng.

Thơ Bắc Đảo được lan truyền rộng thời thập niên 1980, và tới khi cuộc biểu tình ở Thiên An Môn bùng nổ năm 1989 của hàng triệu sinh viên, thì thơ ông được viết trên các biểu ngữ giăng trước các khuôn viên đại học. Vợ và con gái ông vẫn ở Trung Quốc, ông bị từ chối không cho về thăm gia đình. Sau khi vụ Thiên An Môn thất bại, ông sống lưu vong từ 1989 và dạy tại UC Davis, California.

CHUẨN BỊ TRIỂN LÃM 150 NĂM THÀNH LẬP SMITHSONIAN

Trong khi chính phủ Hoa Kỳ tìm đủ phương cách để cân bằng ngân sách trong vòng vài năm tới thì nghệ thuật là lĩnh vực bị thiệt hại đầu tiên. Quốc Hội Mỹ đã quyết định giải tư việc tài trợ nghệ thuật, và Viện Bảo Tàng Smithsonian đã bắt đầu mở một chương trình tiếp thị khổng lồ 100 triệu đô la trong kế hoạch liên hệ tới lễ kỷ niệm 150 năm hình thành viện này vào năm 1996.

Chương trình này sẽ đi tìm 10 công ty bảo trợ; mỗi công ty sẽ hiến tặng 10 triệu. Bù lại, các công ty sẽ được phép sử dụng tên và huy hiệu Viện Smithsonian để quảng cáo.

Các sinh hoạt kỷ niệm cũng sẽ có một cuộc triển lãm lưu diễn đặc biệt, mệnh danh là *"Smithsonian của Hoa Kỳ,"* dự kiến sẽ cần chỗ rộng tới 50,000 bộ-vuông, sẽ đặt tại các trung tâm hội nghị lớn. Sân triển lãm sẽ có một cổng vào xây cất theo hình dạng một lâu đài, cao ốc nguyên thủy Smithsonian, và sẽ trưng bày các bảo vật từ Sở Thú Quốc Gia và từ 16 viện của Bảo Tàng của Viện Smithsonian.

Vào cửa miễn phí. Cuộc triển lãm lịch sử này sẽ lưu diễn tại 12 thành phố, khởi đầu từ Los Angeles vào giữa tháng 2.1996, và Kansa City vào tháng 4. Cũng trong công trình này sẽ có chương trình TV đặc biệt với hợp tác của một hệ thống truyền hình lớn, dự kiến khởi chiếu từ tháng 1.1996.

HỘI HỌA VIỆT Ở LUÂN ĐÔN

Báo *London Portrait* số tháng 9.1995 ghi nhận về việc bà Thu Stern mở

phòng triển lãm đầu tiên tại Luân Đôn để trưng bày toàn tranh Việt Nam. Cuộc triển lãm mang tên *From War to Peace (Từ Chiến Tranh Tới Hòa Bình)* và sẽ gồm các tác phẩm của các nghệ sĩ nổi tiếng từ thời chiến cho tới các thế hệ nghệ sĩ trẻ.

Báo này nhận định: Trong những năm đầu của chế độ hiện nay tại Việt Nam, các giới hạn được đề ra cho các họa sĩ, họ phải đem tuyên truyền vào tranh, với những mô tả "đồng dạng", đại loại kiểu những người nông dân canh tác trong hạnh phúc, nhưng vào cuối thập niên 80 sinh hoạt hội họa được nới mở, và bây giờ thì được tự do hơn, các nghệ sĩ có quyền bày tỏ con người họ.

Một số họa sĩ, thí dụ như Quân Thọ, đã chọn phương pháp siêu thực để tạo cảm xúc mạnh. Những người khác, thí dụ như Đinh Quan, vẫn trung thành với kỹ thuật sơn mài truyền thống, và đưa vào đây thêm các hình ảnh trừu tượng. Tuy nhiên người thưởng ngoạn cũng sẽ nhìn thấy trong cuộc trưng bày này các tác phẩm của nhiều nghệ sĩ sống trong chiến tranh quen tên, như Nguyễn Thụ, người ghi lại các giây phút xúc động trên các bức tranh thời thập niên 60.

Bà Thu Stern, một người mang dòng máu Việt, giải thích: bà muốn đem nghệ thuật Việt giới thiệu với người thưởng ngoạn Luân Đôn, "Mỗi hướng đi nghệ thuật Việt đều rất là phong phú." Phòng triển lãm của bà lấy tên *Nam Long Gallery*.

Bà Thu Stern từng hoạt động trong lãnh vực nghệ thuật với nhiều khuynh hướng khác nhau, như với các tác phẩm của Jean Cocteau và các sáng tác kỳ tuyệt của họa sĩ siêu thực Anh Eileen Agar, nhưng vẫn luôn luôn nghĩ sẽ có một ngày mở được một phòng tranh Việt. Ông cố của bà là vị Tổng Đốc cuối cùng do Hoàng Đế bổ nhiệm, khi Việt Nam còn bị Pháp bảo hộ. Một trong những người bác của bà cũng là một họa sĩ.

THẾ VẬN HỘI VĂN CHƯƠNG

Những người thường băn khoăn, lo sợ sẽ đến thời kỳ mạng lưới truyền thông điện toán World Wide Web khiến người ta không cần đọc sách nữa, bây giờ có thể yên tâm khi thấy biến cố này Dọc theo bờ Hồ Ontario, hàng ngàn người, một số đến từ nửa vòng trái đất, họp nhau lại để đọc sách cho nhau, tranh luận về sách, rao giảng lòng mê sách, và mua sách của nhau.

Thành phố Toronto dịp này tràn ngập những người sống chết với chữ nghĩa, gồm cả một số nhà văn nổi tiếng thế giới, tới dự kỳ thường niên Liên Hoan Quốc Tế Các Tác Giả, kéo dài 11 ngày, và giúp đưa cộng đồng văn chương Canada vào giữa ánh sánh chính của liên lục địa.

Douglas Fetherling—nhà thơ, nhà tiểu luận và là nhà phê bình Toronto từng góp tay xây dựng nhiều sinh hoạt văn chương trong hơn 30 năm qua, đã

mệnh danh đây là "Thế Vận Hội Văn Chương. Nó thực sự có đủ thứ lớp và thể loại văn chương khác nhau, đủ quốc tịch khác nhau, và họ đều tới sống trọn vẹn với nhau hai tuần trong liên hoan này."

Năm nay, 61 tác giả từ 25 nước đọc trích đoạn từ các tác phẩm mới nhất của họ. Đó là những tên tuổi quen thuộc như Margaret Atwood, Ann Beattie, Alan Bennett, Ariel Dorfman, Richard Ford, Thomas Keneally, Joyce Carol Oates, Grace Paley, Mordecai Richler, Mary Lee Settle, Joanna Trollope và Yevgeny Yevtushenko.

Đây là năm thứ 16 của cuộc liên hoan. Một phần thành công của "thế vận hội" được giải thích theo như Fetherling, rằng Canada là nơi giao lưu của "ba dòng sông văn chương"—Canada, Hoa Kỳ và Anh. Hầu hết sách từ ba nước nói trên đều có thể tìm được tại thành phố Toronto.

Liên hoan này phần lớn được tài trợ từ chính phủ, cũng tương tự như các buổi đọc sách hàng tuần do nhà văn Greg Gatenby tổ chức ở đây từ 1974 và thành một mẫu điển hình cho việc tổ chức "thế vận hội".

NHÀ THƠ NGUYỄN CHÍ THIỆN TỚI HOA KỲ

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã được phép rời Việt Nam để đến định cư tại Hoa Kỳ hôm thứ tư 1.11.1995, nhờ vận động của một cựu Đại tá người Mỹ gốc Nhật, Noburu Matsuoka.

Năm nay 56 tuổi, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã bị chế độ Cộng Sản Việt Nam cầm tù tổng cộng 27 năm. Ông bị bắt lần đầu tiên vào năm 1958 trong thời kỳ *Trăm Hoa Đua Nở*. Khi ngồi tù, ông đã sáng tác rất nhiều bài thơ mô tả nỗi thống khổ của tù nhân chế độ Cộng Sản cũng như cuộc sống lầm than của người dân miền Bắc thời đó, nhưng vì không có giấy và bút nên phải ghi nhớ trong đầu

Sau khi được trả tự do vào năm 1978, ông đã viết *Hoa Địa Ngục*. Năm 1979 nhà thơ lẻn vào được Tòa Đại Sứ Anh ở Hà Nội và đã nhờ chuyển thi tập này ra nước ngoài, lập tức, thi tập được phổ biến rộng rãi trên thế giới, cũng như được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nhưng vì vụ này Nguyễn Chí Thiện lại bị bắt một lần nữa và bị nhốt thêm 12 năm.

Mặc dù được trả tự do từ năm 1991 nhờ sự vận động của Tổ chức Ân Xá Quốc Tế, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện vẫn gần như bị quản thúc tại gia và bị kiểm soát chặt chẽ cho tới ngày nay. Vượt qua rất nhiều trở ngại, chủ yếu là do phía nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam gây ra, nhà thơ mới được phép đi định cư tại Hoa Kỳ.

Sau vài tuần lễ nghỉ dưỡng bệnh, nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cho biết, sẽ đi nhiều nơi trên thế giới để nói chuyện theo lời mời của các đoàn thể người Việt.

"Âm Mưu Ở Châu Mỹ La Tinh": CUỐN SÁCH "CẦN PHẢI ĐỌC" ĐỂ BIẾT VỀ MA TÚY VÀ THAM NHŨNG

Nguyễn Ngọc Minh giới thiệu

Tác giả John Van Geldern và nhà xuất bản của ông cảm thấy rằng những vụ đột nhập và lục soát tại tư gia ông mới đây, và văn phòng nhà xuất bản trước đó, có liên hệ tới nội dung cuốn tiểu thuyết của ông.

Sự vỡ nợ các khoản tiền vay mượn của ngoại quốc ở 18 quốc gia Châu Mỹ La Tinh, những mánh lới rửa sạch đồng tiền bất chính và những chuyện tham nhũng trong chính quyền, là những đề mục chính của cuốn tiểu thuyết nhan đề *"Âm Mưu Ở Châu Mỹ La Tinh" ("Latin American Conspiracy").* Các chi tiết của cuốn sách được dựa vào cuộc khảo cứu dài 14 năm của tác giả cũng như những năm trước đó khi ông là kỹ sư hầm mỏ ở Nam Mỹ. Dù được viết với hình thức tiểu thuyết nhưng Van Geldern cho biết sách của ông dựa vào những sự kiện có thật. Vì vậy ông tin rằng một số thuộc giới ngân hàng và chính quyền không muốn thấy nó được xuất bản.

Tác giả nói: "Nhân vật chính, người hùng trong truyện, đề nghị biện pháp dùng một hệ thống tiền tệ điện toán hóa để khiến cho sự rửa sạch tiền bất chính và cất giấu tiền mặt trở thành chuyện bất khả thi. Những chi tiết này có thể khiến từ giới buôn ma túy đến giới Mafia đến bọn rửa tiền và một số chính khách cảm thấy khá nhức nhối."

Van Geldern và chủ nhà xuất bản của ông, Geoff Daigle của Delta Publishing, cho biết họ gặp rắc rối kể từ tháng 12 năm ngoái khi các nhân viên của Sở Mật Vụ tịch thu bìa bọc ngoài của cuốn sách trước khi kịp gửi đi phát hành cho các tiệm sách. Họ nêu lý do là cuốn sách mô tả tiền tệ của Mỹ. Sau đó Bộ Ngân Khố đã coi hành động của nhân viên mật vụ là sai lầm.

Kể từ khi đó, tác giả nói rằng tư gia của ông đã hai lần bị cậy cửa đột nhập và tất cả các tài liệu, giấy tờ, các đĩa điện toán của ông đã bị lục lọi. Các văn phòng của nhà xuất bản cũng đã bị cậy cửa xâm nhập, các hồ sơ và dữ kiện điện toán bị lục soát, nhưng không bị mất thứ gì và không có dấu tay để lại.

Quản lý tiếp thị của nhà xuất bản Delta Publishing, Jan Mcfeely, cho biết: "Các tài liệu khảo cứu mà Van Geldern đã dựa vào để thực hiện bộ sách ba cuốn, (đây là cuốn thứ nhất), đã được cất giữ an toàn trong một tủ sắt bất khả xâm phạm. Theo ý muốn của tác giả, nếu ông chết bất ngờ thì các tài liệu khảo cứu đó sẽ được công bố cho giới truyền thông."

Các nhà điểm sách đã mô tả cuốn sách này là "một truyện hấp dẫn giống như các tiêu đề trên báo chí của thời đại này". Nhiều người nói rằng nó thuộc loại sách "cần phải đọc".

Cuốn sách nói trên đã được phát hành trên toàn quốc với giá bán $18.95.

GIẢI NOBEL VĂN HỌC VÀ NHÀ THƠ SEAMUS HEANEY

Giải Nobel Văn Học là giải thưởng uy tín nhất trên thế giới. Hàng năm Viện Hàn Lâm Thụy Điển lựa chọn, trao cho nhà sáng tác văn học nào có tác phẩm được Ủy Ban Nobel đánh giá cao nhất. Ngoài phần thưởng tinh thần cao quý, người được tuyển chọn còn được một số tiền thưởng không kém quan trọng. Lúc giải Nobel Văn Học mới thành lập, năm 1901, tiền thưởng là 158.000 Krona Thụy Điển. Năm nay, 1995, đã lên đến 7,2 triệu Krona, tức khoảng trên 1 triệu đô la Mỹ. Theo lời người quản thủ Thư Viện Nobel, đó không phải vì Ủy Ban Nobel tăng giá tiền, mà số tiền thưởng mới tương ứng chính xác với số tiền đặt ra lúc ban đầu.

Việc trao giải Nobel Văn Học là kết quả của công việc kéo dài trong 9 tháng, và tuyệt đối được giữ kín trong một Ủy Ban gồm 5 thành viên trực thuộc Hàn Lâm Viện Thụy Điển. Đầu tháng 2 mỗi năm các Viện sĩ Hàn Lâm, giáo sư văn chương và văn học, những nhà văn từng được giải Nobel, Chủ tịch các Hội Nhà Văn, đề nghị những tác giả có công trình sáng tác đặc sắc mà người đề nghị đã qua nhiều năm nghiên cứu, đánh giá. Kể từ lúc đó, những tác giả được đề nghị sẽ được ghi tên trên danh sách của ứng viên giải Nobel trong năm, và cũng từ đó bắt đầu công việc của Ủy Ban Nobel.

Cứ mỗi thứ năm trong tuần Ủy Ban trình bày nhận xét của mình trước Hàn Lâm Viện. Trong vòng 2 tháng xem xét các ứng viên, từ khoảng 100 người rút lại còn khoảng 15 người. Lại thêm 2 tháng bàn thảo và tranh luận, đến cuối tháng 5, trên danh sách chờ vào cuộc tuyển lựa chung kết chỉ còn có 5 nhà văn. Bây giờ đến lượt các Viện sĩ Hàn Lâm làm việc ráo riết. Họ phải đọc kỹ tác phẩm của 5 nhà văn được đề nghị, và xếp hạng theo thứ tự đánh giá. Trong tháng 9, Hàn Lâm Viện phải họp để thảo luận lần cuối. Đến ngày thứ năm của tuần lễ đầu tháng 10, Hàn Lâm Viện sẽ họp vào lúc 11 giờ 30, bỏ phiếu quyết định người trúng Giải Nobel của năm.

Theo quy định, 1 giờ 30 phút sau đó, tên của người được tuyển chọn để trao giải Nobel Văn Học được công bố.

Từ đầu tháng 2 đến cuối tháng 9 mỗi năm, ngoài hành lang Ban Tuyển Lựa có biết bao lời đồn đại, bàn tán và dự đoán nhà văn được chọn để trao tặng Giải Nobel. Năm nay chẳng hạn, ít ra hơn một lần các tên tuổi như Salman Rushdie tác giả của tập *Vần Thơ Của Quỷ-,* nhà văn Kunter Grad với tác phẩm *Câu Chuyện Dài* đang gây xôn xao dư luận ở Đức, hay nhà thơ người Ireland là Seamus Heaney. Để bảo đảm giá trị của giải Nobel Văn Học, các Viện sĩ Hàn Lâm đã giữ kín các điều bàn thảo chung quanh các tác giả, như giữ bí mật quốc gia.

Độc lập và triệt để trong việc tuyển lựa, là hai yếu tố chính làm nên uy tín của Giải Nobel. Tuy nhiên, không phải luôn luôn Giải Nobel nào cũng được các nhà phê bình quốc tế tán đồng. Thí dụ có ý kiến cho rằng Giải Nobel đã loại các nhà văn lớn như Kafka, Marcel Proust. Tiêu chuẩn duy nhất của Giải

chính là giá trị văn học. Các thành viên trong cuộc tuyển lựa đã phải đọc và đọc rất nhiều để khám phá và hiểu được tối đa tác giả và tác phẩm. Các chuyên viên cung cấp cho Ủy Ban Nobel những báo cáo chi tiết về tác giả, về môi trường văn hóa của tác giả, và cả bản dịch của tác phẩm nếu cần thiết. Vấn đề dịch thuật giữ vai trò quan trọng trong giải Nobel Văn Học. Vì ngoài nhóm tiếng Bắc Âu và các tiếng thông dụng như Anh, Pháp, Đức, các thành viên chấm Giải đọc các tác phẩm qua bản dịch. Nhưng ngày nay không còn các chuyên viên ngôn ngữ Slave, Ả Rập, các tiếng miền Viễn Đông, ngoại trừ chữ Hoa. Phải chăng hàng rào ngôn ngữ đã cản trở Giải Nobel đến với tất cả các quốc gia, với tất cả những người làm văn học chân chính, như mục tiêu đã đề ra?

Giải Nobel Văn Học năm 1995 được trao cho nhà thơ Ireland, Seamus Heaney, 56 tuổi. Ông được xem là nhà thơ sáng tác bằng tiếng Anh lớn nhất mà xứ Ireland đã nuôi dưỡng.

Trong dòng Giải Nobel từ khi sáng lập đến nay, Heaney là người thứ ba, sau nhà thơ William Butler Yeats được Giải năm 1923, và nhà văn Samuel Beckett 1969. Là nhà thơ, là người viết tiểu thuyết, dịch giả, Seamus Heaney còn là một giáo sư Đại Học nổi tiếng. Từ năm 1962 ông là giáo sư tu từ học, cộng tác với Viện Đại Học Havard, Hoa Kỳ, và Đại Học Oxford, Anh Quốc, kể từ năm 1989 đến 1994. Xuất thân của nhà thơ trong một gia đình nông dân Thiên Chúa Giáo ở Bắc Ireland, với tuổi thơ đắm trong thế giới nông thôn truyền thống, đã khiến những vần thơ đầu tiên trong tuyển tập *Cái Chết Của Một Người Tự Nhiên Chủ Nghĩa* ra mắt năm 1966 là một sự đối chiếu giữa kỹ thuật văn chương và việc canh tác đất đai.

Heaney bắt đầu cầm bút từ năm 1962 cho các tạp chí Ireland. Trong những năm 1960 ông thường xuyên lui tới các câu lạc bộ văn học ở Belfast, gặp gỡ những nhà văn nổi tiếng, và cùng họ tập họp thành một nhóm nhà thơ địa phương trẻ tuổi sinh động.

Nói đến Bắc Ireland là nói đến không khí chánh trị căng thẳng giữa những người theo đạo Tin Lành chủ trương sáp nhập vùng đất vào lãnh thổ Anh Quốc, và những người theo đạo Thiên Chúa đòi đất Ireland là của nước Ireland.

Do các biến động chính trị, năm 1966 Heaney cùng vợ con dời về sống ở Dublin, tạm thời gác việc dạy học để dành hết thời giờ cho việc sáng tác. Năm 1975 tuyển tập *North* (Phương Bắc)- của Heaney ra mắt công chúng. Được xem là tuyệt tác của những nhà thơ, chính là những cảm tưởng về miền Bắc Ireland trong đó ông thú nhận hiểu rõ nỗi đam mê phục thù của người dân. Bị dằn xé giữa hành động và viết lách, mặc cảm phạm tội của ông chuyển qua văn học.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển nhận xét: Là một người Ireland Thiên Chúa Giáo, Seamus Heaney đã đi sâu vào việc phân tích bạo động ở vùng đất quê hương. Thơ của Heaaney còn mang cả âm hưởng của dân ca Ireland, cả

nguồn gốc nông dân của chính ông, nên thơ của ông gần với thiên nhiên, đó là bùn lầy và than bùn, là chất muối của đất mà Heaney bị mê hoặc. Khi chọn Heaney cho giải Nobel Văn Học, Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã căn cứ vào toàn bộ tác phẩm của ông được ghi dấu bằng vẻ đẹp nên thơ và sự sâu sắc về đạo đức. Tất cả nêu bật những lẽ huyền nhiệm của cuộc sống hàng ngày và quá khứ sinh động.

Qua các bài tiểu luận, Heaney đã tranh luận về vai trò của thơ và nhà thơ, một chủ đề mà ông luôn nhắc đến và đã đi đến kết luận là nhiệm vụ của nhà thơ là duy trì vẻ đẹp cuộc sống, nhất là vào những giai đoạn vẻ đẹp ấy bị các chế độ đàn áp đe dọa hủy diệt.

CON TRAI CỐ TỔNG THỐNG KENNEDY RA BÁO

John F. Kennedy Jr., cậu bé đã làm cả thế giới rơi lệ qua hình ảnh đứng nghiêm chào tiễn linh cửu người cha nổi tiếng của mình hơn ba mươi năm trước, vừa bỏ ra 20 triệu mỹ kim để làm báo. Có ai ghét cậu mà xúi dại cậu ra báo như kiểu VN mình xúi nhau hay không thì không biết. Chỉ biết bán nguyệt san chính trị có tên "GEORGE" vừa được bày bán ở các tiệm sách vào đầu tháng 10-95.

Bìa tạp chí là hình của siêu người mẫu Cindy Crawford, hóa trang nhại theo tổng thống George Washington, mặc quần chẽn màu vàng bó sát với áo ngắn kiểu thời Nội Chiến Mỹ. Cô người mẫu này cũng chải tóc kiểu xưa, một tay chống nạnh một tay "vân vê tà áo" và phô bày trọn vẹn chiếc rốn của mình.

Tạp chí GEORGE cho biết công tác chính của báo là sẽ "hóa giải những huyền thoại về diễn trình chính trị", bằng cách "soi sáng những điểm đồng quy giữa chính trị và thương mại, truyền thông, giải trí, thời trang, nghệ thuật và khoa học". Báo dầy 280 trang, đầy quảng cáo (dầu thơm Calvin Klein...), với nhiều loại bài vở khác biệt nhau gần như rối loạn, không tập trung vào chủ điểm nào. Người ta được nghe cô ca sĩ nhạc Rock nổi tiếng Madonna cho biết là cô sẽ làm gì nếu cô là Tổng thống Hiệp chủng quốc. Kiên nhẫn đi sâu thêm một chút thì người đọc sẽ được đọc một bài phỏng vấn cựu thống đốc George Wallace do chính cậu cả J.F.Kennedy Jr. thực hiện. Có lẽ phần nào có chủ đích nhắm vào giới độc giả trẻ thuộc thế hệ X (Gen-Xers), tạp chí GOERGE cũng có một bài viết về Krist Novoselic, tay đàn bass của ban nhạc Rock Nirvana mà cột trụ chính là Kurk Cobain vừa tự sát chết năm trước. Phần sau còn có phần chiêm tinh Tây phương luận đoán về các ứng cử viên như Bob Dole, Pete Wilson... trong cuộc bầu cử tổng thống năm 96 sắp tới.

Một ký giả Mỹ đã dựa vào nội dung các báo khác, tóm gọn đặc tính của tạp chí GEORGE vào một công thức để độc giả dễ nhớ như sau:

GEORGE=(Spy + Vanity Fair) / (Readers Digest x National Review)

(Muốn tìm GEORGE ta lấy tổng số của Spy và Vanity Fair chia cho tích số của *Readers Digest* và *National Review*).

PHIM VỀ RIMBAUD VÀ VERLAINE

Một cuốn phim về mối liên hệ văn học (và đồng tính luyến ái) nổi tiếng giữa hai nhà thơ Pháp Arthur Rimbaud và Paul Verlaine vừa được trình chiếu trên các màn ảnh Mỹ vào thượng tuần tháng 11-95. Tác phẩm điện ảnh này có tựa đề là *"Total Eclipse"* do nữ đạo diễn Agnieszka Holland (đã thành công qua các phim *"Europa, Europa"* và *"The Secret Garden"* trước đây) thực hiện theo kịch bản phim của Christopher Hampton, dài 1 giờ 50 phút. Vai hai nhà thơ Rimbaud và Verlaine do Leonardo DiCapprio và David Thewlis thủ diễn.

Nhìn chung, vì phim không thể nào phô bày được sự tuyệt vời, mạnh mẽ của các tác phẩm thơ, nên khán giả có thể không tìm biết được gì nhiều hơn những giới hạn mà một cuốn phim tiểu sử danh nhân trung bình có thể phô bày. Tước bỏ phần tinh túy nhất là thơ khỏi các thi sĩ có thể khiến cho giới khán giả bình thường chỉ nhìn thấy những cá tính cực đoan, kỳ dị qua những phần đời phóng túng của hai nhà thơ biểu tượng lớn của văn học Pháp cuối thế kỷ 19 này.

Làm thế nào người ta có thể mến yêu thi sĩ nữa khi xem những cảnh Verlaine dữ dằn đánh đập trẻ con, bắn bạn thân của mình là Rimbaud, hành hung vợ đang mang thai, thậm chí đốt tóc vợ...? Rimbaud thì bốc đồng, dễ lên cơn... Mối quan hệ u ám giữa hai người quá chênh lệch tuổi tác này lại diễn ra giữa những khung cảnh đầy khói thuốc và men rượu... Đoạn phim quay những năm cuối đời của Rimbaud ở Phi châu khi đã trở thành một gã buôn bán súng lậu quá sơ sài không diễn tả được cá tính của nhà thơ. Ở ngoài tác phẩm họ, các nhà thơ này chỉ còn là những người hung dữ, kỳ dị.

Tài tử rất trẻ Leonard DiCapprio diễn xuất trung bình trong một vai trò khá khó khăn là Rimbaud, với nhiều cơn giận dữ khác thường, có lúc phải khỏa thân hoàn toàn và trải qua những cảnh tình tự giữa người đồng tính. David Thelis xuất sắc hơn qua vai trò người bạn vong niên và cũng là người bảo trợ đầy ám ảnh tự hủy hoại của một thiên tài văn học nhỏ tuổi hơn mình. Nói chung bạn đọc yêu mến văn chương cũng nên tìm xem Total Eclipse cho biết, cũng như nên tìm xem hai phim, một về Pablo Neruda (*The Postman*) và một về Kafka (*Kafka*), mới được trình chiếu gần đây.

VỀ GIẢI NATIONAL BOOK AWARD 1995

Vào năm 1960, nhà văn trẻ 27 tuổi Philip Roth đã đoạt giải National Book Award với tác phẩm đầu tay của ông, Goodbye, Columbus, qua mặt ba nhà

văn lớn tuổi hơn và nổi tiếng hơn ông nhiều là Saul Bellow, William Faulkner và Louis Auchincloss.

Bước qua một chương khác của đời mình, Roth ngày nay đã là một khuôn mặt lẫy lừng trong sinh hoạt văn học Hoa kỳ. Cuối tháng 10 vừa qua, ông lại được đề cử nhận giải National Book Award lần nữa, với quyển sách thứ 21 của ông, Sabbath's Theater.

Trong các đối thủ được đề cử để tranh giải với ông lần này, có cả một nhà văn di dân trẻ người Haiti ở Brooklyn. Nhà văn nữ 26 tuổi này, được chọn với tập truyện ngắn đầu tay của cô, chắc hẳn cũng có những cảm tưởng mà có lẽ Roth đã từng có 35 năm trước.

Roth đã từng được đề cử vào giải National Book Award cả thảy sáu lần. Khi ông vừa xuất hiện trên văn đàn nước Mỹ vào năm 1960, tác phẩm Goodbye, Columbus của ông (đã được quay thành phim với nữ tài tử Ali McGraw, thu hút đông đảo khán giả VN một thời trước năm 75) đã đánh bại các quyển Henderson the Rain King của Bellow, The Mansion của Faulkner và Pursuit of the Prodigal của Auchincloss.

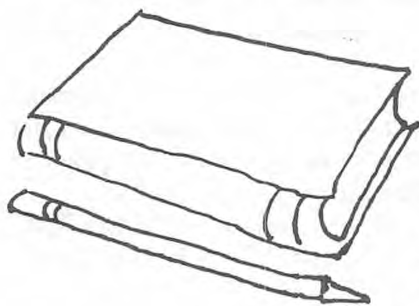
Người ta đang chờ xem một tình huống tương tự như trước đây (đã mang danh vọng đến cho Roth) có lập lại hay không. Và nếu sự tái diễn xảy ra, thì lần này Roth sẽ tiến đến điểm hẹn lịch sử và văn học này từ một phía trái ngược lại, và có lẽ không có chút cay đắng nào với một tài năng mới.

PHẠM VIỆT CƯỜNG
PHAN TẤN HẢI *phụ trách*



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 15 tháng 10, năm 1995

Miền Nam Cali bắt đầu vào thu. Vẫn tràn ngập nắng, nhưng khí hậu đã se lạnh. Chiều, đêm chưa lên, ngày chưa dứt, ánh sáng nhá nhem nhuộm sẫm từng vạc bóng tối dưới những tàng cây bên ngoài cửa kính, xào xạc gió. Gió luồn dọc hành lang, thốc vào vuông cửa mở, cuốn bay những tờ bản thảo, những phác họa dở dang vất bừa bộn trên bàn, dưới thảm. Rùng mình. Vội rời ghế, đứng dậy tìm chiếc áo len mỏng. Tiếng nhạc từ tầng dưới dội lên, ầm ỉ. Tiếng nhạc không ngơi, volume vặn hết cở, âm thanh nổi ba chiều cuốn lốc. *Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng cô đơn, đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không thành... Anh không chết đâu anh, anh mới vừa bỏ cuộc đêm qua... Tôi xin người cứ gian dối, cho tôi tưởng người vẫn yêu tôi... Tôi thường đi đó đây, bùn đen in dấu giày, lửa thù no đôi mắt, áo nhà binh thương lính, lính thương em...* Liên khúc, ru khúc mộng thường, tình anh lính chiến... Nhật Trường, Sơn Tuyền, Thanh Lan, Elvis Phương, Duy Quang, Tuấn Vũ... Lê thê, rên rỉ, sướt mướt. Hết nhạc, lại trò nhỏng nhẻo của hai cô cậu xướng ngôn viên một đài truyền thanh, hi hí, à há, ừ hử... với các cô thợ may ở mấy shop may quanh vùng trong chương trình nhạc yêu cầu, *của T tặng cho cưng dấu yêu, chúc cưng một ngày thiệt là dzui... Của mèo mun tặng cho mèo mướp, với lờn nhắn: trên đường từ sở dzề luôn nghĩ đến mèo mun...* Ngày mới dọn đến chỗ ở mới này, Kim Thi nghĩ sẽ phát điên nếu cứ tiếp tục bị tra tấn trường kỳ bởi tiếng nhạc cùng hai giọng nói... duyên dáng dở già dở non kia. Mấy lần định khiếu nại với quản lý chung cư, nhắc nhở chủ nhân bộ studio cực tốt ở tầng dưới "điều chỉnh âm thanh vừa đủ nghe, để đừng phiền lòng hàng xóm". Nhưng

lần lữa, chịu đựng, rồi nghĩ đi nghĩ lại: mấy mươi "căn hộ" trong khu builld-ing này chịu được, không ai phiền hà, thậm chí có chị ngụ tầng trên thỉnh thoảng réo vọng xuống dưới, "Có *Đường Dzề Quê Ngoại* hông? Bản đó hết sẩy à nghen!". Xem thế, rõ ràng Kim Thi thuộc thiểu số! Đơn thương độc mã làm sao chống nổi số đông?

Thôi thì, nhập gia tùy tục. Người ta chịu được, mình chịu được. Biết đâu sẽ có lúc quen tai. Vả, tự do mà. Trong thành phố này thiếu gì nhà cửa cho thuê, có khi còn rẻ bằng nửa giá ở đây, muốn yên lặng, muốn trầm ngâm suốt ngày tìm vần gieo vận hay trăn trở chuyện non nước văn chương nghệ thuật cao vời sâu thẳm thì cứ tự nhiên khăn gói ra đi, nào ai cấm cản!

"Triết lý" nhập gia tùy tục thế mà hay. Đùng đùng dẫm đạp lên nhau, rời bỏ quê cha đất tổ, xuống tàu, lên thuyền, vượt qua sóng, lao vào bão, nuốt đớn đau tủi nhục dưới thân thể tanh lợm của bọn hải tặc, để tìm kiếm một bến bờ mới, một thiên đường tự do trong mơ ước. Lạ cảnh, lạ người, lạ ngôn ngữ, lạ cả cách ăn nếp ở, chả khác gì loài cá thở bằng mang bỗng bị ném lên bờ buộc phải hô hấp bằng phổi. Thế mà vẫn sống, thế mà chầy ngày chầy tháng cũng dần dà tốt tươi, đỏ da thắm thịt có khi còn hơn xa bọn bản xứ. "Triết lý" tùy tục quả đã được khai thác một cách tuyệt hảo. Tuyệt hảo đến độ nhiều lúc Kim Thi cảm thấy mình thuộc giống bán khai, lạc hậu, chậm tiến, như thổ dân của một bộ lạc cà răng căng tai nào đó, bị ném vào thành phố. Kim Thi quen biết gia đình một ông bạn, sang Mỹ ngày "mất nước" (chữ dùng của ông bạn). Đại gia đình ấy, chỉ sống ở xứ người mới tròn hai mươi năm, thế mà vợ chồng, con cái, anh em, dâu rể, cô dì, cậu mợ... chỉ thích nói năng với nhau thuần bằng tiếng Mỹ. Bọn trẻ, ngày rời nước mới bập bẹ phát âm, hoặc có đứa sinh trưởng tại đây, ngọng tiếng Việt cũng chuyện dễ hiểu, riêng những vị tuổi tác trên dưới ngũ thập, có vị xấp xỉ lục thập, ngót ba, bốn mươi năm cắn cà pháo, húp mắm nêm mòn răng rát lưỡi mà cũng ngọng nốt thì quả hơi khó giải thích! Nhưng không sao, chức năng của ngôn ngữ là để diễn đạt tư tưởng, xài ngôn ngữ nào cũng được, miễn cảm thấy thoải mái và người nghe thông hiểu, là nhất. Chỉ phiền riêng cho Kim Thi, ngoại ngữ giả cầy, sử dụng tiếng Ăng Lê ngọng nghịu, cọc cạch như... cọp nhai đậu phụng! Bèn cứ mô tê răng rứa mà đấu, thì lập tức bị cả gia đình ông bạn quí trố mắt "What" đi "What" lại liên tục: "Sorry, lâu quá chúng tôi chẳng còn nhớ bao nhiêu tiếng Việt, mình nói với nhau bằng tiếng Anh đi, cho tiện!" Vài lần như thế, Kim Thi đâm rét, không dám bén mảng tới nhà ông bạn nữa. Mẹ kiếp, đấu với nhau bằng An-nam-ngữ nhiều lúc còn phải gân cổ lặp lại năm lần bảy lượt chưa chắc người nghe nắm trọn nghĩa, bây giờ xài thứ tiếng Anh sứt ốc gãy gọng kiểu Kim Thi, có mà... đầu gối nó hiểu! Từ tình trạng "bất đồng ngôn ngữ" vừa kể, Kim Thi mới chợt khám phá ra rằng, khi ông bạn dùng từ "mất nước" để chỉ cái quốc gia đã sinh ra ông bạn, vợ con ông bạn, anh em ông bạn, cô dì chú bác ông bạn, xét cho cùng, cũng không phải vô lý! Cái mảnh đất đói nghèo với bảy mươi bốn triệu con người mũi tẹt da vàng kia,

có lẽ đã mất thật, mất vĩnh viễn, trong trái tim của đại gia đình ông bạn quí. Kim Thi thật thà mong người Mỹ chính hiệu con nai ở xứ sở này sẽ vui vẻ và hồ hởi xem tập thể nhỏ ấy như dân Mỹ thật, trăm phần trăm, chứ chẳng phải chỉ trên giấy tờ, như Kim Thi, như hầu hết những anh Mỹ da màu khác. Nhân chuyện "mất nước", Kim Thi nhớ lại, đã có lần suýt bị ông bạn cấm cửa, chỉ vì dám cả gan cãi lại, rằng nước Việt Nam vẫn còn sờ sờ ra đó, nghĩa là cái mảnh đất hình cong chữ S mang tên Việt Nam kia có đủ các yếu tố như đất đai, chủng tộc, chủ quyền, quốc kỳ, quốc ca... như bất cứ quốc gia nào, thì sao gọi "mất nước"? Mất chăng, là cái thời kỳ "một nghìn năm đô hộ giặc Tàu", Việt Nam trở thành quận hạt của Trung Hoa. Mất chăng, là "một trăm năm đô hộ giặc Tây", dân mũi tẹt da vàng bỗng nhiên hóa ra con cháu Gô-loa, chứ còn bây giờ, Việt Nam vẫn cứ Việt Nam. Chỉ khác, xưa Việt Nam Cộng Hòa thì nay Việt Nam Cộng Sản. Chế độ này xuống, thể chế kia lên, chỉ là vấn đề giai đoạn, nhưng đất nước vẫn nguyên si, mãi mãi, mất đi đâu và làm sao mất?

Nghĩ, không biết nên buồn hay nên vui.

Cũng không biết nên buồn hay nên vui cho những người trẻ, trên dưới hai mươi lăm, khi rời nước chỉ mới chập chững biết đi, lớn lên ở xứ người, học hỏi, ăn nói bằng ngôn ngữ, thực phẩm người, thế mà bây giờ, có em muốn viết văn bằng chữ Việt, phải sử dụng tiếng bản xứ, cho dễ diễn đạt, rồi sau đó khổ công ngồi mờ mắt tra tự điển, hỏi người này kẻ nọ, để... dịch ra tiếng Việt, những mong sẽ được chấp nhận như một người Việt Nam, một nhà văn Việt Nam thuần túy? Càng không biết nên buồn hay nên vui, lại những người bạn trẻ ấy, học xong, lấy được mảnh bằng, âm thầm xin trở lại quê hương, mang theo kiến thức, khả năng học hỏi bao năm, lặn lội xuống đồng bằng sông Cửu Long, hay lên tận Sapa, Cao Bắc Lạng nghiên cứu, thử nghiệm, tìm cách khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, thủy sản, lâm sản để hy vọng đưa cái đất nước lầm than kia ra khỏi cảnh đói nghèo?

Sự đời, luôn luôn có những chuyện "ngược ngạo" đến không thể nào hiểu được, nếu chỉ quen suy nghĩ một cách có "luận lý", hợp lo-gic.

Trở lại với khu chung cư Kim Thi đang ở.

Quả, lâu ngày chầy tháng Kim Thi có quen thật. Quen, chẳng những với tiếng động phát ra từ giàn studio âm thanh cực tốt của ông hàng xóm tầng dưới, với giọng nói nhỏng nhẽo của hai cô cậu xướng ngôn viên đang ăn khách. Mà còn quen luôn với những sinh hoạt rất "Bàn Cờ" diễn ra chung quanh. Như sáng nay, đang lơ mơ với giấc mộng (con), Kim Thi bị lôi dậy, để nghe trận khẩu chiến của bà hành nghề bói bài ngụ ở tầng trệt, với ông hàng xóm khác, tuổi tác sồn sồn, chẳng biết sống bằng lợi tức nào, ngụ cách phòng Kim Thi hai căn:

Ông: "Câm cha cái mồm lại đi! Đụ mẹ, chồng đi Mercedes, con làm tiền mặt, mày buôn thần bán thánh, móc túi trắng trợn mấy thằng mấy con nhẹ dạ, thế mà hàng tháng vẫn ngửa tay lãnh oe-phe, không biết nhục, còn lớn

lối!".

Bà: "Tổ cha mày! Tao ăn tiền của nhà nước, mắc mớ chi đến mã tổ nhà mày, hả?".

Ông: "Đồ ngựa cái, đừng có hỗn, tao chỉ cần phone một tiếng là mày ói hết của chìm của nổi ra ngay, biết chưa?".

Bà: "Á à. Mày muốn tố cáo đấy à? Giỏi, làm đi. Đụ mẹ, làm đi, thử xem mày còn lưỡi liếm lỡ hay không?".

Ông: "Đụ mẹ, đừng có dọa, du đãng cao bồi khu này tao còn lạ gì, kể cả thằng con mày. Tao chấp. Đụ mẹ ở đây có luật có pháp, đừng dở trò Cầu Ông Lãnh, không êm đâu".

Bà: "Thằng chó, ai dở trò cầu Ông Lãnh? Đụ mẹ hàng xóm láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau. Tao có đào mồ cuốc mã gì nhà mày đâu, chỉ mượm mày cái hộp quẹt đốt nhang, mầy không cho thì thôi, còn chửi xiêng chửi xéo. Đụ mẹ, giỏi, tố đi, tao thách mày đấy. Tố đi..."

Trận khẩu chiến càng lúc càng quyết liệt, mọi thứ kín đáo thừa thải trong thân thể con người ta đều được cả hai lôi ra, trưng dẫn rành rọt từng món trước ánh sáng ban ngày, và tống vào mồm nhau không chút nương tay!

Anh manager gốc Phi từ văn phòng chạy đến, chỉ trỏ, can gián, mặt mày nhăn nhó như bị táo bón kinh niên. Vô hiệu. Mạnh ông ông hét. Mạnh bà bà la. Hai "vợ chồng" cùng giống đựa rựa rất play boy phòng cuối hành lang thò đầu ra cửa, vểnh tai nghe, dù chẳng hiểu gì. Chị bán bia ôm phòng cạnh thang lầu ngày ngủ đêm thức lồ lộ một tòa thiên nhiên trong chiếc áo voan mỏng như giấy quyến, đưa tay hất mái tóc dài, nhoẻn vành môi tím sẫm làm duyên: "Thôi hai bác ơi, bà con chòm xóm, một câu nhịn chín câu lành...". Anh kỹ sư điện kế phòng cô bia ôm, mình trần quần cọc, ném tia nhìn rất gian về phía người đẹp, phụ họa: "Phải, cô H. nói đúng, chòm xóm với nhau...". Bà được dịp phân bua: "Cô cậu coi, thằng già có mất nết không chớ. Mót quá thì bỏ ra năm bảy chục, đi xả. Không có, bà cho, dở trò làm gì với bà, nước nôi chi?".

Kim Thi khép cánh cửa, vào phòng tắm làm vệ sinh, trở ra nấu ấm nước, pha ly cà phê, tìm bao thuốc đốt một điếu, và mở máy, bắt đầu công việc của mình. Nhưng chữ nghĩa, thơ văn, lời hay ý đẹp cứ lẫn lộn lung tung với những bộ phận kín cùng chất thải từ cơ thể con người ta được ông ném qua, bà trả lại một cách bền bỉ, liên tục, xem chừng còn lâu mới đến hồi kết cuộc! Khỉ thật! "Tìm tự do", "tị nạn cộng sản", "gìn giữ ngôn ngữ mẹ đẻ", "xiển dương tình tự dân tộc", "triển khai niềm tự hào con Rồng cháu Tiên"... Mấy nhóm chữ cao quí đó liệu có liên hệ gì với không khí sinh hoạt bát nháo này? Và văn chương, thi ca, hội họa... nữa, làm được gì? Ích lợi cho ai? Ai cần?

Kim Thi đến đây chỉ mới ba tháng, ông bạn vong niên một đời hệ lụy với chữ nghĩa đã sống mười hai năm giữa môi trường này, thế mà vẫn *"sớm ra đi sớm hoa không biết, đêm trở về đêm cành không hay"*. Thực vật vô tình, hẳn nhiên. Nhưng người, có hữu tình hơn không? Hình như không! Những viên sỏi nhỏ nhoi ném vào lòng biển lớn, dải vân cẩu giữa bầu trời lồng lộng. Vô

ích, thậm vô ích! Cuộc đời vẫn quẩn đọng tù hãm, dù ở đây hay ở đó, dù đạp bằng xe hai bánh cọc cạch giữa bụi mù, nắng gắt, hay trôi êm trên xa lộ trong lòng xe bốn bánh rì rào máy lạnh. Cuộc đời... Sống để làm gì nhỉ? Để ngửa lòng bàn tay, để xòe lật một cỗ bài xem thử vận mệnh mình trôi nổi thế nào, qua lời phán quyết của người đàn bà tầng dưới? Hay đi vào đi ra, đi lên đi xuống, thỉnh thoảng "dở trò" cho bớt nhàm nhạt, như người đàn ông ngụ cách phòng? Hay nằm vắt chân chữ ngũ, hát Karaoke từ sáng đến khuya, chờ đầu tháng tay ẵm tay bồng hai nhóc tì lên sở xã hội "lãnh lương", như vợ chồng chủ nhân giàn studio cực mạnh thích "tra tấn" lỗ tai người nghe?

Họ, cái tuyệt đại đa số làm thành xã hội thu nhỏ này, cần gì văn chương, thi ca, nghệ thuật? Cần gì góc "bàn viết lữ thứ" của ông bạn vong niên? Cần gì âm điệu bằng trắc trong thơ Tô Thùy Yên? Cần gì thế giới mộng ảo trên mặt tranh Đinh Cường, cần gì những không gian phi phối cảnh trong tranh Lê Bá Đảng?

Trái lại, có nhiều thứ khả dĩ thỏa mãn được cả hai nhu cầu - tinh thần và thể xác - của con người một cách cụ thể, mà không tơ hào mảy may đến văn chương, nghệ thuật. Chỉ quẩn quanh trong thế giới thu hẹp của buillding này thôi, Kim Thi đã vỡ lẽ được bao nhiêu điều. Kim Thi ở cạnh lối vào chung cư, mỗi ngày chí ít cũng bị gõ cửa ba bốn bận, chỉ để trả lời một câu hỏi duy nhất: "Phòng cô Năm số mấy, làm ơn chỉ giúp?". Cô Năm, tức người đàn bà xem chỉ tay, bói bài. Khách hỏi gồm đủ hạng người, từ mệnh phụ mặt hoa da phấn đến trung niên đường bệ cà vạt kính trắng; từ chị công nhân điện tử da xanh tóc còi đến anh H.O. vừa hết trợ cấp. Theo chỗ Kim Thi biết, mỗi lần cô Năm xòe bài, tiền quẻ khiêm nhường lắm cũng ba chục đô la. Ba chục nhân cho mười thôi, mỗi ngày cô Năm bỏ túi ba trăm tiền mặt dễ dàng. Chồng cô đi Mercedes đâu có gì khó hiểu! Mà lại thỏa mãn được "nhu cầu tinh thần" của bao nhiêu người. Mấy ai không thích được buôn may bán đắt, tình duyên gia đạo đề huề? Trước, cô cho vài tin dữ, sau, cô khôn khéo hóa giải: tiền hung hậu kiết, số này, mạng này, nhất định tai qua nạn khỏi, tiền bạc dồi dào, công thành danh toại, sớm gặp kẻ tâm đầu nếu chưa vợ chưa chồng, hoặc gia đạo trong ấm ngoài êm nếu ván đã đóng thuyền. Thế là cả hai cùng vui. Đôi bên cùng có lợi. Bà có thêm tiền tu bổ chiếc Mercedes cho ông, để cuối tuần được ông đưa đi Vũ trường biểu diễn vài đường tango bay bướm. Thân chủ có thêm niềm tin để tiếp tục kiên trì thức trắng đêm vặn ốc nối dây điện, hay cần mẫn bưng thêm vài chục tô phở, chờ một ngày mai trời lại sáng!

Còn cô bán bia ôm? Trời vừa sụp tối cô ra khỏi nhà, đến quán. Khách vào, cô trườn đến, như rắn, đưa hàng họ trời cho ra mời chào. Khách ưng ý, cô sà vào lòng. Khách thò tay xoa nắn, sờ mó, cô làm bộ nũng nịu, "Làm gì vội thế anh, em khát, cho em ly cốc teo nhá". Khách gật. Cô búng tay gọi bồi, lúc bấy giờ mới để mặc khách tha hồ thám hiểm mọi ngõ ngách dưới lớp vải váy. Mười phút sau, cô lại "cho em xin ly nữa, anh yêu". Khách say đòn, bàn tay lỡ phiêu lưu trên khu tam giác vàng chẳng lẽ kéo về ngang xương? Bèn đau

khổ gật tiếp. Mỗi đêm cô làm việc khoảng 6 giờ, mỗi mười phút cô "xin" một ly. Khách nào coi bộ sắp rỗng túi cô lịch sự vuốt ve vài câu, hôn hít vài cái, bóp nắn vài phát an ủi, rồi chuồn qua bàn khác. Cứ thế, cô thực thi tận tình bài học thì giờ là vàng bạc. Thử tính nhẩm xem: theo thời giá mỗi ly 20 đô la. Mỗi giờ sáu ly. Sáu giờ ba mươi sáu ly. Tổng cộng cô có 720 đô. Chia cho chủ 40%, cô còn 432 đô. Bù qua sớt lại, hôm ế bữa đắt, mỗi tối cô thu nhập giá chót khoảng 300 đô, chưa kể thỉnh thoảng được giá và nếu thích, cô có thể đưa khách về phòng, cho ngủ trọ qua đêm, sáng ra khách hèn lắm cũng chi 200 đô! Cô bia ôm, một cách nào đó, đã thỏa mãn được "nhu cầu thân xác" cho không ít người. Lại cũng đôi bên cùng có lợi! Cô tuy mang tiếng thiếu chính chuyên nhưng tiền bạc sung túc, thừa sức gửi về quê nhà nuôi cả họ. Và nếu cô biết "nhìn xa trông rộng" như mấy anh nhà văn tính toán thiệt hơn cho uy tín và tương lai văn học của mình, thì chỉ gắng nhẫn nhục vài năm, tích lũy được mớ tiền rồi move qua tiểu bang khác, làm lại cuộc đời. Có tiền, nếu may mắn có thêm tí nhan sắc, lại thừa kinh nghiệm mồi chài, việc "bắt" một anh chồng danh giá bác sĩ kỹ sư đâu có chi khó khăn? Về phần anh, dù tốn kém chút đỉnh nhưng một đêm bên cạnh người đẹp cũng ít nhiều nguôi ngoai mối sầu xa xứ!

Những mẫu người điển hình Kim Thi vừa dẫn chứng, đã tụ lại, làm thành một xã hội, và xã hội ấy chuyển động, theo những qui luật riêng, đâu cần đến bóng dáng của bất cứ anh chị viết văn làm thơ vẽ tranh nào? Nghĩa là văn, thơ, nghệ thuật dứt khoát không phải thứ lương thực xã hội ấy cần. Hãy cứ mở lớn mắt trong đêm, hãy cứ căng óc não gieo vần tìm ý, hãy cứ nhỏ nước mắt, mồ hôi xuống trang giấy, khung vải. Những cái ấy rồi sẽ thành chữ, thành tranh, thành tác phẩm. Sau đấy ráng cày bừa đào bới cách nào đó tìm tiền in ra, đặt lên kệ sách, treo lên tường, để được xoa tay thỏa mãn: ta đã chắt lọc, cống hiến cho đời bao nhiêu tim óc của ta. Vâng, cao quí lắm, đẹp đẽ kể gì. Nhưng, xin lỗi, hãy tận hưởng lạc thú ấy một mình, thưa các ngài văn nghệ sĩ tốt lành và vĩ đại! Chúng tôi hèn mọn tầm thường, không dám có tham vọng chia xẻ vinh quang ấy cùng các ngài. Xin cho chúng tôi tiếp tục bưng phở, tiếp tục đưa hàng họ trời cho ra chào mời, tiếp tục xòe bài, tiếp tục thức trắng đêm vặn ốc vít, tiếp tục quẩn quanh với tiền nhà phải trả hàng tháng, tiền bill phải ký từng xấp, tiền bảo hiểm xe cộ phải đóng mỗi quý, và tiếp tục tìm kiếm vận may của mình trên mặt những ông tây bà đầm có tên cơ rô chuồn bích!

- Ô hô! Thế thì chẳng lẽ công việc sáng tạo hoàn toàn vô nghĩa đối với cuộc đời này sao?

- Là cái chắc!

- Vậy hãy bẻ bút đi, hãy vất cọ đi. Viết làm gì, vẽ làm gì, vắt tim bóp óc làm gì cho khổ tấm thân?

Phải, để làm gì nhỉ, cho khổ tấm thân?

Nhưng... nhưng... rốt cuộc Kim Thi vẫn đành phải chấp nhận cái qui luật

bất biến này: Chính những tương quan thậm vô nghĩa của cuộc đời lại là những nhân tố làm nên... cuộc đời. Nếu không có những quẩn quanh tù đọng ấy thì làm gì có văn chương, nghệ thuật? Nếu xã hội không sản sinh những Nghị Hách, làm gì có Vũ Trọng Phụng; Không thòi ra những Thị Nở, Chí Phèo, sức mấy có Nam Cao. Điển hình, gần gũi hơn: hãy thử hỏi bài viết lang mang, dông dài, không chủ đích này bắt nguồn từ đâu? Có phải từ cái giàn studio cực tốt của cặp vợ chồng trẻ tầng dưới? Có phải từ trận khẩu chiến giữa bà bói bài và ông vô công rồi nghề? Có phải từ cô bán bia ôm có hai vành môi tím sẫm và tòa thiên nhiên lồ lộ? Có phải từ anh kỹ sư mình trần quần cọc có đôi mắt rất gian? Có phải từ cô cậu xướng ngôn viên luân phiên nhỏng nhẻo bằng giọng nói nửa già nửa non? Tất cả những thứ nhảm nhí, vô bổ, thừa thải, kệch cởm ấy lại là vôi vữa, chất liệu tạo ra những trang văn, biến thành những khung tranh. Mặt khác, tưởng tượng cuộc đời nếu chỉ rặc những ông sư mặc áo vàng, những ông cha mặc áo đen, những cụ già sùm sụp khăn mỏ quạ lâm râm khấn vái trước bàn thờ Phật tổ khói hương nghi ngút, những con chiên mắt ngây dại, tay lần tràng hạt, nhìn lên thập tự có Chúa giang tay, chuộc tội cho chúng sinh... thì... borring biết chừng nào, nhạt nhẻo biết chừng nào, chán ngắt biết chừng nào, đáng... treo cổ tự tử biết chừng nào!

Xét cho cùng, cũng rất nên vỗ tay hoan hô cuộc đời. Hoan hô và cảm ơn. Cảm ơn cuộc đời muôn mặt, đã cho ta sống, cho ta nhìn, cho ta hít thở, sờ mó, bóp nắn, kể cả cho ta những cái tát nháng lửa, những cú đá sái quai hàm.

Ngày 25 tháng 11, 1995

Rất nhiều độc giả, văn hữu hỏi: *Hợp Lưu* nghĩ thế nào về những lời tuyên bố của ông Nguyễn Chí Thiện, một trong vài người tù chính trị có số năm ngồi tù nhiều nhất dưới chế độ CS Việt Nam, vừa đến Mỹ, và được một số cơ quan truyền thông cũng như nhiều tổ chức, đoàn thể tại hải ngoại trọng thể đón tiếp.

Để trả lời câu hỏi này, Kim Thi cảm thấy rất khó. Khó, vì mỗi lần định viết, bút mực lại phân vân. Nghĩ đến những năm dài tù tội người làm thơ ấy phải gánh; nghĩ đến những tủi nhục và thời gian đã giết chết tuổi thanh xuân một con người, Kim Thi không ngăn được bùi ngùi. Chưa vội nói đến chuyện đúng sai trong việc lầm, cũng chưa vội định vị cho mọi sáng tác của Nguyễn Chí Thiện, rằng thực sự những sáng tác ấy mang tính văn học hay chỉ có tác dụng ở mặt nào đó, trong thời điểm nào đó mà nhu cầu chính trị đòi hỏi (Về điểm này, sẽ có dịp Kim Thi bàn đến "thơ" Nguyễn Chí Thiện.), chỉ xét cái khí tiết ông từng tỏ lộ liên tục, bền bỉ, suốt mấy mươi năm, trong một hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã như mọi người từng biết, thật chẳng dễ gì những con người tầm thường như đại đa số chúng ta làm được, dù chỉ làm được một phần thật nhỏ. Nguyễn Chí Thiện xứng đáng được ví với cụm từ "Uy Vũ Bất Năng

Khuất" mà ngày xưa, cha ông chúng ta thường dùng để chỉ những kẻ sĩ thà chết chứ không bao giờ gục mặt trước mọi thế lực cầm quyền.

Chính cảm giác bùi ngùi và lòng quí mến Kim Thi dành cho Nguyễn Chí Thiện, khiến ngòi bút trở nên phân vân.

Một con người như thế, một thỏi thép được tôi luyện trong lò lửa ngục tù chừng ấy năm, nào dễ dàng gì bị choáng ngợp trước những vòng hào quang, những vương miện được kết bằng hoa thơm cỏ lạ thì ít, mà bằng hoa ni lông, hoa giấy lại rất nhiều, thậm chí hoa tàn, hoa héo, hoa rơi, hoa rớt... càng không thiếu!

Nhưng, thật đau lòng, hình như ông Nguyễn Chí Thiện có choáng ngợp thật. Dù đã lượng đoán sự cố sẽ xảy ra như thế, hay gần gần như thế, Kim Thi vẫn không thể không thở dài. Thế là, một lần nữa, "người quốc gia" lại thêm một phen thảm bại, trước đòn phép chính trị của CS. Thử tưởng tượng xem, cứ đà "hồ hởi phấn khởi" này, ông Nguyễn Chí Thiện dẫu từng vác trên vai mấy mươi năm tù, dẫu những bài thơ của ông một thời được xem như "sấm truyền" của một số người Việt lưu vong không đội trời chung với "bọn Cộng Sản tham tàn", e cũng khó mà "bảo toàn tiết hạnh" dài lâu. Nhiều lắm, sáu tháng, một năm nữa thôi, nếu không bình tâm, sáng suốt, ông rồi sẽ chẳng hơn gì những "anh hùng" khác, cháy rụi tả tơi trước sự thật phủ phàng! Đến lúc ấy, nếu chưa trở thành kép hài trong vở tuồng "chống Cộng" vừa dai vừa dài vừa dở, thì cũng chỉ là một cái bung xung, một quả cầu giữa vòng tròn tung hứng dở khóc dở cười. (Viết đến đây, một bạn văn đến chơi, đưa tin: tại Washington, ông Nguyễn Chí Thiện hiện đang trở thành mục tiêu tranh chấp của hai nhóm chống cộng. Một phe đang nỗ lực đẩy ông ấy lên mây xanh, cho thơ ông xứng đáng sánh ngang với... thơ Đổ Phủ!!! Phe khác thì cho rằng Nguyễn Chí Thiện bằng xương bằng thịt hiện nay chỉ là... đồ giả, do CS đưa ra hải ngoại nhằm mục đích bôi nhọ một Nguyễn Chí Thiện thật sự nào đó! Cuộc "đụng độ" to tiếng và mất trật tự đến cảnh sát Mỹ phải nhảy vào can thiệp! Khốn khổ chưa! trò nhăng cuội, nhảm nhí, dơ dáng dại hình bắt đầu mở màn rồi đấy! Kim Thi chỉ mới nghe kể đã nổi da gà.)

Đã có lần Kim Thi từng nói: người CS quả rất khôn ngoan khi lần lượt ném ra khỏi Việt Nam những con bài tẩy, đối với hải ngoại, là những khuôn mặt sáng giá, những chiến sĩ bất khuất trên mặt trận chống Cộng, bởi họ hiểu rất rõ, trong thế giới bát nháo gồm những cái gọi là truyền thông, báo chí và tổ chức, hội đoàn tại hải ngoại, sớm muộn gì những "thần tượng" ấy cũng sẽ bị đốt thành tro. Bao nhiêu người đã "cháy". Từ vị trí của những chiến sĩ kiên cường, vèo một cái, biến thành những anh hề múa may lảm nhảm. Công lực yếu kém thì sẽ chết nhanh và chết đau thương. Ngược lại, già dặn hơn, khí phách hơn, trầm tĩnh hơn, thì tuy nhân cách không bầm dập, cũng bị "vô hiệu hóa" một cách tự nguyện: rút vào bóng tối, lặng lẽ làm một người bình thường, sống tiếp quãng đời còn lại, và chờ... chết! Vậy là vô hình chung, không cần mất công bỏ tù (tốn cơm tốn của, lại mang tiếng độc tài tàn bạo),

chính quyền Việt Nam đã loại được các đối thủ của mình một cách vừa hiệu quả, vừa được tiếng đã đối xử nhân đạo với các tù nhân chính trị.

Kim Thi thật tình không muốn Nguyễn Chí Thiện trở thành như thế. Nghĩa là không muốn ông bị đốt như nhiều người đã bị. Cũng không muốn ông sống âm thầm lặng lẽ với những lo toan "đời thường": nhà-xe-bảo-hiểm-bill-tiền (sau những giờ phút "vinh quang" chắc chắn sẽ không kéo dài được lâu, ông rồi sẽ đối diện với những "vấn nạn" vừa nêu, mà nhiều phần sẽ rất khó khăn, vì tuổi tác đã cao, nghề nghiệp không có, làm thơ lại chẳng tạo ra của cải bao giờ! Thử tưởng tượng người hùng của chúng ta ngong ngong mỏi mòn ngoài phòng đợi, chờ gặp các cô cán sự xã hội mặt mày non choẹt và nhâng nháo, hạch sách đủ điều trước khi chứng nhận đương sự không đủ khả năng tìm sinh kế, hầu hội đủ lý do để nhà nước phát cho mỗi tháng vài trăm! Ôi, đau đớn biết chừng nào!). Kim Thi mong ông, với tấm lòng đối với quê hương, với khí tiết một kẻ sĩ, với "thành tích" trong dĩ vãng, góp phần, trong muôn một, vực dậy con bệnh đầy mình thương tích, là mảnh đất đói nghèo mang tên Việt Nam, bằng cách vượt qua, vượt trên tủi nhục, căm thù, bi phẫn cá nhân, để từng bước một, trong ôn hòa và tha thứ, xóa bỏ dần mọi tàn tích tiêu cực còn rơi rớt lại khởi từ một chủ nghĩa đã lỗi thời và đang tự triệt tiêu. Thi sĩ là kẻ nhạy cảm vô địch, thi sĩ thường nhìn thấy trước những điều người bình thường chưa kịp thấy. Có thời điểm thơ ông là vũ khí, là sức mạnh, là tên độc, là đạn lớn, là thuốc nổ, nhưng có thời điểm cũng giọng thơ đó, lại là những bài vè lạc điệu, những khẩu hiệu rẻ tiền, chẳng những không thuyết phục được ai, còn trở nên đồng nghĩa với phản tiến bộ, biến thành lực cản, ngăn chặn dòng chảy của lịch sử. Ai cũng thấy chủ nghĩa CS ngày nay chỉ như một oan hồn vất vưởng. Nhiều nơi trên thế giới nó đã chết, hoặc tự hóa thân. CS Việt Nam cũng thế, dù những người cầm quyền cố gắng biện minh, phủ che, luồn lách cách nào chăng nữa, vẫn không thể níu giữ dài lâu cơn hấp hối đó. Mười năm, hai mươi năm trước, thơ ông là một trong những mũi nhọn xung kích, góp phần đưa đến kết quả của hôm nay. Nhưng cũng từ hôm nay, bằng sự nhạy cảm Kim Thi vừa nói, là thi sĩ (cứ tạm cho vậy), ông hiểu nên làm cách nào, nên nói cái gì, nên định hướng ra sao cho mục đích đấu tranh. Làm được như thế, vị trí của Nguyễn Chí Thiện đối với lịch sử và dân tộc, sẽ lớn hơn nhiều, so với những bài "thơ" từng được phổ biến.

Nhưng tiếng nói của Kim Thi lẻ loi quá, nếu so với những hồi chuông nhịp trống rất phường tuồng và đồng bóng đang ầm ĩ chung quanh, nên thật khó lọt đến tai ông. Vì thế Kim Thi đã định im lặng.

Tuy nhiên, suy đi tính lại, không muốn đánh mất lòng yêu mến đối với một con người đã hy sinh gần trọn cuộc đời mình để đấu tranh cho điều thiện, Kim Thi đành phải lên tiếng.

*

Kim Thi cứ tiếc mãi: Phải chi ông Nguyễn Chí Thiện điềm đạm hơn, bình tĩnh hơn, chín chắn hơn. Tạm thời ngồi yên, mở lớn mắt, căng rộng tai, nhìn và lắng nghe, tích lũy rồi phân tích cặn kẽ trước khi nói to, nói lớn những suy nghĩ đã chín của mình. Khổ thay! Ông ấy vội quá, say sưa quá, ngây ngất quá trước những chùn pháo bông, khiến nhiều điều trong các phát biểu của ông chẳng những không có lợi gì, đã đành, còn vô tình xúc phạm đến bao nhiêu tấm lòng chân thật khác. Nguy kịch hơn, nó để lộ con người thật của ông, một con người chỉ có gan mà không có mưu lược, chỉ có căm thù mà thiếu hẳn lòng nhân...

Ở đây, Kim Thi không đề cập đến chuyện ông Nguyễn Chí Thiện nhận xét về tạp chí *Hợp Lưu*, dù nhận xét ấy, tuy chỉ ngắn vài mươi chữ, đã mâu thuẫn trầm trọng, mà Kim Thi sẽ thật dễ dàng nếu muốn "bẻ": "*Khi có tờ Hợp Lưu chuyển về thì phải giấu giếm thật cẩn thận vì nếu lỡ một người nào nhận được tờ Hợp Lưu mà nhà nước biết thì người đó phải đi thẳng vào nhà tù ngay. Thế mà chính một số tác giả viết cho tờ Hợp Lưu vẫn hô hào hợp lưu, giao lưu, vậy hợp lưu cái gì?*" (!!!). Kim Thi xin tự nguyện nhường một bước, bởi nghĩ, vấn đề của một tờ báo, xét cho cùng, quá nhỏ nếu so với những vấn đề "trọng đại" khác ông Nguyễn Chí Thiện đang hăng say đề cập. Vả, còn rộng ngày rộng tháng để ông ấy nhìn, nghe, đọc (nếu ông ấy chịu nhìn, chịu nghe, chịu đọc), rồi suy nghĩ rốt ráo hơn. Kim Thi tin với một tấm lòng, một ý chí sắt thép trong quá vãng ông từng biểu tỏ, chắc chắn, rất nhanh, ông sẽ có được cho mình một kết luận thuận lý, chứ không đến nỗi lủng củng theo kiểu "trống đánh xuôi kèn thổi ngược" như vừa trích dẫn.

Ở đây, Kim Thi chỉ nói đến lời phát biểu không đồng tình của ông với những tổ chức nhân đạo đang quyên góp tài vật để giúp đỡ những kẻ tật nguyền do chiến tranh và lạc hậu gây ra: những bệnh nhân bị bệnh nan y (cùi, hủi...), những cô nhi, những trẻ em bụi đời, những học sinh nghèo. Theo ông Nguyễn Chí Thiện thì tài vật trợ giúp ấy cuối cùng sẽ rơi vào tay Đảng, vào hầu bao bọn tham ô nhũng lạm, và như thế, vô hình chung, những người làm công tác nhân đạo đã tiếp tay duy trì chế độ, làm lợi cho chế độ! Về chuyện này, nhà văn Nhật Tiến đã có một "thư ngỏ gửi thi sĩ Nguyễn Chí Thiện" thật "chí thiện" đăng trên nhật báo Người Việt, mà Kim Thi rất tâm đắc. Nghĩ sẽ khó lòng bày tỏ cảm tưởng của mình một cách chính xác, gãy gọn hơn. Vậy xin trích một đoạn trong bài viết ấy:

"Dĩ nhiên tôi hết sức tin tưởng rằng những nhận xét của thi sĩ là những lời tâm huyết, đã từng được kiểm nghiệm trong thực tế. Nhưng tôi muốn nói thêm rằng điều đó dù có thực, nhưng không tuyệt đối đúng trong mọi trường hợp. Theo chỗ tôi được biết, và cũng theo chính kinh nghiệm thực tế mà tôi đã tham dự vào, thì đã và đang có nhiều trường hợp đồng bào nghèo khó ở Việt Nam đã nhận lãnh sự trợ giúp của đồng bào hải ngoại, cho dù là của rơi của rớt sau khi đã bị bàn tay tham nhũng - nếu có và nhiều trường hợp không có - nhúng vào. Xin nêu vài trường hợp cụ thể: Chương trình của bác sĩ Phạm

Minh Hiển ở Pháp giúp đỡ các cựu chiến binh của miền Nam trước đây, theo con số do bác sĩ Hiển công bố gần đây thì đã có 1,300 hồ sơ xin trợ giúp đã được giải quyết, hồ sơ nào cũng có giấy chứng nhận của chính quyền cũ về mức độ tàn phế của cựu phế binh kèm theo đơn xin viết tay của đương sự. Cho đến nay, chương trình nhân đạo ấy vẫn được tiếp tục. Hoặc những thí dụ khác như chương trình trợ cấp học bổng cho cho các học sinh nghèo xuất sắc ở Việt Nam, do tạp chí *Giao Điểm* điều hành từ nhiều năm qua (Kim Thi chú thích thêm: nhiều anh chị em trong ban chủ trương *Hợp Lưu* có tham gia chương trình này, và tất cả đều nhận được thư cảm ơn của chính những em học sinh được nhận trợ cấp, hàng năm, mà chưa thấy "bàn tay tham ô" nào của chính quyền xía vô). Hoặc như Hội Việt Nam Tương Tế với chương trình Viên Thuốc Cho Đồng Bào Nghèo, đã nhận được sự nồng nhiệt hưởng ứng và đã gửi thuốc về cho các nhà thờ, chùa để phát không cho đồng bào. Hoặc các Cô Nhi Viện do các tu sĩ các tôn giáo bảo trợ cũng nhận được sự nhiệt tình giúp đỡ, chia xẻ từ các đồng bào hải ngoại. Cụ thể như trại cùi Cẩm Thủy, Thanh Hóa, trong tận rừng sâu, vậy mà qua linh mục Trần Phước Long kêu gọi, đồng bào cũng hưởng ứng ngay. Nhìn tấm hình bà cụ già trên 100 tuổi, cùi lở mà bàn chân không có đôi dép, hàng ngày đi lại phải cọ xát với đá dăm, tình cảnh hết sức thương tâm. Họ đã từng là nạn nhân của cuộc chiến súng đạn 30 năm, nay vẫn còn là nạn nhân của lòng thù hận 20 năm nữa rồi, nỡ nào chúng ta không mở tấm lòng mà gửi cho bà cụ đôi dép để cụ đỡ được cơn đau xé thịt khi mụn lở cọ xiết vào những mảnh đá dăm khi lê bước trong trại cùi. Ngoài ra còn nhiều nhóm từ thiện đang tiếp tục hoạt động nữa như tổ chức VN HELP do nhiều thành viên trẻ và có thiện chí ở hải ngoại điều hành, nhóm GREEN CROSS cũng của người Việt hải ngoại đang tiến hành những chương trình trợ giúp nhân đạo cho những người nghèo khó, bệnh tật ở Việt Nam. Đó là chưa kể tới nhiều cá nhân khác vẫn còn đang âm thầm gửi tiền về giúp đỡ các cơ quan từ thiện. Tất nhiên những sự giúp đỡ này chẳng thấm tháp vào đâu so với những khó khăn cơ cực của đồng bào còn tràn đầy ở trong nước, nhưng có còn hơn không. Ít ra những nỗ lực này cũng đem lại cho một số người bệnh tật chút ít thuốc men, những người già cả manh áo ấm, những trẻ em bụi đời có mái lá che mưa, và các em trong trại mồ côi có thêm chút thực phẩm trong thực đơn hàng ngày vốn đã rất đạm bạc của các em, hay những học bổng eo hẹp nhưng cũng tạm đủ giúp các em học sinh nghèo có thể cắp sách tới trường.

Hơn nữa, điều gì sẽ xảy ra nếu như lời kêu gọi ngừng công tác từ thiện của thi sĩ có tầm mức ảnh hưởng lan qua lãnh vực trợ giúp nhân đạo quốc tế. Một số bệnh viện sẽ phải đóng cửa, các chương trình trợ cấp nhân đạo của Liên Hiệp Quốc sẽ phải ngưng lại, những công tác yểm trợ cho các hoạt động truyền giáo (trùng tu chùa chiền, nhà thờ, bảo trợ các tu sĩ, in ấn hay tái bản các kinh kệ v.v...), tất cả sẽ bị ảnh hưởng không ít. Tôi không được rõ rằng khi đưa ra những lời phát biểu như đã nêu, không biết thi sĩ có lường trước

được những hậu quả của một *tinh thần cấm vận công tác từ thiện* hay không. Tuy nhiên một cách hết sức gián tiếp và vô tình, những lời nhận xét của thi sĩ về công tác từ thiện ở Việt Nam đã phần nào giảm thiểu đi cơ may của đồng bào nghèo khó trong nước để được nhận lãnh những sự trợ giúp hiếm hoi đến từ lòng từ tâm của đồng bào hải ngoại hay những tổ chức quốc tế. Mặc dù vậy, từ trong đáy lòng, tôi vẫn tin rằng những tổ chức và các cá nhân đang hoạt động từ thiện cho Việt Nam sẽ vượt lên trên lòng thù hận như mọi người đã thấy từ nhiều năm qua, để vẫn tiếp tục soi rọi những tia sáng cuối cùng vào những mảnh đời âm u, vô hy vọng của những người nghèo khó, cơ cực vẫn còn đầy rẫy ở Việt Nam hiện nay"

*

Kim Thi không một tí nghi ngờ ông Nguyễn Chí Thiện là người yêu nước. Kim Thi cũng tuyệt đối tin ngoài lòng yêu nước, ông còn là tấm gương sáng biểu hiện mạnh mẽ cho một ý chí kiên cường, một lòng cam đảm hiếm hoi. Nhưng Kim Thi cũng đau xót nhận ra rằng, do những năm tù tội quá dài, do mọi thông tin bị bưng bít, do không có điều kiện cập nhật mọi biến cố xảy ra rất nhanh và rất bất ngờ trong thời đại này, ở mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực chính trị, do kiến thức và nội lực tư duy giới hạn, và do những tổ chức "chống cộng bằng mồm", "chống cộng vì chút danh hờ", "chống cộng vì nếu không chống cộng thì chống cái gì?", thậm chí "chống cộng vì tư lợi và thù hằn cá nhân" (ông chủ báo này không hợp nhãn bà chủ báo nọ. Tờ báo này ghen ghét tờ báo kia, không bởi khác biệt lập trường chính trị, mà chỉ vì đối thủ bề thế hơn, qui mô hơn, nhiều quảng cáo, độc giả hơn...) đã đẩy ông vào trò xiếc của họ, khiến cho ông, trong nhất thời, không làm sao phân biệt được chân, giả. Do đó, vô tình ông đã để lộ nhiều sai lầm, nhiều mâu thuẫn phản lại cái lý tưởng mà từ mấy mươi năm nay ông không ngừng đấu tranh, bảo vệ, và cũng vì thế mà ông bị tù đày: đẩy dần chủ nghĩa CS vào bóng tối dĩ vãng, nâng dần cái phần đất rách nát ấy lên ngang hàng với nhiều quốc gia Á châu khác, để những "em bé quàng khăn đỏ" không còn "giương cao cổ cò" ong ỏng những bản nhạc ca tụng "Bác và Đảng", ca tụng một thế giới đại đồng nhà nhà cùng ấm no, người người cùng hạnh phúc, trong khi cái bao tử bao giờ cũng lép kẹp vì thiếu ăn. Và để mọi trẻ em đều có cơ hội cắp sách đến trường, những thương binh, những bệnh nhân nan y, những kẻ đói nghèo có nạng để chống, có thuốc để uống, có cơm để ăn. Nhà văn Nhật Tiến vừa viết: "*những sự giúp đỡ ấy chẳng thấp tháp vào đâu so với những nỗi khó khăn của đồng bào còn tràn đầy trong nước, nhưng có còn hơn không.*" Vâng, thưa ông Nguyễn Chí Thiện, thưa người tù của của lương tâm, "có còn hơn không", có còn hơn ngồi mãi ở những phần đất tự do, ong ỏng nguyền rủa CS, cho sướng mồm, để rồi ngày hôm sau, tuần sau, tháng sau, mua thêm một căn nhà, tậu thêm một chiếc xe, bỏ thêm một xấp tiền vào ngân hàng. Thái độ ấy vừa bất

chức nào đó, một tổ chức thực sự có đủ tài lực, vũ khí, mưu cầu trở về "giải phóng quê hương". Và Kim Thi tưởng tượng khi tổ chức này kêu gọi đồng bào gia nhập, Kim Thi dám chấp một ăn trăm, rằng những "chiến sĩ chống cộng" này sẽ là những con chuột lũi nhanh nhất, hoặc nếu có bị "động viên", cũng sẽ tìm đủ mọi "lý do chính đáng", chẳng hạn "tuổi già sức yếu", chẳng hạn "vợ dại con thơ", chẳng hạn "áo cơm lận đận" để "trốn quân dịch", hoặc chạy chọt tìm một chỗ ngồi an toàn ở hậu phương, đùn công việc cầm súng cho người khác, như 20 năm trước, họ đã làm. Kim Thi từng là một tên lính thực sự, bảy năm, chưa một ngày ngồi văn phòng (chả vẻ vang gì "nghề bắn giết", nhưng ít ra Kim Thi cũng không tự thẹn với lòng khi nói đến hai chữ "chiến đấu", và đủ tư cách để khinh bỉ các xạ thủ bắn súng mồm), Kim Thi cũng từng quen biết khá đông các "chiến sĩ chống cộng" này, nên chẳng còn lạ gì nhân cách của họ. Rồi ông sẽ biết, có anh mang tiền án hiếp dâm, chưa từng mặc quân phục (vì lý do gia cảnh!), là khách hàng nhẵn mặt tại các vũ trường, các chốn ăn chơi (trong thời kỳ chiến tranh sôi bỏng nhất, lính tráng chết như rạ). Ngày nay, tiếp tục truyền thống côn đồ cũ, anh ta hóa thân thành một thứ mafia trong làng báo, dùng diễn đàn của mình hù dọa người thế cô, các chủ nhân business để lấy quảng cáo, rồi tự phong cho mình chức "nguyên soái" trên "mặt trận chống cộng" để tha hồ chửi rủa nhăng nhít, thô tục, bẩn thỉu, đến nỗi bị lôi ra tòa và bị luật pháp buộc bồi thường đến cả bạc triệu. Lại có anh ngày xưa quyền cao chức trọng tại miền Nam, một mặt đẩy lính ra chiến trường làm bia đỡ đạn, mặt khác, chở thuốc men, gạo mắm vào rừng tiếp tế cho "người anh em", đổi lấy lâm sản về buôn bán làm giàu, rồi chuồi tiền ra ngoại quốc, đợi đến ngày 30 tháng Tư chạy nhanh chạy gấp, bỏ mặc thuộc cấp tha hồ phơi thây ngoài chiến địa, hay thoi thóp trong các trại tù cải tạo. Thế mà ngày nay, anh ta lại trâng tráo bước lên diễn đàn, nhỏ nước mắt khóc thương cho thảm cảnh "mất nước" và đổ riệt mọi tội lỗi lên đầu "giặc cộng"! Và rất nhiều những anh, những chị khác, hoàn toàn mù tịt cái cơ bẩm của cây súng nằm nơi nào, chưa đến ngày tan hàng rã đám đã cuốn gói lũi trước tiên ra hải ngoại, không từng biết mặt ngang mũi dọc một "tên Việt cộng" nó ra làm sao, suốt hai mươi năm xa xứ sống như những dề lục bình, nổi trôi, nghiêng ngửa, mánh mung lường gạt, ghen tuông nhảm nhí, thay chồng đổi vợ (ở với nhau không hợp, thay, chuyện bình thường. Điều đáng nói là sau khi thay, lập tức đưa nhau lên mặt báo, bỉ thử, tố cáo, hạch tội nhau, thậm chí có kẻ viết cả một cuốn hồi ký bêu rếu "đối tượng", từ chuyện phòng the đến chuyện làm ăn buôn bán, từ chuyện lọc lừa đến chuyện bàn mưu tính kế hại thằng này, "giết" con nọ... Trong lịch sử báo chí Việt Nam, chưa bao giờ tình trạng bỉ ổi đi đến mức tởm lợm như vậy!), thế mà dần dà cũng nghiễm nhiên trở thành những "chiến sĩ chống cộng kiên cường", những "chủ tịch" hội này bang nọ, hết năm này tháng khác ra rả chuyện quê hương đất nước, đòi xóa cái này dựng cái nọ. (Ông cứ nhìn họ đang vạch mặt chỉ tên nhau, bôi tro trét bùn vào nhau, để tranh giành cái chức "Chủ Tịch

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại" trong mấy ngày gần đây, thì biết!) Hoạt cảnh bát nháo ấy, thế giới xà bát này (cái thế giới mà một nhạc sĩ vừa nói với Kim Thi ngày hôm qua: hết thuốc chữa), ông mới bước vào, mong ông hãy bình tĩnh, hãy sáng suốt, kẻo không, mấy mươi năm tù tội của ông, cái ý chí bất khuất của ông, lòng can đảm vô biên của ông rồi sẽ bị đốt ra tro.

Phí phạm lắm! Đau lòng biết mấy.

Ngày 2 tháng 12 năm 1995

Kim Thi đã định chỉ viết một lần, một lần duy nhất, về "trường hợp Nguyễn Chí Thiện". Bởi lẽ, xét cho cùng, nào có gì ghê gớm đâu để mà ầm ỉ. Lịch sử tiến từng bước dài, nhất là trong thời đại này. Điều ngày hôm qua ta vẫn tưởng là khuôn vàng thước ngọc, bất khả chuyển dịch, hôm nay, đã trở nên lỗi thời. "Con bài Nguyễn Chí Thiện" mươi mười năm trước quả không khác gì một liều thuốc tăng lực, một sức đẩy có công suất lớn, góp phần không ít vào công cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ CS. Bởi lẽ trong giai đoạn đó rất cần thiết những tiếng nói cam đảm, nhất là những tiếng nói xuất phát từ một vị trí hiếm hoi: bốn vách nhà giam, của một con người đã mất trọn ba phần tư cuộc đời trong vòng lao lý. Nhưng vào giữa thập niên 90 của thời đại này, tiếng nói ấy đã yếu hẳn hiệu năng, nhất nữa, vị trí của Nguyễn Chí Thiện cũng hoàn toàn khác. Trong lao tù, ông là hồi chuông tỉnh thức, là giọng thét hờn căm có khả năng đánh động lương tâm nhân loại. Nhưng trên phần đất tự do này, bị bao vây bởi những con rối, những vai hề (dở), chỉ hơi non tay một tí, ông sẽ dễ dàng bị họ đồng hóa. Mất hết nhân cách, đã đành, mà cái lý tưởng, cái mục tiêu ông hằng đeo đuổi rồi cũng dần dà tan, chìm giữa những hồi sênh nhịp phách rẻ tiền đã và đang inh ỏi tại các vùng đất bên ngoài quê hương, hai mươi năm nay. Nói cách khác, muốn chống cộng hữu hiệu, ông phải tìm phương kế mới mẻ hơn, cập nhật với tình hình chung, của trào lưu thế giới và thực tế cụ thể Việt Nam.

Nghĩ thế, nhưng rốt cuộc Kim Thi đành phải lên tiếng một lần nữa. Và rất mong chỉ một lần nữa thôi.

Chung quy, chỉ vì lòng yêu mến của Kim Thi với người cựu tù ấy, vẫn còn sâu, nặng.

*

Kim Thi vừa đọc xong bài báo ông Nguyễn Chí Thiện trả lời nhà văn Nhật Tiến.

Đứng về mặt học thuật, Kim Thi rất cảm thông vốn kiến thức quá đỗi giới hạn và lạc hậu của ông ấy trong mọi lãnh vực: văn chương, thơ ca, lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội... Cảm thông, bởi lẽ ông Nguyễn Chí Thiện vào tù rất sớm, lại là người tù dưới chế độ CS, trong một quốc gia Á Châu cực kỳ

nghèo đói, chắc chắn sẽ không tìm ra cơ hội học hỏi thêm (*sự học như thuyền chèo ngược nước, không tiến tất lùi!*), càng vô phương hơn nếu muốn có được những thông tin trung thực, chính xác về tình hình Việt Nam, tình hình thế giới. Nhưng Kim Thi tin, như Kim Thi, người đọc sẽ hiểu, chắc chắn không có ai vì thế mà khó chịu. Trái lại, mặt nào đó, càng cảm phục ông hơn, bởi tuổi đời ấy, trong môi trường ấy, với thời thời gian lao lý ấy, ông vẫn giữ trọn được khí tiết, nào phải ai cũng làm được.

Điều Kim Thi sắp nói, không phải để trách Nguyễn Chí Thiện, cũng không phải để nhân đó đổ riệt mọi trách nhiệm lên cái chế độ đã đày ải ông suốt bao nhiêu năm dài. Ở đây, hãy khoan nói đến chuyện chống Cộng, chỉ công bình nhận xét, chả cứ gì chế độ CS, mà bất cứ thể chế chinh trị nào, nếu gặp phải một kẻ chống đối can cường như thế, thì cũng chỉ có một biện phát duy nhất là bỏ tù thôi. Trách chăng, là trách cái hoàn cảnh lịch sử oan nghiệt đã khai sinh ra bao nhiêu chế độ. Từ phong kiến, nô lệ đến Quốc, Cộng. Từ cường quyền, tham ô những lạm đến chuyên chế, độc tài sắc máu... Là nguyên nhân hủy diệt bao nhiêu thân phận con người. Những Côn Sơn, Phú Quốc, những trại cải tạo trên các vùng rừng sâu nước độc, những nhà lao đầy rẫy khắp trong Nam ngoài Bắc, trải dài hơn nửa thế kỷ qua, của người Việt với người Việt.

Trong những "tầng địa ngục" ấy, do mưu sinh sống còn, do đói khát triền miên, do cực hình tra tấn, do đày ải hủy hoại, con người vô hình chung bị "điều kiện hóa", "tha hóa" cùng cực, khiến trở nên những thỏi thép nguội, vô cảm, để rồi lâu dần trở thành quán tính. Năm ngoái, Kim Thi được xem một cuốn phim của công ty Disney's, tựa đề *Jungles Book*. Phim kể chuyện một đứa bé bị lạc vào rừng và được thú rừng nuôi dưỡng. Lớn lên, đứa bé sống không khác gì dã thú: Chạy nhảy như ngựa hoang; leo chuyền như vượn; gầm rú, vồ chụp, nhai xé như hổ báo. Khi trở lại với thế giới loài người, đứa bé (bấy giờ đã là một chàng thanh niên) cảm thấy lạc loài, bơ vơ, để rồi sau đó không thích nghi nổi với xã hội văn minh tiến bộ, đứa bé quay lại núi rừng... Trải qua nhiều tình huống đầy kịch tính, cuốn phim chấm hết với một đoạn kết... "có hậu": nhờ tình yêu, do tình yêu - được biểu thị qua một người nữ - "Người rừng" dần dần lấy lại được bản chất người. *Jungles Book* chỉ có mục đích giải trí, nhưng phần nào nói được với người xem đôi điều, rằng con người, ngoài tư chất bẩm sinh, còn bị điều kiện hóa khá mạnh bởi môi trường sống. "Triết lý" này chẳng mới mẻ gì, tục ngữ Việt Nam: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng", "ở bầu thời tròn, ở ống thời dài"; "rau nào sâu ấy"... cũng nhằm chứng minh: nhân cách của con người hình thành dưới tác động của điều kiện sống. Kim Thi đau xót thấy rằng trong những bài phát biểu của Nguyễn Chí Thiện (chưa vội nói đến kiểu cách lập luận non yếu của một ngòi bút thiếu tư duy, hàm dưỡng; cũng chưa vội nói đến chuyện đúng sai phải trái), cái chất căn thù nó hiển lộng quá, và cái chất nhân ái nó yếu ớt quá. Đọc những bài phát biểu này, từ ngôn ngữ đến lập luận, Kim Thi thấy rất

quen. Đó là ngôn ngữ và lập luận mà những ai từng sống dưới chế độ CS đều đã từng nghe. Cũng giọng điệu sắc máu ấy, cũng "ý thức căm thù sâu sắc" ấy, cũng kêu gọi tàn diệt bạo liệt ấy, người CS đã biến cả nước thành một lò sửa sục sôi máu, lệ suốt mấy mươi năm dài, khiến hàng triệu người gục chết, trở thành phân bón cho đất, trong những cuộc đấu tố tàn khốc những năm sau 54, ngoài Bắc, và rồi cả nước, sau 1975. Kim Thi tự hỏi, nếu ông Nguyễn Chí Thiện có toàn quyền sinh sát trong tay, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Chắc chắn, máu sẽ chảy thành sông, xương sẽ chất thành núi, và hận thù sẽ truyền kiếp muôn thu! Từ đó, Kim Thi nhận ra điều này: đối với một người tù có trên vai mấy mươi năm lao lý, lòng còn cháy đỏ hận thù, thì chuyện đối thoại xem chừng vô ích. Chỉ còn một cách duy nhất là chờ đợi.

Kim Thi mong, tha thiết mong, thời kỳ "sôi nổi" này của ông sẽ chóng qua. Để một ngày nào đó, chúng ta sẽ nhìn thấy nhau, và sẽ nói với nhau những điều nhân ái hơn, nhẹ nhàng hơn, tình lý hơn. Và cũng mong, rất mong, ông thấy rõ sự kiện này: chế độ CS đã và đang tự hủy diệt, điều ấy chắc chắn như hai cộng hai bằng bốn. Đó là xu thế của thời đại, là sự kiện tất yếu của vận hành lịch sử. Bằng thiện tâm ôn hòa, bằng sáng suốt hiểu biết, chúng ta gắng hết sức đẩy cho ngày đó đến nhanh hơn, chứ không phải bằng gào thét căm thù, bằng gợi khêu giết tróc. Chủ nghĩa CS đã sử dụng phương cách ấy, ở Nga, ở Trung Quốc, ở Cu Ba, ở Việt Nam và ở nhiều quốc gia khác, họ đã tạo ra bão dông gần nửa thế kỷ, trên khắp các lục địa. Kết cuộc, như ngày hôm nay chúng ta đều thấy: cái chủ nghĩa đặt nền tảng trên sự căm thù kia đã tan rã, cách này, cách khác, vô phương cứu vãn. Kinh nghiệm này đắc lắm, thưa người tù của lương tâm.

*

Nhiều người nhận xét về lá "thư Ngỏ" của nhà văn Nhật Tiến: "Gì vội thế, hãy từ từ, ông Nguyễn Chí Thiện vừa từ bóng tối bước ra, tất nhiên là con người bình thường, không thể nào ông không bị lóa mắt trước ánh sáng. Một thời gian nữa, tự khắc, ông sẽ tự điều chỉnh tia nhìn của mình". Kim Thi nghe, thoạt đầu cũng nhận thấy phê phán ấy đúng. Nhưng suy tính cạn lý, và khởi từ tình cảm sâu đậm dành cho Nguyễn Chí Thiện, Kim Thi lại thấy có điều lấn cấn. Kim Thi hoàn toàn không muốn Nguyễn Chí Thiện cháy, như bao nhiêu người đã cháy. Thành ra, dù thật tâm chỉ mong đứng ngoài cuộc đôi co vô ích (và khôi hài, con trẻ) này, Kim Thi vẫn buộc phải lên tiếng. May ra, với những trực ngôn, Nguyễn Chí Thiện sẽ sớm nhận ra những thái quá. Điều ấy, trong muôn một, biết đâu sẽ giúp ông bảo tồn được hai chữ "Chí Thiện" (viết hoa) mà định mệnh đã an bài cho ông.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



LỊCH SỬ VĂN HỌC ANH, Đỗ Khánh Hoan biên soạn. bìa Phạm Kim Quang (Paris), trình bày, phụ trách ấn loát Đỗ Hạnh Quân. Sáng Tạo xuất bản lần thứ nhất, Sàigòn 1969. Ba Vì tái bản, có bổ sung và sửa chữa, Toronto 1995. Giá 60MK. Ngoài Ontario trả thêm 7MK bưu phí. Ngân phiếu đề Quan Do. Liên lạc: Nhà xuất bản Ba Vì, 105 Lavery Trail, Scarboro, Ontorio, M1C 4Z2, Canada.

Bộ sách đồ sộ 1200 trang, ấn loát công phu, mỹ thuật, trình bày, giải thích, phân tích thời đại, nguồn gốc, phong trào, khuynh hướng, trường phái, tác giả, tác phẩm... đồng thời tóm lược giai tác giá trị từ khởi thủy đến giữa thế kỷ XX (chấm dứt "từ Đệ Nhị Thế Chiến") của nền văn học Anh.

Vì kích thước quá lớn của tác phẩm, Giáng Châu không thể lược tóm trọn vẹn nội dung bộ sách trong đôi dòng. Xin trích dẫn một đoạn "Thay Lời Tựa" của tác giả, và nghĩ, những bày tỏ này tạm đủ để khái quát công trình mà tác giả đã dày công biên soạn:

Trải qua mười lăm thế kỷ, dường như có hai nhân tố khắng khít quyện vào nhau để tạo thành phẩm chất văn chương Anh, xây dựng lâu đài văn học Anh. Đó là lòng yêu sự thật và ham mê cái đẹp, đó là tình yêu đất nước và lòng thương cảm đối với con người. Ngoài ra, còn hai sắc thái phụ đã điểm tô cho lâu đài văn học ấy. Đó là khả năng tiếp thu mà không nô lệ và ý chí muốn tạo dựng truyền thống cho tương lai. Hiển nhiên nhân tố thứ nhất là nhân tố cơ bản thúc đẩy con người sáng tạo, nhất là ở địa hạt văn chương. Và nhân tố thứ hai, phát xuất từ bản chất nòi giống, đã là điều kiện cần thiết, tất yếu để tạo thành bản sắc dân tộc.

Như ai cũng biết, văn học Anh phát triển theo chiều hướng biết thu nhận và biết truyền đạt (...) Tuy nhiên điều quan trọng là vay mượn mà biết sinh lời, biết tạo vốn riêng. Trong quá trình sáng tác mười mấy thế kỷ, bằng lời hay bằng văn, văn gia, thi sĩ, kịch gia Anh đã tạo được nhiều thành quả rực rỡ về phương diện này.

Chúng tôi rất mong với "truyền thống" làm việc nghiêm cẩn mà tác giả đã chứng tỏ qua những công trình dịch thuật, biên khảo trải dài mấy thập niên qua, tác phẩm "Lịch Sử Văn Học Anh" sẽ được bổ sung thêm, bằng nhiều tác giả sau đệ nhị thế chiến đến nay, hầu trở thành một trước tác hoàn chỉnh, không những cho hiện tại, mà sẽ là một tư liệu quí, hiếm, có khả năng tồn tại miên viễn cùng thời gian.

LỬA HƯƠNG, thơ Huỳnh Mạnh Tiên. Bìa Trịnh Cung. Nhà xuất bản Trẻ (Việt Nam) 1995.

Thi tập thứ hai của một nhà thơ gốc Y Khoa hiện cư ngụ tại Pháp.

Tập thơ chia làm bốn phần. Phần một: Hoa Mót Mét. Phần hai: Chiếu Tướng. Phần ba: Mai Mối. Phần bốn: Sen. Tổng cộng trên dưới 170 bài thơ, ngắn, dài, với nhiều thể loại.

Ngoài ba phần đầu, giọng thơ dí dỏm, thâm trầm (nhất là những bài tứ tuyệt), phần bốn: Sen, thơ nghiêng về đạo (Phật), nhiều bài rất gần với những công án Thiền. Tuy vậy, nét dí dõm trẻ trung vẫn thường xuyên lóe hiện, khiến giọng thơ không nặng nặng nề tính cách truyền giáo, ngược lại, bàng bạc trên từng câu, chữ, là chất phóng khoáng rất thơ của một người tha thiết yêu thơ.

KÝ - BÚT - KỊCH MIỀN NAM (Tập hai), viết "lời bình" và trích dẫn tác phẩm của các giả: Ký: Đoàn Thêm, Phan Nhật Nam, Thế Uyên, Xuân Vũ. Kịch: Phan Tùng Mai, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương.

THƠ MIỀN NAM (Tập hai), "lời bình" và trích dẫn thơ của: Đỗ Tấn, Đông Hồ, Lê Nguyên Ngữ, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn, Nhã Ca, Nhất Tuấn, Quách Tấn, Thanh Nam, Trần Dạ Từ, Tường Linh, Võ Chân Cửu, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hữu Định.

TRUYỆN MIỀN NAM (Tập ba), "lời bình" và trích sáng tác của Bình Nguyên Lộc, Duy Thanh, Đỗ Tiến Đức, Linh Bảo, Nguyễn Thị Hoàng, Phan Văn Tạo, Võ Hồng.

Ba tác phẩm trên đều của Võ Phiến, do nhà Văn Nghệ xuất bản. Giá cuốn một 10MK, cuốn hai 11MK, và cuốn ba 10MK.

Sách khổ nhỏ, trình bày trang nhã.

Được hỗ trợ, khơi mở bằng những nhận xét sâu sắc, độc giả thích thú hơn khi đi vào sáng tác của các giả do ông tuyển chọn. Dĩ nhiên việc làm này có

tính chủ quan, nhưng với một nhà văn mà sự nghiệp văn chương đã được khẳng định, như Võ Phiến, thì sự chủ quan ấy hẳn không phải bởi thiên vị, mà do chính giá trị tự thân của các tác giả và tác phẩm được chọn.

THƠ TUYỂN TÔ THÙY YÊN, Thơ, tác giả trình bày và xuất bản. Giá 15MK (nội địa Hoa Kỳ: hạng tư, thêm 1.24MK, hạng nhất 2.62MK. Âu Châu: đường thủy: 1.57MK, hàng không 5MK. Úc Châu: đường thủy 1.57MK, hàng không 7MK). Liên lạc mua sách: ngân phiếu đề Hợp Lưu, phần ghi chú ghi Thơ Tô Thùy Yên. Địa chỉ tòa soạn: P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA.

Một trong rất ít những tuyển tập thơ "bề thế" nhất từ trước đến nay, cả hai mặt: nội dung và trọng lượng (nghĩa đen).

Với 220 trang, gồm hầu hết sáng tác của Tô Thùy Yên trải dài trên dưới ba thập niên qua, từ trong nước trước 1975 đến hôm nay, tại hải ngoại, mà những bài thơ tiêu biểu như "Chiều trên phá Tam Giang", "Đêm qua bắc Vòm Cống, "Cánh Đồng con ngựa chuyến tàu", "Trường Sa hành", "Tàu đêm", "Ta về"... đều có mặt, lại do chính tay tác giả đánh máy, trình bày, sửa chữa, chỉnh đốn, nên độc giả sẽ tuyệt đối hài lòng khi đến với Tuyển Tập, không sợ tình trạng "tam sao thất bổn".

Về phần nội dung, Giáng Châu không cần nhiều lời. Viết về Tô Thùy Yên, nghe nói đến Tô Thùy Yên, và đọc thơ Tô Thùy Yên, hẳn đã quá nhiều. Bây giờ, chỉ còn là việc lưu giữ những sáng tác ấy, nếu độc giả thấy muốn lưu giữ.

RIÊNG VÀ CHUNG, tuyển tập thơ sinh viên. Bìa, trình bày: Văn Nguyễn. Phụ bản Phạm Cung, Đỗ Trung Quân, Văn Nguyễn. Nhà xuất bản Trẻ (Việt Nam), 1995. Không ghi giá.

Gồm những sáng tác của các tác giả Thanh Hà, Sỹ Hào, Đỗ Mạnh Hùng, Trương Gia Hòa, Sơn Ngọc, Nguyễn Hữu Huy Nhựt, Lưu Hoài Tâm, Lê Thị Thanh Tâm, Trần Đình Thọ, Bùi Thanh Tuấn, Nguyễn Đình Nguyên, Đoàn Ánh Dương, với tiểu sử, chân dung và nhiều bài thơ được phổ thành ca khúc.

Hầu hết những người góp mặt trong tuyển tập này đều còn trẻ, trên dưới hai mươi, "dù bằng thơ hay nhạc, họ đều như muốn tâm sự với chính mình, đều mãi mê đi tìm cái Đẹp trong cuộc sống hàng ngày. Giữa thành phố bê tông đô hội, họ vọng tưởng về quê hương (...) Họ nói về cha, về mẹ bằng những lời tha thiết. Họ nhớ hoàng hôn, trò chuyện với mùa thu, hoài niệm về Hà Nội. Và tất nhiên, ai cũng xốn xang náo nức với tình yêu. Tuổi trẻ mà. Đọc thơ của họ, ta như thấy guồng thời gian quay chậm lại, cảm nhận sâu sắc hơn hương sắc cuộc đời... (Một chút Tâm Tình, Trần Hữu Tá).

Đúng như nhận xét ở lời vào tập, tất cả những sáng tác trong tuyển tập này đều rất trong sáng, trẻ trung, kể cả khi họ "quằn quại" trong nỗi buồn. Sự trong sáng, trẻ trung này chỉ có thể tìm thấy ở tuổi trẻ, ở những con người

còn sung mãn sức sống, còn rất dài đoạn đường đi đến tương lai. Giáng Châu rất mong thời gian sẽ giúp những người trẻ này già dặn hơn, để triển khai và hoàn thiện sáng tác của mình, khi mà nền móng họ đã có, khá vững vàng, được thể hiện qua thi tập này.

TRUYỆN QUÁN ÂM THỊ KÍNH, Thiều Chửu chú giải. Tranh bìa và phụ bản Nguyễn Thị Hợp. An Tiêm xuất bản 1995. Giá 7MK. Địa chỉ liên lạc: nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA.

Truyện Quán Âm Thị Kính nội dung kể lại kiếp cuối cùng làm người của Đức Phật Quán Thế Âm trước khi dứt nghiệp trở thành Phật. Trong kiếp này, Ngài đã được Phật Tổ thử thách, phải chịu nhiều nỗi oan tầy trời.

Câu chuyện về nỗi "oan Thị Kính" này hẳn chẳng xa lạ gì với người Việt Nam, nói riêng, các nước Á Châu theo đạo Phật, nói chung. Ở đây, chuyện được kể bằng thể thơ lục bát, và có rất nhiều điển cố liên quan đến đạo Phật cũng như địa danh, lịch sử, văn chương... Vì thế, Thiều Chửu đã bỏ công chú giải cẩn trọng, không phải "như các bản trước tôi phải theo nghĩa thế gian, mà lần này thì hoàn toàn theo nghĩa xuất thế gian".

Một bản văn rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu thêm về giáo lý Phật giáo.

CUỘC ĐỜI CHÚA GIÊSU, tuyển tập thơ Phạm Văn Tiên. tác giả xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: P.O.Box 8716, Springfield, MO 65801. USA.

Tuyển tập gồm trên 100 bài thơ về tôn giáo, tình yêu, quê hương, gia đình và xã hội, gồm nhiều thơ Việt Nam và ngoại quốc khác nhau.

Cuộc Đời Chúa Giêsu là bài thơ dài nhất, được tác giả chọn để đặt tên cho Tuyển Tập.

DẤU VẾT VĂN HÓA VIỆT TRÊN ĐƯỜNG BẮC MỸ, tập 2, Phạm Quốc Bảo. Bìa Nguyễn Văn Trung, hình ảnh Phạm Quốc Bảo và các báo ngoại quốc. Việt Hưng xuất bản. Giá 16MK. Liên lạc: Mrs Ngọc Hương Ngô Phạm, 14381 Leasant St., Garden Grove, CA 92643. USA. Tel: 714-531-8639.

Cho đến nay, 1995, sau hai mươi năm xảy ra biến cố 30 tháng 4-1975, kinh tế thị trường đang "chiếm đóng" đất nước Việt Nam như một chiều hướng không thể đảo ngược.

Trong giai đoạn hỗn loạn này, chế độ độc đảng kết hợp với kinh tế thị trường đã đẻ ra rất nhiều tha hóa, mà chủ yếu là một thành mới đang độc quyền độc lợi: giai cấp tư bản đỏ. Trong khi đó các thế lực tư bản Mỹ, Nhật đều tranh nhau giành ngôi vị độc tôn chiến lĩnh thị trường của đất nước này.

Trên thế giới, hầu hết các quốc gia chậm phát triển đều hỗn loạn trong nghèo đói, các xứ sở vừa rời bỏ chế độ CS trong vòng năm năm nay đang nỗ lực gột rửa những tồn đọng thoái hóa và lầm lạc cũ thì chính những nước tiên tiến nhất về kinh tế như Hoa Kỳ và Nhật Bản, lại mỗi lúc một nhiều biểu lộ

những bế tắc nguy hiểm về xã hội và tư tưởng, nguồn gốc lại do chính hệ thống tư bản sinh ra.

Đó là các thể tài được đề cập đến trong cuốn này. Chất văn hóa Việt gián tiếp được thể hiện một cách đa dạng, phong phú và sâu rộng qua lối nhìn phân tích và trình bày trong từng vấn đề, từng sự kiện, từng hiện tượng một, tất cả đang xảy ra quanh chúng ta.

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH, Nguyễn Du. Chú thích hiệu đính Hoàng Xuân Hãn. An Tiêm xuất bản lần thứ nhất tại Paris 1995. Giá 10MK.

Tác phẩm này có thể thể xem như một dấu mốc, đánh dấu ngày kỷ niệm 30 năm thành lập nhà xuất bản An Tiêm, kể từ 1965 (Sàigòn) đến 1995 (Paris).

Như Truyện Kiều, không người Việt Nam không biết đến Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, một án văn chương được xếp vào hàng "tuyệt tác" của thi hào Nguyễn Du

Nhưng do thời gian, và do bản văn được truyền tụng trong dân gian theo trí nhớ hoặc theo những bản in khắc gỗ, chép tay, nên tác phẩm này đã bị "tam sao thất bổn" khá nhiều.

Cụ Hoàng Xuân Hãn, một học giả uyên thâm hiện cư ngụ tại Paris (Pháp), sau thời gian dài, từ 1950 (Hà Nội) đến 1970 (Paris), bỏ công sưu tập, chọn lựa, phân tích, chú giải, cố gắng phục hồi nguyên tác của bản văn. Đây là một công trình hết sức công phu, cẩn trọng, giúp ích rất lớn cho những nhà nghiêm cứu có được một tư liệu khả tín, để dễ dàng hơn trong công tác nghiên cứu, về văn học cổ Việt Nam.

NHỮNG MẢNH ĐỜI ĐEN TRẮNG, truyện dài Nguyễn Quang Lập, bìa Khánh Trường, Hồng Lĩnh xuất bản 1995. Giá 15MK. Địa chỉ: Hồng Lĩnh, 9601 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683. USA. Tel: 714-531-7223.

Hoàng Phủ Ngọc Tường viết: *Đọc Nguyễn Quang Lập, thoạt đầu người ta đều tưởng rằng tác giả phải là một người lính già đã từng trải trận mạc, và chất chứa bên trong biết bao nhiêu kỷ niệm đau đớn về chiến tranh thì mới viết như thế. Té ra Nguyễn Quang Lập chỉ mới trên ba mươi tuổi, và chỉ sống những năm nghĩa vụ quân sự trong binh chủng bộ đội tên lửa để trở thành nhà văn. Và chính vì thế, để phát hiện ra những nhân vật của mình, Lập đã không nhìn lên bầu trời, mà cúi xuống lòng mình, đào bới ở đó những điều cần thấy nói với mọi người và quả nhiên, công chúng đều chăm chú nghe Lập nói. Trước đó, chưa ai nói về chiến tranh giống như Nguyễn Quang lập cả.*

Chính cái tuổi cầm bút mới mẻ này của Nguyễn Quang Lập đã mang dấu ấn riêng của cả một thế hệ nhà văn trẻ lớn lên sau chiến tranh: họ bắt đầu cầm bút ở thời điểm bản lề của lịch sử đất nước vừa chuyển từ chiến tranh sang hòa bình, và trên tất cả những gì đổ nát mà cuộc chiến còn để lại, họ tìm cách kiểm nhận lại quá khứ, không phải dưới con mắt của người lính đánh giặc, mà bằng

cái nhìn của những người trẻ khao khát hòa bình, nhân phẩm và hạnh phúc chân thật.

"Những Mảnh Đời Đem Trắng" là một trong rất ít những tác phẩm viết về chiến tranh hay nhất, phần nào thoát được cái vòng Kim Cô "bạn thù", vốn dĩ từ lâu, đã "trói tay" các nhà văn, trong cũng như ngoài, khiến cho tác phẩm của họ mang nặng tính tuyên truyền, tố cáo nhiều hơn tính văn chương.

Giáng Châu cũng được biết thêm: Nhà xuất bản Hồng Lĩnh sau một thời gian tạm ngưng hoạt động để chỉnh đốn, nay "tái xuất giang hồ" với một loạt các tác phẩm giá trị đang chờ xuất xưởng hoặc lên khuôn. Hy vọng lần "tái xuất" này, Hồng Lĩnh sẽ góp phần làm thay đổi môi trường chữ nghĩa hải ngoại, vốn, trong vài năm nay, không mấy lạc quan.

VÀNG ĐEN, Truyện dài Nguyễn Dũng Tiến. Tựa Nguyên Sa, bạt Nhã Ca, Nguyễn Xuân Hoàng, Dư Tử Lê, Nguyễn Mạnh Trinh. Bìa Việt Báo Kinh Tế. Mimosa xuất bản 1995. Giá 26MK. Liên lạc: Mimosa 6270 Allston St., East Los Angeles, CA 90022. USA.

Dày 580 trang, ấn loát rất mỹ thuật, như sách ngoại quốc.

Có lẽ chưa có một cuốn sách nào được nhiều người viết tựa và bạt như Vàng Đen. Nguyên Sa: *Ngôn ngữ mở rộng của Vàng Đen là ngôn ngữ đầy bạo động, đầy tuyệt vọng, đầy ma túy. Đó là những ngôn ngữ riêng của bàn tay đầy nghệ thuật phất lên của phù thủy Nguyễn Dũng Tiến.* Nhã Ca: *Từ Lính Đánh Thuê đến Vàng Đen Nguyễn Dũng Tiến đã làm một bước nhảy-bút-pháp bất khả phản hồi: không chỉ còn là người "viết cho vui" mà đã trở thành người viết nhà nghề.* Du Tử Lê: *Đọc Vàng Đen, tôi liên tưởng tới Bố Già của Mario Puzzo. Nhưng Vàng Đen bổ / vượt Bố Già ở tính thi ca / tính bao trùm / tính đại thể.* Nguyễn Xuân Hoàng: *Với Vàng Đen, Nguyễn Dũng Tiến cho người đọc thấy anh có kiến thức về những vấn đề của khu tam giác vàng, về Khun Sa, về đời sống Mỹ...* Nguyễn Mạnh Trinh: *Và bàng bạc trong truyện, niềm tự hào của người lính, dù thua trận vì vai trò chốt thí qua sông, nhưng lúc nào cũng hừng hực lửa, của dũng cảm và tình nghĩa giang hồ.*

Bạn đọc thích chuyện phiêu lưu mạo hiểm, hãy tìm đọc Vàng Đen, tác phẩm thứ hai của một tác giả "đã trở thành người viết nhà nghề".

TRƯỜNG SINH LUẬN (Tây phương), Hoàng Ngọc Đính, Nguyễn Văn Sâm, và **TRƯỜNG SINH LUẬN** (Đông phương), Hoàng Ngọc Đính, Đỗ Thái Hư, Ngày Nay xuất bản 1995. Giá 10MK mỗi cuốn.

Sách y học, nghiên cứu và hướng dẫn những phương cách chữa trị, giữ gìn sức khỏe cho con người, nhất là ở tuổi già, bằng Tây Y và Đông Y. Một bộ sách rất cần để dưỡng sinh, kéo dài tuổi thọ.

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI, tập truyện Trần Doãn Nho, bìa, phụ bản Đinh Cường, Thanh Văn xuất bản 1995. Giá 12 Mỹ Kim.

Tác phẩm đầu tay của một tác giả chỉ mới đến định cư tại Mỹ trên dưới hai năm. Thật ra Trần Doãn Nho đã duyên nợ với văn chương từ rất lâu, gần 3 thập niên trước, tại miền Nam Việt Nam, nhưng thời điểm sáng tác sung mãn nhất của ông có lẽ là những ngày mới đặt chân đến đất nước này, với liên tục những truyện ngắn được ông cho đăng rải rác trên các tạp chí uy tín: *Thế Kỷ 21, Văn Học, Hợp Lưu....*

Theo Nguyễn Mộng Giác, *"Trần Doãn Nho thực sự mang đến một luồng gió mới, nhờ tầm nhìn của anh khác với những bạn tù cải tạo H.O. sang trước anh. Anh bỏ qua những cái khung chật hẹp là những trại gian với cán bộ quản giáo, vệ binh, cai tù, giám thị, tiếng kẻng qui định thời khóa biểu hàng ngày, những cơn đói cồn cào, những sỉ nhục, những cái chết, những tiếng khóc... Anh viết về những gì xảy ra trong cái nhà tù lớn bên ngoài vòng kẽm gai, nhất là những biến động xã hội, những đổ vỡ gia đình sau hai biến cố lớn của lịch sử: Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ và sự thay đổi của xã hội Việt Nam mười năm gần đây (...) Lời chứng của Trần Doãn Nho qua tập truyện này có vẻ đơn giản, mạch lạc, lôi cuốn, mỗi truyện đã đọc thì đọc một mạch từ đầu đến cuối, truyện dứt lúc nào không hay. Nhưng con người trong lời chứng của anh thì không đơn giản chút nào..."*

Cũng theo Nguyễn Mộng Giác, sau Trần Vũ, Trần Doãn Nho là một phát hiện hiếm quí của văn học hải ngoại.

TẠP CHÍ TRIẾT HỌC RA ĐỜI

Giới đọc sách tại hải ngoại vừa tiếp nhận thêm một sản phẩm tinh thần mới: tạp chí triết học và tư tưởng TRIẾT. Ban củ trương gồm: Nguyễn Hữu Liêm, chủ nhiệm. Như Hạnh, chủ bút triết Đông. Phan Công Chánh, chủ bút triết Tây. Phạm Việt Cường, tổng thư ký.

TRIẾT phát hành mỗi năm hai số, hình thức: kích thước lớn (tương đương với tạp chí Thế Kỷ 21), giấy trắng, gáy đóng keo như sách, dày trên 245 trang, khổ chữ nhỏ. Giá 10MK mỗi số. Nội dung: đã qui tụ được một số lượng bài vở dồi dào, giá trị.

Mở đầu, giáo sư Phan Công Chánh với luận đề "Sứ Mạng Xây Dựng Một Hệ Thống Triết Học Việt Nam", ông đánh giá lại những vấn đề nô lệ tư tưởng trong lịch sử Việt để đưa ra một số những suy nghĩ cho một sứ mạng triết học dân tộc.

Kế, giáo sư Như Hạnh trình bày một công trình nghiên cứu sâu rộng và nghiêm mật về tàng thức (Alayavijnana) trong duy thức học Phật giáo, nhằm đưa lên một quan điểm mới về sự cấu thành và chức năng của các phạm trù khái niệm về môn tri thức học độc đáo này của văn minh Ấn Độ và Á Châu. Đồng thời, trong một tiểu luận khác, giáo sư Như Hạnh cũng nên lên những

vấn đề sử kiện và lý luận về văn minh và tôn giáo Việt Nam thời trung cổ. Ông đưa ra những dữ kiện mới về vai trò của Khuông Việt, vấn đề chính trị quốc gia trong một tinh thần khách quan và nghiêm chỉnh - nhưng cũng không thiếu tính chất tranh biện.

Nguyễn Vĩnh Để, giáo sư Triết từ Canada, cũng góp mặt với hai tiểu luận về nhận thức luận trong triết học Popper và vấn đề đạo đức thời đại: trách nhiệm môi sinh. Đây là hai bài viết công phu với nhiều trích dẫn và lý luận.

Đặt biệt trong số này có bài viết bằng tiếng Pháp của triết gia Trần Đức Thảo được ông phổ biến tại Pháp vào những ngày cuối đời. Bài viết được dịch ra Việt ngữ và được đăng song song với bản Pháp ngữ. Đọc Trần Đức Thảo trong Pháp ngữ mới thấy được tầm vóc của một triết gia mà Derrida, Althussuer coi như là bậc thầy, đặc biệt là cuốn *Phénomennologie et Matérialisme dialectique* (1951) - tác phẩm mở ra một trường phái triết học mới ở Tây Âu vào giữa thế kỷ này, kết hợp hiện tượng luận và duy vật luận.

Tiếp theo là tiểu luận lừng danh "Différance" của Derrida được dịch ra Việt ngữ. Như Hạnh, trong bài về duy thức, đã so sánh "différance" với "tính không" của triết học Phật giáo.

Giáo sư Nguyễn Văn Trung, sau nhiều năm vắng mặt cũng đã tái xuất hiện với một bài viết về Đạo Cao Đài, công phu và nhiều dữ kiện. Đây là một phần trong dự án nghiên cứu văn minh lục châu (miền Nam Việt Nam) mà giáo sư đã viết từ năm 1985, sẽ được xuất bản ngày gần đây.

Ngoài ra, còn có công trình nghiên cứu về văn hóa và cấu trúc làng xã Việt Nam của kiến trúc sư Phan Tấn Lộc, tiểu luận của Đỗ Thuận Khiêm về triết học pháp quyền và xã hội của Hegel. Phần điểm sách có sự góp mặt của Nguyên Hương về Habermas, Vũ Tiến Thủy về Lê Quý Đôn, Nguyễn Hữu Liêm về Jaspers.

Phần kỹ thuật do cơ sở xuất bản Nhân Văn đảm trách, rất công phu, mới lạ. Tuy nhiên, theo thiển ý của Giáng Châu, chính vì công phu và mới lạ quá, nên... không quen mắt, nhất là với một tạp chí nghiêm cẩn và chuyên môn như TRIẾT.

Hợp Lưu rất vui khi nhận được tạp chí TRIẾT. Như thế, cộng đồng người Việt hải ngoại đã có đủ những món ăn tinh thần cần thiết và giá trị. Ngoài vài tạp chí văn chương uy tín, chúng ta đã có một tạp chí chuyên về Thơ Ca, nay, có thêm một tạp chí chuyên về Triết Học. Nghe đâu, ông chủ biên Hợp Lưu chưa ngán chuyện làm báo, còn nhấp nhỏm muốn ra thêm một tạp chí chuyên về Mỹ Thuật. Thế này thì chẳng những cộng đồng Việt Nam ăn đứt các cộng đồng thiểu số khác, mà không chừng muốn ăn đứt cả Việt Nam nội địa, trên các lãnh vực văn học, nghệ thuật...

Được biết, TRIẾT số Hai dự định phát hành vào tháng 3, 1986. Vị nào "mặn" và có khả năng về triết học, xin công tác với tạp chí TRIẾT, qua địa chỉ: 1943 Tully Road, San Jose, CA 95148. USA.

Thay mặt ban chủ trương Hợp Lưu, Giáng Châu chúc tạp chí TRIẾT

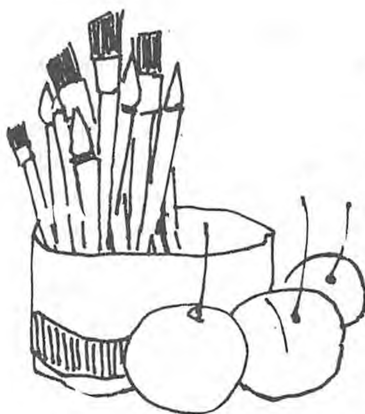
"chân cứng đá mềm", để tiếp tục tiến về tương lai bằng những bước chân vững vàng, như đã, từ khởi đầu.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và bạn đọc

THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



một anh cực kỳ vũ phu lại thích mặc váy đầm, vẽ mắt, thoa môi son...

... Đọc *Hợp Lưu,* dù không hoàn toàn đồng ý về chủ trương của ban biên tập, nhưng tôi khá "mặn" về quan điểm trình bày thẳng thắn của quí báo, khi *Hợp Lưu* muốn - ít ra - tạo một môi trường để dòng văn học Việt Nam không bị ngăn trở (vì trong - ngoài) và được tiếp tục phát triển tự do, với những chính kiến khác nhau.

Tuy nhiên, sự "thẳng thắn" nào cũng nên dựa trên một số nguyên tắc nào đó (dù là nguyên tắc riêng của người cầm bút). Sự buông thả về chính kiến - thiếu sự cẩn trọng về dữ kiện - mà chỉ "thẳng thắn" theo cảm quan của mình do lòng thương, ghét mà chính mình chưa hề tham dự trực tiếp vào sinh hoạt nào đó, thì chỉ tạo thêm những chứng cớ để câu nói truyền khẩu "nhà báo nói láo ăn tiền" càng có lý do để truyền đến muôn đời.

Tôi ít khi... khựng lại khi đọc nội dung *Hợp Lưu*, nhưng nay thấy mình quả là thiếu "công bằng" nếu không nói lên lý do "khựng lại" khi đọc mục *"Giới Thiệu Sách Mới"* của "chị" Nguyễn Thị Giáng Châu trên *Hợp Lưu* số 24, phát hành tháng 8&9 năm 1995.

Dù cách "chị" Giáng Châu giới thiệu sách mới không tương đồng với cái tên đẹp và mềm mại của "chị", dễ làm cho người ta có cảm tưởng một anh

cực kỳ vũ phu lại thích mặc áo đầm, vẽ mắt, thoa son vậy, nhưng điều này vẫn không quan trọng bằng "cách" giới thiệu sách của "chị"!

Tôi muốn nói đến phần bình luận về tập sách *"Một Ngày Có 26 Giờ"*, bút ký của Nguyên Vũ.

Trong môi trường cực kỳ tự do tại Hoa Kỳ, sự việc một nhà văn, nhà báo, hay bất cứ ai, muốn phê bình về cách sinh hoạt một tổ chức chính trị, một ban chấp hành cộng đồng... là chuyện bình thường; dù qua cách phê bình ấy, người đọc đều thấy rõ "những hằn học, phẫn nộ" mà "chị" Giáng Châu đã có. Cũng chính vì lối sưu tầm tài liệu, viết bài chỉ dựa trên những "hằn học, phẫn nộ" đến độ mù quáng (giận quá mất khôn) nên ông Nguyên Vũ và những người mà "chị" Giáng Châu gọi là "chẳng lấy gì làm sạch sẽ lắm", đã bị lôi ra tòa vì tội vu cáo và mạ lỵ.

Phê bình là chuyện bình thường, nhưng phê bình một nhân vật, nhiều nhân vật, một tổ chức hoặc nhiều tổ chức mà thiếu sự công tâm, khách quan, với những dữ kiện hợp lý... thì sự phê bình sẽ không vô tư và không có tính xây dựng.

Trở lại với phần phê bình của "chị" Giáng Châu. "Chị" viết rằng: *Mặt trận kháng chiến, một tổ chức qui mô, từng có thời làm mưa làm gió tại hải ngoại, trên mọi quốc gia (đến nay, nghe đâu vẫn còn rất "ngầu" tại Úc châu?), với nhiều thủ đoạn có khi vô cùng tàn độc. Chung qui, "mặt trận" này sống và tồn tại được (để nuôi béo một thiểu số cơ hội, hoạt đầu) là nhờ biết khai thác, lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của đồng bào hải ngoại...*

"Chị" Giáng Châu chắc chắn không là thành viên của tổ chức kháng chiến này, tôi cũng vậy. Nếu nhìn vào một "tổ chức qui mô, từng một thời làm mưa làm gió tại hải ngoại" mà vội... (*lá thư bỗng bị gián đoạn tại đây, có lẽ tác giả khi vào phong bì gửi đi, đã sót một trang chăng? - Chú thích của tòa soạn)*

Rất chân thành mong quí vị trong ban biên tập *Hợp Lưu* suy nghĩ lại và cẩn trọng cho đăng những bài vở, bình luận có thể bị hiểu lầm là chủ trương của Hợp Lưu.

Nguyễn Khánh Tận
(San Jose)

Những lời phê "nặng ký" của ông làm "chị" Giáng Châu buồn lắm. Buồn, không phải vì ông chê "chị" ấy. Bênh vực ai, chê bai ai, là quyền của mỗi người, nhất là trên đất nước "cực kỳ tự do về ngôn luận" này. "Chị" ấy "có gan" chê người ta, sao lại không "có gan" nghe người khác chê mình? Nhưng buồn, chỉ vì "chị" ấy hiểu một cách sâu sắc, rằng nhan sắc của mình chẳng khác chi "nhan sắc của một người đàn ông xấu trai" mà Nam Cao từng mô tả diện mạo Thị Nở. Nay, còn bị ông "búa" thêm một chùy nghìn cân: Giáng Châu giống như "anh vũ phu lại thích mặc váy đầm, vẽ mắt, thoa son". Cả người lẫn nết đều hỏng bét như thế, còn mong gì có được một tấm chồng! Làm người, nhất

nữa làm người phái nữ, ai không mơ có một gia thất để có cơ hội yên bề? Không buồn, gỗ đá ư?

- "Câu nói truyền khẩu nhà báo nói láo ăn tiền" *dứt khoát không đúng với tạp chí Hợp Lưu. Thường, các loại báo ngày, báo tuần... của Việt Nam ta, nặng về tuyên truyền, buộc phải bóp méo sự thật để phù hợp với nhu cầu chính trị, hẳn rất cần đến khoa "nói láo". Ví dụ: ngày trước, khi đưa tin một trận đánh nào đó, các phóng viên luôn phơi phới xác quyết: "Bên địch bỏ lại chiến trường một trăm xác chết, bên ta hoàn toàn vô sự". Đọc những mẩu tin ấy, ta "hồ hởi phấn khởi" lắm, bởi nếu cứ đà "toàn thắng" này, bọn "Việt cộng tham tàn" không cách chi chịu nổi, sớm muộn cũng xếp giáo qui hàng thôi. Mãi đến khi đùng đùng dẫm đạp lên nhau bỏ của chạy lấy người, ta mới vỡ lẽ là các anh nhà báo... nói láo như cuội! Ví dụ nữa: Sau ngày ba mươi tháng tư, đọc báo của "Đảng và nhà nước", nhân dân nức lòng vì chỗ này một nhà máy mới mọc, chỗ kia nông dân thu hoạch hoa màu vượt chỉ tiêu, chỗ nọ hoàn toàn xóa nạn mù chữ... Mãi đến khi cơm không có mà ăn, nhà không có mà ở, các đấng nhi đồng bỏ trường bỏ lớp đi lượm bọc ni lông, thì nhân dân mới cay đắng nhận ra rằng các anh nhà báo lại... chỉ giỏi nói láo! Lại ví dụ tiếp: Khi Hoa Kỳ tuyên bố thiết lập bang giao với Việt Nam, nhiều tờ báo tại hải ngoại chạy tít lớn: "Chính phủ Clinton đã phản bội và chà đạp lên nguyện vọng của toàn dân Việt", bất kể cái "nguyện vọng" ấy là có thật hay chỉ nằm trong não trạng của một thiểu số "hành nghề chống Cộng"!*

Hợp Lưu là một tạp chí văn học nghệ thuật, lại chẳng bị bất cứ áp lực nào, của "Cộng" lẫn "Quốc" (hoặc của CIA như "tin tức thu tập được của cục phản gián" nhà nước ta!). Nghĩa là HL chỉ "chuyên trị" cái gì liên quan đến sáng tác văn học nghệ thuật. Bài thơ nào hay, truyện ngắn nào tuyệt, tiểu luận phê bình nào công phu giá trị thì Hợp Lưu đăng, bất cần biết nó xuất xứ từ đâu, nên chẳng có lý do gì sử dụng ngón võ "nói láo". Còn chuyện "ăn tiền", càng sai nặng. Thú thật với ông, tất cả mọi văn hữu viết cho Hợp Lưu từ bao giờ đến bây giờ, chưa hề lãnh được một xu nhuận bút, ngược lại, đôi lúc còn phải "tiếp huyết" để nó có thể sống. Riêng bản thân tay chủ biên, từng lắm phen hốc hác, "khánh tận" dài dài và thật sự, chứ không "Khánh Tận" (viết hoa) như cái "bút hiệu" của ông, dùng như một cách mỉa mai hắn ta đâu!

- Giáng Châu không nằm trong Mặt Trận Kháng Chiến, hẳn nhiên, và cả ông nữa, cũng không phải thành viên của tổ chứ này (như ông tự giới thiệu), nên không làm sao Giáng Châu biết rõ được "cơ cấu tổ chức và hoạt động" của họ. Tuy nhiên, qua bao nhiêu tai tiếng, từ gian lận thuế má đến "tư cách" của một số thành viên nòng cốt mà luật pháp và báo chí đã công khai, Giáng Châu xin thú thực: chẳng những Giáng Châu không tin tưởng gì ở cái "lý tưởng cao đẹp" của Mặt Trận (hay ít ra, của những kẻ hoạt đầu - rất đông - nằm trong Mặt Trận), trái lại, mỗi lần nghĩ đến bao nhiêu người bị phỉnh gạt, lừa mị, đến mất cả của cải vật chất lẫn niềm tin, là Giáng Châu không thể không khó chịu. Vì vậy, ngôn ngữ của Giáng Châu nếu có "hằn học, phẫn nộ", âu cũng chuyện

hữu lý. Riêng ông, vì "công tâm" mà "khựng lại", thái độ ấy đáng nể trọng. Đó là lý do chúng tôi đăng nguyên văn lá thư này. Một cách chứng tỏ sự khách quan và độc lập của Hợp Lưu.

- Trên hầu hết các tờ báo đứng đắn, thường có mục "Giới Thiệu Sách Mới". Đó là một hình thức thông tin tốt, giúp những độc giả ở các tiểu bang xa, ít người Việt, không có tiệm sách báo, cập nhật được tình hình sinh hoạt chữ nghĩa, hầu có thể tìm mua. Tuy nhiên, theo chỗ chúng tôi biết, độc giả thường thất vọng mỗi khi mua sách qua hướng dẫn ở các mục "Giới Thiệu". Bởi lẽ, nếu cứ tin theo những lời "vô thưởng vô phạt" ấy thì sách nào cũng hay, tác giả nào cũng đáng kể! Chả phải các vị giữ nhiệm vụ "Giới Thiệu" không phân biệt được cát, vàng, nhưng nếu cứ "thẳng thước thợ", thì suốt đời chỉ có thể chơi... một mình, hay cùng lắm với vợ, con! Các văn nghệ sĩ vốn nhạy cảm vô địch (và mỗi vị là một.. ông trời - văn mình vợ người mà lị!) Một cuốn sách tương đối xem được, người giới thiệu tán dương vừa phải. Chưa đủ. Tác giả thế nào cũng điện thoại hoặc thư than phiền: Anh (chị) viết có vẻ chung chung, chưa xứng với tầm vóc của tác phẩm. Tôi sử dụng văn phong mới lạ tân kỳ là thế, sao anh (chị) không thấy? Hàm ý của tôi bàng bạc từ trang đầu đến trang cuối, anh (chị) sao chẳng quan tâm? Huống chi lỡ có một dòng, một câu nào đó không đẹp lòng tác giả, thì chỉ còn cách... move về Việt Nam mà sống mới hòng yên thân! Mới đây thôi, một ông thi sĩ có tiếng tăm gửi sách tặng một tờ báo, trong mục "Giới Thiệu" người phụ trách viết đại ý rằng thơ của nhà thơ này trầm lắng hơn, so với những thi tập trước, có lẽ do tuổi tác, kinh nghiệm đời đã chín... Tóm lại, đó là một lời khen. Nhưng nhà thi sĩ khả kính của chúng ta thì lại hiểu theo cách của mình, cho tờ báo nọ muốn xỏ xiên, gián tiếp chê ông ta già, lẩm cẩm, hết xíu quách. Thế là một bài thơ ông ta gửi cho tạp chí này bị rút lại! Từ thực trạng trên, người giới thiệu đành phải chọn cách viết... huề vốn, hoặc "bán cái" bằng cách trích một đôi câu, đôi đoạn trong "lời nói đầu", "ngõ", bạt". Như vậy chắc ăn: khen hay chê thì chính người viết những lời đó chịu trách nhiệm, chẳng liên quan gì đến kẻ giới thiệu! Hợp Lưu, như chủ trương của mình, khách quan và độc lập, nên đã cố gắng tách khỏi kiểu cách giới thiệu trên (thế mà vẫn còn bị độc giả thỉnh thoảng than phiền sao cứ viết chung chung, huề vốn!). Điều ấy làm mất lòng không ít văn hữu đã đành, còn phải chịu một thiệt hại tuy nhỏ, nhưng với khả năng tài chánh của tờ báo, vẫn có thể xem là lớn: tác giả... ghét, không thèm gửi sách tặng cho bọn nịnh kém, vì thế muốn làm đầy mục "Giới Thiệu", tòa soạn buộc phải giảm bớt nhiều chi tiêu, dành riêng một phí khoản cho việc mua sách. Nếu may mắn mua được sách hay, đáng công đáng của. Ngược lại, gặp phải một mớ giấy lộn, tiếc tiền quặn cả ruột!

- Vấn đề chót, ông đừng sợ người ta hiểu lầm chủ trương của Hợp Lưu (có lẽ ý ông muốn nói: đừng để HL bị xem như tiếng nói của CS, đang tìm cách lũng đoạn niềm tin của người Việt quốc gia?). Năm năm qua, Hợp Lưu là ai, Hợp Lưu thế nào, Hợp Lưu làm được và không làm được những gì, độc giả hẳn không lạ. Cuối cùng, cảm ơn ông đã thẳng thắn trong suy nghĩ của mình, để

chúng tôi có dịp nhìn thấy những khuyết điểm, nếu có, để chữa. Kính.

Tôi sẽ xin làm người cuối cùng...

... Tôi có một vài cảm nghĩ muốn nói với các anh chị chủ trương tờ tập san này, và sẵn dịp, cũng có một vài câu hỏi mong được trả lời.

- Trong văn chương Việt Nam, vấn đề chữ viết với cách đánh dấu hỏi ngã có thể theo một phương pháp nhất định nào không? Tôi nhớ ngày xưa khi học văn chương lớp đệ nhị với thầy Thái Văn Khôi ở Sàigòn thầy có đề cập đến nguyên tắc này, nay lâu quá đã quên. Chúng ta có pháp ngữ này không hay lại cứ theo cách đọc của người Bắc như ngày xưa đến bây giờ tôi vẫn dùng. Hợp Lưu có thể nhờ một học giả nào có uy tín và thông thạo trong lãnh vực này để viết một bài về cách thức bỏ dấu trong văn chương Việt. Tôi nghĩ đây là một tài liệu quý cho các em sang đây lúc còn nhỏ hay sinh trưởng tại đây mà đang theo học tiếng Việt.

- Trong số 25, trang bìa sau cùng có quảng cáo hai cuốn sách của nhà xuất bản Đại Nam. Một: *Nhà Văn Nói Với Chúng Ta*, và hai: *Hai mươi Năm Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam Hải Ngoại*. Tôi muốn mua, qua tòa soạn HL với giá giảm 20% cùng thư mục Đại Nam. Tuy nhiên tôi mơ hồ không biết sách đã ra chưa hay đang còn in, tại sao không ghi giá bán, hay cứ đặt mua sách trước, khi nhận được trả tiền sau? Xin anh chị em cho biết rõ thể thức.

- Cuối cùng cho lá thư này tôi muốn nói với các anh chị trong ban chủ trương là các anh chị lúc nào cũng được hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất từ các anh em chúng tôi vùng tuyết trắng này. Tôi tự dưng vô cùng xúc động khi đọc trang thư tòa soạn. Cái nghèo của HL nói lên được tinh thần nghệ thuật vững chãi cỉa tờ báo, đặt nặng văn chương, nhẹ về thương mai, hai cái vốn chỏi nhau. Siêu nghệ thuật, tuyệt vời nghệ thuật có khi nào giàu đâu, hiếm lắm anh chị em ạ. Thơ Vũ Hoàng Chương tuyệt vời về nghệ thuật nên ông nghèo rớt mồng tơi. Nhạc Văn Cao vượt không gian và thời gian nên ông còm cõi, sống lay lất hoài đến khi sức kiệt. Khi đã vị văn chương nghệ thuật thì đời như Kiều, không chuyện này cũng chuyện khác để khiến mình phải nghèo. Trong tầm tay hạn hẹp của một độc giả sống xa đất Mỹ, tôi sẽ cố gắng quảng bá tờ báo đến nhiều người mà tôi biết, lời hứa này như một hỗ trợ tinh thần mà tôi có thể nói cho HL... Nếu ngày nào HL tắt thở vì không còn độc giả để cover nổi cost, tôi sẽ xin làm người cuối cùng gửi đến tờ báo một cái cheque gia hạn cho những tập san mà mình biết rằng sẽ không còn bao giờ tới tay mình nữa....

- Có thể gửi bài hco HL bằng Fax không?

- HL có muốn nhận bài trong diskette không? Và nếu viết bằng nhu liệu tiếng Việt khác, HL có khả năng chuyển sang nhu liệu mà HL đang dùng không?

NNT

(Canada)

Xin trả lời ông từng điểm một:

- Về chuyện chính tả trong tiếng Việt, chúng tôi sẽ mời các nhà ngôn ngữ học viết bài về vấn đề này, như ông yêu cầu.

- Về hai cuốn sách ấy, ông "mơ hồ" là đúng. Cuốn một: "Nhà Văn Nói Với Chúng Ta" bị trục trặc giờ chót, chưa gửi art-work đến nhà in được. Cuốn hai: "Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam hải Ngoại" đã lên "giàn phóng", nhưng vì phải đóng chỉ, bìa da, nên hơi lâu. Theo dự trù khoảng 30 ngày nữa sẽ hoàn tất trọn vẹn. Chúng tôi có liên lạc với nhà xuất bản, họ vừa cho biết đích xác giá bán. Tuy nhiên chừng nào chúng có mặt tại tòa soạn, chúng tôi sẽ thông báo rõ mọi chi tiết.

- Cảm động và cảm ơn lắm về thịnh tình ông dành cho HL. Có được những độc giả như ông, chuyện "chết sống" của tờ báo đâu còn thành vấn đề nữa.

- Rất nên gửi diskette, vừa đỡ sai chính tả vừa đỡ nhọc công cho nhân viên đả tự. Chúng tôi có thể đổi bất cứ nhu liệu gì (trên thế giới) nếu sử dụng tiếng Việt, sang dạng nhu liệu HL đang dùng, chỉ xin cho biết rõ các chi tiết liên hệ. Thế thôi.

- Những điều khác liên quan đến bài vở, chúng tôi sẽ có thư riêng.

Kính mến

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU, BẠN ĐỌC

Trả lời chung một số độc giả: Những số báo cũ sau đây đã tuyệt bản: 1, 3, 4, 5, 12, 14. Từ nay, quí độc giả muốn mua báo cũ, xin lưu ý.

Chị (bà?) HTTT (Washington): Ông chủ nhiệm tạp chí THƠ thuộc nòi thi sĩ một trăm phần trăm. Báo không trương mục riêng, không số điện thoại, không giá bán, không thích liên lạc bằng phone với bất cứ ai, không có phiếu mua báo dài hạn, và không màng cả đến việc phát hành! Thôi thì thế này: Muốn mua tạp chí THƠ, xin chị gửi về P.O.Box 1745, Garden Grove, CA 92642. USA. Tạm thời chịu khó viết đôi dòng vắn tắt: Tên người mua, địa chỉ, mua một năm (bốn số), giá US$20, ngân phiếu đề Hợp Lưu hoặc Khánh Trường (nhớ ghi: For dài hạn tạp chí THƠ). Vì tương lai của một dân tộc mà con dân toàn nòi thi sĩ, chúng tôi tình nguyện cơm nhà ngà voi, đổi ngân phiếu thành tiền tươi hộ ông chủ nhiệm, mang đến tòa soạn THƠ và... năn nỉ ông ta làm... phước gửi báo đều đến chị. Nhất định sẽ không có tình trạng "tiền mất báo không có", vì với ban chủ trương đông vui của THƠ, mỗi vị mỗi 3 tháng chỉ bỏ ra 5 chịch "làm công quả", là THƠ thừa sức sống đến cuối thế kỷ... 22. Thân mến.

Ông TNC (CA): ĐỐI THOẠI không chết. Tuy nhiên, do vài lý do thuộc

kỹ thuật, nay rút lại một năm hai số. Cần liên lạc, ông cứ thư hoặc điện thoại về: Đối Thoại, P.O.Box 4692, Garden Grove, CA 92642. USA. Tel: (714)537-9101.

Bà H.T.P. (France): Chúng tôi xem lại danh sách độc giả, thấy trị sự vẫn gửi đều báo đến bà. Như vậy, báo không đến chắc hẳn do bưu điện. Xin bà chờ vài hôm nữa, không có, cho chúng tôi biết, sẽ gửi bù ngay. Kính.

Ông N.H.V (CA): Người giữ mục ấy chuyển lời nhờ tòa soạn cảm ơn lời khen của ông. Thật ra không cứ gì ông, rất nhiều người đã nghĩ như hắn nghĩ, nhưng không có điều kiện đưa suy nghĩ của mình ra đại chúng, vì không có phương tiện truyền thông trong tay, hoặc vì không quen diễn đạt tư tưởng bằng ngòi bút. Kẻ làm báo, do nghề nghiệp, kinh nghiệm, và khả năng nhạy cảm trời cho, có lẽ bắt nhanh hơn những tín hiệu phát ra từ hiện tượng, môi trường chung quanh, và biến những cái ấy thành chữ. Thế thôi, chẳng phải "sâu sắc" gì đâu. Kính.

HỢP LƯU

BÙI BẢO TRÚC

THƯ GỬI BẠN TA



VĂN NGHỆ 1995

TÌM ĐỌC

Tạp chí



Số mùa Đông 1995

bùi giáng, hoàng cầm, lê đạt, thanh tâm tuyền, diễm châu, đỗ quí toàn, nguyễn đăng thường, nguyễn tiến văn, đinh cường, lê thị huệ, nguyễn tiến, chân phương, phạm việt cường, trân sa, phan tấn hải, ngu yên, huỳnh mạnh tiên, hoàng ngọc biên, đỗ kh., lê thị thấm vân, thường quán, thanh thảo, nguyễn hoàng nam, trang châu, trịnh y thư, hoàng xuân sơn, phan ni tấn, đỗ quyên, nguyễn tôn nhan, thanh hà, bùi thanh tuấn, đặng hiền, hoàng phủ cương, ý nhi, nguyễn hoàng nam, lưu hy lạc, trầm phục khắc, vũ huy quang, trung nhân, nguyễn duy, đoàn nhật, trần mộng tú, lâm thị mỹ dạ, hoàng lộc, triều hoa đại, hạ thảo yên, hà nguyên thu, nguyễn đỗ, lê thánh thư, nguyễn văn cường, thận nhiên, an phú vang, trần ngọc tuấn, phạm hoán, khế iêm...

Liên lạc: P.O.Box 1745, Garden Groce, CA 92642. USA.

PHIẾU TÁI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN, và xin dùng giá biểu này cho Phiếu tặng báo)

Hạn mua dài hạn của tôi đến số ____________ là chấm dứt.
Tôi bằng lòng tái hạn kể từ số______ . Yêu cầu gửi báo về địa chỉ sau:

Tên: ____

Địa chỉ:____

____

Điện thoại: ____

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ, Canada: Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (1 năm)
Âu châu: Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) • Máy bay: 70MK ☐ (1 năm)
Úc , Á châu: Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) • Hàng không: 80MK (1năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.
Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi tên:____

____

____

yêu cầu tòa soạn gửu một nămtạp chí HỢP LƯU từ số __________
do tôi tặng cho:
Mr (Mrs): ____
Địa chỉ: ____

____

____

Số đ iện thoại ______________________________________
Đính kèm ngân phiếu. Nhận được, xin gửi Invoice về địa chỉ người tặng.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên:____________________________________

Địa chỉ:____________________________________

____

Điện thoại:__________________________________

nhận mua dài hạn tạp chí HỢP LƯU bắt đầu từ số: __________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (một năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 70MK ☐ (một năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 80MK ☐ (một năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.
Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

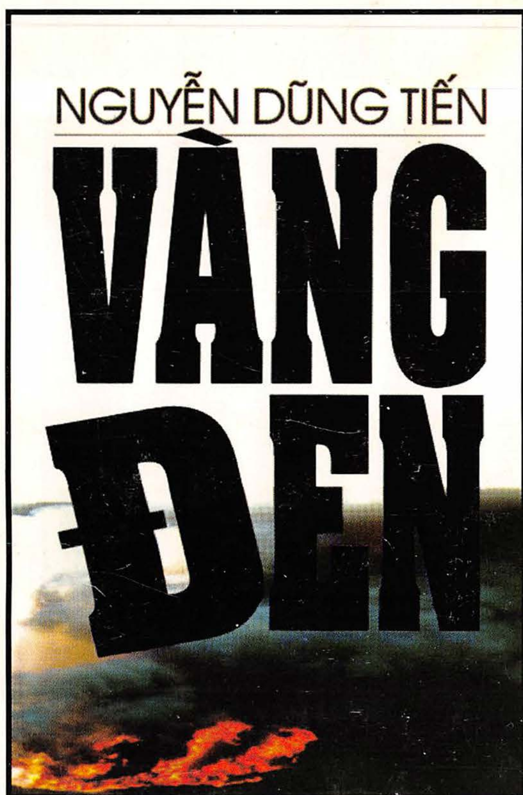
HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

- Cho toà soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.
- Lưu ý MÃ SỐ ở hàng đầu trên LABEL để biết số báo hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua HẠNG TƯ hoặc TÀU THỦY từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF:20-25**, tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 20 đến số 25 là hết hạn.
- Độc giả ở Âu châu xin gửi trả cho đại diện tại Pháp (địa chỉ trang bìa 2)

HẤP DẪN • NGHẸT THỞ • TRÀN NGẬP BIẾN CỐ

Truyện dài **NGUYỄN DŨNG TIẾN**



Nguyên Sa: Ngôn ngữ mở rộng của *Vàng Đen* là ngôn ngữ đầy bạo động, đầy tuyệt vọng, đầy ma túy. Đó là những ngón nghề riêng của bàn tay đầy nghệ thuật phất lên của phù thủy Nguyễn Dũng Tiến.

Nhã Ca: Từ *Lính Đánh Thuê* tới *Vàng Đen* đúng là Nguyễn Dũng Tiến đã làm một bước nhảy vọt bút pháp bất khả phản hồi: không chỉ còn là người "viết cho vui" mà đã trở thành người viết nhà nghề.

Du Tử Lê: Đọc *Vàng Đen*, tôi liên tưởng đến *Bố Già* của Mario Puzzo. Nhưng *Vàng Đen* bỏ / vượt *Bố Già* ở tính thi ca / tính bao trùm / tính đại thể.

Nguyễn Xuân Hoàng: Với *Vàng Đen*, Nguyễn Dũng Tiến cho người đọc thấy anh có kiến thức về những vấn đề của khu tam giác vàng, về Khum Sa, về đời sống Mỹ...

Nguyễn Mạnh Trinh: Và bàng bạc trong truyện, niềm tự hào của người lính, dù thua trận vì vai trò chốt thí qua sông, nhưng lúc nào cũng hừng hực lửa, của dũng cảm và tính nghĩa giang hồ.

VÀNG
ĐEN

Một Cuốn Sách Không Thể Bỏ Qua
Hãy Tìm Mua Tại Các Nhà Sách
hoặc liên lạc với:
Nhà xuất bản Mimosa, 6270 Allston St. USA
East Los Angeles, CA 90022. Tel: (213) 722-4543

26

Giá Tám Mỹ Kim